



Truyện Cổ Phật Giáo

(gồm 62 mẫu chuyện đặc sắc)

Pháp Siêu
Nguyễn Thanh Dương

MỤC LỤC

- Lời giới thiệu
- Thư gởi Hòa Thượng
- Lời nói đầu
- 1. Chân Lý
- 2. Sau bữa đại yến
- 3. Dưới bóng Từ Bi
- 4. Đâu nguồn hạnh phúc
- 5. Cư Sĩ Duy Ma Cật
- 6. Trúc Sơn Thị Giả

7. Không thấy được gió sao thấy được Niết Bàn
8. Người mẹ
9. Người cha
10. Người con
11. Chàng sứ giả gặp vận hên
12. Giải oan nghiệp chướng
13. Con gái út nhà họ A
14. Nỗi khổ trong đời
15. Đa ngôn hại thân khẩu
16. Xử dụng tài nghệ không đúng chỗ
17. Lấy đạo đức dẹp quân Hung Nô
18. Đánh nhau vì cái bóng trong lu rượu
19. Hai chàng thanh niên trong ngôi nhà có quý
20. Con đường hạnh phúc
21. Tình yêu và nghiệp chướng
22. Dưới bóng Tam quan
23. Tìm về cõi Phật
24. Sinh diệt lẽ thường
25. Ngài đạo sĩ rừng Tuyết Lãnh
26. Tấm choàng nhung đỏ
27. 9 lời vàng ngọc của Đức Xá Lợi Phất
28. Ngài vàng và tội lỗi
29. Cách truyền đạo bằng pháp Nhẫn nại
30. Nóng này có bằng nóng trong địa ngục chẳng?
31. Đói khát này có bằng cái đói khát của kiếp nạ quỷ chẳng?
32. Pháp nhẫn nại trong tâm tay sinh sát
33. Mấy kiếp trả vay
34. Bắt thỏ cung trăng
35. Cala khi tâm chàng bùng sáng
36. Nước uống vào cổ thành lửa
37. Tôn trọng sự sống
38. Người tớ trai của ông trưởng giả
39. Quyết tâm trì giới
40. Khi lòng đà tung cánh
41. Con đại bàng điều và vị đạo sĩ
42. Người đẹp bên bờ suối
43. Trên bước đường tâm sư học đạo
44. Nguồn sống vô tận
45. Vua Tu Lâu Bà cầu nghe pháp
46. Phụng hành chánh pháp
47. Rùa mù giữa biển cả
48. Cạm bẫy của trần gian
49. Hạnh nguyện Sa Môn
50. Bên tiếng đàn cung nữ
51. Nặng kiếp trả vay
52. Con thủy quái biển đông

53. Cây đèn thần của bà hành khát
54. Con khỉ và con cá sấu
55. Quả báo nhãn tiền
56. Cứu hăng vạn sinh linh trong mây kiếp
57. Có bóng bên vị Tỳ Khuru
58. Thoát ách Ma Vương
59. Lửa địa ngục
60. Sở nguyện
61. Nàng ác phụ xóm Triều Dương
62. Ánh sáng trí tuệ

Lời giới thiệu

Tôi hân hạnh được Thầy Pháp Siêu tức là Nguyễn Thanh Dương trình bày với tôi, Thầy đã phải trải qua nhiều năm sưu tập và dịch thuật một bộ TRUYỆN CỔ PHẬT GIÁO gồm có 62 bài Giảng Luận tóm rút các phần tinh hoa đặc sắc. Mỗi mẩu chuyện có nhiều ý nghĩa thâm thúy: xây dựng, thức tỉnh, và giác ngộ cho người đời, Thầy cũng khuyến khích tôi, nếu có phương tiện in ra để phổ biến cho mọi người được xem.

Sắp đến Mùa Vu Lan tôi rất bận nhiều Phật sự, tuy nhiên cũng cố gắng xem qua một số bài tập Bản thảo, thấy rất hữu ích cần phổ biến để sương minh Phật Pháp lợi lạc quần sanh. Đồng thời cho đánh máy ngay, đặt in liền cho kịp Phật lịch 2534 năm Canh Ngọ 1990. Nên viết lời giới thiệu về quyển sách quý này, mong chư Thức Giả cố gắng xem qua mỗi bài sẽ tăng thêm Pháp vị và ý nghĩa khác nhau càng xem càng thấu lý uyên thâm. Và vị nào không có thì giờ xem muốn được nghe ghi âm, thì chính tác giả đã tuyên đọc thâu vào 4 cuốn băng Cassette C90 tiếng trong thanh rõ ràng từng mẩu chuyện (xin điện thoại về Tịnh Xá Minh Đăng Quang 714-895-1218).

Lời sau cùng là chân thành cảm tạ Soạn giả tốn rất nhiều thì giờ ra công Dịch thuật hầu góp phần hoằng dương Phật Pháp, kế thứ nữa là chứng minh công đức và cảm ơn các học giả, tín chủ cùng Phật tử đã và đang góp phần công đức ủng hộ vào quyển Truyện Cổ Phật Giáo này. Thành tâm hồi hướng phước báu chung của toàn thể chư quý vị. Cầu nguyện cho âm siêu, dương thái, Pháp giới chúng sanh, tề thành Phật quả.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Mùa An Cư Năm Canh Ngọ 1990 Phật Lịch 2534
Hòa Thượng Pháp Chủ Thích Giác Nhiên

THƯ GỎI HÒA THƯỢNG

Atlanta, ngày 28 tháng 6 năm 1990

Bạch Hòa Thượng Pháp Chủ

Trước hết tôi kính lời hầu thăm Hòa Thượng pháp thể khương an. Như lời tôi đã thưa lên Hòa Thượng soạn dịch phẩm và toàn bộ băng thâu Truyện Cổ Phật Giáo do tôi thực hiện đã được hoàn thành và nay kính gửi đến Hòa Thượng.

Bạch Hòa Thượng, bộ truyền dày hơn 200 trang đánh máy gồm 62 truyện đã được tôi diễn dịch từ các bộ kinh Phạn ngữ, và chọn lọc những mẫu chuyện hay cùng một số truyện được tôi biên soạn trong tư tưởng Phật Giáo, đó là những truyện đặc sắc đủ mọi lãnh vực cho sự tu học. Số thứ tự truyện được đánh bằng mực đỏ từ 1 đến 62. Vì bản thảo đánh máy quá lâu và được tu chỉnh nhiều lần nay copy ra nên có chữ không được rõ, có gì cần xin hỏi lại tôi vậy. Về phần băng cassette thâu là 4 băng C.90.

Bạch Hòa Thượng, vào năm 1964, nhận thấy Phật giáo Việt Nam cần có một bộ Truyện Cổ Phật Giáo đầy đủ và mẫu truyện đạo rất cần thiết để làm bằng chứng cho các cuộc giảng thuyết và học tu nên tôi đã thực hiện bộ truyện này, nhưng liên tiếp trải qua nhiều biến cố nên sách không được in ra tại Việt Nam. Cho đến năm 1980 trong cuộc vượt biển, tất cả đều bị mất hết nhưng may thay bản thảo quyển truyện này còn. Trong 10 năm sống tại Mỹ, sách cũng chưa đủ duyên để ra mắt và tôi luôn luôn tu chỉnh sách này cho được hoàn hảo.

Đến nay tôi xin trao cái kỳ nguyện này đến Hòa Thượng, mong rằng sách và băng được ra mắt “để góp phần làm tỏ rạng Phật Pháp”.

Nguyện cầu Pháp thí này đến Hòa Thượng Phật Đạo Viên Thành. Tôi nguyện các thiện nghiệp hàng phát sanh, và kiếp sau gặp Phật Pháp tu hành cho đến khi giải thoát.

Kính thư

Pháp Siêu (Nguyễn Thanh Dương)

LỜI NÓI ĐẦU

Trong Phật Giáo mỗi mẫu truyện đạo được hàm chứa đầy đủ và sâu sắc về đạo đức, giáo dục, luân lý, và triết học...

Những mẫu truyện trong quyển Truyện Cổ Phật Giáo này được chọn lọc và diễn dịch từ các bộ: Pháp Cú Kinh Diễn Giải (Dhammapada), Túc Sanh Truyện (Jataka), Hạnh Phúc Kinh (Mangalasutta) và Thanh Tịnh Kinh (Visuddha Magga)... Còn có thêm những mẫu truyện được biên soạn trong tư tưởng Phật Giáo, đã được tôi thực hiện trong nhiều năm qua tại Việt Nam và ở hải ngoại.

Công đức này dâng lên các bậc hữu ân và cầu xin Thế giới được hòa bình, chúng sinh thường an lạc.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Pháp Siêu (Nguyễn Thanh Dương)

1. - CHÂN LÝ

Ngày xưa có một chàng trai trẻ mang nhiều tâm sự u uất về cuộc đời, một sớm lên đường đi tìm sự thật.

Anh nghe nói ở một ngôi đền nọ có một vị Đạo Sĩ chân tu, luyện được nhiều phép màu nhiệm, thông đạt được nhiều lẽ tinh vi, huyền diệu của vũ trụ, bèn quyết tìm đến học.

Đường đi muôn nỗi khó khăn, nhưng chí người sắt đá nên không kể hiểm nghèo. Từ chân trời, một hôm đèn thiên đã lộ lộ hiện ra, uy nghi, rạng rỡ. Lòng người trai bừng rộn lên nỗi hân hoan.

Anh tìm đến biệt phòng của Đạo Sĩ, quỳ dưới chân người:

- Thưa Thầy! kẻ hèn này vốn từng ngưỡng mộ uy danh của Thầy, tin tưởng ở phép màu nhiệm ở đạo, nên từ xa xôi muôn dặm đến đây để cầu mong Thầy chỉ cho con đường đi tìm chân lý.

Đạo Sĩ bảo rằng:

- Cửa đền không hẹp với một ai, lòng đền cũng chứa rộng mọi người. Con đường chân lý phát xuất từ đền thiêng ấy là vì sự thật phải bắt đầu tìm thấy bằng sự “yên tĩnh của tâm hồn, bằng lòng tin cần tin yêu của trí tuệ”. Từ đây đến chót đền, con đường chia làm ba bậc: bậc thứ nhất của sự khổ hạnh, bậc thứ nhì của lòng vô tư, bậc thứ ba của tình nhân ái. Ba bậc ấy dạy rằng: không dầy công chịu khổ nhọc để biết rõ cuộc đời, không dứt bỏ được ý riêng tư khách quan nhìn xét sự vật, không thiết tha vì lòng thương mà đòi hỏi sự thực, thì không bao giờ tìm thấy sự thực. Sự thực hay chân lý là của mọi người, nhưng phải tìm đến bằng con đường ba bậc ấy.

Người trai trẻ cảm thấy vui mừng khôn xiết, vội hỏi:

- Thưa Thầy, vậy chân lý hiện ở trên chót đền?

Đạo Sĩ ôn tồn bảo:

- Chính thế. Ta biết chắc rằng ở cuối cùng ba bậc, trên chót vót của đền Thiêng là tượng Thần Chân Lý. Tượng ấy hình dáng thế nào ta cũng chưa biết được, vì ta chỉ mới đi khỏi con đường khổ hạnh xong và đang vào bậc vô tư. Khó nhất là bậc thứ hai này vì gạt bỏ được những tư ý là điều hết sức nhọc nhằn đối với mọi người chúng ta. Còn qua một đoạn

đường cuối cùng, đoạn đường nhân ái, là ta sẽ thấy muôn vẻ huy hoàng của Chân Lý, nhưng con đường nhân ái khá gần mà cũng khá xa, bởi vì con người thường lầm lạc tình yêu, lòng yêu mình với lòng yêu kẻ khác, nên chỉ có ba mươi bước nữa mà ta còn lầm lẫn.

Đạo Sĩ lại tiếp:

- Hiện nay trong đền có vô số người tìm học. Có kẻ xong bậc thứ nhất, có kẻ đang bước lên bậc thứ nhì, có kẻ đang loay hoay khởi sự từ đầu và biết bao kẻ đã thối chí trở về từ chối tìm hiểu sự thật, vì lòng họ không đủ tha thiết để chịu đựng bao nhiêu thử thách. Cửa đền vẫn luôn luôn mở rộng hãy tìm lối mà đi.

Từ đây người trai trẻ bắt đầu học tập. Anh bước lên con đường khổ hạnh để cảm thông nỗi khổ của người đời. Từ đây đối với anh, cảnh sắc chung quanh đã có phần thay đổi. Tiếng khóc lời reo, nước mắt và nụ cười cũng đượm vẻ khác lạ hơn xưa.

Anh không tiếp xúc sự vật bằng sự hời hợt của não tủy. Anh thấy được bề rộng, bề sâu và bề cao của mỗi âm thanh, mỗi ngày tưởng như gần gũi thêm được với loài người.

Nhưng mỗi sớm nhìn lên đỉnh đền chót vót, anh cảm thấy đường đi quá sức xa vời. Lòng anh không định nên con đường ba bậc kia tuy ngắn mà quá dài vô tận. Anh ngắm những bức tường ngăn cách, những bậc cấp cheo leo và muốn rút ngắn đoạn đường. Một hôm anh bỗng nảy ra một ý kiến.

Nhân một đêm trăng lặng anh dùng dây leo tường. Vốn từ nhỏ đã quen luyện tập, nên anh không mất bao nhiêu công phu để vượt khỏi những bức tường dày lờm chờm cheo leo. Càng lên cao nhìn xuống trở lại, anh thấy mình đã làm được một kỳ công. Khi lên đến chót vót đền thì trăng đã về khuya, rọi bóng anh trên vách đá như một người to lớn dị thường, anh tự thấy mình xa cách hẳn loài người và cao hơn mọi vật. Anh tự nhủ:

- Đi tìm thực sự không phải có một con đường ba bậc. Với óc thông minh, với lòng dũng cảm, với trí quyết đoán, ta vẫn tìm được chân lý mau chóng hơn mọi người.

Rồi anh bước vào đền, nơi đặt tượng thần chân lý. Anh đi giữa đêm khuya, trên chón thượng tầng im lặng, dọc theo các dây hành lang hun hút gió lạnh, chỉ thấy bóng mình lúi thúi bên cạnh và chỉ nghe chân mình dội vang trên sân đền gây nên những âm hưởng dị kỳ.

Anh đi lần vào trong, cảm thấy trong mỗi bước đi sự tịch mịch càng nặng nề. Khi mảnh trăng khuya đã khuất hẳn ngoài đền, anh thấy rung động, nhưng lòng kiêu hãnh về cái kỳ công của mình lại khiến anh dẹp hết lo âu. Anh tự nhủ:

- Bây giờ chỉ còn mình ta với sự thực. Tượng thần Chân Lý ở sau cánh cửa kia. Anh lại gần thu hết can đảm để xô cửa...!

Bỗng anh rú lên ôm lấy mặt và như một người bị xác chết dẩy đuổi, anh hoảng hốt chạy ra khỏi đền, luống cuống húc đầu vào các cột đá, vấp trên bậc cửa, ngã trên nền gạch nhưng sự kinh hoàng quá độ khiến anh tìm cách thoát thân.

Anh bám vào tường, tìm giây leo, vội vàng tuột xuống dưới chân đèn.

Sáng hôm sau người ta tìm thấy xác anh đã cứng lạnh dưới chân đèn, nét mặt vẫn còn co túm lại trong một vẻ hãi hùng tột độ.

Vị đạo sĩ trầm ngâm đứng nhìn xác anh, rồi quay bảo học trò:

- Đây là một kẻ không muốn tìm sự thực bằng chính đạo. Y đã đi theo con đường tà đạo, vì y cho rằng con đường ấy mau chóng hơn và chỉ có tài năng của y mới giúp y tới mau được. Y quên rằng cái tâm của người là chính yếu trong sự tìm kiếm chân lý. Khi cái tâm đã chính thì tài năng sẽ là những chiến công, những thành tích rõ ràng. Khi cái tâm đã tà thì tài năng chỉ là những thủ đoạn, những mưu mô hèn hạ. Kết quả mà y tìm thấy là một sự thực gớm ghiếc, đã làm y khủng khiếp phải hủy diệt đời mình.

Các con hãy ghi nhớ: sự thực tốt đẹp, sự thực an ủi và nâng cao được lòng người chỉ có thể đi đến con đường ba bậc: Con đường khổ hạnh, con đường vô tư, và con đường nhân ái. Kẻ nào không đi bằng ngã ấy mà muốn dùng mưu mô thủ đoạn, đàn áp lừa phỉnh thì không phải chỉ một cá nhân mà cho đến một chế độ cũng phải bị hủy diệt thảm khốc.

Đạo sĩ ngừng lại một lát rồi nói tiếp:

- Từ lâu ta đã nhắc các con điều đó, bây giờ đây là chứng cứ hiển nhiên. Các con hãy đem chôn xác y trước cửa đền và đồng thời tạc trên mộ bia y nét mặt kinh hoàng, khủng khiếp của một kẻ đã tìm gặp sự thực bằng con đường phản chánh đạo, để làm gương cho bao nhiêu kẻ khác.

2. SAU BỮA ĐẠI YẾN

Xưa kia có năm vị Quốc Vương. Việc bang giao qua lại rất là thân mật chẳng hề gây hấn với nhau. Dân chúng nơi nơi làm ăn thịnh vượng.

Vị Quốc Vương đàn anh tên là Phổ An.

Việc trị nước của Vua Phổ An rất là minh chánh mà bốn vị kia lại theo tà đạo.

Có một hôm, năm vị mở một yến hội bảy ngày ca hát đàn nhạc, đủ thứ vui thú dục lạc. Khi mãn hội các vua sắp sửa lên long xa ai về nước nấy.

Bấy giờ vua Phổ An đích thân tiễn chân bốn vị kia ra trước hoàng môn và hỏi rằng:

- Các bạn ưa thích những lạc thú gì, nói cho ta nghe thử?

Các vua tuần tự trình bày:

Vua thứ nhất đáp:

- Tôi thích mùa xuân ba tháng cảnh vật nên thơ cỏ hoa tươi thắm để dạo chơi thưởng thức, thích thú biết bao.

Vua thứ hai:

- Tôi thích được làm vua lâu dài mỗi khi lâm triều mặc triều phục uy nghiêm sang trọng ngự giữa điện rồng, lầu các ngập tràn ngọc ngà châu báu, bá quan thần dân hầu hạ hai bên, tiếng chuông trống long phụng vang rền, cờ xí đôi hàng rực rỡ.

Vua thứ ba:

- Tôi lại thích vợ đẹp như tiên, con xinh như ngọc, cùng nhau tận hưởng cảnh vui thú sang giàu.

Ông vua thứ tư đáp:

- Tôi muốn cha mẹ tôi được trường thọ bách niên, vợ con sum họp, anh em đông đảo, mặc những quần áo đẹp, ăn những món ngon, và cùng nhau chung hưởng vui đời hạnh phúc.

Đoạn bốn ông vua đồng thanh hỏi lại:

- Chúng tôi đã trình bày xong thì đại vương cũng nên tỏ sở thích của mình cho anh em chúng tôi nghe với chứ?
- Những sở thích mà các bạn vừa trình bày đều không phải là thú vui vĩnh cửu. Riêng tôi, tôi chỉ thích cái vui: chẳng sinh, chẳng tử, chẳng khổ não, chẳng lạnh, chẳng nóng.

Bốn ông kia lấy làm quái lạ đồng thanh khen và hỏi dồn:

- Hay quá! Vậy chớ ai dạy những điều ấy cho Đại Vương và vị ấy hiện ở đâu?

Vua Phổ An nói:

- Đức Thế Tôn, hiện giờ Ngài đương ngự tại Tịnh xá Kỳ Viên.

Bốn vua nói:

- Vậy chúng tôi có thể yết kiến Ngài được không?
- Được chớ, quý lắm đây.

Thế rồi năm nhà vua đồng đi đến Tịnh xá Kỳ Viên để ra mắt Phật.

Khi năm nhà vua hành lễ và thưa thỉnh xong, đều lui về chỗ ngồi.

Đức Phật mới bắt đầu thuyết:

- Nay các Đại Vương hãy lắng tai nghe: Vì người đời ngu ám không chính trí nên nhiều kẻ say mê vui đời mà chẳng hề biết tội phước là gì cả, cho nên bị khổ. Nhưng khổ của đời quá nhiều, mà gọn lại chỉ còn tám thứ:

Sinh, già, đau, chết, tình yêu ly biệt, cầu mong chẳng được, gặp kẻ oán giết, và rầu lo khổ não.

1/ “Những khổ về sinh”: người chết rồi thần thức chẳng biết đi về hướng nào. Sống cái thân trung ấm với thời gian hai mươi một ngày, gặp khi cha mẹ giao hợp liền thọ vào thai, bảy ngày ban đầu hình trạng như chất mỡ lỏng, bảy ngày thứ hai như mỡ đông đặc, bảy ngày thứ ba như mỡ đông cứng, bảy ngày thứ tư như lát thịt mỏng. Đến bảy ngày thứ năm mới bắt đầu thành bào thai, nhờ gió vào bụng mẹ mà thổi nơi thân thể, thời sáu căn mới mở khai.

Nếu mẹ ăn phải đồ ăn nóng, thì bào thai như bị nằm trong chảo nước sôi, hoặc uống phải một chén nước lạnh thì như nằm trong băng tuyết và lấn ép thân thể của mẹ, mẹ rất đau khổ. Đầy đủ tháng ngày, đứa con mới quay đầu xuống nơi sản môn của mẹ, như hai viên đá ép, mạng mẹ nguy hiểm, lòng cha lo sợ và thân con cũng cực khổ muôn phần. Ra khỏi cửa lòng mẹ, da thân mỏng manh rụi phải lá cỏ đụng vào cũng đau như bị dao cắt, hoảng hốt thất thanh khóc lớn.

2/ “Những khổ về già”: Chịu nhờ ơn nuôi nấng của cha mẹ, lớn to mạnh mẽ, nhưng lần lựa đã già đầu bạc răng rụng, mắt mờ, tai điếc, và sức mạnh lui dần nhường cho sự suy yếu thay thế. Da đùn, mặt nhăn, trăm đốt xương đau nhức, bước đi cực khổ, ngồi đứng không yên lòng dạ lo buồn, và tinh thần dần dần tiêu giảm.

3/ “Những khổ về đau”: thân người do bốn đại: đất, nước, gió và lửa hiệp lại mà thành. Nếu một món chẳng điều hòa thời phát sinh trăm lẽ bệnh, mà bốn đại không đều hòa thì thân thể nặng nề; thủy đại chẳng điều hòa thân thể phù thũng, hỏa đại chẳng điều hòa thân thể nóng nảy, phong đại chẳng điều hòa thân thể động chuyển. Cảm giác trăm đốt đau khổ; nên tay chân cử động chẳng theo ý muốn, khí lực mòn dần ngòì và đứng dậy phải nhờ người phò trợ.

Miệng khô, lưỡi thụt, mũi nghẹt, mắt chẳng thấy, tai chẳng nghe, những đồ nhơ nhớp tuôn trào, rồi ngòì nằm trên ấy: tâm thần khổ não, giọng nói bi ai, buồn thảm. Bà con đến thăm nuôi, ngày đêm chăm sóc chẳng chút nghỉ ngơi, món ngon vật quý ngọt thơm, khi đưa vào miệng biến thành vị đắng.

4/ “Những khổ về chết”: thân người đến lúc sắp chết thì một trăm lẽ một bệnh nhất tề phát khởi, bốn đại phân tán thần thức chẳng an, gió thổi tới như dao cắt, đau nhức toàn thân, toát mồ hôi trắng, hai tay buông xuôi; Phong đại tản đi là hết hơi thở; Hỏa đại đi theo là tắt thân lạnh ngắt như đồng...

5/ “Những khổ về tình yêu ly biệt”: trong ngoài gia đình cha mẹ anh em, vợ chồng con cháu giòng họ yêu mến lẫn nhau, một khi bị phá hoại lưu vong, mỗi người mỗi ngã, cha đông con tây, vợ nam chồng bắc, chia ly buồn khổ.

6/ “Những khổ về mong cầu chẳng được”: của mất cầu được lại, cầu quan, cầu giàu, khi khổ cực cầu đủ cách, nhưng cầu mãi nào dễ được đâu?

7/ “Những khổ về gặp kẻ oán ghét”: con người trong cảnh ái dục một việc nhỏ cũng vẫn tranh giành rồi do đó mà giết hại lẫn nhau gây thành oán lớn, tuy cố tình lánh mặt nhưng không nơi tránh thoát, chỉ còn nước mạnh ai nấy mài dao chuốt tên hại lẫn nhau, rốt cuộc đôi bên đều bị tổn hại.

8/ “ Những khổ về lo rầu khổ não”: người đời có sống lâu lắm cũng chừng trăm năm, trong đó hết năm mươi năm thuộc về ban đêm, năm năm say rượu hoặc bệnh tật là những năm bất tri nhân sự, mười lăm năm thơ ấu chẳng biết việc gì. Và qua tám mươi tuổi thời già nua hết trí tuệ, tai điếc mắt mù. Và giảm kiếp hai mươi năm nữa, cho nên chỉ còn mười năm mà thôi.

Trong khoảng mười năm ấy, chỉ có lo rầu chiếm hết phần nhiều, lo rầu thời cuộc biến loạn, thiên thời nắng hạn, bão lụt mùa màng hư mất, bà con nội ngoại đau ốm, nghèo khổ. Lại còn lo sợ của cải mất mát, người nhà bị quan quân bắt bớ, vào tù ra tội, anh em bà con đi xa...

Như vậy người sống ở trên trần gian này, hầu hết thì giờ bỏ vào việc lo buồn mà phải bị hao tổn tâm thần rồi già chết.

Năm vị vua nghe xong đều thấm thía lời dạy của Đức Phật và tự nhiên thấy mình đầy rẫy tội lỗi (nhất là bốn vị vua theo tà đạo) đã được chân lý soi sáng và giác ngộ từ đây. Bá tánh từ đó mà an cư lạc nghiệp, biên cương yên tĩnh, quốc gia mỗi ngày thêm mạnh, hưng cường hơn trước.

3. DƯỚI BÓNG TỬ BI

Ngôi sao mai vừa lên chót đọt cao xa, thì đạo quân tiêu trừ của Đô Đốc họ Đào cũng vừa đến đầu cánh đồng Phụng Vĩ đang chìm đắm trong giấc ngủ mê say, lệnh bao vây đã truyền đi tức khắc.

Người ngựa câm lặng tràn đi dưới một bầu trời sao trong sáng... Đó là đạo binh của triều đình khét tiếng bạo tàn trên khắp núi rừng, thôn xóm của suốt bảy tỉnh miền Nam Trung, bạo tàn với tất cả những kẻ đã chống lại triều đình, chống lại nhà nước Bảo Hộ, tất cả dù là trong hàng vương tôn quý tộc, hay ngoài tiện dân lê thứ là võ sinh, nho sĩ hay nông phu.

Bao nhiêu tiếng cười ngạo mạn đã tắt đi theo đầu rơi long lóc! Bao nhiêu cái thân trẻ ngang tàng ngã gục xuống dưới vó ngựa thanh trừng!

Bao nhiêu mái tranh nghèo vô tội đã bốc lửa giữa đêm khuya.

Không ai đếm được bao nhiêu cảnh chết chóc đó trong bao nhiêu năm nay!

Cũng không ai đếm được thanh Ngân tuyến kiếm của Đô đốc họ Đào đã bao nhiêu lần đổ máu của anh hùng trong thiên hạ!

Người ta bảo rằng viên tướng trẻ ấy chưa hề biết rung động trước một đôi mắt sầu ngậm lệ, trước một tiếng thất thanh nùng của người sắp chết hay trước một tiếng ré thét kinh hoàng của một đôi môi hồng mọng sữa.

Hình ảnh ấy chỉ làm cho Đào bật tiếng cười hả hê, như mỗi lúc được nghe âm thanh ghé rợn của tiếng thép phập vào thân người.

Nhưng người ta cho biết rằng, Đào không bao giờ hả hê cả: hay là như chính Đào đã nghiêng răng mà nguyên, là Đào chưa bao giờ hả hê được!

Bởi vì Đào còn một mối phụ cừ chưa rửa xong!

Ngày nào thanh Ngân tuyến được vấy máu kẻ đại cừ, họa mới có thể là ngày Đào mới coi lại bàn tay tanh máu của mình...

Nhưng mà chao ôi! Nào có biết được ngày đó là ngày nào.

Giữa thời ly loạn, ai kia như hạc nội mây ngàn, có dễ gì để cho Đào thanh toán được. Một thâm thù chẳng đội chung trời?

Cho nên, hận thù xưa, Đào vẫn trút lên đầu dân lành mấy cõi...

Và đêm nay, vó ngựa tiểu trừ của Đào lại hướng về Phụng Vĩ thôn vô tội...

Phụng Vĩ vẫn êm đêm say ngủ dưới trời sao, không hay biết vòng hung thần đang vây xiết chặt quanh mình.

Tiếng gà xao xác gáy, lẻ loi, rải rác...rời lan đều khắp trong lòng thôn xóm...

Vài tiếng trẻ khóc tu oa... Một giọng hát ru rười rượi... đứt quãng.

Xa hơn, hình như ngay từ hướng gió heo mây, tiếng đại hồng chung công phu đang đi dần về sáng.

Lông tay cương, Đào khoanh tay ngồi im trên lưng ngựa. Hơi sương làm Đào chợt thấy lạnh.

Quay sang nhìn tùy tướng Đào hỏi:

- Đã chặt chẽ cả chứ?
- Bẩm đã.
- Cẩn mật chứ?
- Bẩm vâng! Và quân binh đang chờ tướng công hạ lệnh.

TIẾNG CHUÔNG NGÂN TRONG SƯƠNG MÙ

- Chưa vội! Hãy chờ đến sáng rõ. Nay có ai từng biết Phượng Vĩ thôn?
- Bấm mùa thu năm ngoái mặt tướng có đi ngang đây.
- À, Võ Nhân!... Thế người biết tiếng chuông kia chứ? Của một ngôi chùa nào gần đây chẳng!
- Bấm vâng! Đó là Bạch Liên Tự. Và tiếng chuông ấy chắc hẳn là của Hòa Thượng Khổ Hạnh đang công phu...Bằng tất cánh đồng này, có thể đến đó mà không bị người hay biết...
- Tiếng chuông hình như vang từ một cao điểm... Bạch Liên Tự nằm trên một ngọn đồi cao có lẽ...
- Bấm đúng thế! Chùa nằm trên chót đồi Bạch Liên.
- Đồi Bạch Liên! Nghe hay nhỉ! Người có biết vì sao chùa có được cái tên đó chứ?
- Bấm vì ngay trên trung tâm đỉnh có một cái hồ sen trắng đẹp vô ngần. Có lẽ bây giờ đã nở và đồi đã thơm hương...
- Thế à! Thì ta đến đó vậy! Người cho lệnh ngựa lên trước đi.

Rồi ghim giây cương Đào nói tiếp như nói với mình:

- Ngôi bên một ấm trà bốc khói trong lúc này hẳn là ấm cúng! Lâu quá rồi ta chẳng biết đến cái hương vị một chén trà mạn sen.

Tiếng đại hồng chung công phu vẫn ngân. Chuông ngân chậm chậm...rời rạc... đều đều... cho lời kinh trầm trầm, dìu dặt... của một vị sư có lẽ đã già.

Nhảy xuống yên, ném cương cho tên quân hầu, Đào bước vào cổng tam quan.

Hương sen thoang thoang quanh người mát rượi thơm tho. Đang đi Đào bỗng dừng lại, lặng ngắm cái đẹp hiển nhiên giữa lòng hồ vòng nguyệt trái rộng trước chân đi.

Quả như lời Võ Nhân, sen đã trở đầy rồi. Trong ánh sáng mờ đục hơi sương, những cánh sen trắng ngần rung rinh đẹp như những nụ cười thanh khiết, đẹp như những chấm trắng linh động của những cánh chim trên nền trời hoàng hôn trong sáng.

Đào lẩm bẩm:

- Lạ! Đồi cao thế này, mà lại tụ thủy được?

Nghe nói Võ Nhân vội đáp:

- Bấm không phải! Hồ chỉ trũng sâu trong lòng đá, chứ không có mạch thủy. Nước lưng đây theo mưa sa, nhưng nghe nói không hề cạn người ta bảo thế...Không rõ đó là công trình của hóa công hay của con người. Chỉ biết là nó đã có từ ngàn xưa, bao nhiêu đời trước khi ngôi chùa này có và trước khi có một vị hòa thượng biến nó thành một hồ sen bạch cho đến mãi bây giờ.

Đào gật gù...

Rồi cùng với các tùy tướng. Đào đi vòng theo hồ để đến cửa chính

Đào bỗng hỏi Võ Nhân:

- Pháp danh của vị Hòa thượng này là gì nhỉ, ta quên mất.
- Bẩm người hiệu là Khổ Hạnh!
- Ra sao?
- Bẩm, người quả là một bậc chân tu! Mặt tướng đã từng nghe người thuyết pháp. Chắc chắn là tướng công sẽ được hài lòng khi gặp người.

Võ Nhân bước lên các bậc cấp đá hoa, đến gõ nhẹ vào cửa. Và cửa mở khi tiếng gõ lần thứ nhì vừa dứt.

Một khuôn mặt đẹp dịu hiền của một ni cô hiện ra giữa khung cửa với ngọn nến hồng trên tay.

Đào sáng mắt nhìn trong lúc ni cô cúi đầu thi lễ:

- Mô Phật! Xin rước quý ngài vào trong... Hòa thượng người cũng vừa xong thời kinh công phu.

Rồi trang nghiêm, người đứng về một bên chừa lối, tay giơ cao ngọn nến cháy chập chờn.

HẠN XƯA BỪNG CHÁY.

Tiếng chuông không rõ đã dứt tự bao giờ. Trước Phật đài, vị sư già đang đốt thêm một tuần hương. Khói thơm quyện lấy người, mờ tỏa màu áo cà sa và màu sáng của tượng Phật bằng đồng.

Đào cảm thấy ấm áp nhẹ nhàng...Mắt Đào thông thả nhìn cái dáng lưng gầy gò của sư cụ, qua những bức tượng màu, đến những nét chữ chân chữ thảo trên mặt hoành, mặt liễn. Rồi cuối cùng lại trở về lại cái lưng áo cà sa đã loãng khói.

Sư cụ vẫn giữ nguyên tay giữa ngực, và ung dung quay lại.

Nét mặt khắc khổ hiền từ, với cái nhìn dịu dàng buồn, sáng rõ dưới ánh nến.

Đang vừa muốn thi lễ, Đào bỗng giật phắt người, tay đặt ngay vào chuôi gươm.

Sư cụ không thấy cái khác lạ của khách. Cái trán cao của người đã cúi xuống với tiếng chào:

- Mô Phật!...

Nhưng một tiếng quát đã bật lên, ghê rợn như tiếng sét:

- Nguyễn Quốc!

Vị sư già giật mình trông thấy đôi mắt sáng như hai tia lửa liền ngừng vội lên đăm đăm.

Xung quanh, bao nhiêu ánh mắt cũng ngừng lên, lạ lùng nhìn Đào rồi nhìn sư cụ.

Đôi môi già bỗng lâm bâm:

- Đào Kim Vũ?!...

Nghe được, Đào bật lên một tràng cười điên dại, rồi lại tắt ngay, răng nghiến vào nhau trèo trẹo:

- Oan gia!... Oan gia!... Quả trời cao có mắt.

Thanh Ngân tuyên được rút phất ra, mũi thép sáng ngời tiến chậm chậm đến ngực áo ca sa.

Một tiếng kêu hốt hoảng bật khẽ từ bên cạnh.

Đó là tiếng của Võ Nhân.

Và một tiếng rú từ trước mặt, giữa khung cửa vào hậu liêu. Đó là tiếng của Ni Cô.

Nhưng Đào không lệch mắt nhìn, mũi Ngân Tuyên vẫn không lệch đích đi...

Tiếng rít Đào vẫn đánh đá, dữ tợn:

- Chính ta đây, Nguyễn Quốc!... Đào Kim Vũ này đã tìm người khắp bốn phương trời, trong suốt năm năm nay... Ta đã ngỡ... Ha... Ha! Trời đã giúp ta! Hồn thiêng của thân phụ ta đã giúp ta!... Nguyễn Quốc! Nguyễn Quốc!...

Đào lại bật lên cười như điên dại.

- Mô Phật! Công tử đã không làm, Nguyễn Quốc chính là bản đạo!

Đào dừng chân, và tắt tiếng cười, sòng sọc nhìn cái vẻ điềm nhiên trên nét mặt già khắc khổ của cừu nhân.

Điềm nhiên cả giọng nói trầm buồn, như đang ngồi trước một chén trà thơm khói, nhà sư nói tiếp.

- Bao năm nay quả bản đạo không chờ có một ngày nay...
- Không chờ...! Hừ!... Để mà yên thân làm một tên ác tăng dối đời gạt chúng!...
- Đức Thích Ca Mâu Ni sẽ soi sáng cho Phật tâm của bản đạo!... Nhưng giờ đây cái ngày này đã đến, thì bản đạo vui lòng để công tử rửa mối thâm cừu...

- Vui lòng! Vui lòng!... Đừng tỏ ra cái khí phách vạm bắt đắc dĩ ấy với ta! Bắn tai ta lắm!... Này thanh gươm này của ai người nhớ chứ?

Mũi Ngân tuyền ghim sát vào ngực áo gầy, hơi thép ròn rợn lạnh.

Lại một tiếng rú khê từ trước mặt, giữa khung cửa vào hậu liêu. Nhưng ở đây gương mặt vẫn không đổi sắc. Vẫn điềm nhiên ở giọng nói:

- Bần đạo chưa quên! Nó chính là người bạn đường oanh liệt của cánh tay này trong suốt một thời gian ngang dọc. Nhưng trong bao năm nay lại cũng chính nó đi đẫm máu dân lành... Thân này chết, nếu còn có điều gì ân hận, thì chính là điều đó...

Đào gầm lên:

- Câm đi!... Oanh liệt!...

Thu tay gươm, Đào quay lại đám tùy tướng hạ lệnh:

- Bắt sạch tất cả người của thôn xóm Phụng Vĩ lên đây cho ta.
- Tuân lệnh!

Người tùy tướng vừa muốn quay ra, bỗng phải dừng lại vì tiếng kêu của Khổ Hạnh Hòa Thượng vội vàng:

- Xin đừng!... Xin công tử đừng làm thế mà kinh động dân lành tội nghiệp!... Bần đạo xin trả thân già để công tử gia hình nhưng xin đừng hành hạ người vô tội mà bần đạo không nhắm mắt được... Công tử có muốn họ chứng kiến cái chết của bần đạo cũng được, nhưng xin để cho bần đạo gọi họ... khỏi phải nhọc sức quân binh...

Rồi không chờ đợi Đào bằng lòng, sư cụ quay lại gọi:

- Diệu Liên!
- Mô Phật!
- Con ngân đại hồng chung cho tất cả chúng dân biết rằng ta đang cần gọi họ về chùa...
- Mô Phật!

Diệu Liên Ni cô bủn rủn bước đi với đôi mắt ướt long lanh...

Đào và tướng tá đứng quanh không một lời nói.

Cảnh tượng ghê rợn làm sao!

Riêng Võ Nhân cúi đầu suy nghĩ...

MÓN NỢ XƯƠNG MÁU

Dưới thôn xa, gà đang rộ tan canh...

Tiếng Khỏ Hạnh Hòa Thượng vẫn đều đều, trầm trầm thanh thản như những khi người thuyết pháp...nhưng lại không giống như người thuyết pháp...

Hòa Thượng đã kể rằng:

- “Vào một sớm cách đây bảy năm, cùng cái tin Đức Vua Duy Tân rời Hoàng Thành đi biệt tích, là tin lãnh binh Đào Kim Văn bị giết ngay cửa thành nội...

Cái tin kia đã làm xúc động toàn cả Huế Đô bao nhiêu thì cái tin này, đã khiến phần đông người kể cả dân chúng lẫn quân binh hải lòng bấy nhiêu.

Bởi vì người ta biết mục đích sự ra đi của Đức Vua Duy Tân! Và bởi vì, Văn không được lòng dân lúc sống. Tuy nhiên, người ta đã phân vân không rõ vì sao Văn bị giết? Và ai là người giết Văn?

Nhưng rồi sau đó người ta biết: Kẻ giết Văn chính là Nguyễn Quốc, một bằng hữu thân thiết đồng cấp với Văn trong một đạo quân phòng thành! Biết chính là Quốc, bởi vì gần nơi Văn chết không xa, người ta tìm thấy thanh gươm Ngân Tuyền của Quốc rơi lại. Người ta chỉ biết có thế, chứ cái lẽ vì sao Quốc giết bạn, thì chưa mấy ai được rõ...

Cái lẽ đó như thế này...

Bình sinh chí hướng của đôi bạn một người một khác, Văn thân Pháp, Quốc chống Pháp. Nhập vào đội quân thành Quốc chỉ vì đại cuộc. Đêm đó vâng mật lệnh của chí sĩ họ Trần, Quốc sẵn sàng trông giữ cửa thành để hộ giá Đức Vua Duy Tân lìa Hoàng cung...

Đó là giờ phút quan trọng của lịch sử...

Cả một khối dân tộc đang chờ giờ phút ấy... Thế mà buồn biết chừng nào! Văn đã không muốn biết đến, mà còn dụng tâm phá hoại.

Quốc gặp người nghinh giá bên cửa thành ngay lúc vô tình hay cố ý, Văn bỗng đột ngột đến, để rồi chỉ một thoáng nhìn, Văn hiểu ngay được âm mưu của Vua tôi - Quốc.

Và tất nhiên, Quốc được lệnh phải bảo vệ cho kỳ được cái kín nhem của mưu đồ.

Linh hồn của một phong trào chống Pháp, nhất định phải được an toàn, và nếu cần, Quốc không ngại chịu xương rơi thịt nát.

Cuối cùng, chỉ còn Quốc, một người một gươm đối diện với Văn... Hai người như một nhưng chí hướng khác nhau.

Quốc biết việc làm của mình rất khó:

“Nhiệm vụ và nghĩa tình”

Cho nên Quốc đã rơi nước mắt mà khuyên Văn theo mình nghe theo lời phủ dụ của Đức Vua Duy Tân.

Văn không thuận nghe cũng không tỏ ra phản nghịch.

Nhưng cuối cùng, Văn chạy vụt đi... Và rồi điều đau lòng đã phải xảy ra, Quốc phải rút gươm và gươm Quốc phải nhúng vào máu Văn... Cũng chỉ vì đại cuộc của dân tộc!

Khổ Hạnh Hòa Thượng ngưng nói, nhìn bao quát tất cả. Người cảm biết những nét mặt lo âu kia, đã hiểu được phần cuối cùng của sự việc. Và có lẽ họ cũng đã hiểu được điều gì xảy ra trong sớm nay, trước khi mặt trời lóe mọc.

Tuy vậy người cũng nói, sau một cái hướng mắt về phía Đào:

- Đê Đốc Đào Kim Vũ chính là công tử đây! Và Nguyễn Quốc chính là bản đạo, cho nên bên cạnh cái đau lòng vì phải tan vỡ cái nghĩa tình trong suốt bảy năm nay, lương tâm của bản đạo đã không có cái ân hận nhục nhã đối với dân, đối với nước, bản đạo cũng không thẹn, không hổ khi khoác chiếc áo cà sa, khi niệm lên lời kinh Đại Từ Đại Bi trước Phật Đài, thẹn chăng, hổ chăng là bản đạo đã đi liệm phần cuối cùng cuộc đời mình trong an nhàn, cạnh một mối sầu vong quốc không tan!...

Cho nên trước khi đem cái chết để giải một oan cừ, bản đạo xin mượn lời người xưa để gọi lại đời những nỗi niềm không bao giờ nói...

Rồi lại quay về Diệu Liên, người nhẹ bảo:

- Nghiên bút cho thầy!...

Trong khoảnh khắc, vách chùa hồng lên những giò thơ sắc nét ngang tàng.

LẠI THÊM MỘT CHIẾC ĐÀU RƠI

Đào đứng im lặng nhìn.

Nét sát khí như dội đi trên gương mặt trẻ. Từ nãy, Đào đã nghe có cái gì gọn nhẹ trong lòng. Và trong một thoáng Đào như quên đi việc phải làm, quên đi những điều đã gậm nhấm đêm ngày.

Nhưng chỉ một thoáng, chỉ một thoáng, hình ảnh đẫm máu cái thân của cha hiện rõ trước mắt... Oán cừ lại nổi giận... Mặt Đào lại nóng lửa sát khí...

Đào thét:

- Thôi đi! Kẻ khẩu Phật tâm xà! Đừng nhiều lời để mong ta tha thứ! Người phải chết!...

Lưỡi gươm hoa lên theo tiếng nói.

Tất cả như toàn thân ớn lạnh...

Nhưng Võ Nhân đã bước tới nâng lưỡi gương, cùng với tiếng vội vàng:

- Xin tướng công cho mặt tướng được nói ít lời! Đào dừng tay, long mắt:
- Người muốn gì?

Võ cuối đầu đáp:

- Bẩm, mặt tướng chưa bao giờ dám hé lời mỗi lúc tướng công rút gương ra khỏi vò. Nhưng hôm nay...
- Thì sao?... Người ngăn ta chẳng?
- Bẩm không! Mặt tướng không dám thề! Mặt tướng chỉ cầu xin tướng công xét lại... Không hiểu vì sao... bẩm tướng công, nói điều này mặt tướng biết sẽ chịu ngay sấm sét, búa rìu, nhưng xin tướng công thương, chứ quá tình, không hiểu vì sao mặt tướng lại cảm thấy Khô Hạnh Hòa Thượng đáng kính hơn đáng hơn.

Đào quát ngay:

- Im đi! Người lại có thể kính được kẻ đã giết cha chủ tướng người sao? Lui đi đừng điên cuồng nói với ta những lời bất hiếu bất mục mà chết bây giờ!

Võ vẫn một giọng van nài:

- Xin cho mặt tướng cạn lời...
- Ta bảo im!... Có nghe chưa?

Đào bỗng nghiêng răng... Và chớp mắt, vung mạnh một đường gương không thương xót...

Người ta chỉ kịp nhìn thấy cái đầu trai trẻ của Võ băng đi và rơi bõm xuống lòng hồ sen bạch.

Một khoảng hoa lá rung rinh... Một ít máu hồng vương trên nhụy vàng cánh trắng...

Và khối thịt của Võ văng đi lăn lông lốc trên các bực thềm...

Bao bàn tay bụm lấy mặt.

Trời sương hải hùng, nước nở... Máu đã tuôn trên thôn Phụng Vĩ, và lệ sầu còn tuôn mãi nhiều hơn.

Diệu Liên Ni Cô đã quy xuống tự bao giờ, toàn thân rung rung trong lớp áo nâu sồng.

Và Khô Hạnh Hòa Thượng cũng đã quy xuống! Mấy giọt nước mắt long lanh, nâng cái hình hài tẩm máu lên tay thắm thiết:

- Mô Phật! Thân này của bản đạo có đáng gì để phải lụy đến người!... Có đáng gì!...

Đào vẫn như không nghe thấy gì cả với đôi mắt đỏ ngầu sòng sọc. Hết nhìn bọn tùy tướng len lét cúi đầu, Đào lại nhìn đám dân đen đang bàng hoàng trong nước mắt.

Và Đào quát giọng gằn gằn ghê gớm:

- Còn kẻ nào nữa? Muốn điên cuồng chết thế cho kẻ kia thì bước ra ta xem?...

Thâm tâm Đào tự cho đó là câu hỏi thừa. Nhất định là không có đến hai kẻ cuồng như Võ Nhân.

Nhưng kia...

Đào giật mình, nhìn một mái tóc già, một lưng khòm bước ra với một tiếng lạnh lùng.

- Tôi!

Không nói không rằng, Đào tím mặt nhảy vọt xuống bờ hồ vòng nguyệt.

Nhưng vừa đứng vững, Đào bỗng giật mình quay lại.

Ni cô Diệu Liên cũng đã đứt phát dây, và cũng với một tiếng lạnh lùng.

- Tôi!

Đào quát mắt nhưng chân mày Đào cau lại.

Giữa lúc Khô Hạnh Hòa Thượng vội thẳng người dậy vươn tay về phía trước, như cản ngăn:

- Mô Phật! Đứng! Đứng! Hãy để cho linh hồn bản đạo nhẹ nhàng siêu thoát.

Rồi hướng về phía Đào người nói:

- Hãy giết tôi đi! Công tử! Và hãy tha cho những người vô tội, chao ôi! Đức Phật tổ vì người mà xả thân... Còn kẻ hèn này lại để cho người vì mình mà uống tử!... Biết bao giờ!... Biết bao giờ ta mới được trả cho tròn!...
- Người muốn gì nữa?
- Không! Không! Bản đạo không còn muốn gì nữa, ngoài cái muốn đem thân này để giải mối oan gia cho hai họ... Vì dân vì nước mà bản đạo gieo cái nhân thì bây giờ gặt cái quả, bản đạo cũng muốn vì dân vì nước... là mãn nguyện cho bản đạo lắm rồi! Công tử hãy cứ xuống tay đi, cho bản đạo khỏi còn rơi nước mắt và cho khỏi đổ thêm máu dân lành.
- Người khỏi cần nài!... Nhưng ta muốn ban cho người một ân huệ cuối cùng, để thiên hạ thấy rằng ta độ lượng khi giết một kẻ tay không...
-

Đào thu gươm lại, dần dần từ tiếng:

- Sám hối đi!... Ta cho người một khắc cuối cùng để mà dọn mình...
- “Đại từ đại bi miễn chúng sanh

Đại hỷ Đại xả tế hàm thức

Tướng hảo quang minh dĩ tự nghiêm

Ngã đẳng chí tâm quy mạng lễ”

Boong!...

Nam Mô Quy Y Kim Cang Thượng sư...

Boong!...

Quy Y Phật, Quy Y Pháp, Quy Y Tăng

Boong!...

Tiếng chuông đồng sám hối ngân trong gió sớm, buồn như tiếng thở dài không bao giờ dứt... Và lời kinh sám hối trên đôi môi già ướn lệt, cũng buồn như một lời than náo nùng...

Khổ Hạnh Hòa Thượng cảm nghe lòng mình cũng đang ngân hồi nức nở. Chưa bao giờ người nghe mình đau đớn trong thời kinh sám hối như hôm nay.

Cũng chưa bao giờ với lời kinh này, tiếng chuông ngày, người lại nghe cái nguyện vọng cảnh tỉnh của mình tha thiết như hôm nay!

Và tất cả người dân Phước Vĩ, cũng chưa bao giờ như hôm nay lại nghe lòng mình ầm ức nghẹn ngào, vì một âm thanh đồng vọng, cái âm thanh của hai buổi sớm chiều quen thuộc...

Diệu Liên Ni Cô nghe đau nhói theo từng mỗi tiếng đồng...

Ni cô cảm nghe, đó là tiếng đếm của tử thần đang lăm le lưỡi hái... Người cảm thấy nó sẽ giơ lên và nó sẽ hạ xuống... ghê gớm trên tấm thân già của sư phụ khi tiếng đếm cuối cùng vừa dứt... Than ôi! Suốt bốn năm đằng đẵng, công ân dẫn dắt qua khỏi vòng nghiệp chướng tham, sân, si... Công ân truyền dạy lẽ cứu đời... nào biết là bao nhiêu?

Giờ đây không thể không đền đáp! Không thể không giữ cho tấm áo cà sa kia của sư phụ đừng vấy máu!

Boong!

- Xin ngài hãy giết tôi! Hãy giết tôi!... Và xin tha cho một công đức tuổi tác để người sống nốt quãng đời đạo hạnh của người!... Van ngài... Van ngài bằng lòng đi đừng để đến dứt tiếng chuông cuối cùng...

Bờ mi đẹp động lệ long lanh, như sương tươm đầu lá ướt.

Đào nhìn vào đó chân mày cau lại. Rồi bỗng quay đi, răng cắn lấy bờ môi...

Nhưng mắt Đào lại vấp phải trăm ngàn bờ mi khác cũng đang động lệ long lanh.

Và từ nơi đó, và khắp cả rền lên những lời cầu nguyện tha thiết:

- Mô Phật xin hãy thoa dịu hờn căm trong lòng người, xin đừng để... đừng để máu rơi thây ngã... Đừng để cho oán thù truyền kiếp chất chồng.

Đào quay mặt đi cố giữ cho lòng không rung động. Nhưng cái hình hài không đầu chưa khô máu lại đón mặt Đào. Đào nhìn thấy từ nơi đó... từ khắp cả, từ trên mỗi lòng hoa, mặt lá, hiển hiện đôi mắt sâu ai oán của Võ... Những đôi mắt sâu ngập lệ khác... Những lời than nảo nùng, những tiếng thét kinh hoàng, những đầu rơi lông lóc, những hình hài máu đỏ... Chao ôi sao mà mê đắm thế này! Sao mà ghê tởm thế này!

Và những lời kinh, những tiếng chuông kia! Oan hồn nức nở đó chẳng?

Bất giác Đào rùng mình, có cái gì ón lạnh luồn nhanh trong đường gân thớ thịt...

Và thanh Ngân tuyên rời khỏi bàn tay đang nắm. Trong kia, qua khói trầm xao động, tượng Đức Thích Ca buồn rầu ánh mắt, Đào thấy như đang đau xót nhìn mình.

Không còn kèm chế được nữa, xúc cảm dâng tràn... thốn thức.

Đào ngoảnh mặt quay ra...

Rồi giữa tiếng đại hồng chung vừa vang dậy, Đào chạy vụt đi ra cửa tam quan... lệ mờ đất sớm...

Từ đó bóng Đào biệt tích.

Mười năm sau, những ai thường đi ngang qua thôn Hoàng Mai yên lành ở cuối dãy Trường Sơn đều biết vị Hòa Thượng trụ trì am Đại Hạnh.

Người còn trẻ, da mặt hồng hào mặc dù trải bao nhiêu năm tu khổ hạnh. Không ai biết người từ đâu đến tên thật là gì ngoài pháp danh Giác Minh.

Đạo Hạnh của người đã truyền tụng cả một vùng rộng lớn.

Người ta kể rằng:

- Giác Minh Hòa Thượng đã từng cởi áo cà sa của mình đắp cho một người ăn xin nghèo đói đang run rẩy bên đường. Người đã từng thức trắng bao nhiêu đêm để đỡ giấc ngủ, Người đã từng nắm lấy tay cày, cày giúp cho một quả phụ nghèo, mảnh ruộng cao cấy bên đồi. Những đêm khuya tắm gội, dù giữa trời giông gió, dù dưới cơn rét tận tâm can, hay mưa dầm gió buốt, người ta vẫn thấy một ánh đuốc lập lòe

của Hòa Thượng xuống đời đi lần vào lòng thôn xóm đang cần đến người... Và không biết bao nhiêu lần nữa... Mọi việc người làm để cứu nhân độ thế, chưa từng có một ai tích cực bằng.

Người thường nói rằng:

- Tội lỗi ngày xưa của bản đạo rộng như Đông Hải, nặng như núi Trường Sơn, bốn đại dương nước mắt của chúng sinh quả đã có bàn tay của bản đạo làm nên trong đó không ít, thì khổ hạnh mười năm nào có nghĩa gì?...

Cho nên đêm đêm, giữa thảo am chập chờn ánh nến khói hương tỏa mịt trước Phật Đường, lời kinh sám hối của người vẫn buồn như một lời than não nùng.

Và cùng với lệ nức, nước mắt của người chảy mãi không ngừng...

4. ĐÂU NGUỒN HẠNH PHÚC

Ánh tà dương rực sáng, vui tươi, lan rộng giữa khoảng trời xuân êm ả. Gió muôn phương thổi lại, đem hương hoa về ướp thơm cảnh vật nơi vùng tịnh xá Kỳ Hoàn. Cỏ cây làng mạc đượm vẻ thái bình trong buổi chiều hôm.

Giữa khung cảnh tươi đẹp ấy, có bốn thầy Sa Môn mới nhập đạo cùng ngồi đàm luận dưới gốc cây cổ thụ. Một vị sa môn lên tiếng bảo:

- Này các đạo huynh, thử nghiệm xem trên đời có chi đáng yêu thích nhất?

Ba vị kia tán thành khen:

- Phải đó, chúng ta mỗi người nên suy nghĩ rồi tỏ thật tư tưởng của mình xem đấng nào hơn. Sau vài phút trầm ngâm, vị thứ nhất bảo:
- Vào tiết trong Xuân, cây cỏ khoe tươi, muôn hoa cười nụ, tiếng chim líu lo trên cành bích, hương thanh phảng phất khắp khắp nơi, phong cảnh thật là đẹp! Trong lúc ấy ví ta được thả con thuyền nhẹ theo giòng nước hay mang theo bầu rượu đến sườn non, chắc trong đời không chi thích thú bằng!

Vị thứ hai đáp:

- Cảnh gia đình sum họp vẫn là vui. Nhưng nếu có thêm vào đây những thức ngon, rượu quý, và tiếng đàn ca khoan nhặt lẫn trong tình thân mật nét hân hoan, thì tôi thiết tưởng hạnh phúc trên đời chỉ có trong ngần ấy.

Vị thứ ba nói:

- Tôi thấy: Nếu ta được sinh trong dòng tôn quý cao sang ở lầu cao nhà rộng, sẵn tiền bạc nhiều, ta muốn mua sắm món gì cũng tùy thích. Khi ra đàng ta phục sức cực kỳ sinh đẹp, xuống ngựa lên xe. Lúc vào nhà ta gọi đến kẻ kính thưa hầu hạ. Trong cảnh ấy, thử hỏi chi hơn? Theo ý tôi đó là thú vui độc nhất.

Vị thứ tư lại bảo:

- Giữa đời, tiền bạc, quyền tước có lẽ còn dễ tìm hơn gia nhân, riêng về tôi nếu người nào có được đôi ba nàng hầu, thiếp tuyệt sắc, kẻ ấy vua chúa chưa chắc đã sánh bằng! Còn thú gì vui hơn... Khi ngắm nét hoa tươi đẹp buâng khuâng dường lạc non bông, lúc nghe giọng hát du dương ngơ ngẩn như vào động bích. Lại còn những lúc cùng người ngọc bàn câu phong nguyệt, cạn chén, đồng tâm, chắc rằng hạnh phúc giữa trần hoàn không qua mấy điều tôi đã kể. Sau khi tỏ bày ý kiến, bốn vị đều cho chỗ nhận xét của mình là đúng, cùng nhau tranh luận phân vân...

Bấy giờ, cách đây không xa, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đang đi kinh hành chung quanh Kỳ Hoàn Tịnh Xá, nghe mấy lời ấy, Ngài động lòng thương xót liền bước đến hỏi: “Các ông bàn luận chuyện gì thế?” Bốn vị Sa Môn không dám che dấu, phải đem sự thật thưa lên. Đức Phật bảo: “Những lời mà các ông vừa nói đều là đường lối vào sự lo sợ, đau buồn, không phải hạnh lâu dài chân thật. Vì sao? Cảnh vật dầu tươi đẹp trong mùa xuân, nhưng sang thu, đông phải tàn tạ héo khô... Thân quyến tuy sum họp, vui cười song có lúc sẽ khổ đau vì nổi sinh ly tử biệt. Tiền của, ngựa xe là những vật không lâu bền, và khi chết ta không thể đem theo. Đến như sắc dục là một mối nguy hiểm vô cùng, nó làm cho con người, thân thể suy mòn, tinh thần mờ mịt. Những cảnh hư nhà hại mạng phần nhiều từ đây sinh ra. Bởi vậy, cuộc đời sớm còn tối mất như bóng phù du, như hoa sớm nở tối tàn, như gió thoảng mây bay. Tuổi xanh đưa lần đến già, sống đến chết mới đó như giấc mộng kinh hoàng; sum họp rồi lại chia ly, thú vui không bền vững, hạnh phúc chẳng trường tồn. Thật là:

“Đời người chẳng khác như vàng trắng tỏ

Lại ví như hoa nở tỏa hương lan

Nhưng trải qua thời gian chưa mấy độ

Rồi phiêu pha trắng lặn đóa hoa tàn”

Cho nên bao thú vui các ông vừa kể đã mong manh, ngắn ngủi, lại chính là nguyên nhân cho sự luân hồi đau khổ về sau. Chỉ có cảnh Niết Bàn là sáng suốt trường tồn. Đây mới là nguồn hạnh phúc bền vững. Muốn đến cảnh tây phương cực lạc để được hưởng hạnh phúc vĩnh cửu, các ông phải thực hành và đi theo con đường bát chánh, con đường ấy có tám chi là: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Bốn vị Sa môn sau khi lắng nghe lời Phật thuyết, liền sám hối khỏi tham dục, gương lòng lặng yên. Khi Đức Thế Tôn trở gót bước đi, không ai bảo ai, bốn người đều ngời thẳng mình để tâm vào cõi thanh nhàn, vắng lặng.

Chúa dương từ từ đi thẳng xuống phương đời xa thăm. Dạ thần cũng bắt đầu rũ màn âm u trên vạn vật. Giữa khoảng trống của hai quả núi bên chân trời tây bỗng lộ ra nhiều vết mây hồng rực rỡ tạo nên một vẻ đẹp huyền ảo thần tiên. Cũng trong lúc ấy, khi ánh sáng đời sắp tắt, ánh sáng đạo lại bật chiếu rọi nơi tâm tư của bốn vị Sa Môn. Trong một buổi chiều xuân họ đã tìm thấy nguồn hạnh phúc bất diệt, trời xuân của lý dục, của chứng ngộ đạo Bồ Đề.

5. CƯ SĨ DUY MA CẬT

Tại thành Tỳ Đa Ly, có ông Cư sĩ tên là Duy Ma Cật, ông giỏi biện tài, có thần thông trí tuệ đầy đủ, phương tiện thông suốt, trọn thành đại nguyện.

Vì hiểu rõ tâm xu hướng của chúng sinh, nên có thể phân biệt căn cơ lạnh chậm. Ông vì mục đích muốn độ người nên mới dùng phương tiện ẩn ở trong thành, ông giàu có của cải vô lượng, thường giúp dân nghèo. Ông phụng trì giới cấm chẳng hủy phạm; thủ chí nhẫn nhục mà chẳng giận dữ, tinh tế mà chẳng biếng nhác; nhất tâm thiền định mà chẳng loạn ý, dùng quyết định trí huệ mà nhiếp phục kẻ vô tri.

Tuy là người tại gia mà tu luật hạnh Sa Môn thanh tịnh. Đọc các kinh ngoại đạo mà lòng chánh tín chẳng sờn, học các sách thế gian mà vui Phật pháp.

Ông hay đi dạo bốn cửa thành để lợi ích cho chúng sinh. Vào trong giảng đường giảng dạy đạo pháp.

Vào trong học hiệu dạy dỗ trẻ em, vào trong dâm xá chỉ rõ tội lỗi dâm dục; vào trong quán rượu dạy dùng phải lẽ.

Khi tiếp các trưởng giả vì nói thắng pháp, tiếp cư sĩ khiến dứt tham đắm, nghinh tiếp vua chúa giáo hóa nhẫn nhục, tiếp Bà La Môn khiến trừ ngã mạn, tiếp quan đại thần giáo hóa chánh pháp, tiếp các vương tử dạy điều trung hiếu, tiếp các nội quan diễn nói chánh pháp, tiếp xúc với thứ dân dạy nên tu phước lực... làm lợi ích chúng sinh rất nhiều.

Bấy giờ cư sĩ mới thị hiện bằng cách dùng phương tiện đau ốm. Thế là Quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ... đều đến thăm bệnh. Nhơn đây, cư sĩ có dịp rộng thuyết Đại pháp cho các kẻ kia.

Đức Phật ở xa hay tin Duy Ma Cật lâm bệnh ngài mới đòi Xá Lợi Phất đến bảo:

- Người qua thăm bệnh Cư Sĩ.

Xá Lợi Phất thưa:

- Tôi không dám đi vì có một hôm nọ lúc tôi đang ngồi thiền dưới cội đại thọ trong rừng chọt Cư Sĩ đến bên tôi thỉnh linh bảo:

- Xá Lợi Phát! Hà tất phải ngồi thiền nơi đây, lẽ phải ngồi thiền cả Tam giới mà chẳng hiện thân ý, chẳng khởi diệt tận định mà hiện các oai nghi, chẳng bỏ đạo pháp mà hiện sự việc phàm phu, đối với các kiến chấp chẳng bị lay động mà tu ba mươi bảy phần trợ đạo; chẳng dứt phiền não mà vào Niết bàn. Làm được như trên mới chính là ngồi yên trên tòa mà thiền định.

Bạch Thế Tôn! Sau khi nghe ông nói tôi không thể đáp được một câu cho nên nay tôi không dám qua thăm bệnh.

Đức Phật cho đòi các ông: Mục Kiền Liên, Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Phú Lô Na, Ca Chiên Diên, A Na Luật, Ưu Bà Dy, La Hầu La, và A Nan là mười vị đại đệ tử cũng đều từ thác bất kham vì đều đã bị những trường hợp tương tự như Xá Lợi Phát.

Đức Phật lại cho mời đức Di Lặc đến thì Đức Di Lặc vẫn từ rằng:

- Tôi cũng bất kham vì ngày trước lúc tôi mới nói ba bậc bất thối chuyển thì cư sĩ Duy Ma Cật đến bảo:
- Di Lặc! Tôi vừa nghe ngài được Đức Phật thọ ký cho sẽ thành Phật. Vậy ngài sẽ thành Phật vào đời nào? Quá khứ vị lai, hay hiện tại chăng?

Xét ra quá khứ qua rồi vị lai chưa đến mà hiện tại thì chẳng trụ; như vậy ba đời đều tìm chẳng được? Nhưng vô sanh là chính vị, mà đã chính vị là trung ương thì đâu còn có thọ ký gì nữa? Hay là như tánh mà thọ ký chăng? Lại cũng không được vì tất cả chúng sinh đều như tánh, cho nên khi ngài được thọ ký thì tất cả chúng sinh cũng được thọ ký, tại sao? Vì tất cả chúng sinh là tướng Bồ Đề vậy. Nếu ngài được Niết Bàn thì tất cả chúng sinh cũng được Niết Bàn, tại sao? Vì tất cả chúng sinh rốt ráo vắng lặng là tướng Niết Bàn, mà tướng ấy là bất sinh bất diệt rồi vậy. Sau khi nghe ông thuyết một hồi tôi cũng chẳng đối đáp gì được. Cho nên tôi cũng bất kham.

Đức Phật cho mời ngài Văn Thù Sư Lợi đến và bảo thay Ngài đi thăm bệnh Cư Sĩ. Tất cả đại chúng đều nghĩ: Nay Văn Thù Sư Lợi cùng Duy Ma Cật gặp nhau chắc hai đại sĩ sẽ đàm luận đạo pháp nhiệm mầu. Thế là cả Đại chúng tùy tùng với Văn Thù, vào thành Tỳ Đa Ly.

Cư Sĩ đã biết trước ngài Văn Thù Sư Lợi thừa lệnh Đức Phật sẽ đến thăm mình nên ông cho những người nhà và thị giả đều lui hết, trong nhà trống trơn chẳng còn một vật gì cả chỉ còn một cái giường đủ ông nằm thôi.

Cư Sĩ vừa thấy Ngài Văn Thù liền nói:

- Văn Thù Sư Lợi! Là tướng chẳng đến mà đến, tướng chẳng thấy mà thấy.

Ngài Văn Thù đáp:

- Cư Sĩ! đến rồi thì chẳng đến, đi rồi lại chẳng đi. Đoạn ông nhập đề:
- Cư Sĩ! bị bệnh chi, có dễ chịu không? Bệnh tăng hay giảm? Đó là lời ân cần của Đức Thế Tôn gửi thăm Cư Sĩ.

Ông lại hỏi tiếp: Vậy chớ bệnh của Cư Sĩ do đâu mà sinh?

- Bệnh tôi do ái mà sinh, vì tất cả chúng sinh bệnh nên tôi mới bệnh, nếu tất cả chúng sinh không bệnh thì bệnh tôi cũng lành. Xin mời Ngài xem: Bồ Tát đâu chẳng phải không bệnh vì chúng sinh ra vẫn còn tử là phải bị tật bệnh.

Nhưng nếu chúng sinh không bệnh Bồ Tát cũng không tật bệnh gì. Ví như trưởng giả có một chút con trai mà cậu con trai bị bệnh, thì ông bà trưởng giả kia cũng muốn bệnh theo, bệnh của Bồ Tát bởi lòng từ bi mà sinh.

Sở dĩ Cư Sĩ Duy Ma Cật mà thông suốt được như thế là nhờ ông ta đã thành tựu được trí lực Ba La Mật vậy.

6.-TRÚC SƠN THỊ GIẢ

Thuở xưa ở thành Xá Vệ tại ngôi chùa nọ có một thị giả tên Trúc Sơn trước khi xuất gia lúc thiếu thời là một người thợ đóng giày, tật hay biếng nhác không tu dưỡng học hành gì cả chỉ lo giúp đỡ cho vị sư trưởng. Các vị khác dạy cho học thêm cũng lười biếng. Một hôm Sư Trưởng và các vị tăng tại chùa đi trai tăng cầu an tại một làng xa. Cùng ngày ấy sa giá của vua cùng một số quần thần văn quan thừa tướng đi kinh lý qua chùa, nhân dịp ấy vua vào viếng chùa luôn thể, vốn dĩ đức vua cũng là môn đệ của nhà Phật nên rất thông hiểu giáo lý của PHẬT PHÁP, vì không có ai nên thị giả của sư trưởng phải tiếp phái đoàn vua quan, sau phần lễ sơ kiến và NAM MÔ PHẬT thị giả kia không nói lời nào cả, thật ra thị giả chẳng biết lời nào để nói, đành phải cúi đầu chào đạt ý. Nhà vua thì trông thị giả cũng không đạt lời mà diễn ý bằng tay như sau:

- Vua đưa tay chỉ trên trời.
- Thị giả lắc đầu và đưa tay chỉ xuống đất.
- Vua đưa tay chỉ trước bụng.
- Thị giả lắc đầu và đưa tay chỉ sau lưng.

Quần thần thừa tướng văn quan cao cấp nhìn thấy sau hai lần diễn ý, vẻ mặt đức vua hiện rõ lên nét thán phục.

- Tiếp tục vua lại đưa lên bốn ngón tay.
- Thị giả lắc đầu và đưa mười ngón tay.
- Vua lại đưa ba ngón tay.
- Thị giả lắc đầu đưa một ngón tay.
- Vua sụt xuống còn lại hai ngón.
- Thị giả cũng lắc đầu và đưa một ngón tay.

Lúc đó vẻ mặt vua tỏ vẻ kính phục và nể trọng vị thị giả quá mức liền quỳ gối xuống lạy ba lạy làm cho tất cả quần thần đi theo từ tể tướng trở xuống ai cũng quỳ sụp lạy theo cả.

Lạy xong, vua chưa đứng lên, sẵn còn quỳ vua đưa ngón tay vẽ những vòng tròn nhỏ nhỏ dưới đất trước mặt, rồi ngược lên nhìn thị giả lộ ý để hỏi? Thị giả liền ngồi xuống đưa tay vẽ những vòng tròn nhỏ nhỏ rồi bắt đầu những vòng tròn lớn hơn, lớn hơn nữa.

Vua thấy vậy càng kính trọng hơn liền phục lạy thêm ba lạy làm tắt cả quần thần đều phải lạy hết.

Sau khi ban thưởng và cúng dường Tam Bảo vua quan và đoàn tùy tùng ra về, vị thị giả niệm “Nam Mô Phật” và tiễn đưa phái đoàn.

Trên đường về kinh, quan tể tướng cùng quần thần thắc mắc và hỏi đức vua không biết tại sao vua quỳ xuống lạy và tỏ vẻ mặt rất là kính phục quá mức như vậy? Vua trả lời:

- Vị thị giả kia quả là đạo hạnh cao thâm, ta cùng với Ngài nói chuyện với nhau bằng tâm ý chứ không phải bằng lời nói, các người không biết Tha Tâm Thông (tức là thần thông về sự hiểu tâm ý kẻ khác) vua mới giải thích như sau:
- Ta chỉ tay lên trời, ý hỏi rằng ngài biết chuyện trên trời không? Có thông thiên thông?
- Ngài chỉ tay xuống đất, ý nói là chẳng những thông thiên, mà còn triệt địa nữa.
- Ta đưa tay trước bụng hỏi rằng Ngài biết chuyện tương lai không? Ngài chỉ sau lưng ý muốn nói rằng chẳng những biết chuyện tương lai mà còn biết luôn việc quá khứ nữa, lúc ấy ta hiểu và phục ngài và ta tiếp tục đưa bốn ngón tay ra, ý hỏi ngài biết bốn phương trời không? Ngài trả lời ta mười ngón, ý ngài nói chẳng những biết bốn phương trời mà còn biết luôn mười phương trời nữa. Ta đưa hai ngón tay rồi ba ngón tay, ý ta hỏi ở đây có đủ Phật Pháp Tăng hay chỉ có Pháp và Tăng. Ngài đưa một ngón tay nhất định là một ngón tay, ý là dù Phật Pháp hay Pháp và Tăng ba ngôi TAM BẢO đáng kính ấy, cũng chỉ là một thể duy nhất mà thôi, lúc ấy ta kính phục ngài quá mức và quỳ xuống lạy như các người đã thấy, và ta đưa tay vẽ vẽ vòng tròn nhỏ, ý của ta muốn hỏi ngài Đạo Pháp ngài truyền ba vòng ở khu vực nhỏ này, vùng này phải không? Ngài lắc đầu và vẽ vòng tròn lớn hơn, lớn hơn, ý nghĩa ngài muốn nói chẳng những trong khu vực nhỏ này mà đạo pháp của ngài truyền bá rất lớn khắp nhân loại nhờ có thần thông và đạo hạnh của Ngài. Như các người đã biết vị thị giả ấy đúng là đạo pháp cao thâm đến mức không lường được.

Về vị thị giả kia, các Hòa Thượng lẫn các chú Sa di trai tăng về biết chuyện và hỏi thị giả:

- Vị thị giả chậm rãi trả lời: Kính bạch Sư Trưởng, Đức vua chỉ lên, ý hỏi con lúc trước xuất gia có phải con làm thợ nón không? Con mới chỉ tay xuống đất và lắc đầu trả lời rằng không phải, trước đây làm thợ giày. Đức vua chỉ trước bụng ý vua hỏi con làm giày bằng da bụng phải không? Con lắc đầu và chỉ sau lưng, ý trả lời vua rằng không phải, làm giày bằng da lưng. Rồi vua lại đưa bốn ngón tay, ý ngài hỏi bốn đồng một đôi giày phải không? Con lắc đầu và đưa mười ngón tay ý nói là không phải, một đôi giày tới mười đồng.
- Đức vua đưa ba ngón tay rồi hai ngón, ý vua muốn hỏi con một ngày làm ba đôi phải không? Hay là hai đôi? Con lắc đầu đưa một ngón tay trả lời: trước sau gì cũng một ngón tay thôi, ý con muốn nói, không phải, mỗi ngày chỉ làm được một đôi giày thôi! Nhất định là một đôi, chứ không thể hơn được. Vì tánh con sư trưởng và tăng chúng cũng biết là rất làm biếng, lúc ấy con cũng không biết tại sao vua lại vẽ vòng vòng

nhỏ dưới đất, ý vua muốn hỏi thêm giày của con làm tốt không? Có lẽ đi không được xa chỉ quanh quẩn trong vùng này thôi phải không? Con lắc đầu và vẽ vòng vòng lớn, lớn hơn ý con muốn trả lời vua là không phải, giày con làm đi đâu cũng được đi trong vùng này mà còn đi xa, đi xa hơn nữa, đi khắp thế giới luôn. Thấy con ứng đối rõ ràng bằng dấu, vua ưng bụng và nể phục mới quỳ xuống lạy và cúng dường. Vị thị giả hỏi tiếp sư trưởng: Bạch sư trưởng, con trả lời như vậy có gì phi thường đâu đến nỗi vua quan phải kính trọng như thế? Sư trưởng trả lời: may phước con và chùa chúng ta đây. Nếu trong dịp khác danh tiếng chư tăng sẽ còn gì. Bây giờ trở đi con phải cố gắng học hỏi giáo lý nhà Phật nhiều hơn nữa.

7.- KHÔNG THẤY ĐƯỢC GIÓ SAO THẤY ĐƯỢC NIẾT BÀN

Một ngày nọ, đức vua Mi Lan Đà hỏi đại đức Na Tiên:

- Bạch ngài, cái chi sinh ra do thiện và ác, cái chi sinh ra do thời tiết, cái chi sinh ra do nhân?
- Tâu đại vương: tất cả loài hữu tình: chúng sinh liên tục tồn sinh trong tam giới đều do thiện ác cơ cấu cả. Đất, nước, gió, núi cao, biển rộng, sông dài thì do thời tiết nóng lạnh tạo thành.

Lửa, cây cỏ nhỏ lớn mọc rễ đâm chồi, nức mọng, sinh ngó có thể trồng được đều do nhân điều động.

- Bạch ngài, cái chi không chịu hệ thống của thiện ác thời tiết và nhân?
- Tâu đại vương. Niết Bàn và hư không, không chịu hệ thống các điều khoản trên.

Ta không thể nói: Niết Bàn đã có hoặc sẽ có, có thể chấp lấy được, hoặc không được, là quá khứ, hiện tại, hoặc vị lai, là có thể hiểu biết được bằng mắt, mũi, tai, lưỡi, thân ý.

- Bạch ngài, nếu nói Niết Bàn không phải quá khứ, hiện tại, vị lai, đã có sẽ có, chấp lấy được hoặc chấp lấy không được, như thế có phải chăng là ngài nói những cái không có Niết Bàn?
- Tâu Đại Vương, Niết Bàn có thật sự song chúng ta không thể dùng những phương tiện trên mà thấy Niết Bàn. Tuy nhiên các bậc hiền minh có thể liễu ngộ được bằng Thánh Đạo Tâm.

Bao giờ các bậc hiền minh thực hành theo Bát Chánh đạo thì sẽ rõ Niết Bàn.

- Bạch ngài, xin ngài thí dụ.

- Tâu Đại Vương, Đại Vương nhìn nhận có gió thật hay không?
- Bạch ngài có gió thật.
- Xin Đại Vương chỉ cho nhà sư xem với.
- Đã gọi là gió thì trăm làm sao chỉ cho ngài được.
- Tâu Đại Vương, nếu Đại Vương không thể chỉ cho nhà sư xem được thì hẳn là không có gió thật sao?
- Xin Đại Vương hiểu cho rằng Niết Bàn có thật sự, mặc dù nhà sư không thể chỉ cho Đại Vương thấy được.
- Bạch ngài, tất cả chúng sinh đều có thể liễu chứng được Niết Bàn như nhau chăng?
- Không thể được, vì chúng sinh không chịu hành trình theo con đường trung đạo (Majjimatipadà) đồng nhau.

Đức vua hỏi tiếp:

- Sự dục tắt là Niết Bàn phải không?
- Tâu đại Vương, Đức Phật có thuyết cho thầy Tỳ Khuru Mahanama nghe như vậy:
- Nay Mahanama bậc Thịnh Văn sau khi đã thỏa mãn với Pháp bảo rồi các bậc ấy không còn ưa thích trong ngoại căn là: Mắt, mũi, tai, lưỡi, thân và nội căn là nhãn thức, thịệt thức, vị thức, xúc thức của chính mình và của chúng sinh.

Khi các vị ấy không còn mắc dính trong ngoại căn và nội căn như thế rồi thì tâm hằng thanh tịnh, các ác pháp nhất là ái dục không còn phát sinh dù cho vi tế nhất thời. Một khi ái dục đã tắt lịm thì sự mê chấp rằng ta, thân của chính mình, của chúng sinh từ từ tắt theo.

Khi sự mê chấp đã bị trừ khử thì hiện hữu sẽ không còn.

Hiện hữu không còn thì sinh, lão, bệnh, tử, thương xa, ghét gần, sự thất vọng, sự bực bội nóng nảy trong tâm sẽ không còn. Vì cái gốc, nhánh, ngọn, lá, trái, đều khô héo và chết lặn theo gốc.

Tư cách dục tắt như thế Như Lai gọi là Niết Bàn vậy

Tiếng nói: “Giải Thoát” là sự giải thoát các phiền não đã phát sinh trong tâm, không còn dư sót: tức là sự liễu chứng được quả vị Niết Bàn.

Qua những câu chuyện trên ta nhận thấy việc cần thiết là hãy mạnh dạn học hỏi, và thực hiện pháp môn thiền định, chừng ấy ta sẽ tự thấy mình tiến được một bước dài trên con đường đi đến Niết Bàn vậy.

8. NGƯỜI MẸ

Nắng hồng đã bắt đầu tươi thắm trên muôn ngàn cây cỏ. Những tiếng chim ríu rít hòa lên khúc nhạc tung bừng.

Đàng xa, một dáng điệu oai nghiêm bệ vệ trong chiếc y vàng, hào quang sáng chói khoan thai lần bước với chiếc gậy trúc tằm màu sương nắng.

Đây chính là Đức Phật.

Như thường lệ, mỗi lần nắng lên Ngài đi khát thực, Ngài chỉ sống bằng những hạt com cúng dường của những tâm hồn mộ đạo, nhân đó để giáo hóa mọi người quay về đường Thiện. Đức Phật đến nhà ông Đế Đô, một nhà có tiếng giàu sang nhất, nhưng cũng không kém phần ích kỷ. Chủ nhà đi vắng, con chó nằm trước cửa, đôi mắt đỏ ngầu như phóng ra những tia lửa hung ác. Nhanh nhe khỏi mồm như sẵn sàng một thứ khí giới trắng nhọn vô cùng ghê tởm. Nó gừ một hơi, rồi nhẩy chồm đến Ngài, theo một tiếng gầm dữ dội. Không chút sợ hãi, hay hoảng hốt, Ngài thân nhiên ôn tồn nói: “Ngươi hãy im”. Chó ta chỉ đưa mình lui để lấy thế rồi nhanh như chớp chồm lên cao. Rất dịu dàng, Ngài đưa tay đỡ hai chân trước chó âu yếm thốt ra những lời đầy thương hại: “Ngươi hãy bớt nóng, ta đã hiểu, ngươi chính là mẹ của chủ nhà này, kiếp trước ngươi hắt hung ác tham lam, lâu đài nguy nga đây, tất cả châu báu đây chính ngươi đã xây dựng trên bao nhiêu mồ hôi nước mắt của mọi người, ngươi đã không chút từ tâm thẳng tay đục khoét tận xương tủy, từ những người giàu cho đến kẻ bần cùng, mãi đến giờ phút trước khi tắt thở, ngươi vẫn còn tâm địa độc ác và tiếc nuối những của cải nên ngươi đã bị sanh vào đường thú vật. Vậy hãy thức tỉnh mau lên mà sám hối cho tiêu tan nghiệp chướng...”

Kim ngôn của đức Thế Tôn đã vang vọng như tiếng Thần chung đánh thức chuông từ thiện tâm. Chó ta bỗng buông thõng hai chân trước, cúi mặt lặng lẽ bước vào mái hiên nhà, đôi mắt rụng lệ tiếc nuối cho quãng đời chìm ngập trong màn vô minh đã qua. Từ đó, chó ta âm thầm nằm gục đầu sám hối không màng ăn uống, chỉ mong thoát khỏi nghiệp chướng lầm than.

Đế Đô về nhà, thấy thái độ chó thay đổi như thế và sau khi nghe gia nhân thuật lại tự sự, Đế Đô giận dữ đến Trúc Lâm Tịnh Xá chất vấn Phật. Rất dịu dàng, Đức Thích Ca dạy:

- Vì mẹ con ngươi nên ta mới nói cho ngươi rõ: tiền kiếp của chó chính là mẹ ngươi. Vì luyến tiếc của cải nên phải bị khổ sâu như thế. Ngươi không tin thì hãy về đào lên phía dưới giường nơi chó thường nằm sẽ thấy một lọ vàng.

Lòng tham lam của Đế Đô đã dẫn được cơn giận, vội vàng hỏi:

- Thật không ông? Sao ông biết?

Nhưng từ nét mặt sung sướng, ông ta trở thành đau đớn, vì đã có một nguồn tin bé nhỏ len vào trái tim ông. Quả nhiên khi bới lên một lọ đầy vàng, nhưng vàng ấy không còn gọi được lòng tham của Đế Đô. Nguồn tin đã hòa mạnh trong tâm tư, làm tiêu tan tất cả những tham luyến hung tàn.

Ông ôm lấy chó khóc nức nở, vô cùng ăn năn. Đoạn đến quỳ bên Đức Phật, đôi mắt đầm đìa dịu cảm, rung lên những lời cầu khẩn thiết tha xin sám hối tội lỗi và nhờ Phật chỉ phương cứu mẹ thoát khỏi kiếp đau khổ. Đức Phật từ bi bảo:

- Nay người đã biết ăn năn, thế là người có thể trở lại con đường lành, người lại là một người con có hiếu. Nhưng nghiệp chướng của mẹ người quá nặng, người hãy thật tâm quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới và đem hết lòng thành kính sám hối cho mẹ người. Đồng thời hãy đem tiền của bố thí cho mọi người, giúp đỡ mọi người qua từng cơn hoạn nạn, và nhất là nhân lễ tự tứ mà thành tâm cúng dường Tăng chúng, thiết cúng lễ Vu Lan để hồi phước báu về cho mẹ người, nhờ công đức ấy mới mong cứu khổ cho mẹ người được. Khổ hay sướng, thiên đàng hay địa ngục là do mình tự gây lấy, ta là người giác ngộ chỉ cho một con đường chân chính, còn đi hay không là do chúng sanh vậy. Ta không thể cứu vớt được với những kẻ ngoan cố mãi...

Đế Đô vâng lời Phật dạy, ngoài sự thỉnh cầu chư tăng chí nguyện còn đem gia sản bố thí cúng dường, làm các việc đại phước.

Không lâu, một hôm chó duỗi mình khỏe khoắn trên tấm thảm rồi buông ra một hơi thở dài vĩnh biệt, nhưng không phải là hơi thở đầy duyên tiếc tham lam muốn bám víu lấy sự sống thường tình. Chó đã chết. Nhưng chó ấy (mẹ của Đế Đô) sẽ về đâu? Kiếp sau như thế nào?

Tối hôm sau... trong giấc mộng, Đế Đô thấy trên trời xanh cuộn lên những vàng mây trắng uốn dần đến trước mặt người, từ trong đó hiện ra một dáng người đàn bà hiền dịu ân cần vỗ nhẹ lên vai Đế Đô và nói:

- Từ lâu vì lỗi lầm, mẹ đã tham lam và độc ác quá nhiều, nên bị đưa vào những cảnh giới khổ sở đau đớn vô cùng. Chó ta hôm trước chính là mẹ đấy con. Con ơi, con nghĩ đến đời sống con chó, con sẽ hình dung được nỗi khổ của mẹ hồi ấy, nay nhờ Đức Phật cứu độ và lòng hiếu thảo của con, mẹ đã thoát khỏi kiếp đau thương, và được vãng sanh vào một thế giới đầy sung sướng an vui. Thật nhân quả không ai tránh khỏi “Gieo nhân gì, gặt quả ấy”. Tham lam, tàn ác sẽ bị làm than, tu nhân tích đức sẽ được an vui tự tại, từ đây con hãy vâng lời Phật dạy gắng công tu học... thôi mẹ từ biệt con...”

9. NGƯỜI CHA

Thuở xưa tại thành Thất La Phiệt có một vị Bà La Môn rất giàu, ông có năm người con trai đã lập gia đình cả họ sống sung sướng trong cảnh hạnh phúc. Bỗng năm ấy vợ ông quá vãng. Ông muốn cưới vợ khác để coi sóc gia đình. Năm con dâu nghe thế bàn với chồng:

- Cha đã già rồi cưới vợ mà làm gì? để chúng tôi thay phiên nhau săn sóc cho cha có hơn không?

Thế là năm người con trai vào hầu cha thuật lại tự sự.

Ông cha bằng lòng chia của ra làm năm phần cho năm người con. Ông chỉ ở đậu để dâu nuôi dưỡng.

Tình ông già nằng dâu ban đầu còn tử tế sau lần lần phai lạt. Cả năm người con dâu bỏ ông không lo săn sóc, trái lại còn đui xô ông nữa.

Ông không thể chịu nổi tình cảnh ấy cùng cực ông phải đi xin ăn, thật là khổ sở.

Ngày kia ông gặp người bạn cũ ông mới tự thuật hoàn cảnh của ông và xin người bạn tìm phương cứu giúp. Người bạn đáp:

- Tôi không biết phương thế nào cứu giúp bạn được. Vậy bạn hãy vào chùa Kỳ Viên để nhờ Đức Thế Tôn, Ngài có đủ khả năng cứu người cả vật chất và tinh thần.

Ông Bà La Môn ấy nghe lời vào hầu Phật và cầu xin Đức Phật chỉ phương pháp nào khỏi khổ về hoàn cảnh ông.

Đức Thế Tôn dạy ông:

- Tôi rằm hãy đến nghe Pháp và sau thời Pháp phải làm như vậy... như vậy.

Đêm rằm, có nhiều tín đồ trong ấy cũng có con ông Bà La Môn và có cả đức vua Ba Tư Nặc ngự đến thỉnh pháp. Sau khi nghe pháp xong, tín đồ vừa đứng dậy ra về. Ông Bà La Môn đứng lên nói:

- Xin chư quý thiện nam tín nữ và Đàn na thí chủ hãy tạm dừng lại để cho lão bộc đôi lời. Có lẽ quý vị không quên già này, trước đây là một vị phú hộ trong thành Thất La Phiệt này. Hôm nay già phải đi ăn xin, thật ra già có con mà con của già không bằng cây gậy này, vì cây gậy này già chống đi ngửa lúc chân rung tay yếu, hoặc đui chó đánh mèo, nhưng con của già khi được chia của cho lại bỏ già đói lạnh xin ăn như thế này

Các tín đồ có mặt tại nơi ấy nhất là đức vua hỏi:

- Ai là con ông?

Ông chỉ năm người con ông đang có mặt tại đây. Đức vua và công chúng nổi giận muốn trừng trị ngay những người con bất hiếu kia. Nhưng những đứa con ấy biết ăn năn xin đem cha về nuôi dưỡng.

Khi đem cha về, mấy người vợ tử về bất bình muốn xua đui lần nữa. Những người con trai mới nói:

- “Nếu các người không bằng lòng thì cứ tự tiện ra đi, riêng chúng tôi không hề hơn cây gậy của cha chúng tôi được.”

Từ đó năm nằng dâu không dám nói nữa và người cha được phụng dưỡng đàng hoàng.

Tích trên đây chỉ cho chúng ta thấy rằng: Làm con không biết phụng dưỡng cha mẹ, hoặc phụng dưỡng một cách miễn cưỡng còn thua loài ăn cỏ.

Và điều thứ hai là: Đức Thế Tôn chẳng những cứu người khỏi vòng luân hồi mà riêng về vật chất ngài cũng tìm phương tế độ.

Chúng ta hãy noi theo gương Đức Thế Tôn đối với vua cha là Đức Tịnh Phạn Vương và Mẹ là Hoàng hậu Ma Da hết lòng hiếu thuận.

Sau khi ngài đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, ngài ngự lên cõi trời Đao Lợi độ cho mẹ là Hoàng hậu Ma Da đắc quả Tu Đà Hườn, và về kinh đô Ca Tì La Vệ, độ cho vua cha là Tịnh Phạn đắc quả A La Hán và sau khi vua cha thăng hà tự tay ngài lo tân liệm và thân hành khiêng quan tài đến Trà Tỳ hỏa táng.

Đức Phật có dạy: Các bậc trí thức đều kính trọng những người biết phụng dưỡng cha mẹ, và người biết phụng dưỡng cha mẹ sẽ gặp nhiều sự an vui do nhờ quả của sự phụng thờ cha mẹ.

10. - NGƯỜI CON

Khi xưa có con Kên Kên rất hiếu thảo với cha mẹ. Vì cha mẹ già nên không thấy đường để đi kiếm ăn được, nên phải nhờ đến con đi kiếm mồi về nuôi, và vải đem về làm ổ cho ấm.

Bữa nọ Kên Kên con đi kiếm mồi, rùi mắc chân vào bẫy của một anh thợ săn. Anh thợ săn liền hỏi:

- Ta nghe nói loài Kên Kên mắt trông xa ngàn dặm, sao nguoi để cho mắc bẫy của ta?

Kên Kên con trả lời:

- Thưa ông, thật mắt tôi thấy xa, nhưng khi nghiệp nó đến rồi, không có tài lực nào mà ngăn nó được khiến cho mắt sáng thành ra vô dụng. Nay tôi sa vào lưới của ông, tôi đành chịu chết, không oán trách. Song tôi thương hại cha mẹ tôi mù lòa, già cả không ai nuôi dưỡng, rồi cũng phải chết, mà cái chết đáng thương là chết đói.

Anh thợ săn thấy Kên Kên con có hiếu với cha mẹ nên thương liền mở bẫy thả ra. Kên Kên con này là tiền thân của Đức Bồn Sư Thích Ca.

Nếu con người không biết lo phụng dưỡng cha mẹ thì còn tệ hơn loài cầm thú kia vậy.

Người có hiếu thảo có thể làm cho những người dù hạng nào cũng quý mến được.

11. – CHÀNG SỨ GIẢ GẶP VẠN HÊN

Ngày xưa có một phụ nữ hoang dâm vô độ. Dục tình nàng càng mạnh, nàng chê ghét chồng càng nhiều nên nàng thường nghĩ những phương sách hại chồng để tự do thỏa mãn tình dục. Nhưng đã nhiều lần, nàng chưa tìm ra phương cách làm thỏa mãn con người vô đạo ấy của nàng được. May đâu gặp lúc chồng có lệnh đi sứ nước láng giềng nàng quyết phen này tìm cách trừ được chồng. Nàng ngấm ngấm làm những viên thuốc độc rồi ra về âu yếm nói với chồng:

- “Thưa anh, nay anh đi xa, vợ chồng cách trở quan san không có em một bên, em sợ anh đi có lúc bị đói thiếu, em làm được năm trăm viên thuốc “hoan hỷ” gọi là chút quà tặng để tiễn anh lên đường. Khi nào đến biên cảnh nước ngoài anh hãy dùng.

Anh chồng tin lời vợ vui vẻ ra đi. Vừa đến biên giới anh chưa kịp đem ra ăn thì trời tối. Trong đêm thanh vắng, nằm nghỉ trong rừng, sợ thú dữ, nhà sứ giả mới trèo lên cây ả núp, trong lúc vội vã anh quên gói thuốc “hoan hỷ” dưới gốc cây. Ngay đêm ấy có năm trăm tên cướp vừa cướp được năm trăm con ngựa cùng rất nhiều của báu của Quốc vương nước kia về ngang qua cùng nghỉ lại dưới gốc cây. Suốt ngày đêm xông pha mệt nhọc về đến đây đều đói, cả bọn vừa thấy gói thuốc “hoan hỷ” dưới gốc cây liền lấy chia nhau mỗi người ăn một viên, ăn xong trong chót lát năm trăm người đều ngã lăn ra chết hết, vì thuốc độc quá mạnh.

Anh chàng sứ giả nhát gan không hay biết gì hết. Qua sáng hôm sau, anh ở trên cây xuống trông thấy bọn cướp chết hết dưới gốc cây, mới giả vờ đem tên bắn, đem dao chém vào những thân chết, rồi thu lấy ngựa, của báu, đi vội vào nước kia.

Nửa đường, anh gặp Quốc Vương cùng cả đoàn binh sĩ đang rần rộ kéo về hướng anh để truy nã những quân cướp đó.

Quốc vương nước kia hỏi:

- Ông là người nước nào, ở đâu lại bắt được những ngựa này?
- Tôi là người nước láng giềng, giữa đường gặp bọn cướp, biết là chúng vừa cướp của nhà vua, tôi với bọn này đánh chém nhau, cuối cùng tôi giết chết được cả năm trăm đứa ở dưới gốc cây. Do đó, tôi bắt được những con ngựa này cùng trân bảo, định đem đến nộp lại cho Quốc Vương. Nếu ngài không tin, xin ngài sai người thân tín đến tận chỗ xem có đúng không?

Quốc vương liền sai người đến xem, và thấy quả thực vậy. Quốc vương rất vui và ban khen chàng sứ giả đoạn rước luôn về kinh. Về đến kinh đô, quốc vương phong thưởng tước vị cao, tặng nhiều châu báu cho anh.

Các quan đại thần thấy anh ta là người tầm thường mà được ân huệ quá nhiều sinh lòng ghen tức bèn tâu:

- Người kia là người xa lạ chưa đủ tin được, sao quốc vương vội ban cho hắn những ân sủng quá hậu. Quốc vương phong tước vụ cho hắn hơn cả các cựu thần dân công cứu nước xưa nay.

Anh ta đứng một bên nghe được liền thách:

- Ai là người đủ sức mạnh có thể thử tài với tôi thì xin mời ra nơi bình nguyên, cùng tôi đấu một cuộc hơn thua.

Những cựu thần dân đều im lặng không ai dám lên tiếng đối địch cả.

NHỜ VẬN MAY GIẾT ĐƯỢC SƯ TỬ.

Sau đó không lâu, ở một nơi đồng ruộng nọ có một con sư tử rất dữ, chặn đường bắt người, làm ngăn trở sự giao thông của quốc gia.

Nhân đó, các cựu thần bàn với nhau: Người kia tự cho mình là tay dũng kiệt không ai địch nổi, nay nhân có họa sư tử này chúng ta tâu với đức vua sai người kia đi trừ khử, nếu giết được sư tử dữ, trừ hại cho nước, thì mới thực là kỳ tài. Bàn xong, vào tâu vua, vua ưng chịu chuẩn cấp binh khí cho người ấy đi.

Chàng sứ giả lại lần nữa lo sợ. Tuy nhiên không lẽ không tuân lệnh, anh nhận sắc chỉ rồi, ý chí cương quyết đi đến hang con sư tử. Đến nơi sư tử trông thấy liền kêu rống nhảy chồm tới trước. Anh hoảng kinh vội trèo lên cây, sư tử há miệng ngáng đầu toan tìm cách đón mồi. Anh ta sợ hãi cuống lên, lúng túng làm kiếm rơi vào mồm sư tử. Sư tử bị cây kiếm đâm vào họng chết ngay. Người ấy vui mừng ra về, tâu lên vua đã hoàn thành sứ mạng, vua càng yêu quý, nên gả công chúa cho và cả thần dân trong nước từ đây ai ai cũng kính phục khen ngợi.

Chú thích: Viên thuốc “hoan hỷ” của người vợ là chỉ vào “bất tịnh thí” (của bố thí trong sạch). Ông vua sai sứ giả là bậc “Thiện trí thức” đến Tu Đà hoàn, mạnh mẽ dứt được ngũ dục cùng các phiền não. Gặp quốc vương chỉ vào việc gặp được thánh hiền. Các cựu thần ghen tức chỉ vào các ngoại đạo thấy bậc trí giả dứt được phiền não cùng ngũ dục sinh tâm phi báng nói là không có sự ấy. Người kia khích các cựu thần, không ai địch cùng mình được là chỉ về phía ác ma, dứt phiền não, điều phục được ác ma, được phong thưởng đạo quả, không chấp trước, thường khiếp sợ là chỉ cho lẽ thường hay dùng yếu thế chế ngự mạnh vậy.

12. - GIẢI OAN NGHIỆP CHƯỞNG.

Một bữa nọ có ông quan trong triều thành Bārānasi đi tắm ở sông Hằng. Lúc ông sắp đi ngang dưới một bóng cây lớn thì trên cây có một bầy quạ đang đậu. Một con với đồng bọn:

- Hãy im để tao đại tiện trên đầu tên này chơi.

Trong đoàn có một con cảnh rằn:

- Không nên, không nên! Người này là vị đại thần trong cung lớn nhất ở xứ này. Nếu làm ông ấy giận thì họ hàng nhà ta khó thể ở yên và sẽ bị người tru diệt.

Con qua kia không nghe lời, đợi lúc ông đi ngang dưới chân liền đại tiện ngay trên đầu ông.

Vừa giật mình vừa xấu hổ, ông quan tức giận nói rằng:

- Ta sẽ tru diệt hết bọn này.

Từ đó ông luôn luôn tìm cách để trả thù loại quạ.

Lúc ấy trong hoàng thành, chuồng tượng chẳng may bị hỏa hoạn những thớt tượng bị phỏng thành gẻ không có phương thuốc gì trị hết, da thịt voi càng thêm lở lói hôi thối, sợ bày voi khó sống. Đức vua buồn rầu nên phán hỏi các quan xem vị nào có phương pháp gì khác lạ trị khỏi bệnh cho voi chẳng?

Vị đại thần kia vừa gặp dịp trả thù mới tâu rằng:

- Chỉ có mỡ quạ mới trị được bệnh ấy.

Vua nghe theo, bèn truyền khắp dân chúng phải bắt loài quạ để lấy mỡ trị bệnh cho tượng.

Lúc ấy loài quạ bị giết khắp nơi nhiều không kể xiết. Có quạ kia là tiền thân của Đức Phật, thấy quyền thuộc của mình bị giết hại rất nhiều, mới phát nguyện xin nhờ Pháp Ba La Mật giúp cho biết nói và khi bay vào đền vua không có ai bắt được.

Khi đức vua lâm triều quạ ta bay ngay vào và chun xuống nằm dưới gầm bàn của đức vua. Quan hầu thấy muốn bắt, nhưng đức vua thấy lạ không cho bắt.

Sau khi nghỉ khỏe, quạ bay ra đứng trước bàn cúi đầu chào kính cẩn và tâu rằng:

- Xin hoàng thượng mở lòng dung thứ cho loài quạ vô tội. Chẳng qua vì một lúc hành động vô ý thức của một đồng loại chúng tôi mà có chuyện này. Hôm ấy một đồng loại chúng tôi đứng trên cây cao thấy vị quan đầu triều đi ngang qua dưới bóng cây sanh lòng nghịch ngợm mà phóng uế trên đầu ông ta. Ông ta rất tức giận có chỉ lên bọn chúng tôi mắng và thề rằng còn sống ngày nào là ông trả thù ngày ấy.

Đây là dịp ông ta trả thù vậy. Đã mấy tháng nay đồng loại chúng tôi chết rất nhiều nay xin ơn trên cứu giúp chúng tôi.

Thật ra loài quạ không bao giờ có mỡ, dù có mỡ cũng không trị được bệnh của tượng. Đó chẳng qua là lời độc ác của ông quan kia mà thôi.

Đức vua nghe qua hiểu rõ tự sự bèn truyền chỉ tha cho loài quạ còn sống sót và không bắt nữa. Đây chỉ cho thấy rõ nhờ sự hy sinh của Đức Bồ Tát mà quyền thuộc Ngài khỏi bị tru diệt.

13. – CON GÁI ÚT NHÀ HỌ A

Ông A Nan Phần Kỳ trưởng giả thành Xá Vệ. Kết bạn thâm giao với ông Mãn Tài trưởng giả ở thành Mãn Phú. Nguyên do họ A có lập một sở nhà hàng buôn bán lớn ở bên thành Mãn Phú thì ngược lại họ Mãn cũng có sở nhà hàng bên thành Xá Vệ khuếch trương buôn bán tương đương và cũng vì thế mà việc giao hảo giữa hai ông lại càng thân mật.

Họ A có một con gái út, họ Mãn muốn hỏi về làm dâu; nhưng họ A còn lưỡng lự chưa quyết, vì đôi bên khác tín ngưỡng. Họ A nghĩ bụng nên đem việc này ra cầu Đức Phật cho ý kiến. Phật dạy cứ gả con gái cho họ đi. Thế là hai ông trưởng giả định ngày thành hôn, cô út lo tắm rửa, xoa dầu thơm, và trang điểm vàng ngọc rồi lên xe hoa về nhà chồng, tức là ông Mãn Tài tại thành Mãn Phú.

Nhưng chiếu theo luật của tiểu quốc này người trong nước không được cưới người nước ngoài về làm dâu.

Ai phạm phải chịu phạt bằng cách cúng dường một bữa ăn sáng cho sáu ngàn ông Phạm Chí Bà La Môn.

Ông Mãn Phú biết vậy nhưng vì quý bạn thương dâu nên nhận lễ rước dâu, ông bày luôn bữa tiệc cúng dường sáu ngàn ông Phạm Chí. Các ông này đã chờ sẵn đến giờ nhập tiệc. Cả sáu ngàn ông mình để trần nửa thân tiến vào nhà họ Mãn. Theo tục lệ, lúc các ông đến cửa, ông trưởng giả bảo nàng dâu ra lễ bái chào hỏi.

Cô dâu bất tuân lệnh và nói:

- Tôi không thể lễ những kẻ trần mình. Đức Phật thầy tôi thường dạy chúng tôi rằng: Kẻ nào chẳng biết hổ thẹn là những kẻ chẳng biết phân biệt cha mẹ, anh em, tông tộc và bà con dòng họ. Các ông Bà La Môn kia là những kẻ không biết hổ thẹn để thân trần như vậy tôi không muốn lạy.

Các ông Bà La Môn nghe được nổi sân si cùng bỏ tiệc ra về. Ông Mãn Tài rất buồn rầu thường lên lầu cao nằm mà lo nghĩ đến việc đáng tiếc vừa xảy ra. Bấy giờ có ông Phạm Chí tên là Tu Bạt đến thăm thấy ông Mãn Tài buồn phiền mới hỏi thì ông Mãn Tài kể lại câu chuyện cô dâu ông làm méch lòng các vị Bà La Môn.

Ông Tu Bạt nói:

- Bậc thầy của cô dâu mới này oai đức cao cả lắm, ông đừng buồn làm chi, để tôi thuật ông nghe chuyện này. Một lần nọ tôi đi đến ao A Nậu, Thần giữ ao không cho tôi vào. Một lát sau tôi thấy có ông niên thiếu Tỳ Khuru đến thì Thần ao ra nghinh đón và mời ngồi lên một tòa băng vàng mà lễ bái rất cung kính.

Đó là đệ tử của Phật mà còn như thế, huống chi bậc thầy... Ông Mãn Tài nghe rất vui mừng và đòi cô dâu lên hỏi:

- Nay cha muốn mời thầy của con về nhà cung phụng mà cha không hiểu phép thỉnh mời như thế nào.

Cha nhờ con thỉnh hộ.

Nàng dâu rất vui mừng vâng lời ngay. Nàng tắm rửa sạch sẽ rồi lên lầu cao đốt hương về hướng Phật làm lễ mà thỉnh cầu:

- Cúi xin Đức Thế Tôn chứng giám: Con nay như người bị nạn, cúi xin Ngài đến cứu khổ.

Đức Phật thông cảm hoàn cảnh đệ tử, lên đường ngay. Ngài dạy A Nhã Câu Lân đi hầu tả, Xá Lợi Phất đi hầu hữu, A Nan mang bình bát đi hầu sau, và một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ khuru đi chung quanh ngài và thẳng đến nhà ông trưởng giả Mãn Tài.

Đến cửa, trưởng giả, và cô dâu ra lễ rước Phật cùng chư tăng.

Sáu ngàn Phạm Chí thấy Phật vào nước mình, bảo với nhau rằng:

- “Nay sa môn Phật như là ánh sáng chói lọi đã vào nước mình thì chúng mình không thể ở đây được nữa, nên bỏ xứ mà đi cho rồi, vì Phật hiện thân thông rất mau nhiệm, chúng ta không thể bì kịp...” Thế rồi họ bỏ nước đi hết.

Đức Phật thuyết pháp cho gia đình ông Mãn Tài và cả một số đông đảo nghe nhiều người được tinh ngộ và đa số đều quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới.

14.- NỖI KHỔ TRONG ĐỜI

Nhân một dịp nọ, Đức Phật kể chuyện với các Tỳ Khuru rằng:

- Ngày xưa có một vị Ngũ thông tỳ khuru tên là Tinh Tấn Lực, ngồi dưới gốc cây trong núi rừng yên lặng mà tu đạo, cũng trong thời gian này tại nơi đây có bốn con cầm thú,

nương ở chung quanh là: chim cáp, chim quạ, con rắn và con nai. Có một đêm chúng nó tự hỏi nhau rằng mọi cái khổ trong đời thứ nào nặng hơn?

Chim quạ nhọn mỏm có ý kiến trước:

- Đói khát là khổ hơn hết, những khi đói khát thân ốm, mắt mờ, lòng dạ chẳng yên, trí óc lúc nào cũng lo nghĩ. Vì thế lắm khi thân buộc phải sa vào cạm lưới, chẳng tránh mũi tên nhọn được. Chúng ta tán thân thất mạng cũng chỉ vì đói khát.

Chim cáp lắc đầu không chịu nói:

- Theo ý tôi vẫn chưa thấm gì! Dâm dục là khổ hơn hết. Mỗi khi sắc dục bức bách thì không chỗ nào là không nghĩ tới. Cũng do đó mà bị nguy thân thiệt mạng. Nó báo hại hơn cả, chết thì an thân đã đành mà nếu sống tên tuổi bị chôn vùi kẻ khác đều khinh dể.

Đến lượt rắn độc:

- Riêng tôi thì sự giận dữ là khổ hơn hết, mỗi khi giận là chẳng kể gì kẻ thân người sơ và lắm khi làm hại mình, hại người khác nữa. Giận dữ trong chốc lát mà di hại muôn đời. Các bạn có nhận ra như thế không?

Cuối cùng, là con nai hiền từ ngậy thơ lên tiếng:

- Tôi cho sự kinh hãi là khổ hơn hết, tôi ở trong rừng, lòng tôi lúc nào cũng hồi hộp run sợ những kẻ thợ săn, chó săn, lang sói, hễ nghe có tiếng động phảng phất, thôi thì tuôn chạy bán sống bán chết, ruột gan tan nát, bỏ cả mẹ con. Lắm khi bị sa hầm, sụp hố, sa lầy, chân không còn cử động được, nguy hiểm đến cả tính mạng nữa là khác. Đó là nói chuyện may mà chạy thoát được, rủi thì lúc nào cũng rủi không chết bằng tên bằng đạn thì chết vì chó cắn, chết vì hùm, beo. Thế nên so với ý kiến các bạn tôi cho sự kinh hãi lo sợ là nguy hiểm nặng nề hơn hết.

Nãy giờ Tỳ Khuru Tinh Tấn Lực nghe trọn cả câu chuyện. Ngài mời bốn con vật lại gần rồi nói:

- Những điều các người vừa nói đó chỉ là thứ khổ ngọn ngành, chứ chưa xét tới cái khổ cội gốc. Nỗi khổ trong thiên hạ không gì bằng cái Thân. Thân là cái món đồ để đưng mọi thứ khổ, cho nên ta bỏ tục xuất gia tu Đạo, chính vì muốn tiêu diệt ý tưởng xăng xiên, chẳng tham đắm thân tứ đại giả dối mục đích là dứt nguồn gốc đau khổ vậy.

15.- ĐA NGÔN HẠI THẦN KHẨU

Thưở xưa tại kinh đô Ba La Nại có một người hai chân đau bại, nhưng có tài búng sắn thật giỏi. Những trẻ nhỏ trong thành thường đẩy xe chở anh ra ngoài cửa thành để anh ngồi dưới cội cây bảo anh lấy sắn búng lá cây thành hình thú này, thú nọ chơi, rồi cho anh tiền.

Ngày nọ đức Vua ngự trong vườn thượng uyển đi ngang qua chỗ ấy, những đứa trẻ kinh sợ bỏ chạy, chỉ còn anh què ở lại.

Đức vua trông thấy bừa bãi dưới đất những lá cây lủng, lá có hình thú rất ngộ mới phán hỏi quan hầu cận. Quan ấy biết rõ mới tâu qua mọi lễ.

Đức vua cho đòi anh què đến hầu rồi phán:

- Này gã kia! Trẫm có một vị quân sư có tật ham nói, khi trẫm muốn nói điều chi thì quân sư cướp lời nói hết không nói gì được. Người có phương kế chi làm cho ông không nói nhiều được không?

Anh què đáp:

- Tâu Hoàng Thượng! nếu có vài cân phấn dê, hạ thân có phương thế làm được.

Đức vua truyền đem anh què về trào để anh ngồi một bên ngài (sau một tấm màn có khoét một lỗ) và để gần anh một cân phấn dê khô. Đoạn ngài truyền hội trào bàn luận việc quốc gia.

Vị quân sư quen tật cướp cả lời nói của mọi người, nhưng lần này khi ông há miệng nói thì bị anh què, do theo lỗ rèm búng một viên phấn dê khô vào miệng. Ham nói quá ông vội nuốt viên phấn dê để kịp nói nữa mà không cần biết mùi vị lạ gì!

Đến chùng đức vua trông thấy anh què búng hết cân phấn dê. Ngài mới bảo quân sư:

- Này quân sư: vì tật ham nói nên khanh đã nuốt hết cân phấn dê khô mà vẫn chưa biết, dạ dày của khanh không thể tiêu hóa được cân phấn dê ấy. Vậy khanh nên về uống thuốc xổ đi.

Quân sư cả thẹn ra về và từ ấy không còn nói nhiều nữa.

Đức vua mới phán:

- Nhờ người bại này mà lỗ tai trẫm đỡ bực. Rồi ngài ban cho anh què trâu thuê bốn làng, được ước độ mười muôn dân số.

Một vị đại thần thấy thế lấy làm hoan hỷ mới tâu rằng:

- Tâu Đại Vương, trong đời này dù nghề nào cũng trọng, người đời cũng cần phải học. Coi như nghề búng sắn của anh bại ấy mà cũng được đại vương trọng thưởng.

Rồi vị đại thần ấy nói một câu kệ rằng:

- “Tất cả nghề lương thiện làm cho ta được kết quả tốt mà áp dụng cho phải thời, phải chỗ, dù nghề mọn đến đâu cũng đem sự an vui no đủ đến cho chúng ta. Ngược lại áp dụng sai thời, nó sẽ đem đến muôn điều cực khổ.”

16.- SỬ DỤNG TÀI NGHỆ

KHÔNG ĐÚNG CHỖ

Có kẻ kia sau khi học rành nghề, hẳn ta muốn thử tài mình, mới suy nghĩ nếu mình búng sạn mà nhắm búng thử vào bò, heo, dê, ngỗng, cùng gà vịt của người thì sợ bị họ đền và mình bị phạt.

Một hôm gặp Đức Phật Độc Giác, hẳn ta bèn nghĩ:

- Nếu ta thử tài với người khác, sẽ bị cha mẹ, vợ con, anh em họ kiện thưa. Còn người này cô độc, là kẻ vô thừa nhận, dù ta thử mà người này có chết cũng không sao.

Nghĩ thế, hẳn mới búng một viên sạn vào lỗ tai Đức Phật Độc Giác. Viên sạn đi xuyên từ lỗ tai bên này qua lỗ tai bên kia: theo như người thường phải chết tại chỗ, nhưng Đức Độc Giác Phật dùng thiền định về đến tư thất mới nhập diệt. Bữa nọ, hẳn tìm đến tư thất của ngài, thấy tín đồ bận lo hỏa táng và than khóc hẳn mới khoe:

- Máy người biết không? Ngài mà chết đây là do tài búng sạn của tôi.

Tưởng khoe như vậy thì được người ta khen mình, nào ngờ tín đồ tức mình lôi hẳn ra đánh chết. Vì tội giết chết Đức Phật nên hẳn bị sa vào ác đạo cuối cùng của Địa ngục.

Đây là một cái gương sáng để chúng ta nhận thấy rằng: Nghề hay mà áp dụng sai chỗ sai trường hợp có hại rất lớn. Vậy chúng ta hãy nên chọn nghề nào chánh nghiệp, chánh mạng mà làm thì mới được an lành, bền lâu.

17. - LẤY ĐẠO ĐỨC ĐẸP

QUÂN HUNG NÔ

MỘT KIẾP ĐI ĐÀY

Thuở xưa có một vị quan văn hiền đức bị kẻ nịnh âm mưu hãm hại nên xúi dục nhà vua xuống chiếu sai ngài cầm binh dẹp quân Hung Nô. Ngài không thể tâu xin chi được trước lời sàm tấu của bọn kia đành tuân lệnh đem quân đi dẹp giặc.

Khi quân binh đi đến nơi, đóng trại xong, ngài truyền lệnh treo cờ, rải giấy khắp nơi nội dung như sau:

“Phải ăn và sống nhưng đừng sát sinh trộm cướp”. Câu nói ấy có nghĩa là: Ai cũng phải sống hết mà sống là nhờ ăn. Vậy nên ăn là vấn đề rất liên quan cần thiết.

Hai pháp ấy sở dĩ có là do lòng không biết trộm cắp không sát sinh trước hết, của người cư gia hữu lậu.

Ngài dạy rằng: nhân loại phải biết trọng nghĩa khinh tài. Người ta đừng vì miếng ăn mà liều mạng. Kia như một bà nọ sinh ra một đứa con, cái sống có trước, rồi sau đó mới nói đến sự lo ăn. Đành rằng có ăn mới có sống, không ăn là chết, con vật còn muốn sống khi đã có cái sống, hưởng chi người. Nhưng chúng ta cũng nên biết thêm rằng: no quá là cũng phải chết. Con người vì tham ăn mà phải chết, phải hại nhau thì có còn ăn được món chi nữa đâu?

Như thế thì sự ăn chốc lát chẳng no ngon bằng sự bền dai. Người mà biết sống biết ăn để sống hay biết sống để ăn, thì kẻ ấy há vì miếng ăn, mà phải chết hết với nhau sao? Và lại chúng ta ăn là để sống chứ phải nào sống để ăn.

Như vậy là người ta nên phải biết trọng nghĩa.

Người ta đừng coi tài quá trọng khinh mạng hơn rơm cỏ, chúng ta phải biết rằng:

- Mạng người quý báu, cái sống khó tìm, khi chết đi đâu còn sống lại, chớ còn của cải trước sau mau chậm có ngày ta kiếm được.

Vậy thì, chúng ta muốn sống là phải làm cho người được sống. Ta muốn ăn là phải giúp cho mọi người có ăn. Nếu ta có thể tiếp xúc cho họ, mà nhất là chớ phá tán người để xúi người hãm hại nhau bằng cách vô lý!

Rồi ông quan ấy giác ngộ cho quân binh bằng cách kể lại sử tích của một ông quan khác vào thời xưa.

MỘT LỘC BÌNH, MỘT MẠNG NGƯỜI

“Thuở xưa có một vị vua nước lớn, được một nước chư hầu cống sứ mười tám cái lục bình quý rất to. Một hôm vị quan thái giám vô ý lỡ tay trong lúc lau chùi, rớt bể mất một cái, đức Vua quá giận bèn truyền bắt đem đi xử trảm. Khi ấy có một vị quan đại thần quý xuống tâu:

- Tâu Hoàng Thượng! xin Ngài hãy xá tội cho quan thái giám, kẻ hạ thần đây có thể hàn đính cái lục bình ấy lại y như xưa, và không còn dấu vết nứt rạn chi cả.

Vua bằng lòng, truyền người đưa vị Đại Thần đến cái tủ đựng lục bình. Đến gần tủ, ông bèn xô cái tủ ngã xuống, đổ vỡ cả mười bảy cái kia.

Rồi ông đến gần Vua tâu rằng:

- Tâu Hoàng Thượng! Từ khi chưa có những lục bình ấy nhà vua rất trọn lành tốt đẹp quý báu biết bao nhiêu.

Thế mà không dè chỉ vì một cái lục bình bể, mà nhà vua lại thất đức mê tâm, muốn giết chết một mạng người để phải mất lòng thiên hạ. Tính ác thường noi gương, thì sự hư hại lớn lao ấy sau này sẽ xảy ra bao nhiêu việc thảm họa. Hôm nay, nếu hạ thần còn để mười bảy cái lục bình lại thì sẽ còn phải thêm mười bảy mạng người vô tội như kia nữa. Vậy nên hạ thần muốn xin liêu chết một mình để cứu mạng cho mười bảy người sau này, và để tránh sự hại cho tâm của nhà vua cùng bảo vệ đức thu phục nhân tâm của Hoàng thượng. Có như thế nhà vua mới khỏi mang tiếng là: “Không sinh ra người được mà sao lại nỡ giết người, khinh mạng người rẻ hơn đồ vật”.

Đến đây đức vua mới tỉnh ngộ, hối quá lấy tâm mình tha chết cho cả hai, mà lại trọng thưởng vị đại thần kia nữa. Và từ đó về sau đức vua hằng lo trau tâm gìn đức, trở nên một vị vua nhân từ, đức hạnh thiên hạ khắp nơi thấy đều phục tùng.

Vị quan văn ấy thường giảng giải cho quân binh nghe như vậy, nên không ai còn muốn ham đánh giặc giết chết nhau nữa.

Sau đó ông truyền đem phân nửa số của cải, tiền lương giúp đỡ dân đói rách, nóng lạnh bịnh hoạn. Ông dẹp bỏ lần lần hết khí giới, ông lập nhà thương, nhà dưỡng lão, nhà nuôi trẻ mồ côi, trường học, nhà bảo sanh, nhà chôn tể để giúp đỡ cho dân chúng hung nô.

Ông lại giúp vốn cho kẻ làm ăn, nhất thiết cái gì ông bố thí ra đều không cần vụ lợi. Ông dạy quân lính phải biết tự lo làm ăn, và dư ra là nên bố thí, để cho sự sống và ăn của hai bên không chênh lệch nhau thì mới được yên vui cho cả mọi người. Ông lại bày ra sự cưới gả với nhau để cho hai sắc dân hòa hợp thương yêu mật thiết từ vật chất lẫn tinh thần tạo thành một sắc dân thứ ba mới lạ.

Ông cho đó là phù hợp với chân lý với lẽ chung, không riêng tư, chia rẽ phân biệt. Ông lại tôn thờ cả hai tôn giáo của hai bên: Ông bày cất ra nhiều chùa, đền thờ, nhà giảng, cho khắp nơi dân hung nô đến nghe truyền đạo và học hỏi. Ông thương dân Hung Nô cũng như thương dân ông, và ông dạy cho quân binh phải có bốn phận như kẻ đàn anh, hy sinh giúp đỡ cho dân Hung nô. Ai muốn theo tu đạo giáo bên nào cũng được, ai muốn giữ đạo của mình tự ý và không ai được chỉ trích lẫn nhau mà tốt hơn là mỗi người hãy ráng học thêm những giáo lý của nhau.

NHỜ ĐẠO ĐỨC MÀ QUY PHỤC QUÂN HUNG NÔ

Nhờ thế nên quân Hung nô khắp nơi rủ nhau kéo đến ở trong đất của ông, theo ông và chịu phục làm dân. Họ bỏ cả gia đình xã hội, cha mẹ, vua, quan của họ. Họ mến phục ông là bởi ông không tham lam vụ lợi. Ông rất ưa thích cái nghèo, đủ ăn để sống, ông ra sức giúp

đỡ người nghèo. Ông biết đến chỗ cần thiếu của người ta, nên gần ông ai cũng cảm thấy no lòng mát dạ.

Ông lại tu học theo Pháp Phật, ông tôn kính đạo giáo của người, ông thường đem đạo lý chỉ giải cho mọi người. Vì thế nên ai ai cũng đều kính phục ông. Ông rất quý trọng sự bình đẳng. Ông không cho gọi ông bằng quan. Ông khuyến khích mọi người nâng cao gương đức hạnh, mộ tụ, ham học do đó mà các quan, vua Hung nô cũng tới lui thân mật với ông.

Ông thường đón tiếp họ tại chùa, đền thờ, nhà giảng, để bàn luận đạo lý mà không hề nhắc đến chiến tranh.

Chẳng bao lâu, miền Hung nô ấy đều theo ông, theo bằng đạo đức của ông. Ông là thủy tổ của giống dân màu da mới.

Người ta kính trọng ông vì bởi ông có đức lớn trong sạch hơn hết.

Ông không có vợ con, ông không tham trọng miếng ăn.

Ông không sát sanh, ông không hề biết đến trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, khoe khoang dâm thọc, chửi rủa, không uống rượu. Ông không ngồi ghế cao, nằm giường rộng, chiếu bông xinh đẹp như vua, không thích nghe xem hát múa đờn kèn chỗ đông vui yến tiệc, ông không chung diện trang điểm áo quần như giàu sang.

Ông ăn Bát quan trai ngày một nọ, và không chứa giữ bạc tiền, của quý. Ông giữ tư cách trang nghiêm, hạnh oai nghi, tự nơi ông hằng có cả mấy trăm điều luật khắc kỷ. Ông là người tốt đẹp, xinh lịch tư cách về tinh thần, cho nên ai cũng đều tôn quý ông. Như thế tức là ông thành công, ông đã thành công trong chỗ chết. Ông thành công làm cho ta và cả người, ăn và sống phải như nhau, bằng nhau, biết sống để ăn và biết ăn để sống.

KHÔNG MÀNG VINH HOA PHÚ QUÝ

Sau khi thành công chỗ đó xong ông lại đi đến những nơi loạn lạc, nổi khổ khác để tế độ, cũng y như cách trên. Trọn đời ông, ông tạo lập không biết bao nhiêu xứ thiên đường cho nhân loại, nơi những chỗ có chiến tranh.

Mấy năm qua Đức vua mới hay biết được sự thành công của ông, bấy giờ nhà vua rất mến trọng ông, bèn triệu ông về phong thưởng chức quyền nhưng ông không chịu nhận. Vua phong vương tước cho ông và cho cai quản luôn đất nước ấy, ông cũng không chịu lãnh, vì ông chỉ muốn thông thả rảnh rang tu học và giúp đỡ chỉ bảo cho người, chớ không màng danh lợi.

Chính vị quan văn kia là tiền thân của Phật Thích Ca.

18. ĐÁNH NHAU VÌ CÁI BÓNG

TRONG LU RƯỢU

Ngày xưa có chàng trai nọ con ông Trưởng giả vừa cưới được vợ. Vợ chồng mới cưới rất yêu kính nhau. Một bữa chồng bảo vợ:

- Em vào trong nhà bếp lấy rượu ra đây cùng uống cho vui.

Người vợ vào nhà vừa giờ nắp lu đầy rượu nàng chợt thấy bóng mình hiện ở trong lu liền cho là có người đàn bà khác đã ẩn tọt bao giờ, nổi tam bành lục tặc, chạy ra lớn tiếng với chồng:

- Anh đã chứa dấu người đàn bà trong lu rượu còn cưới tôi về làm chi nữa? Vào mà ân ái với hã, tôi về đây!...

Chồng tức quá vào xem, lại thấy bóng mình, nổi giận chạy ra nạt vợ:

- Mày giầu trai trong đó mà đổ thừa cho tao giầu gái? Dám làm việc như thế trước mặt tao à?

Thế là hai vợ chồng cãi và nhau rồi đến chuyện ấu đả kịch liệt, sung đầu bẻ trán la khóc om sòm, đảng nào cũng cho mình là phải. Lúc ấy có vị Tỳ Khưu đi ngang qua nghe được nguyên do việc đánh lộn, đến xem thử mới biết là đánh nhau vì cái bóng trong lu, lòng bùi ngùi tự than rằng:

- “Người đời quá dại khờ cho cái giả là thật”

Ngài thương hại cho hai vợ chồng trẻ, rồi vào nhà can gián, dùng đủ lời hay lẽ phải. Hai vợ chồng vẫn không nghe. Ông liền nói:

- Ta sẽ vì các người mà bắt người trong lu ra cho. Ngài lấy một cục đá to đập vỡ lu rượu chảy linh láng, bóng người trong lu cũng biến mất. Cả chồng lẫn vợ nhìn vào mảnh lu bẻ không còn thấy bóng người nào nữa. Họ hiểu được sự làm lạc của mình và xin lỗi nhau.

19. – HAI CHÀNG THANH NIÊN TRONG NGÔI NHÀ CÓ QUỶ

Có một ngôi nhà hoang nọ, tương truyền nhà ấy thường có con ác quỷ, mọi người đều tránh, chẳng ai dám đến ở. Lúc ấy có một thanh niên tự xưng là mình to gan, dạn dĩ và bảo với mọi người rằng:

- Tôi dám vào trong nhà hoang ấy ngủ một đêm cho bà con biết. Thế rồi anh vào đó ngủ thật.

Lát sau, có một chàng nữa ở xóm khác, thường ngày tự cho mình là gan dạ và mạnh bạo hơn ai hết; cũng nghe nói trong nhà hoang có quỷ, anh liền vác dùi đến và xô cửa vào đánh.

Anh chàng vào trước đang ở trong nhà nghe động bên ngoài rồi thấy cửa mở tưởng là quỷ thật lại ở ngoài cửa đánh vào mình, nên anh giữ kỹ và phòng thủ cẩn thận chẳng cho quỷ ngoài tiến vào. Trái lại, anh ở ngoài lại quả quyết trong nhà có quỷ thật, nên dùng tận lực đánh vào.

Thế là trong đánh ra ngoài đánh vào mỗi phút thêm kịch liệt, cho đến khi trời sáng mới nhìn nhau chung hứng, biết chẳng có quỷ quái chi cả.

Mọi người ở đời cũng vậy, do nhân duyên mà tạm gặp nhau thật chẳng có cái ta, nhưng các chúng sinh nào có biết! Vì thế nên ai ai cũng ngang chấp là có ta mới cưỡng sanh ra tranh tụng, đâm chém. Giết chóc nhau để bảo vệ “cái ta” vô danh vô vị ấy.

Ta hãy noi gương các vị Sa môn vì các ngài xem cái thân không đáng kể, “Chỉ dùng nó để phụng hành đạo pháp mà thôi”

Khi ta quan niệm được như thế, cuộc đời ta sẽ không còn gì ràng buộc, những tật xấu xa sẽ gội sạch, và con đường đến Niết Bàn không còn bao xa nữa.

20. – CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC

Tại xứ Hungara Avanti gần núi Apavata có một Thiện nam tên là Sonati. Sonati xuất gia Sa di, ba năm sau mới xuất gia làm Tỳ Khưu. Ngày kia, ông xin phép Thầy tế độ đi đến Kỳ Viên Tịnh Xá hầu Phật.

Khi vào hầu Đức Phật Thế Tôn, Ngài cho cùng ở chung một tư thất với Ngài. Ngày kia Đức Thế Tôn bảo ngài đọc mười sáu bài kệ, đọc theo cách ta ngâm thơ. Sau khi ông đọc xong Đức Phật Thế Tôn khen rằng:

- Hay lắm, hay lắm, lành thay, lành thay!

Một khi vị tỳ khưu hoặc thiện nam tín nữ hay là chư thiên được Đức Thế Tôn khen thì tất cả thiên thần đều hoan hô nhiệt liệt. Vì vậy nên ngài Sonati được Chư thiên và Phạm thiên ca tụng.

Trong khi ấy tại nhà bà tín nữ mẹ của Ngài Sonati cách chùa Kỳ viên 120 do tuần (mỗi do tuần 16 cây số) có một vị Chư thiên vỗ tay ca tụng.

- Lành thay, lành thay.

Bà tín nữ lấy làm lạ hỏi:

- Tiếng ai hoan hô vậy kia?

Vị chư thiên đáp:

- Thưa bà, tôi.
- Ngài là ai?
- Tôi là Chư thiên ở tại nhà này
- Tại sao từ trước đến nay Ngài không hoan hô cầu chúc cho tôi như vậy?
- Hôm nay đâu phải tôi hoan hô bà
- Nếu vậy, Ngài hoan hô ai?
- Tôi hoan hô vị đại đức Sonati là con bà.
- Con của tôi làm gì mà Ngài hoan hô?
- Con của Bà ở chung với Đức Thế Tôn một tư thất và thuyết pháp cho Đức Thế Tôn nghe. Sau khi dứt lời Pháp, Đức Thế Tôn ca tụng con bà nên tôi ca tụng ngài và hoan hô theo lời của Đấng Giác Ngộ.
- Thưa ngài, con của tôi thuyết pháp cho Đức Thế Tôn nghe hay là Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con tôi nghe?
- Con bà thuyết pháp cho Đức Thế Tôn nghe.

Bà tín nữ nghe qua lấy làm thỏa thích đắc được năm điều hỷ lạc và nghĩ rằng:

“Nếu con ta được ở chung tư thất với Đức Thế Tôn và dám thuyết pháp cho ngài nghe thì cũng có thể thuyết cho ta nghe. Khi nào con ta về ta sẽ yêu cầu con của ta thuyết pháp cho ta nghe”.

Sau đó không lâu ngài Sonati về xứ đi khát thực. Mẹ ngài mời vào nhà và hỏi ngài rằng:

- Đây con, mẹ có nghe rằng con ở chung một tư thất với Đức Phật rồi thuyết pháp cho Đức Phật nghe có phải không?
- Chuyện này ai thuật lại với mẹ?
- Chư thiên trong nhà này hoan hô con. Đoạn bà thuật lại và nói thêm rằng:
- Mẹ nghĩ: nếu con có thể thuyết cho Đức Thế Tôn nghe được, vậy con cũng nên thuyết cho mẹ nghe với.

Ngài đại đức vui lòng nhận lời mẹ.

Bà nghĩ rằng: trước khi nghe pháp ta phải cúng dường cho chư tăng trước, nên bà cho tôi tớ trong nhà sắm sang vật thực quý giá đem vào chùa trai tăng sẵn dịp nghe thuyết pháp luôn.

Trong lúc đang nghe pháp có chín trăm tên cướp kiếm thế vào nhà bà. Vì nhà giàu, sự trông nom chu đáo nên chúng không có dịp, nay nhân khi bà vào chùa nên bọn cướp tìm cách vào nhà. Khi chúng vào nhà đột đốc tìm lấy của thì người tớ gái của bà vội vã chạy đến chùa báo:

- Thưa bà có một bọn cướp rất đông đã vào nhà ta đang lục soát lấy tiền.

Bà bình tĩnh trả lời:

- Bọn cướp ấy tìm được tiền trong nhà thì người cứ để chúng lấy hết đi cho ta yên tĩnh nghe pháp.

Riêng bọn cướp lấy hết tiền xong mới đến kho chứa bạc phá cửa vào hốt bạc. Người tớ gái lại đến kêu bà nữa. Bà đáp:

- Người cứ để cho bọn cướp muốn lấy bao nhiêu thì lấy, đừng làm trở ngại việc nghe pháp của ta.

Bọn cướp lấy hết bạc lại đến kho vàng.

Người tớ gái nóng ruột lại đến kêu bà lần nữa. Bà nói:

- Ô! Cái con nhỏ này, người đến làm rộn ta nhiều lần rồi, ta đã bảo rằng: bọn cướp muốn lấy bao nhiêu thì lấy để cho ta nghe pháp, người đừng đến làm hại sự nghe pháp của ta, nếu còn đến nữa sẽ bị đòn, người hãy về đi.

Cô tớ gái về thuật tự sự cho tên cướp nghe. Hắn mới nghĩ rằng:

“Nếu chúng ta cướp bóc tài sản của người như thế này chắc không tránh nổi lưới trời và có ngày sẽ bị tang thương đau khổ.”

Nghĩ vậy, nên tên cướp mới tập trung bọn lâu la lại và ra lệnh.

- “Các người nên đem đồ đạc của bà tín nữ này để lại chỗ cũ. Chúng ta đã lỡ phạm tội nên làm vậy để tỏ lòng ăn năn”.

Chỉ trong chốc lát nào tiền bạc, của sang vậy quý của thân mẫu ngài Sonati đều được trả lại chỗ cũ, không mất mát một đồng hay một vật gì.

Qua các sự việc trên, bọn cướp nhận thấy bà tín nữ này tại sao lại lạ hơn mọi người khác. Chúng rất ngạc nhiên không hiểu sao nhà bà giàu có, mà nghe cướp đến nhà, lại bình tĩnh được, không la cầu cứu đã đành mà cũng chẳng buồn về nhà thăm qua tự sự ra sao.

Khi nghe nói bà bỏ hết mọi công việc ấy cũng như không thèm quan tâm đến của cải cũng chỉ vì để nghe thuyết pháp, chúng lại càng ngạc nhiên hơn nữa.

Vậy thì thuyết pháp ra thế nào mà có mãnh lực kỳ lạ như thế?

Một tên xướng ra, cả trăm tên hưởng ứng... Cả chín trăm tên kéo nhau đến chùa nghe thuyết pháp. Trời vừa hùng đông thì vừa dứt thời pháp.

Tên tướng cướp đến quỳ mọp dưới chân bà tín nữ thưa rằng:

- Thừa bà xin bà xá tội cho chúng tôi.

Bà lấy làm lạ, nhất là khi biết tên này là tướng cướp vừa phá phách nhà mình nhưng vẫn than nhiên hỏi:

- Chuyện gì thế?
- Thừa bà, tôi là đứa oán ghét bà định đến vùng này giết bà xong cướp cả gia sản bà hôm nay..

Bà tín nữ đáp giọng hiền lành.

- Nếu vậy ta miễn lỗi cho con.

Bọn cướp thấy chủ tướng mình làm như vậy đều bắt chước làm theo. Bà cũng nói như trước, lời nói thêm nhẹ nhàng an ủi.

Bọn chúng mới nói:

- Thừa bà! Nếu bà tha lỗi cho chúng tôi thì xin bà hãy nói với con bà cho chúng tôi xuất gia.

Bà tín nữ nhận lời và nói với Đại đức Sonati rằng:

- Con ơi, những tướng cướp này trong sạch với con, muốn xuất gia theo con, vậy con hãy vui lòng tể độ.

Đại đức đáp:

- Lành thay!

Liên đó ngài cho xuất gia và đưa cả chín trăm người ấy lên núi tham thiên.

Đức Thế Tôn ở cách đó 120 do tuần. Ngài hiểu rõ câu chuyện giác ngộ đặc biệt này liền dùng thần thông cho chín trăm vị tỳ khưu mới thấy Ngài và thuyết chín lần kệ. Mỗi lần Đức Thế Tôn thuyết một câu kệ thì có một trăm vị tỳ khưu đắc A La Hán quả bay về Đức Thế Tôn và từ đây họ đã đến được con đường hạnh phúc vĩnh cửu.

21.- TÌNH YÊU VÀ NGHIỆP CHƯỚNG

Thuở xưa có một ông trưởng giả nọ sang giàu hơn thiên hạ. Gia đình sinh sống trong cảnh vô cùng sung túc. Bằng mọi thứ sung sướng mà tiền của đã đưa đến cho ông. Còn có cái thú khác nữa mà ai cũng thèm muốn đó là ông có bốn bà vợ xinh đẹp trẻ trung không ai chịu nhường ai.

Bà vợ thứ nhất được ông yêu mến hơn hết. Vợ chồng gần gũi nhau không giây phút nào rời. Thậm chí lúc đi đứng nghỉ ngơi, nằm ngồi, làm lụng v.v... lúc nào cũng có thiệp có chàng.

Ông ta chiều hơn cả cô chiều ông. Ông chăm sóc luôn cả món ăn đồ mặc cho nàng, sắm sửa gì trong gia đình thì ông lo sắm cho cô ta trước. Mỗi mùa mưa nắng, ông lo chạy chữa, đề phòng cho nàng làm sao cho sắc đẹp không hề sút kém.

Hai người ăn ở với nhau như bát nước đầy. Ông rất nuông chiều cô, chưa từng trái ý cô. Nhờ thế mà hai vợ chồng chưa từng có lời qua tiếng lại.

Cô vợ thứ hai không được chồng nâng niu gần gũi như cô chánh thất, nhưng cũng là một người biết thương biết trọng chồng. Nàng lo công việc gia đình ở phòng trong, ít khi gặp mặt chồng.

Thỉnh thoảng gặp được chồng nàng hân hoan sung sướng cố giành giật với “chị nhà” đôi phút bên chàng. Sau hạnh phúc ngắn ngủi ấy nàng lại trở về nhiệm vụ với vẻ mặt buồn thiu thiu.

Cô hầu thứ ba xem chừng lạt lẽo như khách qua đường. Năm thì mười họa có gần gũi được chồng, nàng mới tạm gọi là cuộc đời đáng sống còn ngoài ra kiếp sống nàng cô độc lạnh lùng làm sao!... Nếu ông chồng chẳng vì lâu ngày nhớ nàng, lui tới với nàng trong giây lát hoặc nếu trong tư phòng nàng không có xảy ra việc gì bất thường, thì chắc cả gia đình không có ai còn nhớ đến nàng nữa.

Cô thứ tư: một kẻ tôi đòi trá hình không hơn, không kém. Suốt ngày đêm nàng làm không rảnh tay tất cả những công việc chồng giao cho. Nặng nhọc khó khăn, nàng không oán trách, chồng đối xử theo kẻ trọc phú bần tiện, nàng cũng chẳng cần. Mặc dù thế chưa có một lần nào nàng được chồng chú ý thương hại hoặc săn sóc giúp đỡ gì để gọi là trả ơn nàng hết lòng thờ chồng.

Bỗng một hôm ông trưởng giả lâm bệnh nặng. Ông chạy chữa thuốc men đã nhiều nhưng không thấy thuyên giảm chút nào. Nhận thấy giờ lâm chung sắp đến, ông gọi người vợ thứ nhất đến nói:

- Ta sắp chết đây, em phải theo ta về bên kia cõi đời cho có mặt nhau, lúc tử như lúc sinh.

Người vợ thản nhiên, không gì bối rối đáp:

- Tôi không thể theo anh được.

Ông chồng ngạc nhiên hỏi:

- Suốt đời ta rất yêu mến người, chiều theo mọi ý muốn của người, sao bây giờ lại không đi theo ta? Trả nghĩa ta như thế ư?

- Anh có lòng yêu mến tôi thật, nhưng tôi không thể nào đi theo anh được. Anh biết cho như thế là đủ rồi.

Ông chồng buồn bực gọi người vợ thứ hai và cũng bảo nàng chết theo mình.

Cô hầu đáp:

- Bình sanh anh yêu mến chị cả hơn hết sao anh không bảo chị đi theo? Tôi là phận em út hầu hạ, đâu có thể cùng chết với anh được?

Người chồng nhìn nàng dăm dăm nói:

Ngày trước, lúc đi tìm cho được người để đem về làm vợ là chuyện khó khăn không thể tả được. Ta phải chịu lạnh chịu nóng, chịu đói chịu khát vì người. Bây giờ người nghĩ sao mà không đi cùng ta?

Người vợ nói lại:

- Anh chịu cực khổ khó khăn là để thỏa mãn lòng tham dục của anh. Vì nó thì anh trách nó chớ trách gì tôi? Anh cần đến tôi, chớ tôi có cần gì đến anh đâu mà anh đem chuyện gian khổ nói với tôi? Nếu anh chẳng thèm thường thân xác tôi thì anh đến tôi làm gì? Chuyện ấy tôi không mang ơn mắc nợ gì anh cả.

Người chồng lại kêu người vợ thứ ba đến và ưu ái khuyên nhủ nàng nên theo mình về bên kia cõi sống.

Người vợ thứ ba nói:

- Lâu nay tôi đã chịu ơn huệ của anh, nay đến ngày cuối cùng của anh, tình vợ chồng dù sao cũng đậm đà nồng thắm rủi bề nào tôi sẽ tiễn đưa anh ra đến ngoài thành mà thôi chớ chắc không thể nào đi hơn đến chỗ anh an giấc nghìn thu được.

Ông chồng lại thất vọng. Trong số bốn vợ thì ba bà đã từ chối niềm chung thủy với mình. Ông cho gọi người hầu thứ tư lên và cũng như mấy lần trước anh bảo cô hầu phải cùng chết với ông cho có bạn.

Cô hầu trả lời:

- Tôi xuất thân con gái, nhỏ ở với cha, thành gia thất ở với chồng. Tôi đã xa lìa cha mẹ đến đây hầu hạ anh để anh sai khiến, thì quyền chết sống vui buồn đều do anh. Đói với tôi tính mạng và cả cuộc đời tôi trao cả cho anh. Nay đến phút lâm chung, tôi xin theo anh cùng đi.

*

Ba người vợ trước là những người ý hiệp, tâm đầu với chồng mà không thể đi theo được. Người thứ tư khổ cực xấu xí một kẻ tôi đòi chẳng chút nào hợp ý với chồng lại chịu chết cùng chồng.

Câu chuyện xảy ra làm ai ai cũng ngạc nhiên không sao hiểu tâm địa của mỗi hạng người.

Có người đem câu chuyện lên trình Đức Phật. Ngài dạy: Người vợ thứ nhất dụ cho thân người. Người đòi ra mền xác thân hơn cả vợ lẫn con, nhưng đến khi chết nằm trơ nơi đất chẳng chịu đi theo!

Vợ thứ hai dụ cho của cải! Không được thì vui chẳng được thì buồn. Đến khi chết, của cải hoàn lại cho đời, nào có chịu đi theo!?

Vợ thứ ba là dụ cho cha mẹ vợ con, anh em, bạn bè tôi tớ v.v... Lúc sanh thời lấy ân nghĩa tình ái cùng nhau tưởng mền, đến khi chết, họ khóc lóc thảm thiết, thương nhớ nhau thật đấy nhưng cũng chỉ tiền đưa đến ngoài thành tức nghĩa địa là cùng.

Lại khóc than thảm thiết lần nữa rồi cuối cùng họ từ giã nắm mồ hoang lạnh ai về nhà nấy, vì ai lại chẳng có công ăn việc làm, tình nghĩa riêng tư? Ai còn bận tâm đèo bồng theo người chết nữa?

Có thương nhớ chẳng, lâu lắm cũng không quá mười ngày, rồi lại nhóm họp nhau ăn uống vui say quên mất người chết.

Nhưng người vợ thứ tư lại khác, vợ thứ tư là tâm ý của con người. Trong thiên hạ ai mà không có tự ái bảo thủ ý mình, buông tâm thả ý, tham dục, giận dữ, chẳng tin chánh đạo? Đến khi chết chỉ có tâm ý mới chịu đi theo để phải đọa vào ác đạo. Vì thế ta phải tự mình thẳng tâm chánh ý.

22. - DƯỚI BÓNG TAM QUAN

Sáng hôm ấy kinh thành Xá Vệ tung bừng rộn rịp khác hẳn mọi hôm. Trên các nẻo đường lớn, ngựa xe tấp nập, từng đoàn người nam cũng như nữ qua lại tranh nhau từng bước trong những bộ áo màu sắc sỡ.

Các cửa hàng đông nghẹt kẻ bán người mua. Tiếng guốc giày, tiếng vó ngựa vang lên tạo thành những âm thanh muôn điệu. Lại thêm tiếng xì xào của khách qua đường chuyện vãn nhau, tiếng trẻ em đùa giỡn, cùng muôn ngàn tiếng động không biết xuất phát từ đâu... tất cả đem lại cho Xá Vệ hôm ấy một sinh khí mới mẻ, mãnh liệt khác hẳn với những ngày mưa gió buồn bã vừa qua.

Nhưng đi sâu vào các đường hẻm thì những cảnh sống hình như vui tươi giàu mạnh của số đông người trong hai giai cấp Sát Đế Lợi và Bà La Môn ấy không còn nữa, mà những cảnh bần cùng, đen tối của hai hạng người Tỳ Xá và Chiên Đà La hiện ra quá rõ rệt. Một

trạng thái xã hội trái ngược như thế đã làm nhiều người chú ý. Xã hội Ấn Độ thời bấy giờ có bốn giai cấp phân biệt nhau rõ rệt. Sát Đế Lợi là giai cấp của vua chúa và Bà La Môn là giai cấp giáo sĩ của đạo Bà La Môn xưa nay nắm ưu thế và mọi quyền lợi trong nước. Hai giới hạ tiện Tỳ Xá và Chiên Đà La là những hạng người suốt đời cam làm thân phận tôi mọi phục dịch cho hai giai cấp trên...

Cảnh sinh sống của hai hạng người này rất đáng thương tâm... trong những đường xá chật hẹp, từng ngàn túp lều tranh, lá xiêu vẹo thấp lè tè. suốt ngày không mấy khi mở cửa... Những đứa bé đùa nhau chọc ghẹo đánh đập trong bùn dơ, nước đọng bên vệ đường... Những người tàn tật, nghèo đói lũ lượt đi từ nhà này sang nhà nọ xin nhờ sự bố thí một cách khó khăn...

Như thường lệ, sáng nay Đức Phật vào thành để giáo hoá. Ngài đi hết phố này đến xóm khác, tiếp xúc với bất kỳ ai, không phân biệt sang hèn nghèo giàu... Vì ngài là tượng trưng cho Công bình Huynh đệ.

Ni Đề, một thanh niên thuộc giai cấp Chiên Đà La đang gánh một gánh phân chạy lon ton trên con đường cái quan trong xóm nhỏ vừa thấy Đức Phật chàng bối rối sợ sệt, vội rẽ qua đường khác và tự than thân trách phận. Chàng nghĩ rằng mình đã sinh vào nơi thấp kém mà còn phải làm những việc đê hèn dơ bẩn như thế này nữa, thật là quá vô phước. Đã thế, trong xã hội, đồng là người cả thì sao lại đình nhau trong cuộc sống?

Tuy rằng qua đường khác đôi mắt chàng vẫn đắm đắm hướng về hình ảnh trang nghiêm sáng rực hào quang của Đức Phật

Một sự ao ước trào dậy trong lòng chàng:

- “Ôi biết bao giờ ta được trực tiếp gặp đấng sáng suốt kia.”

Càng nhìn, lòng chàng càng cảm mộ. Tuy chưa gặp Đức Phật lần nào song đức hạnh hoàn toàn của Ngài chàng đã được nghe nhiều người kể lại.

Đức Phật đã hiểu ngay tâm niệm của Ni Đề qua cử chỉ rụt rè và đôi mắt đắm chiêu. Ngài bước nhanh về phía chàng.

Thấy Đức Phật đến Ni Đề hoảng hốt, vì nhận thấy mình bẩn thỉu dơ nhớp không đáng gần Ngài, phần sợ người bắt tội nên lần tránh vào ngõ hẻm khác.

Đức Phật ở xa nói lại với một giọng thanh êm ái:

- Con ơi! Như Lai đến với con đây. Sao con lại tránh?

Ni Đề để đôi thùng xuống, run rẩy thưa:

- Bạch Ngài! Con không dám, có điều chi dạy bảo, xin ngài ban cho, xin Ngài đừng đứng gần con...

Đức Phật bước thêm và lại đứng sát bên mình Ni Đề. Chàng cúi xuống và sắc mặt biến xanh, ra vẻ sợ sệt lắm, nhưng Đức Phật đã nở nụ cười chan chứa tình thương, an ủi:

- Con ơi! Không ai có quyền bắt tội con đâu, vì chính Như Lai đến với con chứ không phải con tìm đến Như Lai.

Hơn nữa, Như Lai nay không phải là người trong giai cấp vua chúa như Thái Tử Tất Đạt Đa ngày xưa, mà là người của tất cả chúng sanh, nhất là của hạng người đau khổ như con. Như Lai muốn nói với con một vài câu chuyện...

Nghe qua lời nói dịu hiền đậm đà tình thương của Đức Phật, chàng thanh niên quảy phân mới bớt lo sợ và nhìn Đức Phật một cách triu mến, chàng thưa:

- Chẳng hay Đức Thế Tôn vẫn đoái hoài đến hạng người cùng khổ như con sao? Và con đây cũng được Ngài dạy bảo và được thực hành theo đạo của Ngài sao?
- Ai đã làm cho con thắc mắc những điều ấy? Đức Phật nghiêm nghị hỏi lại.
- Bạch Thế Tôn! Những đạo sĩ Bà La Môn thường nói chỉ có giai cấp họ và người trong dòng Sát Đế lợi mới có quyền thờ kính Hiền thánh và có quyền giao thiệp với người đồng giai cấp, chứ bọn con thuộc dòng hạ tiện không có phép làm những việc của họ làm và phải trọn đời phục dịch cho họ.

Ni Đề còn muốn nói nhiều nữa, song Đức Phật ngắt lời và hỏi:

- Vậy con không biết Như Lai ra đời để cứu khổ cho chúng sanh bằng cách phá tan những mê tín dị đoan ý lại thần quyền và phân biệt giai cấp để đưa chúng sanh đến cuộc sống bình đẳng an vui sao?

“Không có phân chia giai cấp trong giọt máu cùng đỏ và giọt nước mắt cùng mặn”.

Thôi giờ đây, con có muốn sống một cuộc đời tươi đẹp và rộng rãi không? Và con muốn sống gần Như Lai không?

Hai hàng nước mắt Ni Đề ràn rụa chảy dài xuống má. Chàng thưa:

- Đó là điều con tưởng không bao giờ thực hiện được. Nếu được Ngài cứu độ, thì đó là phước lành ngàn năm một thuở của con vậy...

Dịu dàng Đức Phật cầm tay Ni Đề đưa đến một bờ sông gần đấy. Tắm rửa xong, chàng theo Ngài trở về tịnh xá Kỳ Hoàn và được Đức Phật thu nạp vào giáo hội cho làm Tỳ Khưu.

Qua một thời gian tinh tấn tu luyện, Ni Đề đắc quả Tu Đà Hoàn rồi lần chứng quả A La Hán.

Bấy lâu Ba Tư Nặc Vương bất bình và không hiểu tại sao Đức Phật là người dòng hào thế Thích Ca mà lại độ đệ tử phần nhiều là những người ở hai giai cấp dưới.

Nay lại vừa nghe Đức Phật mới độ cho Ni Đề, một tên gánh phân dê tiện nghèo đói ông lại bất bình hơn nữa.

Càng nghĩ đến việc này, vua Ba Tư Nặc càng thêm tức giận. Liên đó ông cùng các vị cận thần đi đến Tịnh xá Kỳ Hoàn để xin Phật dừng độ cho Ni Đề làm Tỳ Khuru và từ rày trở về sau đừng cho những người thuộc giai cấp hạ tiện xuất gia.

Thương hại thay cho quan niệm sai lầm của ông và của những người trong giai cấp quen thống trị thiên hạ!

Khi vua Ba Tư Nặc và đoàn tùy tùng vừa đến tam quan tịnh xá Kỳ Hoàn, thấy một vị Tỳ Khuru đang ngồi trên một tảng đá lớn khâu vá chiếc áo cà sa cũ.

Ba Tư Nặc Vương liền đến nhờ vị Tỳ Khuru ấy vào bạch Phật xin cho ông yết kiến.

Nhận lời vị Tỳ Khuru thay vì đi quanh tảng đá vào trong lại xuyên tảng đá và ấn hình dấu mắt. Ba Tư Nặc và mọi người thấy lạ đâm ra hoảng sợ nhưng vô cùng khâm phục.

Một lát sau vị Tỳ Khuru lại từ trong tảng đá hiện ra và trả lời cho Ba Tư Nặc Vương:

- Mời Đại Vương cứ vào, Đức Thế Tôn đã hứa tiếp Ngài.

Vua Ba Tư Nặc bái chào rồi cùng các hạ thần đi ngay vào Tịnh xá.

Đánh lễ Đức Phật xong, Ba Tư Nặc Vương liền hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Thầy Tỳ Khuru xin cho con vào yết kiến là ai tên gì mà có thần thông quán đại như vậy? Thầy đã xuyên qua vách cứng một cách nhẹ nhàng tự tại.
- Đại Vương! Đức Phật đáp, ấy là Ni Đề người gánh phân thành Xá Vệ mà ta đã độ cách đây hơn một tháng nay đã chứng quả A La Hán nên có những thần lực như vậy.

Thấy Ba Tư Nặc Vương im lặng ra chiều suy nghĩ, Đức Phật ôn tồn nói thêm:

- Này Đại Vương! Trong đất như nấp nở lên những cánh hoa đầy hương thơm tinh khiết Đại Vương có thích và có ưng nói đến không?
- Bạch Thế Tôn! Nếu là hoa đẹp hương thơm thì không ai không quý không muốn hái để ngắm nghía trang hoàng cả.
- Đại Vương! Cũng vậy, tuy người ở trong các giai cấp dưới cũng do đâu mà có, giai cấp chẳng qua cũng do con người câu nệ phân chia ra thôi, nhưng nhờ sửa đổi đức hạnh, rèn luyện trí tuệ trở thành thánh hiền, thì người nọ có nên cung kính cúng dường không?

Ba Tư Nặc Vương thưa:

- Bạch Thế Tôn, đã là thánh hiền rất đáng cho phàm phu chúng con cung kính cúng dường lắm.

- Lành thay! Đại Vương quả là người sáng suốt biết quý trọng giá trị chân thật của con người.

Mặt trời làm tan mây mù ra sao thì những lời nói của Đức Phật cũng làm tan những ý niệm khinh dễ, chán ghét Ni Đề và các người trong hai giai cấp dưới của Ba Tư Nặc Vương thế ấy.

Bắt đầu từ đó ông vô cùng kính phục tài năng và đức hạnh của Ni Đề, vị tỳ khưu mà ông gặp dưới bóng tam quan tịnh xá Kỳ Hoàn.

Ba Tư Nặc Vương lại xin Phật cho thỉnh vị A La Hán Ni Đề ngày mai vào nội thành để giáo hóa cho Hoàng tộc và nhân dân và cũng để cho nhà vua được cúng dường luôn thể.

Đức Phật hứa cho Ba Tư Nặc Vương và các vị cận thần đánh lễ và trở ra tam quan để trực tiếp thỉnh vị A La Hán thần thông tự tại khi này.

Được vị A La Hán này chấp nhận Ba Tư Nặc Vương vô cùng sung sướng. Trên đường về ông không ngớt tán thán Đức Phật đáng hiện thân của bình đẳng và giáo hội của ngài là một đoàn thể đầy đủ tài năng và đức độ.

23.- TÌM VỀ CÔI PHẬT.

* Truyện nàng Patàcàrà

MỐI TÌNH NGANG TRÁI

Trong một gia đình triệu phú, một cô xuân nữ trưởng thành trên nếp sống nhung lụa. Nàng đẹp lắm, tên nàng là Phan-Ta-Ca (Patàcàrà). Biết bao công tử thềm ước nàng nhưng không được toại nguyện, vì nàng đã lỡ trao trọn mối tình đầu cho một chàng thanh niên trai trẻ, hiện giúp việc trong nhà nàng. Thế rồi mối tình thâm lén ấy đã gây cho họ một cảnh ngộ ngang trái, và lo sợ họ lại càng thông cảm yêu thương nhau hơn.

Để xây đắp cuộc đời hạnh phúc, một chương trình thoát ly gia đình, được họ cẩn thận sắp bày và chỉ còn chờ cơ hội thuận tiện là thi hành ngay. Một hôm, nhờ trời tối, hai người không dám bỏ lỡ dịp tốt, lập tức cải trang và khăn gói lên đường để thực hiện mộng yêu đương. Tình yêu đã đem đến cho họ một cái thai. Gần ngày sinh nở, người vợ lo lắng không biết ai là người đỡ đần săn sóc mình trong những phút đau đớn ngất người. Dem câu chuyện lo ngại ấy bàn với chồng, người vợ kết luận.

- Theo em, anh ráng chịu khó đưa em về sinh nở tại nhà ba má và như thế em thấy tin tưởng nhiều hơn.

Người chồng an ủi vợ và nói thẳng rằng: Anh không dám chường mặt về gặp ba má, vì ba má có thể giết anh hoặc bỏ tù chẳng hạn.

Bị từ chối, người vợ nhận thấy mình phải can đảm thực hiện ý nghĩ ấy. Và chính mình lo cho mình là hợp ý nhất. Thừa cơ hội chồng đi vắng người vợ liền lén bỏ nhà ra đi không một lời từ giã chòm xóm.

Đến buổi cơm, người chồng trở về mái nhà ẩm áp. Nhưng hỡi ôi! Hình bóng người vợ hiền đã không còn nữa. Hỏi thăm cô bác, người quen kẻ lạ, xa gần không ai biết chi về sự ra đi của vợ chàng cả.

Sự nhớ câu chuyện vợ chồng bàn cãi hôm qua, chàng lật đật theo dấu chân vợ, và đã gặp lại nàng trên khoảng đường vắng vẻ khá xa. Cảm lòng không đậu với những câu năn nỉ buồn khổ của chồng, nàng thuận tình cùng chồng trở về mái nhà cũ. Họ đã cực khổ với nhau trong lúc sinh nở, và nuôi dưỡng hài nhi. Tuy nhiên tình thương con đã an ủi họ bớt đi một phần buồn tẻ.

SINH CON TRONG CẢNH CÔ ĐƠN LẠNH LẼO GIỮA RỪNG SÂU.

Lần thứ hai, gần ngày sinh người vợ cũng bỏ nhà trốn về nhà cha mẹ nữa. Chuyến đi này xảy ra bao cảnh tượng nát lòng, khiến cho ai nghe cũng hết sức cảm động, cơ hồ như có thể khóc cho người trong cuộc được. Số là sợ chồng theo kịp nàng Pha-Ta-Ca ráng bước thật mau không kịp quan sát con đường ấy đưa nàng về đâu không ngờ nàng đã lạc vào một khu rừng. Trời bắt đầu mưa nặng hạt, màn đêm dần dần bao trùm lấy vạn vật, tiếng âm u huyền bí của rừng xanh và khí lạnh thấu xương gây cho nàng Phan-Ta-Ca một cảnh hãi hùng khủng khiếp. Tai hại hơn hết là thai nhi bắt đầu chuyển mạnh, cơn đau như xé ruột đã đến với nàng và cuối cùng tiếng khóc chào đời của hài nhi đã kéo nàng về thực tế. Dường như định nghiệp quá khắt khe và dụng ý phũ phàng cho kiếp sống của nàng nên trời vẫn mưa, mặc dù nàng đã lạnh lắm rồi và tiếng khóc gần như thất thanh của hài nhi hòa với tiếng rên đút khoảng của đứa con hai tuổi đương ướt át run rẩy ngời một bên tay không buông mẹ.

Quá đau lòng, người mẹ yếu ớt xanh xao vì sự sinh nở ấy, mặc dù cảm thấy tay chân gần như tê liệt, bởi mưa sa gió lạnh cũng thu hết sức tàn ngời quý hai gối, và chống hai tay để che mưa cho đứa con vô tội mới mở mắt chào đời.

Đến gần sáng người chồng mới theo kịp, chàng vừa tìm ra dấu chân vợ, nhưng phải cảnh nát lòng khi nhìn thấy người vợ thân yêu đương quần quai sau cơn sinh nở, và hai đứa con gần chết lạnh. Sẵn dao cầm trong tay, người chồng an ủi vợ hãy ráng chờ mình kiếm một ít củi khô về đốt để hơ cho đỡ lạnh.

Nhưng rủi thay cho chàng lúc kiếm củi khô, bị một con rắn hổ mỗ chết tại chỗ.

Chờ chồng mãi không thấy về, tâm linh như báo trước cho nàng một điềm chẳng lành đã xảy ra cho chồng. Tình thương chồng đã thúc đẩy nàng đứng lên, lê từng bước chân nặng nhọc, xiên xẹo vì tê buốt, nàng lần mò theo dấu chân chồng. Khi đến nơi thì hỡi ôi! chồng chỉ còn một cái xác không hồn, toàn thân bầm đen vì nọc rắn.

NỬA ĐƯỜNG ĐÚT GÁNH

Trước vong linh người chồng bạc phước bỏ thân vì mình một cách oan uổng, nàng Phan-Ta-Ca cảm thấy trái tim như ngừng hẳn lại, lặng người đi vì quá cảm xúc và kể tiếp những tiếng khóc than hòa với tiếng nấc nghẹn ngào gây cho cảnh rừng núi làn tử khí lạnh lẽo và rừng rợn.

Sau cơn khủng hoảng và nước mắt cơ hồ như đã cạn, nàng Phan-Ta-Ca bèn nhặt những nhánh cây khô mà chồng nàng vừa kiếm được ít nhiều, đắp điếm thi hài người chồng xấu số rồi nghẹn ngào dặt con già biệt.

Trên khoảng đường về nhà cha mẹ nàng Phan-Ta-Ca vẫn tiếp tục khóc.

Phải, nàng khóc cho môi tình dang dở, khóc cho kiếp sống lạc loài, khóc cho người chồng vì mình phải bỏ thân nơi rừng hoang vắng, và nàng khóc cho hai trẻ đầu xanh vô tội sớm chịu cảnh mất cha. Nàng chịu tang chồng đã đành song hai trẻ làm chi nên tội mà cũng phải chịu tang cha! Thật là:

Nhớ chồng thất đau từng đoạn ruột.

Nhìn con suối lệ cứ tuôn tràn

NGANG TRÁI DẬP DÒN

Quá đau khổ vì dĩ vãng, nàng Phan-Ta-Ca tay ẩm tay bông, nặng nhọc lê bước lên đường, phần đói phần nặng, phần vừa mới sinh nở, ngần ấy cảnh hãi hùng khiến nàng không muốn sống nữa.

Bống đầu một mạch nước tuy không sâu nhưng rộng lắm và chảy rất mạnh, vì trọn một đêm trời mưa không dứt hột.

Nhìn dòng nước vô tình chảy xiết nàng ái ngại cho thân phận mình, vừa sinh nở yếu đuối như thế này, làm sao điều độ hai trẻ khỏi cảnh chết đuối vì nước cuốn! Nhưng nếu không liều thì làm sao trở về gặp cha mẹ. Thôi thì một liều, ba bảy cũng liều, và lại có bè nào đi nữa thì cũng vui lòng để được gặp lại người chồng yêu quý ở bên kia thế giới.

Lấy lại can đảm, nàng dặn dò đứa con lớn ngồi chờ ở bên này bờ suối bao giờ điều độ đưa nhỏ sơ sanh qua bên kia sông sẽ trở qua rước một lần nữa. Sau một hồi lâu vùng vẫy chống chọi với dòng nước đang cuồn cuộn sóng nàng mới đến được bờ bên kia. Ngồi nghỉ lại một hồi lâu, nàng bèn đặt đứa con dưới một gốc cây và từ từ trở lại để rước đứa con lớn.

TỬ THẦN RƯỚC CẢ HAI CON.

Nhưng phước bất trùng lai, họa vô đơn chí, nên khiến cho thảm cảnh đau lòng lại diễn tiếp theo cuộc đời sóng gió của nàng. Số là trong khi nàng đang gắng gượng dò dẫm từng bước một giữa giòng nước, thì một con ó biển to từ đâu xuất hiện lượn tới lượn lui trên không trung. Bống mắt nó sáng lên, vì nó dòm thấy đứa nhỏ, da thịt còn đỏ đương nằm ngo

ngoe dưới một tàn cây, ó ta lập tức xếp cánh buông mình hạ xuống xót đũa nhỏ. Được mỗi ó bèn vỗ cánh bay lên cao.

Vừa ngó ngoáy thăm chừng con nhỏ, kịp khi thấy ó xót đũa con, nàng la thất thanh đưa hai tay lên trời vừa ngoắc vừa la, bảo ó kia trả lại con cho nàng. Nhưng ó ta còn nghe biết là chi, chỉ có dư âm tiếng la thê thảm của nàng đập vào nước vang vào rừng trả lời lại nàng. Tiếng la nhỏ dần và cuối cùng tắt chìm trong tiếng nấc nghẹn ngào.

Cùng lúc ấy đũa con lớn đang ngồi đợi mẹ ở bên kia bờ, thấy mẹ đưa tay lên, vừa ngoắc vừa la tưởng là mẹ kêu bảo nó ra, nên lập tức nhào đại tới trước để rồi bị dòng nước chảy mạnh cuốn đi mất tích.

Người mẹ đau khổ vừa kịp thấy đũa con đã bị nước cuốn rút đi không biết làm sao cướp lại, chỉ còn nước kêu trời và khóc la thảm thiết: “Ôi! Trời như sầu đất như thảm, sơn hà như bi lệ cho ta.” Và lòng nàng Phan-Ta-Ca tan nát vạn niềm đau.

Bấy giờ nàng bắt đầu khóc, cười, vui, buồn không chừng. Tinh thần nàng đã bị khủng hoảng. Nàng cứ tự nhiên để cho bước chân lỗi nhịp đưa nàng về nơi vô định.

Các bạn hình dung thử một người đàn bà sau một ngày sinh nở, lại phải mang một lượt ba cái tang, tang chồng và tang hai con ấy, đau khổ biết dường nào! Dù cho kiên gan cách mấy chúng ta cũng phải nã lòng thương tâm cho người trong cuộc.

ĐIÊN KHÙNG VÌ QUÁ ĐAU KHỔ.

Kiếp sống đắng cay, định mệnh phũ phàng bấy nhiêu dường như chưa đủ, nên bi kịch còn tái diễn một màn chói. Nàng Phan-Ta-Ca hoàn toàn mất trí. Số là nàng gặp ông lão đi ngược chiều về phía nàng lúc ấy nàng tỉnh táo một phần, nên gượng hỏi thăm ông lão về tin cha mẹ được bình an sức khỏe thế nào? Ông lão thở ra, cố nén cơn xúc cảm vì tội nghiệp, ông đưa tay chỉ làn khói đen đương quyện lên cao ở hướng nhà nàng và nói: Cháu ơi! sao mà cháu vô phước lắm vậy, ông bà bá hộ đâu còn nữa, vì hồi hôm trận bão quá to đã làm cho nhà của cháu sụp đổ và ông bà đã thiệt mạng cùng một lượt, hiện giờ làn khói đương quyện lên ấy là nơi hỏa táng hai ông bà.

Vừa nghe ông lão dứt lời, nàng té xỉu dưới đất ngất đi một hồi lâu. Sau khi tỉnh dậy nàng đã mất hết trí khôn cởi xé hết quần áo. Phần lỏa lồ, phần thì nói bậy, nói bạ, khóc cười vô chừng khiến trẻ nít trong xóm la ó lên rủ nhau rượt theo gọi nàng mỗi phút một thêm đông. Con diên được dịp càng bộc phát nàng nhảy múa ca hát những bài hát điên cuồng, cử chỉ quá đau khổ của nàng trong khi ấy được lũ trẻ cho là ngộ nghĩnh chúng kéo nhau bao vây nàng như coi hát bội.

Nhưng đời sống gió của nàng cũng phải có lúc ngừng và sự yên lặng bình tĩnh cũng phải trở về với nàng. Số là hôm ấy đức Từ Phụ thấy rõ căn nguyên của nàng có thể đắc quả Giải thoát được, Ngài điềm tĩnh chờ đợi mặc dù đã đến giờ thuyết pháp. Trong hàng thánh giả cũng yên lặng, phập phồng và tin chắc thế nào cũng có một câu chuyện phi thường xảy ra tuy nhiên không dám hạch hỏi Phật vì quá tôn trọng Ngài.

ÁNH SÁNG THIÊN LIÊNG ĐÃ CHIẾU VÀO NGƯỜI TUYỆT VỌNG.

Thì đây, họ không phải chờ đợi thêm nữa, vì tiếng la ó của lũ trẻ đã đến gần chùa, đi trước là Phan-Ta-Ca, nàng không còn hổ thẹn nữa, mặc dù trần truồng như nhộng và tai hại hơn hết là nàng đường đột đi vào giữa hàng thánh giả. Những tiếng xua đuổi gay gắt của một ít người và cử chỉ trơ trẽn bất chấp của nàng đã khiến đám đông thiện nam tín nữ càng thêm khó chịu.

DUYÊN MAY GẶP ĐỨC NHƯ LAI.

Giữa lúc tình trạng xáo trộn bỗng một thanh âm ngân vang như chuông đồng kéo dài chúng trở về thực tế.

Đức Phật truyền dạy đại chúng nên để cho nàng Phan-Ta-Ca được tự do vào hầu Ngài. Phan-Ta-Ca được thể bèn đi về hướng Đức Phật không ngượng ngùng chi cả. Vừa khi ấy một đạo hào quang sáu màu từ Đức Phật chiếu ngay vào mình nàng Phan-Ta-Ca. Không hiểu đạo quang có năng lực thế nào mà khiến nàng Phan-Ta-Ca thu hồi lại trí hiểu biết ngay, và tự hổ thẹn ngồi bẹp xuống tỏ vẻ luống cuống thẹn thùng sợ sệt.

Thương tình, có vài vị trong số thánh giả có mặt hôm ấy tháo khăn choàng cổ quăng đến cho nàng. Được khăn nàng lật đặt đắp vào mình phủ phục trước tôn nhan của Đức Đại Từ Bi.

Đức Thế Tôn bèn dùng lời đạo đức an ủi nàng và điều trị bệnh uất ức đau khổ của nàng.

Ngài dạy: này Phan-Ta-Ca nước mắt nàng khóc, trong khi đụng chạm với bao cảnh trái ngang đau khổ, từ vô lượng kiếp đến nay đã nhiều hơn nước biển ở Đại Dương rồi. Vậy từ nay về sau nàng đừng nên để cho dòng nước mắt ấy chảy nữa.

Nàng hãy nghe Như Lai thuyết đây: Và nàng hãy tự cởi mở sợi giây phiền muộn uất ức trong lòng nàng. Nàng hãy thương thân nàng nhiều hơn hết, vì chính nàng là nơi nương nhờ của nàng, nàng là đấng thiên liêng của đời nàng, nàng chẳng nên chịu tội mê nữa. Vì tội mê nên nàng đã ngộ nhận tất cả những nhân vật thương yêu triu mến cho là của nàng, rồi mê chấp đến bao giờ không còn bảo vệ chúng được nữa hoặc vì một nguyên nhân nào khác chúng không ở với nàng nữa thì nàng khóc lóc uất ức điên cuồng. Và nếu không có duyên may gặp Như Lai thì đời nàng sẽ phải đắm chìm trong biển khổ không bao giờ tìm ra ánh sáng thoát ly. Như Lai khuyên nàng từ nay hãy sớm giác ngộ để trở về cảnh giới của chư Phật. Nàng nên hiểu rõ: người mê thường ngộ nhận rằng tôi có chồng con, tôi có của, mà quên rằng chính cái thân của họ còn không phải là của họ nữa là chồng con, của cải, nên họ luôn luôn đau khổ.

Sau khi nghe Pháp nàng tỉnh ngộ xin xuất gia cố gắng tu hành về sau đắc được Đạo quả Giải thoát không còn lặn hụp trong biển lệ sông mê nữa.

24.-SANH DIỆT LỄ THƯỜNG.

Câu chuyện thương tâm này xảy ra tại thành Ba La, nay xứ Ấn Độ.

Là tiền kiếp của Đức Thế Tôn, Ngài sanh làm một người nông dân Bà La Môn. Cảnh nhà không đến nỗi nghèo khổ song vợ chồng ông Bà La Môn phải vất vả suốt ngày vào việc đồng áng vườn tược, việc vặt vạnh quanh nhà. Tuy suốt năm đầu tắt mặt tối hai người vẫn thương yêu quý trọng nhau như thuở ban đầu.

Chẳng bao lâu người vợ sinh hạ được một nam một nữ. Gia đình sống trong cảnh hạnh phúc đầy đủ.

Để xây dựng lần tương lai cho con, ông bà bèn cưới vợ cho cậu con trai.

Hằng ngày từ sáng sớm đến chiều tối hai cha con lo việc đồng áng. Buổi trưa về nhà mất công, nên có đứa đầy tớ gái đem cơm ra ngoài ruộng cho hai người.

Có một điều đáng chú ý là ông hằng khuyên nhắc gia quyến nên niệm tưởng đề mục chết cho thường xuyên. Ông giải thích: “Các pháp sanh diệt là thường và mọi người chớ nên để đuôi quên nhiệm vụ.”

Một hôm nọ vào lúc nửa buổi ông Bà La Môn đang đánh trâu bừa thửa ruộng còn cậu con trai đốt cỏ trên bờ.

Việc rủi ro đâu xảy đến: đồng cỏ khô đang đốt lại ở gần một hang rắn hổ, lửa cháy bùng bùng hơi nóng và khói tỏa vào hang, nghẹt hơi thở không được làm cho vợ chồng nhà rắn tức giận bò ra. Gặp lúc chàng thanh niên đang ngồi gần đó, rắn liền mổ vào chân làm cậu ngã liền ra bất tỉnh.

Người cha mãi lo cày bừa không hay biết gì cả. Thấy con lâu trở lại, ông mới nhìn qua đồng rác thì thấy con đã nằm dài. Ông lật đật bỏ bừa chạy lại thì than ôi! Mình mảy đứa con thân yêu đã thấm độc xanh tím và chết cứng tự bao giờ.

Theo thường tình thế gian, thì chắc ông Bà La Môn sẽ khóc rống lên như ai và kể lễ nghẹn ngào rồi ma chay sẽ được tổ chức rườm rà tốn kém.

Nhưng đối với ông Bà La Môn lại khác. Ông không chút nao lòng, không một tiếng than, không một giọt nước mắt, và bình tĩnh hơn lúc nào hết. Ông sờ sẫm vào con, lật qua lật lại xem còn có thể cứu được không.

Sau khi nhận thấy vô phương cứu chữa, ông bèn ẵm thi hài đứa con đem đặt dưới một tàng cây to mát mẻ rồi trở lại tiếp tục cày bừa như không có việc gì xảy ra cả.

Thật là một cử chi phi phạm!

Sau lúc đó không bao lâu ông thấy một người quen trong xóm và ở gần nhà ông đi làm về. Ông bèn nhờ người ấy nói lại với gia đình biết, phần cơm trưa hôm nay thay vì hai phần

như mọi hôm chỉ nên đem lấy một thoi và toàn thể gia quyến nên đến cùng một lượt không nên để người tớ gái đi một mình.

Ngoài ra ông không nói gì thêm về tai họa lớn vừa xảy ra cho gia đình ông.

Nghe qua câu chuyện người hàng xóm, nội nhà đều biết cậu hai đã chết, song cũng y như ông ta, không ai nhào khóc than van như thường tình. Thậm chí đến nàng dâu cũng không có một cử chỉ đau buồn gì đối với người đầu ấp tay gối của mình lâu nay.

Mọi người đều rất bình tĩnh và trầm lặng trong ý nghĩa cao sâu.

Theo như lời dặn, cả gia đình ông Bà La Môn trưa hôm ấy lo cơm nước xong đưa nhau ra ruộng, có cả mặt đũa tớ gái nữa.

Đến nơi thấy thi hài người thân yêu, ai ai cũng như nhau không có một lời tiếc than bộc lộ ra ngoài. Họ đều can đảm chấp nhận lấy số phận như chàng thanh niên kia đã chấp nhận cho số phận ngắn ngủi.

Dưới tàng cây họ im lặng đặt tràng hoa lên thân mình người yêu quý đã lạnh cứng. Rồi liền đó họ thiết lập một hỏa đài đơn sơ bằng những cành cây khô mát ở chân đồi.

Ngọn lửa bắt đầu cháy, khói từ từ quện lên cao và hòa vào không gian vô tận... lửa càng cao khói càng đậm và trong làn khói phủ cả một bầu trời đen tối ấy, tang quyến cảm thấy thấy thoáng qua một cái gì biệt ly và tan vỡ. Là cha, mẹ, là vợ, là em, sự thương tiếc thương tình của con người không hẳn không có, nhưng họ là người giác ngộ nên đã biểu lộ tình cảm ấy theo một khía cạnh sâu sắc tinh vi hợp lẽ đạo hơn.

Nhìn ngọn lửa đang tấp cháy thi hài cậu hai, tai nghe tiếng lách tách của lửa lẫn lộn với tiếng thịt nứt, máu tỏa ra để rồi cháy khô đen, họ đã không khóc, mà trái lại còn cho đó là một cơ hội để họ thử thách và đo lường khả năng hành thiện của họ đã tiến hóa đến đâu rồi. Và trong cuộc thử thách cam go ấy, họ đã chiến thắng hoàn toàn, còn Ma Vương phiền não là kẻ chiến bại thảm thương.

Khi hỏa đài đã sụp, ngọn lửa sắp tàn, và trong đồng than nóng hổi người con trai, người chồng yêu quý, người anh gương mẫu ấy chỉ là nhúm tro trắng. Vợ chồng ông Bà La Môn cùng đám con cháu chậm rãi về, Mặt trời đã xế chiều, ánh dương đã mờ, nhưng trong lòng họ đã phát ra một ánh sáng mới. Họ đã thấu hiểu lời dạy của Phật: “Cái rầu buồn phiền muộn là quả của một tình thương ích kỷ. Thương yêu sinh uất ức, sinh lo sợ, dứt được thương yêu thì uất ức lo sợ không còn”.

Quá cảm phục cử chỉ của năm người trong gia đình ông Bà La Môn, đức Đấng Thích Chứa của hai cõi trời Tứ Đại Thiên Vương và Đạo Lợi liền biến thành một ông lão, chậm chậm bước đến gần họ và hỏi:

- Tại sao tang quyến không khóc chắc có lẽ người chết kia là thù nhân của gia đình chăng?

Ông Bà La Môn đáp:

- Rắn già lột vỏ, thì tiếc gì cái vỏ cũ xi kia. Vô thường là thế, tiếc thương than khóc có ích gì.

Bà vợ ông tiếp:

- Nó đến tôi không gọi, ra đi nó cũng không lời từ giã. Lửa cháy nó không biết nóng, thì lời khóc than sao nó biết được?

Người con gái đáp:

- Khóc than chỉ tổ ốm gầy, lợi được gì mà người thêm chuốc lấy bệnh hoạn? Kiếp sống phũ phàng thì than thở có ích gì?

Người quả phụ trẻ tuổi nói tiếp:

- Trẻ con thường đòi cho được mặt trăng nhưng dù cha mẹ có thương, có chiều, liệu có đem mặt trăng xuống cho con được không?

Tôi khóc than, nào khác kẻ khùng! Vì có khóc cho mấy, chồng tôi đâu có nghe? Đâu có thể sống dậy với tôi được?

Người đầy tớ gái đáp:

- Nồi kia đã bể đi, không phương hàn gắn. Chủ tôi cũng vậy, tôi than phiền có ích gì! Hàn nồi đất bể là chuyện điên ai làm?

25. NGÀI ĐẠO SĨ RỪNG TUYẾT LÃNH

Thời xưa có một vị đạo sĩ tên Lô Ma San (Lomasapassapa) là tiền thân của đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni.

Ngài hành đạo tại rừng Tuyết Lãnh. Vì sự hành đạo cao thượng của ngài nên nóng đến Trời Đế Thích. Đức Đế Thích lấy làm lạ mới tìm xem do đâu có sức nóng tỏa lan tràn, đứng ngồi không yên hay là có chuyện gì bất thường xảy ra.

Sau một hồi dùng thần nhãn xem xét bốn phương Đức Đế Thích mới thấy bởi vì oai lực của ngài Lô Ma San. Ngài liền nghĩ ra một kế làm cho đạo sĩ giảm bớt sự tu hành tinh tấn.

Đêm hôm ấy, ngài hiện ngay vào long sàng của Đức Vua. Hào quang chiếu sáng ngự phòng, làm nhà vua giật mình tỉnh giấc. Nhà vua còn nửa tỉnh nửa mê thì Đức Đế Thích bước lại gần và nói:

- Đại vương! Đại vương hãy tỉnh dậy, Trẫm đây là Đế Thích đến mách cho Đại Vương biết rằng nếu Đại Vương muốn làm chúa tể cõi diêm phù này, thì Trẫm giúp đại vương một ý kiến:

“Đại Vương hãy đem công chúa giao cho vị quốc sư Sey Ya Ha (Seyyaha) nhờ ông đưa đến rừng Tuyết Lãnh cảm dỗ cho được ông đạo sĩ Lô Ma San.

Xong việc đó Đại Vương nhờ vị đạo sĩ ấy làm lễ tế thần lửa. Nhờ quả này Đại Vương sẽ không còn như mọi người trong thế gian. Đại Vương sẽ không già, không đau, không chết như Thiên vương Đế Thích và được làm chúa cõi Diêm Phù.”

Xem đến đây chắc ai cũng cho là tâm Đức Đế Thích thật độc ác, nhưng kỳ thật ngài biết rằng không bao giờ Đức Bồ Tát làm những điều ác như thế.

Qua sáng hôm sau nhà vua lâm triều thực hành đúng theo lời của Đức Đế Thích. Truyền lệnh xong ông liền bắt tay ngay vào việc.

Vị quốc sư cùng công chúa Can Đa Đề Vi (Candadevi) lên xa mã đến tận rừng Tuyết Lãnh gặp vị đạo sĩ Lô Ma San.

Lời qua tiếng lại, mấy cái liếc mắt đưa tình, mấy cái mỉm cười quyến rũ, lại thêm Công chúa xinh đẹp như tiên nữ giáng trần, nên chẳng mấy chốc vị đạo sĩ đã như hồn xiêu phách lạc!

Vì không thu thúc tức không biết chận đứng không cho lục căn tiếp xúc với lục trần, nên Đạo sĩ quên hết lẽ phải, nghe theo lời ngon ngọt của quốc sư ngã theo sắc đẹp của công chúa mà bằng lòng về kinh là lễ tế thần lửa để được vợ đẹp.

Thời ấy lễ tế thần lửa của Bà La Môn phải giết thú vật trên đời này mỗi giống một đực một cái và có cả đồng nhi nam và nữ nữa.

Đạo Sĩ Lô Ma San vừa về triều cùng vị quốc sư và công chúa Can Đa Đề Vi thì buổi lễ tế thần lửa đã sắp đặt đâu vào đó.

Dân trong xứ tề tựu lại xem đông hàng hà sa số. Khi thấy một người đạo sĩ mà sắp sát sanh nên tất cả đều la ó lên phản đối. Có người lớn tiếng nói:

-“Ông đạo sĩ! Ông làm chuyện không hợp lẽ đạo. Hãy thức tỉnh đi thôi!” Những người khác đồng hưởng ứng bàn tán xôn xao làm cho buổi lễ vô cùng xáo động.

Một vị lão thành nói:

- “Mặt trăng có sức mạnh vì làm cho sáng bầu trời đen tối.

Mặt trời có sức mạnh vì xông nóng cả thế gian. Sa môn và Bà La Môn có sức mạnh vì có đức nhẫn nại. Bồ biển có sức mạnh vì chứa được nhiều nước. Nhưng chỉ có hàng phụ nữ có sức mạnh hơn tất cả sức mạnh trên trần thế này.” Vì bị bà công chúa Can Đa Đề Vi cảm dỗ

được mà đạo sĩ là người hành được pháp Ta Pha phải về đây làm lễ tế thần lửa cho phụ vương của bà: Tiếc thay! Tiếc thay!

Khi vị lão thành dứt lời, thì cũng vừa lúc đạo sĩ Lô Ma San đưa cây đao lên toan chặt đầu một thớt tượng lớn. Trước cái sắp chết con voi rất kinh sợ rống to lên, kể đến trâu bò và mấy mươi con thú khác cũng la thất thanh vang rền cả một góc trời.

Đạo sĩ Lô Ma San là nhà tu hành thiện tâm liền thức tỉnh không thể không động lòng rơi lụy trước thảm cảnh đang diễn ra trước mắt mình. Phương chi trong tiếng khóc than ấy lại có cả tiếng của cặp đồng nam đồng nữ nữa. Lòng nhân đạo, nhân nại cùng những đức tính thiêng liêng trong giây lát trở về với ông làm ông ngừng tay và suy nghĩ:

-“Chúng sanh đang kinh sợ thế mà tự tay ta sẽ hạ đao giết hằng bao nhiêu sinh mạng. Cảnh máu chảy đầu rơi không làm cho ta rung động lòng ư? Có lẽ gì ta làm chùng ấy việc ác để tiếng lại muôn đời mà đổi chút hạnh phúc của dục tình riêng mình ta sao? Hạnh phúc ấy nếu có, giá đáng là bao? Có so bằng bao nhiêu mạng chết ấy không?

Làm như ta thật là đáng khinh, đáng thẹn với các trí thức, ta còn mặt mũi nào để nhìn thấy người thế gian nữa.”

Ông buông đao, tự răn mình:

- “Việc làm của nhà ngươi thật là đê tiện”!

Dứt lời ông niệm lại đề mục của ông khi còn ở rừng và đắc được tứ thiên lại như trước.

Ông bèn bay lên hư không, dạy nhà vua hãy bãi bỏ sự cúng dường không hợp lẽ đạo ấy đi, đồng thời phóng sanh tất cả số thú vật và người.

Nhà vua mắt thấy tai nghe sự lạ thường ấy, vừa ngược mắt lên nhìn vị đạo sĩ thì ngài đã biến mất trong mây. Ông liền đình buổi lễ tế thần lửa và từ đó về sau không khi nào tổ chức lại buổi lễ này nữa.

26. - TẤM CHOÀNG NHUNG ĐỎ

Khi Đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên Tịnh Xá của Bá Hộ Cấp Cô Độc xứ Savatthi, có một thầy Bà La Môn tên là Culekasataka Kha Ly (Culekasataka có nghĩa là người chỉ có một cái khăn choàng nhỏ).

Thật vậy hai vợ chồng người Bà La Môn Kha Ly rất nghèo nàn, trong nhà chỉ có một cái choàng thay nhau mà choàng lúc vợ hay chồng có việc phải ra ngoài.

Ngày kia nghe tin Đức Thế Tôn thuyết pháp tại Kỳ Viên Tịnh Xá. Hai vợ chồng mới bàn nhau coi ai đi nghe thuyết pháp ban ngày và ai đi nghe ban đêm. Bà vợ nói:

- Chàng là người đàn ông, thôi đi nghe ban đêm, để tôi đàn bà đi nghe ban ngày.

Trong khi bà vợ đi nghe thuyết pháp ông chồng ở nhà cả ngày. Đêm lại ông chồng mới đi nghe thuyết pháp. Trong khi nghe pháp ông được phát sinh năm điều hỷ lạc nên thầy Bà La Môn muốn cởi tấm choàng cúng dường cho Đức Phật, nhưng lại nghĩ rằng:

- Nếu ta cúng dường tấm choàng này thì vợ ta và ta không có cái nào khác.

Và ngay khi ấy tâm bồn sèn phát sinh trong người thầy Bà La Môn.

Sự thật làm con người khi một tâm lành sinh lên, cả ngàn tâm ác kéo lại. Vì tâm ác quá mạnh níu lại nên thầy Bà La Môn không thể bỏ thí tấm choàng được.

Trong lòng thầy lúc này tâm lành và tâm ác đang chiến đấu nhau giữa hai ý có nên hoặc không nên cúng dường tấm choàng? Thầy suy nghĩ mãi, hết canh thứ nhất thầy vẫn chưa biết ngã ngũ ra sao cả.

Đến canh thứ nhì, cũng chưa thể mạnh dạn bỏ thí được. Qua đến canh thứ ba (thời ấy đêm chia làm ba canh) tâm thiện cương quyết, thầy nói rằng:

Ta phải chiến đấu với tâm bồn sèn cả hai canh rồi, thì thấy tâm bồn sèn rất mạnh, nó sẽ không cho ta giải thoát khỏi 4 đường ác đạo. Bây giờ ta nhất định cúng dường cái choàng này. Khi ấy, thầy Bà La Môn Kha Ly đã dẹp được lòng bồn sèn, liền cởi choàng đem ra để dưới chân đức Thế Tôn rồi la lên rằng:

-“Tôi thắng rồi, tôi thắng rồi!” Đức vua Pasenadi đang dự nghe thuyết pháp bỗng nghe tiếng la như thế mới truyền quan hầu cận đến hỏi thầy Bà La Môn ấy là ai thắng? Thắng cái gì? (nhà vua trong thời ấy đại kỵ với tiếng thắng).

Các quan hỏi: Thầy Bà La Môn thuật rõ tự sự. Đức vua mới nghĩ rằng:

-“Thầy Bà La Môn này làm chuyện rất khó, ít người làm được rồi đức vua ban cho thầy Bà La Môn ấy hai cái choàng.”

Thầy Bà La Môn bèn đem hai cái choàng của nhà vua ban cho dâng lên Đức Thế Tôn. Đức vua ban cho lần thứ nhì bốn cái, lần thứ ba tám cái, lần thứ tư mười sáu, lần thứ năm ba mươi hai cái, thầy Bà La Môn ấy cũng đem dâng cho Đức Thế Tôn hết.

Đức vua mới truyền đem cho thầy sáu mươi bốn cái nữa đó là lần thứ sáu, thầy Bà La Môn mới lấy bốn cái để cho vợ hai cái và thầy hai cái còn lại sáu mươi cái thầy cũng dâng hết cho Phật. Theo thầy thì muốn bỏ thí luôn, nhưng sợ e có người dị nghị rằng thầy ỷ lại nơi nhà vua cho. Đức vua thấy thầy Bà La Môn Kha Ly bỏ thí khăn choàng đến bảy lần như vậy. Ngài mới phán vị đại thần ngồi gần:

- Hiền khanh! Thầy Bà La Môn này làm việc mà người ta khó có thể làm được, và ngài bảo vị đại thần về lấy hai cái choàng thứ Kambola (nhung đỏ) giá mỗi tấm một muôn đồng tặng thầy Bà La Môn.

Một lần nữa thầy Bà La Môn bèn dâng lên đức Phật một tấm, còn một tấm để treo làm trần nhà dạng hình Đức Phật và chừa tặng đến cúng dường.

Đức vua thấy vậy liền bố thí thêm cho thầy những món: “bốn ngàn đồng, bốn con tượng, bốn con ngựa, bốn người tớ trai, bốn người tớ gái và bốn làng để thu thuế.”

Sau khi ấy, các thầy Tỳ Khuru mới xúm nhau lại nói rằng: Thật quả sự bố thí của Thầy Bà La Môn lạ lùng quá, chỉ trong nháy mắt mà được kết quả đầy đủ, thật là gieo giống nhằm ruộng tốt.

Đức Thế Tôn nghe nói, dạy rằng:

- Nay các Thầy Tỳ Khuru, nếu thầy Bà La Môn ấy dâng cúng lúc canh một sẽ được mỗi vật mười sáu món, còn bố thí canh hai thì được mỗi vật tám món. Vì thầy Bà La Môn ấy chờ gần sáng nên mỗi vật chỉ được có bốn món thôi. Sự thật trong khi người muốn làm phước không nên để tâm lành sinh lên rồi diệt mất, khi nào đã nghĩ thì phải thực hành liền.

Vì việc phước thiện mà người làm bằng chậm trễ thì quả cũng trả một cách chậm tùy theo tâm lành mạnh yếu. Vậy hãy làm việc phước thiện bằng tâm mới phát khởi.

Và ngài kết luận bằng một câu kệ.

“Người cần phải làm điều lành nên ngừa tâm không cho làm ác, vì khi làm việc lành chậm thì tâm sẽ vui thích về điều ác”.

27.- CHÍN LỜI VÀNG NGỌC CỦA ĐỨC XÁ LỢI PHẬT

Có một Thầy Tỳ Khuru nhân uất tức Đức Xá Lợi Phật nên tìm chuyện phao vu cho đã giận.

Vào thời này đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên Tịnh Xá. Khi ấy nhằm lúc ra hạ Đức Xá Lợi Phật muốn vào an nghỉ tham thiền ở rừng. Ngài vào hầu đức Thế Tôn xin phép lên rừng. Có rất nhiều vị Tỳ Khuru đến đưa ngài đi. Trong khi ngài tiếp các vị Tỳ Khuru có một vị Tỳ Khuru nhỏ tuổi, ngài không biết mặt và tên rõ nên ngài không kêu và nhắc nhở sự tu hành. Hơn nữa vì quá nhiều vị nên cũng không tiếp chuyện cho được đầy đủ mỗi vị. Thầy Tỳ Khuru đó nghĩ rằng:

- Ông Xá Lợi Phật khi dễ ta quá không hỏi han gì đến ta cả.

Thầy cột oan trái và kiếm kế phao vu cho ngài Đại Đức phải xin lỗi Thầy.

MỘT VỤ PHAO VU

Ngài Đại Đức đi ngang qua mặt Thầy, chéo y của ngài chạm nhằm Thầy. Được dịp may, Thầy đợi cho Đức Xá Lợi Phát ra khỏi chùa rồi vào hầu Phật và tố cáo rằng:

-Ngài Xá Lợi Phát ý mình là đại đệ tử Phật, khi ra đi còn bộp tai đệ tử thật là đau, mà Ngài cũng không xin lỗi đệ tử nữa.

Đức Thế Tôn không nói gì cả, cho các Thầy Tỳ Khuru ra gọi Đại Đức Xá Lợi Phát vào. Khi ấy Đại Đức Mục Kiền Liên và Đại Đức A Nan Đà nghĩ rằng:

-"Chắc Đức Phật biết rằng sư huynh ta không có đánh Thầy Tỳ Khuru này, nhưng Ngài muốn sư huynh ta nói lên sự thật".

Hai vị Tỳ Khuru đi mở cửa chùa gọi Tăng Chúng vào nghe đại đức Xá Lợi Phát thú tội".

Khi Đại Đức Xá Lợi Phát vào đến đánh lễ Đức Thế Tôn xong bèn ngồi nơi phải lẽ.

Đức Thế Tôn mới hỏi:

-Tại sao người đánh Thầy Tỳ Khuru này ?

-Bạch Đức Thế Tôn: đệ tử ví xem thân này như mặt đất, như nước, như gió, như giẻ dơ, như người chiêm Đà La, như bò bị rụng sừng, sự mang lấy cái thân này rất nặng nề cực nhọc, như con rắn mang cái xác nặng, sự sáng lập thân này như chén mỡ đặc.

Sau khi Đại đức Xá Lợi Phát ví ngài với chín điều ấy, quả địa cầu là vật vô tri giác mà cũng rung động như tổ lòng kính phục đức từ bi và nhân nại của Ngài. Các Thầy Tỳ Khuru có mặt nơi ấy đều rơi lụy.

Riêng Thầy Tỳ Khuru phao vu ấy, lấy làm ăn năn hối hận việc mình đã làm, đến quỳ dưới chân Đức Thế Tôn xin Ngài tha tội.

Đức Thế Tôn dạy Đại Đức Xá Lợi Phát thứ lỗi cho Thầy Tỳ Khuru ấy. Đại Đức Xá Lợi Phát quỳ xuống bạch rằng:

-Bạch Đức Thế Tôn! đệ tử vui lòng tha thứ tội lỗi cho Thầy Tỳ Khuru ấy, và xin Thầy vui lòng tha lỗi cho đệ tử nếu đệ tử có lỗi với Thầy.

Đức Thế Tôn dạy tiếp: tâm từ bi nhân nại, nhận lỗi của mình có thể dứt được lòng sân hận, căm thù của mình, mà trái lại kẻ thù ghét ta lại phục ta, hơn nữa ta là người làm gương cho những người tu Phật sau này.

ĐẤT NƯỚC LỬA ĐÁU BIẾT VUI BUỒN

Đại Đức Xá Lợi Phát tự ví ngài như mặt đất. Vì lẽ cố nhiên, người ta đem các thứ nước hoa thơm rưới trên mặt đất hoặc các thứ xe đi trên mặt đất, hay chúng ta đại tiểu tiện trên

mặt đất, thì mặt đất cũng không vì lẽ được người rưới nước hoa mà vui hay bị người ta đại tiểu tiện mà buồn.

Ngài ví mình như nước, vì lẽ cố nhiên người có đem nước đi uống, tắm, hoặc rửa đồ dơ, nước ấy cũng không vui mà cũng chẳng buồn.

- Ngài ví mình như lửa, lẽ cố nhiên người ta đem lửa đi cúng thờ (tục lệ xứ Ấn Độ khi xưa thờ thần lửa) lửa cũng không vui, nếu đem đi đốt tử thi thì lửa ấy cũng không buồn và không bao giờ lửa chọn vật để cháy nghĩa là vật gì cũng có thể cháy được hết.”
- Ngài ví Ngài như hạng Chiên Đà La vì hạng này là hạng bị chê là đê hèn nhất ở xứ Ấn Độ trong thời ấy, ai muốn đánh, chửi mắng nhiếc, thậm chí đến giết chết cũng vô tội.

Ý Ngài muốn nói rằng: ai làm gì Ngài, Ngài cũng cam chịu không buồn than gì cả. Trong khi Ngài ví Ngài như hạng người này, làm cho Thầy Tỳ Khuru phao vu cho Ngài lấy làm khổ tâm và rất cảm động.

- Ngài ví mình như bò bị rụng sừng, vì loại bò bị rụng sừng nó rất sợ chạm phải vật cứng, nhất là sự gây chuyện với kẻ khác.
- Ngài ví mình như con rắn mang cái xác nặng nề cực nhọc. Ý Ngài nói rằng: ngài mang lấy ngũ uẩn này rất nặng nề khổ sở Ngài không ham chuyện gây gổ kiện tụng nhau. Ngài chỉ mong sự giải thoát mà thôi, không vì cái thân đau khổ này mà đi tranh giành những gì với kẻ khác.
- Ngài ví Ngài như chén mỡ đặc, ý Ngài muốn nói rằng: chén mỡ đặc không đựng vào đâu được. Trong chín điều này ý Ngài Xá Lợi Phất đều chỉ rằng: Ngài là người không thích sự tranh tụng gây gổ, ai muốn làm gì cũng được. Ngài không quyền cấm cản ai và cũng không chống lại với ai cả. Ngài chỉ biết sống từng ngày vì sự tu hành mà thôi. Nếu toàn thể chúng ta đều là người nghĩ như Ngài và nhìn lỗi mình mặc dù mình là người phải thì không bao giờ có sự gây gổ, oán thù cật oan trái nhau.

28.- NGAI VÀNG VÀ TỘI LỖI

Trong lúc quá khứ, Đức Bồ Tát sinh vào dòng Bà La Môn tên Cung Đa (Kunda) tại kinh đô Bārānāsī. Ngài xuất gia làm đạo sĩ ở rừng tuyết lãnh rất lâu. Ngày nọ Ngài về thành Bārānāsī ở tại vườn Thượng Uyển. Lúc ấy đức vua Bārānāsī tên Kha Lạc Phu (Kalapu) uống rượu say, dẫn phi tần vào vườn Thượng Uyển chơi, vì say nên Ngài ngủ quên tại vườn Thượng Uyển. Các phi tần thấy nhà vua đã an giấc rủ nhau đi chơi, gặp vị Đạo sĩ đang ngồi dưới cội cây dừng bèn đến làm lễ Ngài, xong rồi ngồi nghe Ngài thuyết pháp.

Khi đức vua tỉnh rượu thức dậy không thấy một phi tần nào hầu Ngài cả, nổi giận, Vua xách gương đi kiểm. Khi ấy có một bà vương phi mà đức vua yêu nhất giựt gương, can gián nhưng nhà vua đang tức giận không nghe.

Khi Vua đi đến cội dừm, thấy vị Đạo Sĩ đang ngồi thuyết pháp hỏi:

- Này thầy Sa Môn, người hằng dạy người đời những gì?
- Tâu Đại Vương, bản đạo hằng dạy về sự nhẫn nại.
- Nhẫn nại là gì?
- Nhẫn nại là sự không sân hận trong khi kẻ khác chửi mắng đánh đập, khinh bỉ mình.
- Nếu vậy, ta sẽ trông thấy người có nhẫn nại hay là không. Rồi đức vua truyền:
- Giám sát người hãy đề vị Đạo Sĩ này xuống, hãy đánh khắp châu thân ba ngàn roi cho trẫm.

Giám sát tuân lệnh làm y lời. Rồi đức vua hỏi:

- Người hằng dạy những gì?
- Tâu Đại Vương, bản đạo hằng dạy về nhẫn nại. Có lẽ Đại Vương tưởng rằng: Nhẫn nại ở theo da bản đạo chăng? Nhẫn nại không ở theo da bản đạo đâu, mà ở trong thâm tâm của bản đạo.
- Các người hãy chặt tay và chân của vị Đạo Sĩ này cho trẫm.

Sau khi chặt tay và chặt chân xong, đức vua hỏi như lần trước.

Ngài Đạo Sĩ tâu rằng:

- Tâu Đại Vương, bản đạo hằng dạy về nhẫn nại. Đại Vương tưởng rằng: nhẫn nại ở theo tay chân của bản đạo chăng? Nhẫn nại không ở theo tay chân đâu?

Đức Vua bèn truyền lệnh:

- Các người hãy lột tai, xẻo mũi, và móc mắt tên Đạo Sĩ này cho ta.

Sau khi làm xong việc ác quá tay. Đức Vua lại hỏi như câu vừa rồi. Vị Đạo Sĩ cũng trả lời như trước, Nhà Vua tức giận vô cùng, mới nện gót chân lên ngực vị Đạo Sĩ rồi bỏ ra đi.

Mặt quả địa cầu chịu nổi sức nặng của núi Tuyết Lãnh, nhưng không chịu nổi tội lỗi của nhà Vua đã làm nên nứt ra thành một hố sâu. Đức Vua bị sụp đất chết, sinh vào địa ngục tên là A Tỳ (Aveci).

Sau khi Đức Vua ra đi, có một vị đại thần vào lau máu cho Ngài Đạo Sĩ và nói:

- Bạch Ngài! nếu Ngài có giận thì Ngài giận nhà vua làm hại Ngài, xin đừng giận chúng tôi.

Vị Đạo Sĩ đáp:

- Nhà vua nào truyền chặt tay chân, cắt tai, cắt mũi và móc mắt ta, ta xin nhà vua ấy được sống lâu, hạnh phúc. Vì người như ta không bao giờ biết giận.

Hạnh của đấng cao cả, mặc dù đã qua lâu nhưng vẫn còn lưu lại hương lành.

Ta hãy nhớ gương của Ngài và hành theo đức nhẫn nại ấy. Người biết ta có tu hay không là biết trong khi gặp trường hợp phải sân hận, tham lam. Nếu ta nhẫn chịu được mới gọi là người có tu, hay là tu đến bậc nào. Nếu muốn tu phép nhẫn nại thì luôn nhớ rằng:

Những trường hợp nào làm cho ta lung lạc, đó là những chuyện thử thách lòng ta, coi ta tu đến mức nào, ta phải dùng đức nhẫn nại để thắng những điều ấy. Nếu ta có đủ lòng nhẫn nại là có vũ khí thắng những kẻ hung ác.

29.- CÁCH TRUYỀN ĐẠO BẰNG PHÁP NHẪN NẠI

Thuở xưa có một người phú thương tên Phùng Na (Punna) ở xứ Xu Na Pha đi đến kinh đô Thất La Phiệt để buôn bán được vào hầu Đức Phật.

Nghe thuyết pháp xong ông ta phát tâm tin thành muốn xuất gia, bèn gọi người quản lý đến bảo rằng:

- Người hãy đem hết gia tài của ta về giao lại cho em ta là Chư La Na.

Rồi ông xin xuất gia học tham thiền với Đức Thế Tôn. Khi ông ở tham thiền tại Thất La Phiệt không có kết quả tốt đẹp. Ngài nghĩ rằng chỗ này phong thổ không hợp với ta nên muốn đi về xứ Sunaparanta, mới vào hầu Đức Thế Tôn xin phép đi.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Thầy muốn đi nơi nào?
- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử xin đi xứ Xu Na Pa, Đức Thế Tôn biết Phùng Na là người có tính nhẫn nại vô lượng vô biên, nhưng muốn cho Ngài giải bày điều nhẫn nại cho các Thầy Tỳ Khưu khác nghe và cho Thiện tín thấy các đức nhẫn nại của Ngài.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Đây Phùng Na, người xứ Xunapha rất hung ác, thô lỗ. Nếu người xứ ấy sẽ chửi người, dọa nạt người, thì người có phương pháp chi đối với họ?
- Bạch Đức Thế Tôn, nếu người xứ Xu Na Pha chửi mắng dọa nạt đệ tử, đệ tử nghĩ rằng: Những người xứ ấy tử tế quá, thật là tử tế. Vì họ không đánh con bằng tay. Bạch Đức Thế Tôn theo trường hợp này đệ tử nghĩ như vậy.

Đức Phật lại phán hỏi:

- Này Phùng Na, nếu những người xứ Xu Na Pha đánh người bằng tay, theo trường hợp này nhà người nghĩ đối phó thế nào?
- Bạch Đức Thế Tôn, nếu những người xứ ấy đánh đệ tử bằng tay, đệ tử sẽ nghĩ rằng: người Xu Na Pha thật là tử tế, vì những người ấy không chọi con bằng gạch, Bạch Đức Thế Tôn, theo trường hợp này đệ tử nghĩ như vậy.
- Này Phùng Na, nếu những người xứ Xu Na Pha chọi người bằng gạch đá, theo trường hợp này nhà người nghĩ đối phó thế nào?
- Bạch Đức Thế Tôn, nếu những người xứ Xu Na Pha chọi đệ tử bằng gạch đá, đệ tử vẫn nghĩ rằng những người xứ ấy thật là tử tế. Và họ chưa đánh con bằng cây. Bạch Đức Thế Tôn, theo trường hợp này đệ tử nghĩ như vậy.
- Vậy nếu những người ấy sẽ đánh người bằng cây, trường hợp này nhà người nghĩ đối phó thế nào?
- Bạch Đức Thế Tôn, nếu những người xứ ấy đánh bằng cây đệ tử sẽ nghĩ rằng: những người xứ Xu Na Pha rất tử tế. Vì họ chưa đâm con bằng kiếm, chém con bằng dao. Bạch Đức Thế Tôn, theo trường hợp này đệ tử nghĩ như vậy.
- Này Phùng Na, hơn thế nữa nếu họ đâm người bằng kiếm, chém bằng dao, theo trường hợp này nhà người nghĩ đối phó bằng cách nào?
- Bạch Đức Thế Tôn, nếu họ đâm đệ tử bằng kiếm, chém bằng dao, đệ tử sẽ nghĩ rằng, những người xứ Xu Na Pha thật lòng tử tế, vì họ chưa giết con.
- Nếu những người xứ ấy sẽ giết người thì sao?
- Bạch Đức Thế Tôn, nếu họ sẽ giết đệ tử, đệ tử sẽ nghĩ rằng: Chư thánh văn đệ tử Phật, chán nản góm ghê thân này, các Ngài hằng muốn trừ nó, riêng về phần đệ tử không kiếm nhưng nay lại được. Bạch Đức Thế Tôn, theo trường hợp này đệ tử nghĩ như vậy.

Đức Thế Tôn tỏ lời hoan hỉ:

- Lành thay! Lành thay! Phùng Na là người có tâm thanh tịnh là sự nén lòng, người có thể đi đến ở xứ Xu Na Pha được. Vậy người hãy tùy tiện đi.

Tích của ngài Phùng Na cho ta thấy nhẫn nại với bảy điều đó là: 1/ Chửi, 2/ Dọa nạt, 3/ Đánh bằng tay, 4/ Chọi bằng gạch đá, 5/ Đánh bằng cây, 6/ Chém bằng dao hay đâm bằng kiếm, 7/ Giết chết. Đức nhẫn nại cao cả của Ngài như thế mới đáng gọi là Đệ Tử Phật. Nhờ đức nhẫn nại ấy mà Ngài chinh phục được tất cả lòng người trong xứ Xu Na Pha những người chửi mắng Ngài đều trở nên tín đồ của Ngài cả. Riêng Ngài, nhờ sự nhẫn nại ấy nên Ngài tu đắc quả A La Hán tại Xu Na Pha.

Có đủ nhẫn nại như Ngài, mới đáng làm hướng đạo dạy đời hai tiếng nhẫn nại.

30. – NÓNG NÀY CÓ BẰNG NÓNG

TRONG ĐỊA NGỤC CHĂNG?

Có vị Đại Đức tên Naga. Khi hành đạo tại hang Phi giang núi Xê Ri. Ngày ấy vào mùa hạ, trời nóng như thiêu như đốt, nhưng Ngài vẫn tự nhiên ngồi tham thiền giữa trời mồ hôi đổ ra như tắm.

Các đệ tử thấy vậy nóng lòng đến bạch xin Ngài vào ngồi trong mát.

Ngài Đại Đức đáp:

- Vì ta sợ nóng lắm nên mới ngồi đây. Các con hãy xem “Nóng này có bằng nóng trong địa ngục chăng?” Nóng trong hỏa ngục còn bằng mấy triệu lần cái nóng của mặt trời!”

31. - ĐÓI KHÁT NÀY CÓ BẰNG ĐÓI KHÁT CỦA KIẾP NGẠ QUỶ CHĂNG?

Một vị Đại Đức khác khi đi khát thực thiếu cơm ăn đã hai ba ngày, đói khát thật không còn chỗ nói nữa. Dù thế ngài không thối chí ngã lòng ngài càng suy nghĩ đến những cái khổ khác. Ngài nghĩ rằng:

- Khi ta còn luân hồi trong cõi Sa Bà này đã biết bao lần sanh làm ngạ quỷ phải bị đói khát gấp trăm triệu lần như thế này. Còn những kiếp sanh làm A Tu La và vào địa ngục nữa, cái đói khát vì cơm vì nước trong hiện tại còn nghĩa lý gì.

Nhờ lòng nhẫn nại ấy mà các Đại Đức nói trên đã đắc quả A La Hán giải thoát khỏi luân hồi sinh tử tử sinh.

32. – PHÁP NHẪN NẠI

TRONG TÂM TAY SINH SÁT

Khi xưa, thường có trận giặc giữa Chư Thiên và A Tu La Vương. Lúc nọ Đức Đế Thích thắng được A Tu La Vương bắt đem về cột tại cột cờ. A Tu La Vương nổi giận, mắng chửi đức Đế Thích không tiếc lời:

- Ngươi là kẻ cướp, kẻ hung ác, là kẻ ngu si, ngươi là bò, là lừa, là lạc đà, là loài địa ngục, là súc sanh, là người không còn đường sanh về cõi trời nữa, chỉ sanh vào ác

đạo mà thôi. Trận này ta thua, nhưng không phải người được thắng mãi đâu. Bao giờ A Tu La Vương thắng khi ấy ta sẽ cột người như thế này để nằm trước cửa thánh của A Tu La rồi sẽ đánh người cho đến chết.

Khi ấy có một vị chư thiên tên Ma Tali hỏi Đức Đế Thích:

- Đại Vương chịu cho A Tu La Vương chửi mắng như thế là vì sợ hay là vì nhẫn nại.

Đức Đế Thích đáp:

- Không phải vì ta sợ mà nhịn đâu. Trong tất cả những sự lợi ích chỉ có sự lợi ích của ta về pháp nhẫn nại là cao quý hơn hết. Chỉ có sự nhẫn nại là sự lợi ích cao thượng tuyệt đối mà thôi.

Giờ này A Tu La Vương đang nằm trong tay ta, ta muốn cái gì mà không được, nhưng đây vì ta nhẫn nại. Ta nhẫn nại là ta đã đắc thắng càng thêm đắc thắng vậy.

Qua các chuyện trên đây ta nhận ra thấy gương lành của các vị La Hán:

- Luôn luôn hy sinh cho lẽ đạo mặc dù đã biết nơi mình tu hành khó khăn, không ngại nắng mưa, đói rét, thất vọng v.v...
- Chịu nhịn nhục trước sự khinh bỉ chê bai của kẻ khác, hay kẻ hèn hạ, không chống trả vì sợ các oan trái.

Phật dạy:

-“Người nào giận trả lại người đang sân hận, còn tệ hơn kẻ sân hận, người không giận người sân hận là người thắng trận giặc mà khó có người thắng được vậy.”

33. - MẤY KIẾP TRẢ VAY

Thời xa xưa ở làng nọ có một chàng thanh niên tên Xuân rất hiếu thảo. Chàng thương cha quý mẹ đến nỗi đã lớn tuổi vẫn không chịu lấy vợ. Khi cha qua đời chàng lại cương quyết hơn, nhất định ở vậy nuôi mẹ.

Bà mẹ này chiều con nhưng lại nghĩ đến cảnh trăm tuổi vắng khói hương thừa tự. Bà kín đáo chọn cho con một người vợ. Cũng lẽ lạc đàng hoàng. Đến khi cậu Xuân biết được đó là lễ cưới vợ cho mình, cậu mới ngã người ra nhưng vì chữ hiếu cậu phải vui vẻ với cuộc tình duyên đó.

Vợ Xuân đã xinh đẹp lại là người đảm đang hiếu thảo thờ mẹ chồng, và yêu chồng rất mực. Làng xóm ai cũng khen và mẹ cậu Xuân cũng lấy làm sung sướng. Nhưng có một chuyện buồn nan giải là vợ Xuân không thể có con.

Nhận thấy cảnh của mình không khác trường hợp những cô ả:

“Có chồng mà chẳng có con

Như bông hoa nở trên non một mình”

Nàng đã thao thức nhiều đêm, xót cho thân phận mình và cũng thương cho nhà chồng phải cảnh tuyệt tự.

Thế rồi không bao lâu nàng tự ý đi cưới cho chồng một tiểu thiếp.

Cảnh gia đình không phải vì thêm người hay vì mối tình duy nhất kia phải chia sẻ mà kém đầm ấm. Công việc ai nấy làm, trật tự trong gia đình vẫn giữ mực như xưa. Nhưng rồi bỗng một hôm, một bóng mây đen bao phủ trên gia đình hòa thuận ấy.

Người vợ lẽ mang thai: Cảnh nhà vô tự mà sắp có con là chuyện phước, sao có thể là họa?

Việc trước tiên là vợ lớn Xuân sanh buồn rầu chán nản. Nàng cảm thấy mình bị chồng và mẹ chồng bỏ rơi, vợ nhỏ khinh thường và nhất là một mai khi chết xuống cũng chẳng ai thấp cho nén hương hay viếng thăm phần mộ cô đơn.

Cảnh chồng nâng niu vợ nhỏ trước mặt nàng, những lời nói âu yếm lâu nay đã làm nàng vui sướng sao nay lại thành những lời khiêu khích mỉa mai cứ mỗi ngày mỗi chồng chất nỗi phiền muộn thêm trong lòng nàng.

Mãi cho đến một hôm...

Nàng không thể giữ được lòng nữa. Tình thương đạo đức trong lòng nàng lâu nay đã biến đi và máu ghen ty ghen ghét bùng bùng nổi lên. Nàng như thấy trước mắt cảnh cô đơn lạnh lẽo một mai khi nàng tiểu thiếp sinh ra bầy con nổi nghiệp thì nàng sẽ không được ai thương yêu nữa. Thế nên nàng tìm cách triệt hạ những ai đã làm cho nàng đau khổ. Mà những ai đó là ai nếu không phải là nàng tiểu thiếp.

Từ ấy trở đi nàng sắp đặt một âm mưu rất sâu hiểm nhằm làm hại cho được nàng hai.

Hằng ngày nàng giả bộ cư xử rất khéo léo: săn sóc người tiểu thiếp không khác mẹ nuôi con. Nàng làm đủ điều, từ nhỏ đến lớn, rất vừa lòng nàng tiểu thiếp. Mẹ chồng và chồng lại càng khen nàng hiếu thảo hơn trước.

Nàng hầu càng yêu chị nên chị em to nhỏ tâm sự nhau. Nàng không quên gởi gắm cho chị niềm vui sướng của mình khi một đứa bé ra đời.

Không ngờ câu nói chân thật ngây thơ này lại là luồng gió thổi ngọn lửa đang bùng cháy trong lòng chị cả.

Một hôm nhân dọn cơm cho em ăn, nàng cả lén trộn vào món ăn một gói thuốc trục thai mà nàng lặn lội đi mua ở một chốn xa.

Cơm vừa ăn vào, nàng bé cảm thấy đau bụng, và trong chốc lát chiếc bào thai bị trục ra ngoài...

Hy vọng của cả gia đình do họa bất ngờ này mà tiêu tan theo mây khói.

Nếp sống trong gia đình lại trở lại như xưa, cũng trên thuận dưới hòa, cũng tình chị em khấn khít như thuở nào.

Nàng cả sung sướng đã hại được một sinh mạng thì nàng hầu càng thêm hy vọng... Mong sao chóng có con để được bụng gia nương và nhất là để đáp tấm lòng quá u quý hoá của chị cả. Nàng tự nói: dù là con ta, đứa bé vẫn gọi chị là đích mẫu kia mà!

Trời không phụ lòng kẻ mang hy vọng, sau đó không mấy lâu nàng lại mang thai lần nữa. Và cũng như lần trước, chỉ vài ba tháng sau thai lại bị trục.

Nàng tiểu thiếp vô cùng đau khổ. Tâm linh như báo nàng chung quanh có người ám hại nên lần thứ ba mang thai, nàng giữ rất kín đáo, và đề phòng đủ cách. Tuy vậy người vợ lớn vẫn biết và làm đủ mọi cách cho người vợ nhỏ tin mình và khi thấy người vợ nhỏ đã tin mình rồi, bà lớn bèn tiến hành thực hiện âm mưu đã dự tính. Nàng chăm lo ăn uống cho người em và không quên mỗi lần rắc vào một ít thuốc phá thai.

Ngày lại ngày qua thuốc ngấm thai của bà bé bị phá. Tuy vậy nàng vẫn bị lời ăn tiếng nói ngọt ngào như mật đậm hơn trà của người chị huyền hoặc nên không biết gì cả.

Lần này nàng lại mang thai nữa. Nhưng người chị không sớm biết ngay tự lúc nó hãy còn trong vài ba tháng vì bụng nàng hai không to như lần trước. Cho mãi đến lúc bào thai đã thành hình rồi vợ lớn mới bắt đầu trộn thuốc phá thai vào những món ăn ngon ngọt mà nàng đã thịnh soạn để “dâng” em.

Lần này thuốc ngấm lâu hơn cái thai già tháng nên cần một liều dược lớn. Nhưng đến lúc thuốc ngấm mà thai cũng vẫn cứ không ra làm cho cả mẹ và con đều bị chết.

Trong phút lâm chung, linh tính người em thấy rõ âm mưu thâm độc giết mẹ con mình của người vợ lớn.

Trước khi từ giã cõi đời, nỗi đau khổ và căm thù đã dâng tràn lên khóe mắt. Cắn răng, rớt nước mắt người vợ nhỏ quyết chí rửa thù trong những kiếp lai sinh.

Sau khi người vợ nhỏ chết đi, người chồng điều tra biết rõ sự thật bèn đánh đập hành hạ người vợ lớn, không bao lâu người này cũng chết.

Luật luân hồi vay trả trả vay, sau khi chết người vợ nhỏ sanh làm con mèo cái, còn người vợ lớn sanh làm con gà mái ở chung một nhà. Mỗi lần gà mái có con là mỗi lần mèo ta bắt ăn thịt và lần sau cùng giết luôn cả mẹ.

Kiếp thứ ba sau khi chết, gà sanh làm con beo cái, con mèo thì sanh làm nai cái. Mỗi khi con nai sanh con, thì beo ta tìm đến ăn thịt nai con và cuối cùng giết luôn cả mẹ.

Kiếp thứ tư, sau khi chết nai cái sanh làm hung thần, còn con beo thì sanh làm con gái của một gia đình giàu có.

Đến tuổi trưởng thành cô gái về nhà chồng. Cứ mỗi lần cô này sinh nở là hung thần hóa làm người bạn đến thăm chơi để rồi thừa cơ chụp lấy hài nhi ăn thịt. Lần thứ hai tấn tuồng quái gở của hung thần và cảnh nát lòng của người mẹ cũng diễn ra như trước.

Người đàn bà đau khổ ấy đã gần như mất trí, khi biết mình thọ thai lần thứ ba. Gần ngày sinh nở người chồng đề nghị đưa vợ về sinh nở bên quê ngoại. Nói về hung thần vì đến phiên hầu nước chỉ đức Vessa Vanna là vị Chúa tể cai quản tất cả hung thần. Sau khi hết phiên hầu hung thần lập tức đến nhà người thù truyền kiếp của nó. Khi được biết người thù của mình đã về quê ngoại, nó liền bay vọt lên mây nương mình theo gió để tìm cho bằng được người thù không đội trời chung.

Nhắc lại người đàn bà nạn nhân của hung thần sau khi cùng chồng về quê sinh nở và dưỡng sức một thời gian. Bèn đưa nhau lên đường trở lại quê hương. Vợ chồng đi bộ gần đến Kỳ Viên Tịnh Xá thấy có ao nước trong mát bèn rủ nhau tắm rửa và nghỉ mệt. Người vợ tắm trước xong lên ẵm con cho người chồng tắm. Trong khi đang cho con bú nàng bỗng nhiên nghe tiếng gió từ xa đưa đến như cuồng phong bão tố.

Nhìn lên trời nàng thất kinh hồn vía: Vì vừa nhận ra hung thần. Không kịp chờ chồng tắm xong nàng la thất thanh: Nó đến kia! Nó đến kia! Rồi ôm con chạy thẳng vào Kỳ Viên Tịnh Xá, đem con để nằm dưới chân Đức Phật, và cầu xin Ngài cứu mạng cho con mình. Đức Phật đã thuật lại nguyên nhân của sự oán thù nhiều đời và nhiều kiếp này và Ngài dạy phải lấy từ bi để trừ diệt oán thù. Kể từ nay trên nẻo luân hồi cả hai không còn trả vay vay trả nhau nữa.

34.- BẮT THỎ CUNG TRĂNG

Thuở xưa Đức Bình An Vương có chín anh em. Khi thái tử chết đức vua lấy làm đau khổ, buồn rầu, bỏ ăn bỏ uống, cả ngày đêm chỉ than khóc không thiết gì đến việc triều chính, không ai khuyên giải ngài được. Trong chín người em của Đức Vua có một người em trai tên Ga Na Đi. Ông này cũng khóc, nhưng khác với anh thay vì anh khóc trong cung, còn ông lại ra đường đứng khóc hoài.

Mọi người thấy lạ hỏi:

- Tại sao ngài khóc?

Ông đáp một cách tự nhiên:

- Tôi muốn con thỏ ngọc ở cung trăng mà không biết làm sao bắt được.

Ai cũng cho rằng ông điên, và đem câu chuyện tâu lại cho Đức Vua nghe.

Trong chín người em, đức vua thương ông Ga Na Di hơn hết. Khi nghe qua câu chuyện kỳ lạ ấy ngài ngự ra đường nắm tay em và hỏi rằng:

- Tại sao hoàng đế đi lang thang cùng thành đòi thỏ cung trăng như là kẻ mất trí vậy? Em muốn hỏi thỏ bằng vàng, bạc, ngọc ngà, xích châu, mã nỏ chẳng, vương huynh sẽ bảo thợ kim hoàn làm cho em, hay em muốn thỏ thật? Vậy em muốn thứ thỏ nào hãy cho vương huynh biết...

Ga Na Đi đáp:

- Những loài thỏ nào có mặt trên quả địa cầu này em đều không muốn cả, em chỉ muốn thỏ trên cung trăng thôi.

Đức vua nghe như thế lấy làm sầu khổ vô cùng nghĩ rằng Ga Na Đi đã điên rồi, nên ngài nói:

- Ga Na Đi! đòi hỏi như hoàng đế chắc thế nào hoàng đế cũng chết. chứng bệnh như thế là nan y rồi. Có lý nào hoàng đế lại muốn được thỏ cung trăng?
- Vương huynh đã biết người mơ ước thỏ trên cung trăng sẽ bị chết, vì không thể bắt được thỏ nên sanh buồn rầu thất vọng mà chết. Thì tại sao vương huynh lại than khóc Hoàng Tử đã ly trần vì người đã chết rồi thì làm sao còn có thể sống lại được.

Ga Na Đi cầm tay anh nói tiếp.

- Tâu Vương huynh, có câu nói rằng: con sinh ra không khi nào chết.

Câu này chỉ là một câu nói hoang đường thôi. Vương huynh cũng không thể đem quân đi đánh với tử thần để cướp con về được. Đã gọi là chết thì không ai đem của cải ra mua chuộc hay dùng mưu trí để trốn tránh được. Tất cả nhân loại từ vị Hoàng đế đến kẻ xin ăn, các nhà trí thức cùng các vị Đạo sĩ cũng không trốn thoát, đến các bậc giác ngộ cũng phải nhập Niết Bàn để từ biệt xác thân ngũ uẩn này nữa là hoàng tử.

Đức vua nghe qua hiểu rõ sự chết là của chung và phải đến của chúng sanh nên không buồn nữa. Ga Na Đi đã khéo dùng chước hay mà giác ngộ được nhà vua vậy.

*

Làm cha thương con như nhà vua trên, kể ra cũng đáng khen nhưng khi con đã chết sự khóc than uất ức thương tiếc thấy đều vô ích. Ví dù có than khóc nhiều đến đâu, lâu đến mấy người quá vắng cũng chẳng được nghe và thấy biết.

Lúc con chết đã vậy, thì lúc còn sống bổn phận của cha mẹ còn khó khăn hơn. Không những làm cha mẹ phải lo cho con được an vui no ấm trong kiếp hiện tại này mà còn phải tìm phương pháp cho con khỏi đi lạc vào đường tà mà phải đi vào đường chánh đạo để khỏi sa đọa vào bốn đường ác. Đó mới là tròn bổn phận.

35.-CA LA KHI TÂM CHÀNG

BỪNG SÁNG

Ngày trước ông bá hộ Cấp Cô Độc ở thành Xá Vệ có người con trai tên Ca La, cậu này không tin Phật pháp lại thích theo tà kiến. Ông Cấp Cô Độc kiếm đủ phương thế để con tạo được đức tin trở nên người chánh tín, nhưng công ông khác nào công giã tràng xây cát. Ông cố gắng bao nhiêu cũng không sao cảm hóa được người con cưng ấy.

Một bữa nọ ông gọi cậu con bảo:

- Ngày mai nếu con chịu thọ bát quan trai với Đức Phật cha sẽ thưởng cho con một trăm đồng vàng.

Người con mừng rỡ, không phải vì được đến cửa Phật mà vì số tiền to lớn kia. Cậu đến thọ giới cho có chừng rồi về nhà lãnh số tiền cha đã hẹn.

Lần khác, ông Cấp Cô Độc lại gọi con nói:

- Nếu con đến nghe đức Phật thuyết pháp và con nhớ một câu Phật ngôn, chỉ một câu thôi, cha sẽ thưởng cho con một ngàn đồng vàng. Cậu Ca La lại lần nữa mừng rỡ, thâm tính rằng ráng nhớ một câu rồi rút lui không khó.

Cậu hăm hở đến chùa. Vào giảng đường nghe thuyết pháp và cậu cố gắng nhớ một câu. Cậu lập đi lập lại đã thuộc lòng mới đứng dậy, lần ra về, nhưng lạ biết bao vì khi về đến nhà lại quên mất không còn nhớ được chữ nào. (Đây là do thần thông của Đức Thế Tôn vậy).

Cậu Ca La lấy làm tức mình hôm sau lại đi nghe thuyết pháp nữa và lần này cố vận dụng hết tâm trí để nhớ cho được một câu.

Hôm ấy Đức Thế Tôn thuyết về sự chết giải thích ở trần gian không chúng sanh nào thoát được cái chết.

Cậu Ca La nhớ lời Phật dạy và phát tâm kính sợ. Diệt trừ phiền não đắc Tu Đà Hườn quả.

Về đến nhà nhớ đến việc nhận số tiền thưởng của cha cậu đâm ra hổ thẹn đóng cửa ở trong phòng suốt ngày đêm hôm ấy.

Qua sáng hôm sau, như dịp Đức Thế Tôn đến trai tăng tại nhà, Ông Cấp Cô Độc mới gọi cậu Ca La ra lãnh một ngàn đồng vàng như đã hứa. Cậu mắc cỡ không chịu ra cũng không chịu nhận số tiền thưởng.

Đức Thế Tôn biết Ca La lúng túng và rất hổ thẹn trước mặt chư tăng và cha mẹ Ngài gọi cậu lên dạy:

- “Không thể đem vật gì ở trong Tam Giới này so sánh với quả Tu Đà Hườn được. Khi đã đắc quả rồi, thì vàng bạc ngọc ngà châu báu đối với con người không có giá trị gì hết.”

36.- NƯỚC UỐNG VÀO CỔ THÀNH LỬA

Có ba chục vị Tỳ Khuru hành đầu đà ở rừng, cứ mỗi sáng sớm các Ngài xa xóm khát thực.

Đi đến mé sông Hằng Hà gặp một con ngạ quỷ đứng ở bờ sông. Các Ngài mới hỏi:

- Người làm gì đứng đó?

Ngạ quỷ đáp:

- Muốn đi tìm nước uống.

Các vị Tỳ Khuru nói:

- Nước đầy cả sông sao không xuống mà uống?

Ngạ quỷ đáp:

- Bạch chư Đại Đức, một khi tôi xuống đến mé sông thì nước đều hoá ra lửa.

Chư Tỳ Khuru nghe tình cảnh ấy lấy làm thương hại nên bảo ngạ quỷ nằm xuống.

Các Thầy dùng bình bát múc nước đổ vào miệng ngạ quỷ từ rạng đông cho đến khi mặt trời gác ngọn cây mới nghỉ tay và hỏi ngạ quỷ:

- Người đỡ khát rồi chưa?

Ngạ quỷ lắc đầu đáp:

- Bạch Chư Đại Đức, không có một giọt nước nào vào đến cổ tôi cả. Nếu có mà tôi nói dối, tôi xin nguyện vĩnh đọa mãi trong địa ngục.

Than ôi! Đổ nước vào miệng mà uống còn không được thay, phương chi chúng ta cúng vái thì có ăn chịu vào đâu? Đáng ghê sợ thay cho các nghiệp ác!

Buổi chiều hôm đó trong lúc Đức Thế Tôn đang dạy đạo cho thiện tín, ba chục vị Tỳ Khuru mới đem chuyện ấy hỏi đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng:

- Chỉ có hồi hướng phước báu thì nhơn mới thọ lãnh được.

Đức Thế Tôn có dạy cách làm. Ba chục vị Tỳ Khuru đi nấu nước, thiện tín thì bố thí đường, sữa, và mời chư Tỳ Khuru đến cúng dường. Ba chục vị Tỳ Khuru mới tụng kinh và hồi hướng phước báu ấy cho nọ quý.

Đêm ấy trong khi ba chục vị Tỳ Khuru đang đi kinh hành, có một vị chư thiên hào quang sáng rỡ bay đến đánh lễ các Ngài và cho biết nọ quý buổi sáng do nhờ quý Ngài hồi hướng phước báu đến cho nên được làm chư thiên.

Nhân việc này Phật dạy ta: “người sanh về cảnh giới khác không ăn uống được đồ cúng của ta nhưng người ấy cũng cần thọ vật dụng như ta vậy. Cho nên khi ta muốn làm phước, ngày nào thuận tiện thì làm liền, chúng ta không cần phải đợi ngày kỷ niệm hay tốt xấu vì biết đâu người ấy trong cảnh giới khác đang đau khổ đợi ta ban phước”.

37.- TÔN TRỌNG SỰ SỐNG

Ngày ấy Ca Kha Na chưa hiểu gì đến Phật pháp nhưng chàng có từ tâm thương yêu muôn loài.

Vì mẹ của chàng đau lương y bảo rằng: cần có máu thỏ tươi mới làm thuốc cứu mẹ chàng được.

Anh của chàng sai đi bắt thỏ.

Khi gặp thỏ, thỏ hoảng hốt chạy chàng rượt theo, thỏ vướng vào bụi chạy không được chàng bắt được thỏ ôm vào lòng. Thấy thỏ run rẩy sợ chết, chàng tự nghĩ:

- “Sự giết một sinh mạng khác vì bệnh tình của mẹ ta thực là một việc không đáng làm, vì chúng sinh ai cũng sợ chết mà mình đi giết một mạng để cứu một mạng!”

Chàng liền vuốt ve thỏ và nói:

- “Thôi ta trả tự do lại cho ngươi, xin ngươi hãy vui vẻ về bầy”.

Rồi chàng thú thật với người anh, người anh rầy mắng. Không còn cách gì hơn chàng vào ôm mẹ phát nguyện rằng:

- “Từ khi sơ sanh đến nay con không hề có ý sát sinh, xin nhờ oai đức cầu xin cho mẹ được lành mạnh”.

Do lời nguyện vọng và phước báu của ông nên mẹ ông lành mạnh.

Việc trên đây giúp cho ta thấy rõ sự xa lánh khỏi điều ác trong khi gặp mà không làm.

Xa lánh có nghĩa là tránh những gì mà có phát nguyện thọ trì giữa Tam Bảo hay là với một nhà sư.

Một khi đã phát nguyện rồi, ta có thể chịu chết chứ không chịu phạm vào điều học mà mình đã phát nguyện vâng giữ hành theo.

38. - NGƯỜI TỚ TRAI CỦA ÔNG TRƯỞNG GIẢ

Một hôm nhân giảng về Bát quan trai giới Đức Thế Tôn có dạy bà tín nữ tên Vi Sa Kha rằng nhà vua trị được mười sáu nước lớn trong đời ấy có cả bảy thứ báu, là người quyền hành, giàu có sang trọng nhất nhưng cái phước ấy cũng không bằng một phần thứ mười sáu của công đức thọ bát quan trai giới ngày và đêm trọn vẹn.

Trong thời gian quá khứ tại xứ Bàrànasì có một ông trưởng giả tên là Thủ Chi Ba bản tính thích làm phước. Những người trong gia đình ông, từ vợ con đến tôi tớ đều thọ Bát quan trai giới ít lắm là sáu ngày (trong một tháng).

Khi ấy có một người đến xin làm công trong gia đình ông. Ông thu nhận nhưng sơ ý không nói cho ấy biết rằng, tất cả người nhà ông đều thọ Bát quan trai giới.

Người ấy làm việc rất siêng năng. Ngày nọ nhằm ngày giới, ông trưởng giả mới bảo những người nấu ăn rằng:

- Ngày nay là ngày Bát quan trai giới, hãy nấu cơm cho nhân công ăn sớm, vì họ chỉ ăn có một buổi.

Bọn đầu bếp cùng toàn thể gia đình đều làm theo lời ông. Riêng người làm công mới ấy cứ đi làm như thường lệ, vì không ai cho anh biết. Trong khi ấy những người khác ngồi yên niệm Phật, hoặc quan sát lại phẩm hạnh của mình. Sau khi làm xong phận sự về, người làm bếp mới dọn cơm cho anh ăn. Anh lấy làm lạ hỏi:

- Mỗi khi chừng này người ta ăn uống om sòm, bữa nay họ đi đâu mất hết.

Người làm bếp đáp:

- Những người ấy giữ Bát quan trai giới nên họ về chỗ nghỉ của họ hết.

Anh ấy mới tự nghĩ:

- “Ta ở chung với toàn thể người có giới đức, vậy ta không nên để cho ta là kẻ không có giới đức.” Anh nghĩ như thế nên không ăn cơm, anh vào hầu ông trưởng giả và hỏi:
- Thưa ông, nếu tôi nguyện thọ Bát quan trai giới vào giờ này, thì tôi có được phước của Bát quan trai giới ấy không?

Ông trưởng giả đáp:

- Người không phát nguyện thọ từ sáng sớm nếu người thọ từ bây giờ thì người chỉ được có phân nửa thôi.

Anh ấy nghĩ rằng:

- Dù phân nửa cũng được bằng hơn là không có. Thế rồi anh xin phát nguyện thọ. Sau khi anh ấy về chỗ nghỉ và quan sát về giới của mình. Vì cả ngày làm lụng vất vả tối lại không ăn uống, nên khuya anh bị ngộ gió độc. Ông trưởng giả đem thuốc và vật thực lại và bảo rằng:
- Đây con hãy dùng thuốc và vật thực đi!

Người ấy nghĩ ta không nên phạm giới, nên trả lời:

- Thưa ông, tôi nguyện giữ giới trong sạch đến chết. Lúc rạng đông anh không thể chịu nổi chứng bệnh làm cho anh mê mang.

Người ta thấy thế mới cho rằng anh ta sắp chết nên khiêng ra để ngoài hiên. Vì họ kiêng cử kẻ chết trong nhà.

Ngày ấy Đức Vua Bàrànasi ngự đi quanh thành để xem sự sống của dân. Anh ở mướn ấy đang nằm nửa tỉnh nửa mơ trông thấy sự sang cả của nhà vua liền ước muốn được như thế. Nhưng tội nghiệp thay! vừa ước nguyện xong thì anh chết. Anh tái sinh vào lòng của hoàng hậu Bàrànasi là do nhờ quả của anh đã thọ Bát quan trai giới.

Khi hoàng hậu sanh con trai, đức vua liền đặt tên là U Đa Da. Khi lớn lên thái tử được nối ngôi của vua cha. Ngài nhớ được kiếp trước nên hằng tâm niệm:

- “Đây là nhờ quả của Bát quan trai giới mà ta đã thọ”.

Từ ấy ông càng cố công tu.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Một khi các người thọ trì Bát quan trai giới gọi là làm những việc lành mà bậc trí thức xưa kia được hưởng quả cao quý.

Bát quan trai giới là một việc làm vô tội mà trái lại còn có rất nhiều phước, mà hơn nữa việc ấy lại là một phương pháp để diệt trừ phiền não mới từ ngoài vào.

Sự giúp đỡ cũng như tạo sự an lành cho ta. Giúp đỡ chỉ giúp những người già cả mang nặng đi lạc đường hoặc chỉ đường cho các vị Sa Môn đi khát thực. Nói tóm lại là làm những điều gì lợi cho người mà không hại mình và kẻ khác gọi là làm điều vô tội. Nói rộng hơn nữa sự trồng cây để cho bóng mát hay là làm cầu, đắp đường cùng là việc làm đem sự hữu ích cho mọi người cũng đều gọi là làm việc vô tội và tạo rất nhiều phước.

39.- QUYẾT TÂM TRÌ GIỚI

Có một thiện nam ở một làng gần núi Đan Ta Hoa thọ Bát quan trai giới với ngài Đại Đức Bình Ga La tại chùa Âm Bang Đa.

Sau khi thọ xong ông đi cày ruộng và khi ấy bò của ông đi mất ông bèn lên núi tìm. Đang lùng trong các bụi cây rậm, chẳng may ông vô ý bị một con rắn to quấn ông. Lúc bấy giờ trên tay ông có cầm một con dao bén, ông thầm nghĩ:

- “Tay ta đã sẵn con dao chỉ cần cắt ngang bụng rắn là thoát thân, nhưng có nên chăng! Một khi ta đã thọ giới với một bậc có đức hạnh thanh cao, lời hứa thiêng liêng ấy buộc chặt ta suốt đời không được sai chạy. Ta nhất định không nên để giới hạnh ta hư hại”. Tuy nhiên lòng nghĩ thế mà ông vẫn chưa quyết định. Con rắn siết càng chặt càng làm cho ông thấy cái chết trước mắt và tự nhiên ông đâm ra lo sợ.

Ông nghĩ như thế đến hai lần và mãi đến lần thứ ba lòng ông mới kiên quyết.

Ông định tâm:

- Ta nhất định thà chết còn hơn là phạm giới.

Dứt lời ông liệng con dao rất xa vì ông sợ còn cầm con dao trên tay ông sẽ bị tâm ác lung lạc làm cho ông phạm giới sát sanh.

Vì oai lực hy sinh cố giữ gìn giới cho trong sạch của ông như có truyền cảm qua con rắn, làm con rắn cảm động tháo ra bò đi nơi khác.

40.- KHI LÒNG ĐÃ TUNG CÁNH

Trong kinh Pháp cú có tích cô Khương Ta Ra (Khujjuttarà) là thị nữ của hoàng hậu Samavati ở xứ Cổ Sơn Bi (Kosambi) được hoàng hậu và đức vua rất tin dùng, mỗi ngày đức vua giao cho cô tám đồng để mua hoa trang điểm cho Hoàng Hậu.

Ngày kia cô đến chỗ mua hoa, người bán hoa nói với cô:

- Xin cô chịu khó đợi tôi một chút, vì hôm nay tôi có thỉnh Đức Từ Phụ của tôi đến để trai tăng, và Ngài sẽ thuyết pháp.

Cô Khương Ta Ra sẵn lòng chờ đợi.

Vì tính hiếu kỳ cô cũng muốn ở lại để xem Đức Từ Phụ của anh chàng hàng hoa là ai, ra thế nào, và nghe ông ta sẽ thuyết những gì.

Sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp cô Khương Ta Ra đắc quả Tu Đà Hườn chừng ấy cô rất ăn năn tội lỗi của cô làm hằng ngày, là ăn lời một nửa số tiền mua hoa cho Hoàng Hậu. Bữa đó, cô mua hết cả tám đồng hoa đem về cung.

Hoàng hậu thấy hoa nhiều hơn mọi bữa, mới phán hỏi:

- Này Khương Ta Ra! Hôm nay có phải Hoàng thượng cho thêm tiền hay sao mà em mua được nhiều hoa như vậy?

Cô đáp:

- Tâu Hoàng Hậu, không có ạ.
- Vậy sao hoa được nhiều.
- Tâu Hoàng hậu, những bữa trước tôi ăn lời hết một nửa.
- Thế mà tại sao bữa nay em không ăn lời?
- Tâu hoàng hậu, vì hôm nay tôi được nghe Pháp của Đức Từ Phụ Gotama và hiểu được pháp.

(Theo ý cô Khương Ta Ra nói hiểu pháp là được đắc quả tu đà hườn)

Hoàng hậu thấy thái độ của cô, thú nhận tội lỗi và rất trầm tĩnh dường như được no lòng với hương vị của Pháp bảo, nên không buồn phiền và rầy la cô chi hết, trở lại yêu cầu cô cho bà cùng được nếm hương vị cao quý ấy với.

Cô Khương Ta Ra tâu:

- Tâu Hoàng Hậu! Pháp bảo là món ăn cao quý của tinh thần. Cách thức của người muốn nghe Pháp là phải hết sức kính trọng người thuyết.

Hoàng hậu mới nhường lại cho cô tất cả nước hoa của bà sắp dùng để tắm gội. Tất cả các trang sức của bà để trang điểm cho cô, lại nhường tọa vị của bà cho cô ngồi thuyết pháp còn tự Hoàng Hậu ngồi xuống đất cùng với các thị nữ khác chăm chú nghe.

Sau khi thời pháp dứt Hoàng Hậu Samavati và năm mươi người thị nữ đắc quả Tu đà hườn. Về sau Đức Thế Tôn để lời khen ngợi cô Khương Ta Ra là một tín nữ có tài thuyết pháp giỏi hơn các tín nữ khác trong Phật giáo.

Nghe Pháp, và hiểu được Pháp, mà cô Khương Ta Ra chỉ là một thị nữ tầm thường mà được Hoàng hậu kính nể, và được Đức Thế Tôn khen ngợi. Nghe nhiều học rộng đem hạnh phúc cho mình và cho người khác là như vậy.

Đó là về phần người tại gia và như lời Đức Thế Tôn đã dạy, dù nghe nhiều học rộng ở ngoài đời, dù đến bậc nào đi nữa cũng hãy còn: Sanh, già, đau, chết, chỉ hiểu rõ con đường đạo mới giải thoát.

Còn đối với hàng xuất gia, sự nghe nhiều học rộng lại đem nhiều lợi ích đến hàng Thiện Tín. Như câu chuyện Đức Nagasena chẳng hạn. Ngài là một Tỳ Khưu thông hiểu tam tạng, thuyết pháp cho một vị vua nghe, hay ho và sâu sắc đến nỗi pháp sư cùng thánh pháp, cả hai đều đắc quả Tu Đà Hườn.

Vì thế nên nghe nhiều học rộng gọi là an lành. Nhờ đó mà ta diệt bỏ tâm hung ác xấu xa, kiếp này không ai chê kiếp sau được sanh về cõi an vui vậy.

41. – CON ĐẠI BÀNG ĐIỀU VÀ VỊ ĐẠO SĨ

Thuở xưa, có một điều vương thường quen gọi là Đại Bàng Điều ở trên cây gòn gần phía đông bờ biển, có nhiều uy lực thần thông làm gió lớn, rẽ nước làm hai để bắt loài rồng đem về núi Tuyết Sơn làm thực phẩm.

Trong thời đó, có người thợ săn ngụ trong thành Kasikarafa từ bỏ gia đình, xuất gia tu hành trong vùng này, có cây đa gần tịnh thất của vị đạo sĩ, là nơi nghỉ trưa và cũng là chỗ đi kinh hành của ngài.

Một ngày nọ, điều vương bắt được rồng, đem đi ăn bay ngang cây đa, rồng dùng đuôi khoanh siết chặt cây đa, mong thoát chết. Điều vương không hay biết dùng hết tốc lực bay lên làm cho cây đa phải tróc gốc đem rồng đến cây gòn rồi mổ ăn. Cây đa sa xuống biển tiếng động cả vùng, điều vương giật mình xem lại mới biết là cây đa nên lo nghĩ, cho rằng đây là cây đa nơi tu hành của vị đạo sĩ. Điều vương tự hỏi: “như thế ta có tội chăng?” Vậy ta đến hỏi Ngài đạo sĩ xem.

Thế rồi Điều vương biến thành một thanh niên đến tịnh thất của Đạo Sĩ. Đến nơi thấy đạo sĩ đang sửa sang chỗ cây đa tróc gốc cho bằng phẳng.

Thanh niên giả như không hay biết chi cả, bèn bạch hỏi rằng:

- Do nguyên nhân nào mà nơi đây có đất sụp như thế?

- Đây cậu thanh niên! Có Điều vương đi tìm thực phẩm, bắt được long vương rồi đem đi. Long vương dùng đuôi siết chặt cây đa, Điều vương dùng sức bay, đem Long vương đi luôn cả cây đa.
- Bạch, Điều vương vô ý làm cây đa tróc gốc vì Long vương siết chặt, vậy ai có tội?
- Đây thanh niên! Điều vương vô ý làm cây đa tróc gốc nên vô tội.
- Bạch, Long vương có tội chăng.
- Đây thanh niên! Long vương cũng vô tội, vì sợ chết mà siết chặt cây đa.

Khi vị đạo sĩ đáp câu hỏi như thế, Điều vương rất hài lòng nên bạch rằng:

- Tôi đây là Điều vương cao quý hơn tất cả loài điều đến đây để hỏi ngài cho rõ chánh tà. Tôi rất hoan hỷ với ngài. Tôi có chú ngữ gọi là Alambayana, xin dâng Ngài, Ngài học để dành.

Đạo sĩ đáp:

- Đây thanh niên! Hãy trở về đi, ta không mong được chú ngữ đó đâu.

Điều vương khuyên giải yêu cầu vị đạo sĩ học rồi trở về chỗ ở.

Sau đó không lâu có người thợ săn nghèo khó, không nơi nương tựa, nên vào rừng tính tự tử.

Đến tịnh thất của vị đạo sĩ xin ở đậu với ngài và xin hết lòng phụng sự đạo sĩ.

Vị đạo sĩ nghĩ rằng:

- Người thợ săn đây có nhiều công ơn với ta, vậy ta nên đem chú ngữ của Điều vương mà truyền lại cho người này. Xét như thế, rồi vị đạo sĩ bèn đem câu chuyện kể lại với dụng ý của mình.

Người thợ săn bạch:

- Tôi không cần chú ngữ. Vị đạo sĩ an ủi nhiều lần, rồi dạy chú ngữ ấy.

Khi học xong, người thợ săn ở thêm vài ngày, rồi từ già đạo sĩ ra đi khỏi nơi ấy. Vừa đi vừa đọc thầm chú ngữ đó theo đường đến sông Yamana.

Khi đó có các long nữ đều là vợ của Bồ Tát Bhuridata cầu ngọc mani cho thành tựu theo sở nguyện. Ra khỏi long cung để ngọc mani trên bãi cát gần mé sông Yamana, các long nữ đem nhau đốn nước trộn đêm, có hào quang của ngọc mani chói sáng.

Đến rạng đông, mặt trời vừa mọc, các nàng trang điểm y phục rồi ngồi chung quanh ngọc thần. Thành linh các nàng nghe tiếng người thợ săn đọc chú ngữ tưởng là Điều vương, hoảng hốt sợ chết, trốn về long cung, bỏ ngọc mani lại trên bãi cát.

Người thợ săn Alambayana vô tình đi đến, thấy ngọc mani sáng chói, cả mừng, liền lượm đem đi, rồi gặp hai cha con người thợ săn Somadata. Hai cha con người thợ săn này biết là ngọc mani của Bhuridata Bồ Tát đã cho mình khi trước, nên tỏ lời thiện cảm với Alambayana rồi nói:

- Này Alambayana! Ngọc mani rất quý, đem đến nhiều hạnh phúc, cho thành tựu mọi điều mong muốn, anh được ngọc mani đó từ đâu?
- Thừa anh! Tôi được ngọc mani này trên bãi biển hồi sáng sớm này.
- Bạn Alambayana! Ngọc mani này nếu người biết giữ gìn chân chánh thì nó sẽ đem đến nhiều kết quả tốt đẹp, nếu không biết chăm nom cẩn thận, ắt có tai họa chẳng sai. Đoạn nói tiếp:
- Anh là kẻ bất hạnh không gìn giữ ngọc mani ấy được, hãy đưa tôi đi, tôi sẽ trả vàng bạc đền anh.
- Này anh thợ săn, ngọc mani của tôi rất quý, tôi không tin lời anh, tôi không bán, cũng không đổi với bất cứ vật gì.
- Anh Alambayana! Anh không tin, không bán, vậy anh muốn cái chi?
- Nếu anh biết chỗ ngụ của Long vương có nhiều uy lực cho rõ giờ nào, tôi sẽ cho ngọc này đến anh trong giờ ấy.
- Vậy anh có phải Điều vương biến hóa ra để tìm thực phẩm chăng?
- Không, tôi là người thuần tục trong nghề bắt rắn, tôi có tên rõ rệt là Alambayana nếu anh biết Long vương trong nơi nào, hãy chỉ ngay đi.

VÌ VIÊN NGỌC ĐÀNH NẠP LONG VƯƠNG

CHO ANH BẮT RẮN

- Alambayana! Uy lực của anh thế nào mà dám bắt Long vương?
- Điều vương có dạy chú ngữ cho đạo sĩ đang tu hành trong núi. Tôi vào ngụ nơi đây và hết lòng phụng sự Ngài cả ngày lẫn đêm, nên Ngài từ bi thương xót truyền lại chú ngữ ấy cho tôi. Chú ngữ rất linh ứng, vì thế mà họ gọi tôi là Alambayana. Tôi là thầy cả của thầy bắt rắn đây.

Người thợ săn nghe qua liền bàn với con:

- Này con Somadata! Ta chỉ Bhuridata cho Alambayana đi hay thế nào?
- Thừa, Đức Bhuridata có đại ân với ta. Ngài cho cha hưởng giàu sang, vinh hiển, lẽ đâu cha lại lấy ân đáp oán cho đành. Cha không nên làm điều tội lỗi như thế. Cha mong được của cải hãy đến Ngài mà xin đi muốn bao nhiêu sẽ được như nguyện. Còn chỉ Ngài Bhuridata cho kẻ khác làm hại thật là không nên, cha chó nên phản bạn, tội này thật xấu xa, đê hèn lắm, sẽ chịu hành phạt nặng nề trong địa ngục.
- Này Somadata! Con còn nhỏ mà biết gì!

Những thợ săn xưa kia tạo biết bao nghiệp ác mà họ đâu có bị quả khổ chi. Tội lỗi cứ tràn đầy “tắm sông Hằng thì hết tội”.

Nói xong, người thợ săn bèn dẫn Alambayana đến Bhuridata (Bồ Tát) trong khi Ngài đang thọ Bát quan trai giới trong động (Bồ Tát Bhuridata là tiền thân của Phật Thích Ca).

Somadata, con của người thợ săn là kẻ biết ơn, khi đã dùng hết lời để ngăn cản cha không nghe, nên chỉ trích nhiều điều rồi tuyên bố cho chư thiên nghe:

- Thừa chư thiên, xin các ngài chứng minh, tôi không đi cùng người có tội như thế mặc dù đó là cha của tôi.

Somadata nói xong từ bỏ cha xuất gia làm đạo sĩ, hành thiện đắc phi định và thần thông, sau khi mạng chung được sanh lên cõi phạm Thiên.

Người thợ săn không nghĩ đến con nữa gọi Alambayana:

- Anh đừng có lo buồn, hãy theo tôi, sẽ được gặp Long Vương.

Anh ta dẫn Alambayana đến chỗ Bhuridata (Bồ Tát) đang trì giới chỉ cho Alambayana:

- Anh hãy bắt Long vương và cho ngọc mani đến tôi đi.

Alambayana thấy Bồ Tát thì hoan hỉ vui thích, bèn liệng ngọc mani trên bàn tay người thợ săn. Ngọc mani rớt xuống đất biến luôn về long cung. Chỉ trong giây lát anh thợ săn tiêu tan cả bao nhiêu hy vọng.

Anh đã không được ngọc mani, lại bị người con bỏ lánh đi mất và điều đau khổ hơn cả là phải xa lìa bạn lành là Đức Bồ Tát, vì hấn là kẻ bạc ân.

Bồ Tát thấy người thợ săn dẫn Alambayana đến, Ngài bèn nghĩ:

- “Người thợ săn này nhờ ta đem xuống long cung cho hưởng mọi điều hạnh phúc, khi về ta cho nhiều báu vật. Nay lại dẫn thầy bắt rắn đến hại ta. Nếu ta bắt bình làm hại hấn rất dễ, nhưng không nên, vì ta là người thọ trì giới. Và lại ta đã phát nguyện: kẻ nào mong được da thịt, máu và xương ta, thì hãy dùng tùy theo sở thích. Nay Alambayana đã kiếm được ta, hấn muốn làm gì ta tùy ý, ta không khi nào sân hận bất bình. Ngài tưởng đến lời nguyện như vậy, rồi nhắm mắt nằm im không động”.

Alambayana dùng thuốc nhai phun cùng tay chân đọc chú ngữ xong mới đến gần Bồ Tát, nắm đuôi kéo ra khỏi gò mồi, nắm cứng đầu Bồ Tát nạy miệng ra, nhổ thuốc vào miệng Bồ Tát thật đáng thương xót. Xong hấn nắm đuôi đưa lên đầu trở xuống cho mưa thực phẩm ra rồi để nằm dài trên đất, dẫn (Bồ Tát) tới dẫn lui như thuộc da, máu chảy ra theo miệng và mũi. Thật là vô cùng khổ não!

Hấn hành hạ bao nhiêu Bồ Tát vẫn nhẫn nại chịu đựng không oán giận. Ngài chỉ chăm chú trì Bát quan trai cho trong sạch.

Alambayana làm Bò Tát yếu sức, mới bút giấy làm giỏ nhốt Bò Tát. Hắn dùng chân đạp Bò Tát vào rồi quảy vào xóm, báo tin cho dân chúng biết đến xem rông mùa nhầy.

Khi có người tựu hội đông đủ, Alambayana mở giỏ kêu Bò Tát ra dạy làm thân hình to lớn xong bảo làm nhỏ lại, làm cho cao, làm cho thấp, làm cho mình đỏ, trắng, vàng, xanh, làm cho mất nửa mình, phun ra tia nước, lửa, khói v.v... Alambayana dạy thế nào Bò Tát cũng làm theo cả.

Dân chúng xem rồi, ai ai cũng thương hại Bò Tát, không ngăn giệt lệ được.

Ngày ấy Alambayana thu góp tiền của dân chúng đếm được một ngàn lượng.

Trước kia hắn nói khi được một ngàn lượng thì hắn thả Bò tát nay được một ngàn lượng hắn còn mong được nhiều nữa.

Alambayana đem Bò Tát cho dân chúng xem từ làng này sang quận nọ, lần lượt đến kinh đô Bārānāsī. Alambayana đem cơm tấm mật cho Bò Tát dùng nhưng Ngài không dùng. Alambayana vào châu Đức vua Bārānāsī và xin phép đem Bò Tát vào mùa trong đền. Đức vua cho thông báo cho dân chúng hay, đề vào xem rông của Alambayana mùa trong ngày Bát quan trai giới.

MỘT GIÁC MỘNG KỶ LẠ

Kể từ hôm Alambayana bắt được Bò Tát, một ngày nọ, mẹ của Ngài là Hoàng Hậu Samuddaja, nằm mộng thấy người đen, mắt đỏ, cường tráng cầm dao lại chặt lấy tay mặt của bà đem đi, máu chảy ròng ròng. Giật mình thức dậy bà rất lo sợ cái tai hại đến chồng con, nhất là nhớ tưởng đến Bò Tát. Vì Bò Tát lên nhân gian để thọ Bát quan trai giới, có lẽ con bà bị thầy rắn bắt rồi chăng? Càng nhớ đến Bò Tát bao nhiêu, thì bà càng đau khổ bấy nhiêu.

Đến nửa tháng mà không thấy Bò Tát về, mẹ Ngài thêm buồn thảm, khóc than không dứt bỏ an quên ngủ.

Lúc đó có ba người con của bà là: Sudasana, Kanarīttha và Subhoga đến thăm mẹ, thấy mẹ buồn rầu khổ não, khóc than nằm im trên long sàng, không có lời chi mừng rỡ như mọi khi, nên lấy làm lạ, liền quỳ tâu hỏi cho biết duyên cớ.

Bà liền cho biết về điềm mộng mà bà đã thấy và đã quá kỳ hạn rồi, nhưng không thấy Bhuriddata về thăm như mọi khi, bà nói với con:

- Nếu mẹ không gặp Bhuriddata thì khó sống được.

Nghe mẹ than van buồn lòng xót dạ, cả ba anh em mong tìm cho ra tin tức của Bò Tát, bèn đồng quỳ tâu với mẹ:

- Xin mẹ giảm cơn sầu não để ba con ra đi dò hỏi tin tức của Bhuriddata.

Người anh cả là Sudasana trầm nghĩ:

- “Sự đi tìm Bhuridata đây không nên đi chung một đường, vậy ta phải chia ra một người đi lên cung trời, một người lên núi Tuyết Sơn, một người đi tìm trong cõi người. Cần phải đi tìm trong ba cõi mới tiện. Tuy nhiên em Kanarittha hung dữ lắm nếu để đi lên nhân gian gặp em Bhuridata trong châu quận nào thì không khéo nổi giận đốt phá châu quận đó tiêu tan ra tro bụi”.

Sudasana là anh cả xét thấy như thế, nói với em Kanarittha, hôm nay định đi tìm em Bhuridata liệu chúng ta cùng nhau một đường thì không nên, em lãnh phận sự lên thượng giới và chư thiên hằng mong thỉnh pháp. Có lẽ chư thiên xuống thỉnh em Bhuridata lên thiên cung chăng? Nếu gặp em Bhuridata thì mau mời về.

Tuân theo lệnh anh Kanarittha kiêu từ ra đi.

Sudasana gọi em Subhoga đến dạy rằng:

- Em lãnh mệnh đi đến Tuyết Sơn, phải tìm cho khắp núi sông, rồi trở về cho mẹ biết. Còn phần Sudasana thì lãnh trọng trách lên nhân gian nhưng nghĩ:
- Nếu ta hóa ra thanh niên đi tìm thì không hay bằng tướng mạo của người xuất gia. Bậc xuất gia là hạng đáng cho phần đông kính mến. Vậy ta nên đi dưới hình thức của vị đạo sĩ trong thời gian này.

LÊN ĐƯỜNG TÌM EM

Nghĩ thế liền biến làm một vị đạo sĩ quỳ lạy từ giã mẹ rồi ra đi lên cõi người.

Ngày ấy có một long nữ tên là Accamuji, em gái của Đức Bồ Tát. Nàng rất thương mến Đức Bồ Tát, thấy Sudasana biến làm đạo sĩ lên trần gian kiếm Bhuridata nên thưa rằng:

- Thưa anh, em đã khổ tâm vì quá thương nhớ anh Bhuridata xin cho em đi theo tìm anh Bhuridata cùng với vương huynh. Cúi xin vương huynh thương tình mở lòng từ bi cho em đi với.
- Em đi không tiện đâu, vì anh đi bằng tướng người đạo sĩ, em là phụ nữ không tinh khiết cho bậc xuất gia không nên đi cùng anh.
- Xin anh đừng lo ngại em không đi bằng tướng người, em biến thành con nhái màu xanh thật nhỏ rồi ẩn trên búi tóc của anh.
- Ồ như thế thì được.

Nàng Accamuji liền biến thành con nhái xanh núp trong búi tóc của người anh là Sudasana.

Nói về Sudasana đi tìm từ nơi Bồ Tát thọ Bát quan trai giới, theo lời chỉ của các long nữ vợ của Bồ Tát.

Sudasana đến nơi đập nhằm những cục máu của em trai đọng khô trên đất, và thấy chỗ mà Alambayana dùng giầy làm giỏ còn bỏ rác tại đó, nên biết rằng Bhuridat đã bị thầy rắn bắt đem đi. Anh ta than thở:

- Ôi, thầy rắn quá độc ác làm tội em ta cho đến chảy máu còn thấy như vậy!
- Ôi! Không rõ em ta nay ra sao? Thầy rắn đem em ta đến nơi nào? Sudasana càng nghĩ đến càng đau đớn xót xa và than.
- Em Bhuridata ơi! Em chưa từng chịu khổ, chỉ quen hưởng sự cao sang hạnh phúc nay em phải chịu cực hình, nằm trong giỏ giầy chật hẹp trăm phần khổ não.

Sudasana khóc than kể lể thật là thảm thiết rồi noi theo dấu chân đi của Alambayana đến nơi hấn cho Bò Tát múa nhảy đầu tiên, Sudasana hỏi thăm người có thấy thầy rắn đem rông đến nhảy múa trong nơi nào chẳng?

- Bạch đạo sĩ! Có người thầy rắn đem rông đến đây cho phần đông xem, cách đây đã nửa tháng rồi.
- Nay các ông! Thấy họ xem rồi có cho tiền thầy rắn không?
- Bạch, thầy rắn góp được một ngàn lượng.
- Thừa quý ông nay thầy rắn đem rông đến đâu?

Nhờ người chỉ giùm nên đạo sĩ lần hồi đến đền vua Bàrànasi.

Khi Sudasana vừa đến cửa thành cũng gặp Alambayana dạy người quảy giỏ đựng Bò Tát đồng đi vào thành. Khi vào thành nội, đến giờ diễn kịch, đức vua còn ngự trong cung nội dạy các quan ra cho phép diễn cho dân chúng xem trước.

Alambayana dạy người để giỏ đựng Bò Tát xuống rồi ra dấu hiệu:

- Nay Long vương! Người hãy ra khỏi giỏ đi!

Lúc ấy Sudasana nghe rõ lệnh truyền của Alambayana. Đức Bò Tát bèn nghiêng đầu ra khỏi giỏ ngó xem dân chúng trước khi diễn kịch. Đây là thói quen của loài rông, thường trong mọi cuộc gặp gỡ hay tìm xem Điều vương và tìm kiếm thân thuộc...

Các loài rông nếu thấy Điều vương thì không dám diễn kịch, vì sợ hại đến sinh mạng.

Nếu gặp quyền thuộc, rông cũng không diễn kịch, vì hổ thẹn với thân tộc.

Khi Bhuridata liếc xem dân chúng như thế, bèn thấy anh mình là Sudasana biến hình làm đạo sĩ đứng ở nơi cuối cùng công chúng.

HUYNH ĐỆ TRÙNG PHÙNG

Đức Bò Tát không thể giấu lòng, hai hàng lệ tuôn rơi, Ngài ra khỏi giỏ rồi trườn mình đi đến trước mặt Sudasana là anh Ngài.

Trong lúc ấy, quần chúng thấy Đức Bồ Tát trườn đến, mọi người hoảng hốt tránh xa, chẳng ai dám đứng yên tại chỗ, chỉ còn Sudasana, Đức Bồ Tát đến nghiêng đầu xuống nơi chân anh và rơi lệ. Trước cảnh tang thương ấy đạo sĩ Sudasana cảm lòng không đậu cũng ứa lệ rồi Đức Bồ Tát trườn trở lại vào giỏ nằm như trước.

Alambayana tưởng rằng của mình đã mổ đạo sĩ nên vội vã đến an ủi đạo sĩ và bạch:

- Bạch! rằng có cần mổ Ngài không? Xin Ngài cho biết để tôi cho thuốc. Tôi là thầy rắn đại tài, xin Ngài đừng lo ngại chi, sự cứu chữa cho Ngài là bổn phận của tôi.

Sudasana đáp:

- Này Alambayana! Rằng này không thể cần mổ làm cho ta phải đau khổ đau, dù có cần mổ cũng không làm hại được ta, ta đây cũng là thầy rắn hay vậy. Chẳng có thầy rắn nào sánh bằng ta đâu.

MỘT TRẬN ĐẤU GIỮA RỒNG VÀ NHÁI

Khi Sudasana thốt lời như thế, Alambayana không rõ đạo sĩ là Long Vương, cho là người tầm thường nên anh rất bình tĩnh anh quay qua tuyên bố với quần chúng:

- Xin công chúng đừng khiển trách tôi tại vị đạo sĩ gây chuyện trước.

Khi được nghe như thế, Sudasana bèn nói:

- Này Alambayana! Anh đừng làm phiền công chúng, nếu anh nói mình là cao cường hãy cùng ta so tài cho quần chúng thấy rõ.
- Anh dùng rồng, tôi dùng con nhái con đỉ đấu nhau cho rõ tài cao thấp, với số bạc là năm ngàn lượng.
- Này đạo sĩ, ông là kẻ chỉ khoe khoang bằng lỗ miệng dám đánh cuộc đến năm ngàn lượng, vậy ai là người hộ ông, ông là người xuất gia tiền bạc đâu? Ông hãy đem đến trước.
- Này Alambayana! Ta có năm ngàn lượng thật.

Nói xong, Dudasana vào đền nội của nhà vua đến trước bệ rồng râu rắng:

- Tâu Hoàng Thượng! Ngài là bậc cao quý, có đủ cả sự giàu sang danh vọng bốn bề, cầu Hoàng thượng nghe lời tôi tâu:
- Xin Hoàng thượng độ cho tôi năm ngàn lượng bây giờ đây. Đức vua nghe qua lấy làm ngạc nhiên:
- Tại sao đạo sĩ này đến xin tiền ta vậy?

Ngài suy nghĩ và phán hỏi:

- Bạch Ngài, đến xin tiền ta nhiều như thế có lẽ Ngài là thân tộc hay bạn thiết của trăm chãng. Chắc trăm đã có hứa trước nên mới đến xin trăm như vậy, hoặc Ngài dối gạt trăm chãng? Nên Ngài mới tự mình đến đây như thế?
- Tâu! Nay Alambayana đánh cuộc với tôi năm ngàn lượng, với một vấn đề trắc ẩn. Có đó nên tôi mới đến đây xin năm ngàn lượng và xin thỉnh Hoàng thượng ra chứng minh một chút. Vậy kính thỉnh Hoàng thượng cùng tôi ra đến đó.

Đức vua cùng đạo sĩ ra đến nơi diễn “trò” rỗng nhái.

Phản Alambayana thấy thế bèn nghĩ:

- Có lẽ đạo sĩ này có đức vua hộ độ, mới thỉnh được vua ra đây.

Xét như thế nên có ý lo sợ đạo sĩ. Alambayana bạch:

- Tôi không dám khinh rẻ Ngài đâu, tôi vừa nói lúc nãy là vì thấy Ngài không kiêng nề không cúng dường rỗng có nọc độc. Tôi đâu có khinh Ngài hiểu biết thấp hèn.
- Này Alambayana! bởi người đem rỗng không có nọc mà cho rằng có nọc độc, nên ta cho công chúng rõ biết vậy thôi.

Nghe lời khinh bỉ của đạo sĩ, Alambayana càng thêm sân nên đáp:

- Này ông đạo sĩ mặc y vàng da cạp, dốt nát si mê, ông đến đây dám nói giữa đám đông rằng rỗng không có nọc độc. Như vậy có đúng hay là nói láo? Ồ! Nếu nói rỗng không nọc độc thử đến gần một tý, nếu ông không ra tro bụi thì bắt lấy đi.
- Này Alambayana! Nọc rắn mãng xà, rắn nước, rắn lục, còn hơn rỗng của người nữa. Rỗng đỏ này không có nọc độc, người lừa phỉnh mọi người chớ dối ta sao được.
- Này đạo sĩ! Xưa nay tôi có nghe rằng: người có đức tin là chí thủ nên hộ độ bậc có giới như bậc A La Hán. Có thiên định cao quý, sau khi mạng chung sẽ được thọ sinh lên cõi trời. Ông lại quay về phía người xem nói tiếp: Nay nếu ai là đàn na có vật chi hãy bố thí mau đi, để rồi đạo sĩ này đên tội với rỗng. Rỗng này có rất nhiều nọc độc khó biết được, ta cho nó mổ ông bây giờ đây, sẽ thành ra tro bụi cho mà xem.
- Này Alambayana! Nếu người có của nên làm phước mau đi, rồi ta cho nhái con tên là Accamuji xịt nọc độc cho người thành tro bụi lập tức bây giờ.

Sudasana đưa tay gọi em giữa quần chúng:

- Này em Accamuji! Em hãy ra khỏi đầu tóc và đến bàn tay anh ngay bây giờ.

Nàng Accamuji nghe gọi, bèn thực hành y theo lời anh.

Sudasana hét lên ba tiếng:

- Biên cương tiêu tan.

Tiếng hét của Sudasana nghe vang cả thành Bārānāsī rộng mười hai do tuần.

Khi Sudasana hét lên tiếng “Biên cương tiêu tan” thì Đức vua Sagarabrahmadata phán hỏi:

- Bạch đạo sĩ tại sao Biên cương phải tiêu tan?
- Tâu! Tôi không thấy nơi nào để xịt nọc độc, nên phải xịt trong Biên cương, Biên cương sẽ thành ra tro bụi.
- Vậy đổ xuống đất có được không?
- Tâu! Nếu xịt trong đất, sẽ sinh lên nọc độc, làm hại vô cùng.
- Vậy liệng trong nước đi.
- Như thế làm hạn hán bảy năm cũng không nên.
- Than ôi! Tôi chẳng biết làm sao, tùy ý Ngài định, mà làm sao cho xóm, làng, châu, quận, thành thị đừng hư hao.
- Tâu! Xin hoàng thượng cho người đào ba cái hầm.

Đức vua lập tức dạy cho dân chúng đào ba cái hầm tại nơi ấy.

Sudasana dạy lấy củi chất đầy hầm thứ nhất, rồi đem nọc độc đổ vào cho đầy liền dẫn lửa phát cháy hầm thứ nhất, kế đến hầm thứ nhì, hầm thứ ba cũng thế, cho đến khi cháy hết nọc độc.

Alambayana bởi nghiệp ác đã đến, nên khiến y đứng gần miệng hầm, khi lửa trong hầm phát cháy, thiêu cả thân thể Alambayana la lên:

- Ta thả rông này.

Đức Bồ Tát nghe tiếng la của Alambayana như vậy, liền bò ra khỏi giỏ rồi hóa ra hình người xinh đẹp, có đủ cả phục sức, đến đứng trước mặt đức Vua Bàrànasi là bác của Ngài giống như vị Trời Đế Thích.

Sudasana và nàng Accamuji cũng trang điễm như Đức Bồ Tát vậy.

Sudasana bèn tâu hỏi đức Vua:

- Tâu Hoàng thượng, ngài có biết chúng tôi là ai chẳng?
- Trẫm nào có rõ.
- Tâu! lệnh Hoàng thượng không biết chúng tôi, vậy Hoàng thượng có biết Samuddhaji mà Đức vua Bàrànasi đã gả cho Đức Long vương Dasaratha chẳng?
- Ồ Trẫm biết nàng Samuddhaji, tức là em của trẫm.
- Tâu! Chúng tôi đây không ai đâu xa lạ tức là con của bà Samuddhaji là em gái của lệnh Hoàng thượng, Ngài là bác của chúng tôi.

Nghe rõ như thế, Đức vua rất mừng bèn đến ôm các cháu... rồi đồng nhau vào cung nội lễ tiệc rất trọng thể.

Đức vua tỏ lời thiện cảm hỏi Bhuridata:

- Cháu ơi! Trong tất cả các cháu đây, cháu có nhiều uy lực thần thông vì sao mà Alambayana bắt cháu được?

- Tâu! Vì cháu đang thọ trì Bát quan trai giới và phát nguyện thí máu, thịt, xương, da. Thuật cho đức vua nghe đầy đủ, xong Đức Bồ Tát thuyết mười vương pháp đến Đức Vua bác và khuyên ngài gìn giữ mười pháp ý.

Sudasana tâu:

- Chúng tôi ở đây lâu không tiện, vì mẹ chúng tôi rất buồn rầu thương nhớ em Bhuridata.
- Trẫm đây hằng nhớ tưởng em trẫm là mẹ các cháu, làm thế nào cho trẫm được gặp em trẫm?
- Tâu, ông ngoại của các cháu hiện nay ngụ trong nơi nào?
- Cháu ơi! Từ ngày mẹ cháu về Long cung thì ông ngoại các cháu rất thương nhớ, rồi từ bỏ ngôi vàng vào tu trong núi.
- Tâu, mẹ chúng cháu thường nhớ tưởng, mong được gặp bác và ông ngoại. Nay bác mong gặp mẹ cháu, xin bác đi tìm ông ngoại thỉnh về, rồi chúng cháu sẽ mời mẹ chúng cháu đến gặp bác và ông ngoại.

Sau khi quyết định ngày hội họp, Sudasana, Bhuridata và long nữ Accamuji lạy từ giã vua bác trở về long cung.

Khi Đức Bồ Tát trở về đến Long cung, tất cả triều thần đều cất tiếng hoan hô chào mừng Bồ Tát. Cha mẹ Bồ Tát ra mừng. Bồ Tát làm lễ mừng cha mẹ xong rồi, Bồ Tát lui về cung điện của Ngài an nghỉ để dưỡng sức, vì đã chịu nhiều bề đau khổ trong những tháng vừa qua. Những thân tộc của Bồ Tát đến viếng, lần lượt kẻ tới người lui, nhiều không kể xiết.

Về phần Kanarittha lên thiên cung, tìm không gặp Đức Bồ Tát nên trở về nước. Những hoàng thân thấy Kanarittha có tính cộc cằn, có thể ngăn cản thân tộc, nên khuyên giữ tại ngọc môn cho Bồ Tát an nghỉ.

Còn Subhoga khi lãnh trách nhiệm đi tìm Bồ Tát khắp núi Tuyết Sơn mà không gặp, bèn xuống kiếm trong biển cho đến sông Yamana.

Người thợ săn là cha của Somadata khi thấy Alambayana bị hình phạt như thế nên nghĩ:

- Vì ta mong được ngọc mani nên chỉ đường cho Alambayana đến làm khổ đức Bhuridata, vậy ta phải rửa tội dùng cho tội dính theo mình.

Thế rồi đến sông Yamana anh ta xuống tắm khăn cầu cho hết tội lấy ân làm oán. Ấy là người bạc ơn quên nghĩa với Đức Bồ Tát Bhuridata.

Khi Subhoga đến nơi đó, vừa nghe lời khẩn cầu của người thợ săn, nghĩ:

- Thợ săn này là một kẻ bạc ơn, anh ta đem hấn về Long Cung cho hưởng đầy đủ sự sang cả an vui, nay hấn lại chỉ đường cho Alambayana đến bắt làm khổ anh ta, ta để hấn sống thế nào được... Nghĩ thế rồi phát sân, bèn dùng đuôi vắn chân người thợ săn lôi ra vực sâu nhận cho hấn ngộp thở một chút rồi cho nổi lên, làm khổ hấn nhiều lần như vậy...

Khi thợ săn bắt đầu lên khỏi nước bèn hỏi:

- Ai nhận nước ta đây, ta đang rửa tội sao nữa làm khổ ta như vậy?
- Đây thợ săn! Ta là em của Đức Bhuridata con của Đức vua Dasaratha đã đến đây thành Bārānasi lúc trước đó, người không biết sao? Ta là loài rồng tên Subhoga.

Thợ săn nghe rồi khủng khiếp và than:

- Ôi phen này mạng ta khó sống. Vậy ta nên tỏ lời ca tụng danh đức của Subhoga và cha mẹ y mong cầu SuBhoga thương xót tha thứ cho. Nghĩ thế bèn thưa:
- Thưa Ngài, Ngài là hoàng tử của Đức vua Dasaratha là vị Hoàng Đế duy nhất, có nhiều đức hạnh không ai sánh bằng.

Hoàng phụ của Ngài là đại Hoàng Đế cả hai cõi, nơi Long cung và trên trần gian. Mẫu hậu của Ngài cũng thế, không ai sánh kịp. Trong đời này, Ngài là bậc cao sang quân tử, lẽ đâu lại đến nhận nước thợ săn như tội thế này, xin Ngài rộng lượng từ bi tha tội khỏi chết.

- Đây thợ săn ác đức! Người đừng nhiều lời vô ích, ta không tha người đâu. Khi người còn đi săn, sát hại thú rừng, thú chạy trốn, cha con người đuổi theo cố tìm giết cho được. Anh ta đem người xuống Long cung cho người hưởng đầy đủ sự giàu sang, phú túc, kẻ tùy tùng hầu hạ thế mà người đem ân báo oán, chỉ đường cho Alambayana bắt hành hạ anh ta. Nay ta không thể để người sống đâu, ta nghĩ đến tội của người làm chừng nào khiến ta càng phiền não, ta sẽ chặt đầu người ngay bây giờ đây.

Nghe những lời của Subhoga thợ săn hoảng hốt, bèn dùng mưu chước, đọc một loạt:

- Bà la môn có đủ ba chi: thứ nhất là:

Hiểu tam phệ đà rồi đến biết trong sự xin ăn và cuối cùng là cúng dường lửa.

Bà la môn thông kinh Tam Phệ Đà như vậy, người không nên giết hại, kẻ nào làm khổ Bà la môn có đủ ba chi ấy: phải chịu đọa trong địa ngục, bị hành phạt lâu đời.

Subhoga nghe thợ săn nói như vậy, liền nghĩ:

- “Có lẽ như thế chăng? Vậy ta bắt thợ săn này đem về hỏi anh ta xem, nếu thật, ta sẽ tha hấn, bằng không ta sẽ trị tội hấn”

Nghĩ thế bèn dẫn thợ săn về Long cung. Trước khi vào đền, gặp em Kanarittha lãnh phần gác cửa cho anh Bhuridata.

Tại ngõ môn quan Kanarittha thấy anh là Subhoga làm khổ Bà la môn nên nói:

- “Bà la môn là con đại phạm Thiên vương, nếu Ngài biết ta hại con Ngài, Ngài sẽ làm cho chúng ta tiêu tan, này anh Subhoga! Bà la môn là hạng người cao quý nhất, có

nhiều uy lực (vì các tiền kiếp Kanarittha đã sinh là Bà la môn cúng dường lửa, nên nay Kanarittha mới tôn kính cúng dường Bà la môn như vậy).

Rồi gọi anh Subhoga và các loại rồng hội họp và thuyết pháp về cúng dường lửa của Bà la môn:

- “Này anh Sughoga! Sự thông hiểu kinh Tam phệ đà và cúng dường lửa không phải là thấp hèn đâu, dù cho Bà la môn nào hèn hạ đến đâu, nếu đã được học kinh Tam phệ đà và cúng dường lửa, người người đều kính phục, chẳng nên làm khổ Bà la môn ấy, kẻ nào để duôi, khinh rẻ họ sẽ bị tiêu tan của cải và hại đến sinh mạng.”

Kanarittha nói tiếp:

- “Này anh Subhoga! Anh có biết chúng sanh trong thế gian, ai sinh ra chẳng?

Tất cả chúng sinh đều do Đại phạm thiên vương mà có. Đại phạm thiên vương là cha của Bà la môn, Ngài tạo ra tất cả, Ngài chia ra đủ hạng người da đen, trắng, vàng v.v... dòng vua, quan, dân... Ngài dạy Bà la môn chỉ nên học kinh Phệ đà, cúng dường lửa, hàng vua chúa không nên làm việc khác ngoài sự thẳng kẻ nghịch và gìn giữ bờ cõi nước nhà, kẻ nông phu học nghề cày cấy thôi v.v...”

“Thế nên anh ạ! Bà la môn có nhiều đức tính đáng tôn sùng dâng cúng. Các thí chủ sẽ được lên cõi trời đều nhờ cúng dường các Bà la môn mà được hưởng nhiều hạnh phúc như thế.

Thuở xưa có một vị vua tên là Amja có đủ binh hùng tướng mạnh đáng sợ. Ngài tinh tấn cúng dường lửa, cung cấp các thầy Bà la môn, nên sau khi băng hà được thọ sinh lên cõi trời.

Còn một vị vua nữa thống trị trong kinh đô Bārānasi, Đức vua này cũng tin theo các thầy Bà la môn, cúng dường các Ngài được đầy đủ an vui, sau khi từ bỏ ngũ uẩn cũng được lên thiên cung.

Anh nên biết Bà la môn là bậc đáng cúng dường trong đời.

Tất cả loài rồng đến thăm và hầu hạ Đức Bồ Tát, khi được nghe lời giảng giải của Kanarittha đều tin theo tà kiến cả, vì cho rằng Kanarittha nói đúng, Đức Bồ Tát nằm trên long sàng nghe Kanarittha thuyết từ đầu đến cuối, Ngài bèn nghĩ:

- Để ta phá nghi cho phần đông khỏi lầm lạc bỏ hẳn tà kiến mà theo về chánh kiến.

Ngài bèn dậy, đi tắm rửa xong lên ngồi trên bảo tọa, gọi tất cả đến nghe.

- “Này Kanarittha! Những lời em giảng về đức của kinh Phệ Đà, sự cúng dường các thầy Bà la môn đó đều là tà kiến, mà các thầy Bà la môn đã soạn để lại cho chúng sanh hầu được phát sinh lợi lộc. Các bậc trí tuệ không bao giờ tin tưởng những điều ấy. Sự cúng dường lửa không đem người về cõi trời được đâu.

Lời của em giải đó, anh không nhận một câu nào là chân chính cả.”

- “Này em Kanarittha! Những người đọc đủ kinh Tam Phệ Đà, chỉ làm cho những kẻ si mê lầm lạc, chớ bậc trí tuệ không bao giờ tin tưởng những điều ấy. Sự cúng dường lửa không đem người về cõi trời được đâu.

Lời của em giải đó, anh không nhận một câu nào là chân chính cả.

- “Này em Kanarittha! Những người đọc đủ kinh Tam Phệ đà, chỉ làm cho những kẻ si mê lầm lạc, chớ bậc trí tuệ không bao giờ tin tưởng những điều ấy. Sự cúng dường lửa không đem người về cõi trời được đâu.

Lời của em giải đó, anh không nhận một câu nào là chân chính cả.

- “Này em Kanarittha! Những người đọc đủ kinh Tam Phệ đà, chỉ làm cho những kẻ si mê lầm lạc, chớ bậc trí tuệ, không ai vừa lòng nghe. Những kẻ ngu dốt mới chịu dạy bảo ấy. Nếu ai tin theo phải sa trong bốn ác đạo.”
- “Em Kanarittha! Kẻ ngu dốt lầm lạc theo Tam Phệ Đà làm điều tội lỗi, tạo nghiệp ác, phản bạn, hành trái với chân lý, khi quả theo kịp sẽ chịu nhiều thống khổ. Không nên nương theo kinh Tam Phệ đà đâu, cái học theo Tam Phệ Đà, không sao che giấu ác quả mà mình đã tạo, do đấy bậc trí không gọi Tam Phệ Đà là pháp cao quý đâu”.

Khi Đức Bồ Tát là bậc giác ngộ giảng thuyết phá tán tà kiến, khiến cho những loài rồng bộ hạ, nhất là em Kanarittha đều trở về với chính kiến theo y như lời Ngài giảng dạy.

Từ hôm tiễn các cháu lên đường, đức vua Sagarabrahmadata là vua bác Đức Bồ Tát không quên lời hứa với Đức Bồ Tát. Đến ngày hẹn, đức vua và các quan ngự đến tịnh thất, chỗ ngụ của đạo sĩ là Đức Thái Đồ phụ vương của Ngài.

Về phần Bồ Tát, Ngài cũng tâu với cha mẹ Ngài hay, và thỉnh song thân của Ngài lên nhân gian để viếng vua Bác và ngoại tổ có quân lính rồng hộ giá hoàng gia đến sông Yamana, ngự ngay đến tịnh thất của vị đạo sĩ ngoại tổ, Đức Bồ Tát ngự đi trước, các anh em và cha mẹ ngài lần lượt đến sau.

Khi đức vua đang đàm thoại cùng phụ vương thì các tướng rồng đến, vào quỳ mọp làm lễ rồi ngồi nơi phải lễ.

Về phần Bhuridata (Bồ Tát) Sudasana, Subhoga, Kanarittha và Đức Long vương Dasaratha đồng nhau làm lễ vị đạo sĩ và đức vua Sagarabrahmadata.

Khi đó đáng thương xót cho hoàng hậu Samuddhaja, từ ngày xa cách vương huynh là Sagarabrahma, ngự xuống Long cung đến nay rất lâu, cho đến khi bốn con của bà trưởng thành, bà mới được gặp mặt anh.

Lạy cha, mừng anh rồi, bà than khóc kể lễ chuyện hàn huyên ấm lạnh nhớ tưởng thiết tha, tình thương yêu thân thiết đến cha và anh. Khi đã được giải buồn, bà hỏi thăm chuyện trò cho đến trời hừng sáng.

Bà Samuddhaja và bốn con đồng lạy từ biệt đức Đạo sĩ và đức vua để trở về Long cung.

Đức Bồ Tát Bhuridata hằng thọ trì giới được trong sạch cho đến ngày tan rã ngũ uẩn, được sinh lên thiên cung. Những loài rồng theo lời dạy bảo của Đức Bồ Tát cũng được lên cõi trời rất đông.

42. - NGƯỜI ĐẸP BÊN BỜ SUỐI

Ngày xưa, khi Đức Phật ở trong núi Kỳ Xà Quật, thành La Duyệt Kỳ, trong thành có một nàng sắc nước hương trời mà người ta thường gọi là nàng Liên Hoa. Nàng có một hình dáng đẹp đẽ, gương mặt xinh tươi, lại thêm sống trong nhung lụa, cả nước không ai sánh kịp. Vì thế vương tôn công tử, con, em các vị đại thần ai ai cũng tìm đến kết bạn với nàng và đều kính mến nàng như ngọc.

Thế nhưng bỗng một hôm đột nhiên tâm nàng phát khởi, nàng muốn bỏ thế sự đi tu. Nàng quyết tâm lên đường tìm đến nơi Phật ngự.

Giữa đường có giòng nước suối, nàng dừng lại nghỉ chân, xuống uống nước. Khi rửa tay, khuôn mặt nàng hiện xuống nước, nàng nhận thấy mặt mình hồng hào, sáng sủa, đầu tóc xanh mượt hình dáng đẹp đẽ hơn người, tự nhiên, lòng nàng thao thức ân hận: “Người ta sinh ra đời được hình thể như ta ít có, thế mà nữ nào mình tự hủy bỏ, đi làm vị nữ tu sĩ cho hoài một kiếp! Sao không tận hưởng lạc thú ở đời như ai? Ta nên thuận thời thỏa mãn tình riêng của ta đã!”

Vì nàng nghĩ thế nên nàng lại quay về, bao nhiêu ý định tốt đẹp kia đều tan theo mây khói.

Đức Phật biết nàng Liên Hoa đã đến lúc độ được nên sai Thiên thần hoá làm một người đàn bà đẹp tuyệt trần, còn hơn cả nàng Liên Hoa nghìn muôn lần. Người đàn bà cùng đi trên con đường ấy, nhưng đi ngược chiều nàng Liên Hoa.

Giữa lúc đang đi nàng Liên Hoa bỗng trông thấy người đàn bà kia, sinh lòng quý mến nên nàng lên tiếng hỏi:

- Bà từ đâu đến đây, chồng con, cha, mẹ, anh em bà ở đâu mà bà đi một mình không có ai đi cùng với bà vậy?

Bà kia đáp:

- Tôi từ trong thành tới đây, đang trên con đường về nhà đây ạ!

Bà lại nói tiếp:

- Chúng ta gặp nhau đây, tuy không quen biết nhưng là bạn quần thoa cả chúng ta hãy lại bờ suối ngồi nghỉ nói chuyện cho vui đi.

Nàng Liên Hoa vui thích vâng lời ngay.

Hai người trở lại bờ suối ngồi, cùng nhau bày tỏ tất cả nỗi lòng cho nhau nghe, chẳng mấy chốc mà thân mật. Một lúc sau người đàn bà kia nằm gối đầu lên chân nàng Liên Hoa ngủ say mê, nhưng lạ thay, giày lát người đàn bà kia bỗng tự nhiên tắt thở.

Nàng Liên Hoa không hay biết gì cả, đến lúc nghe đầu gối mình lạnh lạnh nàng mới giật mình ngó lại thì thiếu phụ kia đã chết tự bao giờ. Thân thể thiếu phụ đã sinh chương, hôi rữa, bụng nứt, vi trùng bò ra lúc nhúc, răng long, tóc rụng, thân thể tay chân rã rời.

Nàng Liên Hoa thấy thế, tâm nàng sợ quá mới than thở rằng:

- Ôi! Người đẹp như thế này mà bỗng dưng chết đi và ghê tởm hôi thối đến mức ấy. Vậy thân ta làm sao được lâu dài mà hồng thụ hưởng lạc thú trên thế gian này? Thôi ta nên tới chốn Phật ngự tịnh tiến học đạo là hơn. Nghĩ thế rồi nàng đứng dậy đi đến núi Kỳ Xà quật tìm Phật.

Đến nơi nàng lễ Phật, và nàng bạch Phật hết mọi sự mà nàng trông thấy.

Đức Phật dạy:

- “Người ta có bốn sự không thể trông cậy được. Bốn sự ấy là gì? Một là trai trẻ rồi già, hai là mạnh khỏe rồi sẽ chết, ba là thân thuộc tụ họp rồi sẽ biệt ly, bốn là của báu tích tụ rồi sẽ phân tán.”

Nàng Liên Hoa nghe pháp vui mừng, tâm lý cởi mở, quán thấy tẩm thân như huyễn hóa, mệnh người nhanh chóng, chỉ có Niết bàn là an vui lâu dài. Tức thì nàng đến quỳ trước Phật, bạch rằng:

- Lạy Đức Thế Tôn! Con muốn xin xuất gia làm Tỳ Khuru Ni, kính mong Đức Thế Tôn hoan hỷ chấp thuận cho con.

Đức Phật dạy:

- Lành thay...

Về sau nàng Liên Hoa thành Tỳ Khuru Ni tinh tấn hành đạo quán chứng quả vị an vui.

43.- TRÊN BƯỚC ĐƯỜNG

TÂM SỰ HỌC ĐẠO

Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là hai người bạn rất thân. Hai người cũng là con của trưởng giả ở gần thành Vương Xá.

Ngày nọ, trong thành Vương Xá có lễ, hai người rủ nhau đi xem cuộc lễ. Trước nhất đến xem hát. Ngày ấy như duyên lành nhắc nhở hai ông nên khi coi hát hai ông đều có tưởng nghĩ rằng.

- Đời người không khác nào kếp hát trong một vở tuồng, khi mang râu đội mũ là vua chúa, có khi vợ chồng làm mẹ con, hoặc khi thù, khi bỏ râu mũ, thì là anh kếp hát, cuộc đời thay đổi như thế thì có gì vui đẹp.

Hai ông đồng lòng đi tu tìm giải thoát nhưng duyên lành chưa đến nên không gặp chánh pháp của Đức Thế Tôn. Hai ông mới học đạo với ông Sanjeyya. Vì nhờ thông minh nên học trong mấy ngày hai ông đều thông suốt hết lý đạo của ông Sanjeyya.

Hai ông thấy rằng đây không phải là con đường giải thoát nên mới cam kết nhau:

- Hai ta chia nhau đi hai hướng nếu ai có duyên tìm được chánh pháp trước phải bảo cho nhau.

Thế rồi hai người, mỗi người đi một ngã... Khi ấy Đức Thế Tôn đã thành đạo và đã có sáu mươi mốt vị đại A La Hán. Đức Thế Tôn cho mỗi vị đi mỗi nơi để truyền chánh pháp.

Đại Đức Assaji là một trong năm vị Kiều Trần Như đi về thành Vương Xá. Ngài ở tại Trúc Lâm Tịnh Xá. Sáng ngày, Ngài đi khát thực cũng nhằm vào lúc Xá Lợi Phất cũng đi khát thực xong đến nơi thanh vắng thọ thực rồi mới vào chùa. May đâu trong lúc đang đi ông gặp Đại Đức Assaji giữa đường. Trông thấy tướng mạo trang nghiêm của Ngài Assaji ông phát tâm kính thành và nghĩ rằng:

- Từ xưa nay ta chưa từng thấy bậc xuất gia nào có hạnh kiểm trang nghiêm như thế này, và cũng chưa từng có vị nào đắc quả A La Hán mà vị này có lẽ là một trong các vị A La Hán chăng? Vậy ta phải đi theo đến chỗ vị này để hỏi phép giải thoát. Nhưng vào giờ này lại nhằm giờ hóa trai của Ngài ta không nên làm bận Ngài phải đợi Ngài thọ thực xong sẽ hỏi.

Nghĩ thế ông cứ theo sau Đại Đức mãi. Khi đã khát thực vừa đủ Ngài Đại Đức tìm nơi vắng vẻ ngồi thọ thực. Ông Xá Lợi Phất biết ý lật đặt lấy tọa cụ của ông mang theo trải ra cho Đại Đức ngồi, và lấy bầu nước đem dâng cúng, rồi ông ngồi hầu một bên.

Khi thọ thực xong, ông mới hỏi:

- Bạch ngài, Ngài là vị Sa Môn, tướng hảo quang minh, vậy Ngài xuất gia với ai? Ai là đáng tể độ Ngài? Ngài học đạo với ai?

Ngài Assaji đáp:

- Này đạo hữu! Ngài Đại sa môn giòng Thích Ca là thầy tể độ tôi. Tôi xuất gia với Ngài, và học đạo với Ngài.
- Bạch Ngài! Thầy của Ngài dạy Ngài những gì?

Ngài Assaji nghĩ thầm: Lẽ cố nhiên những người ngoại đạo thường hay chỉ trích Phật giáo, mà Xá Lợi Phất là người thông minh có tiếng, vậy ta phải nói pháp cao mới được. Nghĩ thế nên Ngài nói:

- Này đạo hữu tôi cũng mới vừa xuất gia theo đức Phật, tôi không thể giảng lý đạo cho rõ được.
- Bạch Đại Đức! Tôi tên là Upatissa (tên thật của Ngài Xá Lợi Phất) Ngài cứ tùy tiện thuyết nhiều ít cũng được.

Đại Đức thuyết một câu kệ, nghĩa tạm dịch như sau:

- “Những pháp nào sinh lên đều do nhân, một khi nhân ấy diệt thì các pháp ấy cũng diệt theo. Đức giáo chủ đã thuyết như thế”.

Sự thật theo câu kệ này Ngài Assaji chỉ về ba điểm Điều Đế, Ngài không nói về Đạo Đế, mà điều quan trọng nhất là Diệt Đế.

Ông Xá Lợi Phất chỉ nghe hai câu đều hiểu rõ chân lý đặc quả Tu Đà Hườn, ông nói:

- Thôi Ngài Đại đức chùng này được rồi. Vậy Đấng Giáo Chủ của chúng ta Ngài ngự ở đâu?
- Ngài ngự tại Trúc Lâm Tịnh Xá. Ông liền day mặt về hướng ấy làm lễ. Rồi ông nói với Đại đức Assaji:
- Tôi còn phải tìm người bạn tôi để chỉ chân lý cho bạn tôi.

Sau khi tìm được bạn, ông mới thuật lại những lời châu ngọc của Đại đức Assaji. Ông Mục Kiền Liên cũng đắc quả Tu Đà Hườn.

Cả hai ông rủ nhau đi khuyên ông thầy cũ là Sanjeyya, nhưng ông không nghe theo và lại hỏi:

- Trong đời này người ta thông minh nhiều hay kẻ ngu dốt nhiều?
- Thừa thầy, người thông minh ít.
- Vậy hai ông đi theo Thầy Cò Đàm đi, để kẻ ngu dốt cho ta.

Biết ông Sanjeyya không thể theo con đường chính nên hai ông đi đến Trúc Lâm tịnh xá.

Năm trăm đệ tử của ông Sanjeyya đều đi theo hai ông. Căm hờn vì mất hết đệ tử, và vì lòng ngã mạn tự cao không chịu làm đệ tử người khác, mà ông Sanjeyya thổ huyết ra chết. Trường hợp của ông thật đúng như lời dạy: Người nhiều ngã mạn, thả làm đầu con cây chó không chịu làm đuôi con sư tử. Lại cũng có câu: “Thà là đi trước bầy gà hơn đi sau bầy phượng”.

Như Đức Phật đã dạy, sự nhẫn nại, hạnh kiểm để sửa dạy sự được thấy, được gặp các bậc Sa Môn và tính cách biện luận về Phật Pháp theo thời là bốn điều an lành cao thượng. Ông Sanjeyya thầy cũ của hai vị Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất vì thiếu bốn điều ấy và vì quá tự cao mà phải đi sai đường và bị mạng vong vậy.

44. - NGUỒN SỐNG VÔ TẬN

Trong cuốn Mi Lan Đà vấn đạo có cuộc đàm thoại giữa vua Milinda và Đại Đức Nagasena (Na Tiên).

Một hôm vua Milinda hỏi Đại Đức Nagasena:

- Bạch Ngài tên thật Ngài là gì?
- Tâu bệ hạ bạn đồng đạo gọi tôi là Nagasena, nhưng đó chỉ là một cách để phân biệt một tiếng gọi, một lối nói cho tiện, một cái danh để trở chớ trong đó không có người Nagasena.

Vua Milinda ngạc nhiên lại hỏi:

- Thưa Đại Đức, nếu không có người Nagasena thì Tỳ Khuru nào nhận những vật cần dùng do đàn na cúng như thức ăn, áo mặc, đồ ngủ phòng ốc, và thuốc men? Và nếu không có thì ai dùng những vật ấy. Lại nữa, ai bảo tồn đạo lý, ai ngồi tham thiền, ai hành đạo.

Ai đắc quả, ai nhập Niết bàn?

Ai sát sinh, ai trộm cướp, ai phạm ngũ giới?

Nếu thế thì không có thiện, không có ác, không ai làm thiện, cũng không ai làm ác ư? Những việc làm dù tốt dù xấu, cũng chẳng có quả báo sao? Vua lại hỏi thêm:

- Bạch Đại Đức vậy thì không ai đánh giết ai cả.

Như vậy tôi có thể nói: Tỳ Khuru và Tỳ Khuru Ni ời! Các người không có ai là thầy, không ai là người giảng dạy, không ai là người truyền đạo pháp nếu Đại đức nói:

“Này các huynh, nhà vua gọi ta là Nagasena thì Nagasena là gì?”

Bẩm Đại Đức, xin Ngài giảng cho hay là tóc trên đầu Ngài là Nagasena?

- Không.
- Hay là lông, móng, da thịt, gân, xương, tủy, cật, tim, gan, lá lách, phổi, ruột, cuống ruột, đồ ăn chưa tiêu hóa, đồ đã tiêu thành phân đờm, mũi máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước miếng v.v...?
- Không.
- Hình sắc kia có phải là Nagasena không?
- Không.
- Sự nhận xét vui buồn, sướng khổ, sự suy tưởng phải trái sự toan tính hành động trong lòng có phải là Nagasena không?

- Không.
- Thế thì không có chi là Nagasena cả, vậy Nagasena là gì?
- Thừa không là gì cả.
- Thế thì Nagasena chỉ là một tiếng không thôi sao, tôi e Đại Đức nói dối.

Bấy giờ Đại Đức trông thấy cái xe của nhà Vua liền hỏi vua Milinda:

- Tàu Bê hạ, Ngài tới đây đi bộ hay đi xe?
- Đi xe.
- Vua bảo đi xe, vậy tôi xin hỏi vua: xe là gì? Phải cây gọng là xe không?
- Không.
- Phải bánh xe là xe không?
- Không.
- Phải cái ổ máy của xe là xe không?
- Không.

Hỏi mãi cả hàng chục câu nữa như thế, không có cái chi vua Minlinda có thể chỉ được là cái xe. Đại Đức Nagasena liền kết luận:

- Cái xe của vua chỉ là một dấu hiệu một tiếng gọi, tôi e vua nói dối khi nói đi xe đến đây “Phàm cái gì có hình tướng đều giả dối, không thật”.

Cuộc đàm thoại lý thú trên đây đã chứng minh cho sự thật của lý duyên sinh, vô thường vô ngã trong Phật giáo, Một sự thật, không ai có thể chuyển đi hay phủ nhận.

Những sự vật hiện có trong thế gian hoặc đang băng hoại hay sẽ thai sinh là do sự kết hợp “Vô thường” của một số tinh thể đơn giản qua nhiều giai đoạn và tiếp tục mãi.

Duyên sinh một nguồn sống vô tận:

Ta thấy sự vật không phải là những cá thể nhất định riêng biệt độc lập mà là những “phần tử” của một khối, “toàn thể” những phần tử ấy có một xã hội tính tức là tính “nhân duyên sinh”.

Với tính “nhân duyên sinh” Phật giáo đánh giá sự tương quan mật thiết vì biết rằng: hết thảy sự vật trong vũ trụ trực tiếp hay gián tiếp ảnh hưởng lẫn nhau mà tạo thành.

45. – VUA TU LẦU BÀ CẦU NGHE PHÁP

Đời xưa có một vị đại Quốc Vương tên là Tu Lầu Bà thống trị rất nhiều nước chư hầu nhỏ. Oai đức của nhà vua rất to, uy tín lan rộng khắp nơi nhưng Ngài cũng còn chưa mãn ý. Một hôm, Ngài nghĩ:

“Ta có một khuyết điểm lớn. Mặc dù ta dùng đức trị dân đem tài lực để giúp người, song đó chỉ là nuôi sống phần vật chất, không được vĩnh cửu. Cần phải có một nền đạo giáo để cho muôn dân tu tỉnh. Ta phải tìm làm sao cho ra “Pháp tài chơn thật” để cho mọi người cũng nhờ đó mà được giải thoát mọi sự khổ não ở đời, được thế ta mới khỏi ân hận.”

Nhà vua liền cho truyền rao khắp trong xứ, ai có phép giải thoát đem truyền trao cho nhà vua, sẽ được trọng thưởng như ý muốn. Qua một thời gian khá lâu, không thấy ai đáp lại lời kêu gọi của nhà vua. Ngài đâm ra lo nghĩ buồn rầu, khổ sở, ăn không ngon, ngủ không yên. Người ngoài cuộc, ai trông thấy cũng phải cảm động và thương hại cho Ngài.

Lúc ấy có một vị Tỳ Sa Môn Thiên Vương rõ được tâm trạng của vua Tu Lâu Bà, bèn hóa hiện làm thân một con quỷ Dạ Xoa, hình sắc ai thấy cũng phải kinh tởm: Mắt lồi to và đỏ như huyết, nanh vuốt nhọn bén, tóc tai bồm xồm, lửa dữ đầy miệng. Quỷ đi đến chỗ nhà vua, hô to lên rằng.

- Ai muốn nghe pháp ta sẽ nói cho.

Nhà vua nghe thế mừng lắm, vội đến tiếp nghinh, mời ngồi tòa cao, làm lễ đúng phép để cầu nghe, quên cả sợ hãi.

- Xin Ngài vui lòng bố thí cho chúng tôi một pháp tài để cứu khổ cho nhân sinh, ơn trọng vô cùng.
- Thân người khó được, chính pháp khó gặp, đâu phải qua những nghi lễ tâm thường kém vẻ tôn trọng như vậy mà có thể nghe được.
- Tôi xin sẵn sàng làm theo ý Ngài muốn, chỉ cốt cầu được nghe Pháp, dù phải tan thân mất mạng cũng không sao.
- Quý lắm, nhà vua hãy đem hoàng hậu và hoàng thái tử đến cho ta ăn, xong rồi ta sẽ nói pháp cho nghe.
- Được tôi xin trân trọng làm theo ý Ngài.

Trong khi ấy, tất cả triều thần đều nhao nhao phản đối:

- Bệ hạ làm thế tàn nhẫn lắm, chúng tôi không tán thành. Xin bệ hạ hãy giết chúng tôi trước, rồi sẽ nghe lời quỷ mà thi hành.

Nhà vua vẫn bình tĩnh. Ông thân nhiên, an ủi quần thần:

- Các khanh yên lòng, ta cũng biết hy sinh cả vợ lẫn con như thế là đau xót lắm, nhưng trong đời, hề có hợp thì có tan, không có gì đáng quý cả. Chỉ có chánh pháp mới là đáng quý, vậy dù đổi tính mạng ta, ta quyết cũng không từ.

Trong khi quỷ dạ xoa ăn thịt hoàng hậu và hoàng thái tử tất cả triều thần và cung phi mỹ nữ trong tam cung lục viện đều gào than khóc vô cùng thảm thiết. Tiếng kêu than náo động cả kinh thành, mong làm chuyển được lòng cương quyết của nhà vua, để Ngài xua bỏ ý định. Nhưng nhà vua vẫn điềm nhiên bình tĩnh như thường, chỉ một mực chăm chờ nghe Pháp.

Quý Da Xoa sau khi ăn xong hoàng hậu và hoàng thái tử, liền vì nhà vua mà nói bài kệ rằng:

“Tất cả các hành đều vô thường

Có sanh đều có khổ

Nằm ấm không thật tướng

Không ngã và ngã sở”

Ý nghĩa của bài kệ nêu lên năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hòa hợp gọi là thân, song năm ấm biến chuyển không thường bên thân con người thoát còn, thoát mất không có cái gì là “ta” cũng như không có cái gì là “ta cả”, chẳng qua cũng như những bóng trong màn ảnh, trên sân khấu hay những giả cảnh trong chiêm bao mà thôi. Chư Phật tỏ ngộ do đây, mà phạm phu mê muội cũng do đây. Người phạm phu không nhìn thấy sự thật của sự vật luôn luôn chấp cho là thật cảnh, nên khi được thì vui mừng mà mất lại sinh đau khổ.

Nhà vua nghe xong bài kệ vui mừng không cùng, lòng không chút hối hận, liền truyền thần dân biên chép bài kệ trên ban khắp trong dân gian, bắt phải đọc tụng, nhờ đó mà rất nhiều người được tỏ ngộ.

Lúc ấy vị Tỳ Sa Môn Thiên Vương hiện lại nguyên hình và không tiếc lời khen ngợi:

- Quý hóa thay! Cao cả thay! Tâm trọng pháp của nhà vua không ai sánh bằng! hoàng hậu và thái tử xin hoàn lại vẫn không sao cả, chẳng qua chỉ để thử lòng nhà vua mà thôi.

Tôi mong ngày sau ngài sẽ đắc đạo Bồ Đề muôn loài hàm thức.

Vua Tu Lâu Bà (là tiền thân Đức Phật Thích Ca) đã làm một việc đáng cho người đời suy gẫm. Vua đã ngồi trên ngai cao cả, thành vàng điện ngọc, thế mà vì cầu nghe pháp phải khổ sở ăn không ngon ngủ không yên, thật là một chuyện ít có trong hàng vua chúa. Làm được một việc rất khó như thế mới quý.

Thời xưa các vị Bồ Tát vì cầu pháp mà biến thân mình làm giường ngồi cho giảng sư. Ngài Thường Đề Bồ Tát bán tâm can mình mà cầu nửa bài kệ. Ngài Thần Quang chặt cánh tay mình để cầu pháp với Tổ Đạt Ma. Khoét thân mình thành lỗ để đốt đèn cúng dường cầu pháp thì có hai Ngài Dược Vương, Dược Thượng, những gương trọng pháp khinh thân như trên rất xứng đáng cho muôn đời soi chung vậy.

46. - PHỤNG HÀNH CHÁNH PHÁP

Ngày xưa, có vua Mi Lan Đà hỏi vị Tỳ Khưu Na Tiên:

- Sa môn có yêu tấm thân mình không?

Na Tiên đáp:

- Là Sa Môn thì đâu còn màng đến chuyện tự yêu thân nữa

Vua nói:

- Nếu chẳng tự yêu thân sao còn ở nhà ấm, ăn thức ngon và tự muốn bảo vệ lấy nó?

Na Tiên gạn lại:

- Đức vua đã từng vào trận chiến chứ?
- Có, tôi đã có vào trận chiến. Nhà vua đáp.

Na Tiên hỏi tiếp:

- Khi vào trận ngài đã có bị thương chưa?
- Đã có bị thương, vì mũi dao và tên.
- Rồi ngài làm sao cho vết thương?
- Tôi liền lấy thuốc vải băng bó.
- Vì yêu vết thương mà Ngài băng bó hay sao?
- Chẳng phải yêu vết thương.
- Chẳng phải yêu thì chăm sóc làm chi?

Vua đáp:

- Vì tôi muốn nó mau lành.

Tỳ Khuru Na liền thuyết:

- “Các vị Sa Môn cũng thế. Các ngài ấy chẳng yêu gì cái thân, nên việc ăn mặc cũng chẳng phải vì ăn sang mặc đẹp mà chỉ dùng để chi độ thân thể đặng phụng hành chánh pháp của Đức Phật mà thôi.

Vua Milanda vô cùng khen ngợi và từ ấy được giác ngộ. Để giải thích thêm về cái thân, một lần nữa, Đức Phật dạy các đệ tử:

- Phàm kẻ phàm phu tục tử ăn cơm, mặc áo, dùng đồ nằm là muốn cho thân tâm vui sướng. Bồ Tát nếu khi phải dùng áo chẳng vì thân, mà chỉ vì pháp cho nên chẳng kiêu mạn mà phải thấp xuống: chẳng vì trang sức chẳng vì xấu hổ mà chỉ vì che lạnh nóng, gió độc mà thôi.

Với việc ăn cũng thế, tâm chẳng tham đắm, chẳng vì kiêu mạn, chẳng vì thân ưa thích, ăn với mặc như nhau.

Ngài lại kể câu chuyện Ngài thuyết với Ngài Văn Thù: Vì bảo vệ và mong cho cái thân sung sướng mà chúng sinh không có đức từ bi, ôm lòng sát hại lẫn nhau. Nếu chẳng có lòng sát hại, có lòng đại từ bi, muốn giáo hóa tất cả chúng sinh thì không có tội lỗi.

47. – RỪA MÙ GIỮA BIỂN CẢ

Một hôm tại Trúc Lâm Tịnh Xá Đức Thế Tôn hỏi đại chúng rằng: Giả như chốn đại địa này biến thành biển cả, bấy giờ có con rùa mù sống lâu vô lượng, qua trăm ngàn năm nó mới ngóc đầu lên một lần. Tại biển cả có một cây nổi lên đênh, khi đông, khi tây, vì bị sóng đập gió dồi liên tiếp mà trong thân cây chỉ có một cái lỗ. Thế thì khi rùa mù muốn ngóc đầu lên tìm cây và chui đầu vào lỗ, liệu chừng có thể gặp được lỗ ấy không?

Trong số đệ tử có Ngài A Nan trả lời:

- Bạch Đức Thế Tôn! Khó mà gặp được, bởi lẽ rùa thì rùa mù, biển đông hải mênh mông, cây lại nổi, trôi theo chiều gió sóng đẩy đưa đông tây bốn hướng, nào có định đâu nơi nào. Cho nên chắc chắn khó mà gặp được.

Phật dạy:

- “Rùa mù, cây trôi tuy khó gặp, nhưng còn có hy vọng: chớ đến như kẻ phàm phu ngu si trôi nổi trong biển khổ mà tái sinh được thân người, mới thật là khó hơn rùa mù gặp cây gặp bội. Vậy nên chính các người ngày nay phải tinh tiến tìm mọi phương tiện phát khởi tâm muốn học đạo càng tăng cao mới được.”

Thật ra trên thế gian chẳng ai là không muốn cho bản thân mình được khen tặng, lợi lộc danh vọng an vui may mắn tràn ngập. Được thì mừng vui mài miệt, khư khư ôm giữ lợi lộc danh vọng ấy, không bao giờ chịu rời bỏ dù phải trả với bất cứ giá nào để củng cố chúng bền vững mãi mãi. Nhưng họ quên rằng cái gì tự nó đến được thì cũng tự nó đi được. Dù muốn dù không cũng không sao cản ngăn được. Vì chưa ý thức được sự thay đổi không ngừng không nghỉ của giòng đời nên chúng sanh cứ mãi lặn mình vào cái tạm bợ không bền bỉ.

Cũng vì cái thân ta, cái cá nhân vị kỷ của ta mà ta không còn biết đến ai khác ngoài ta.

Vì lợi danh, tức vì nô lệ cho thân mà nhân loại giết nhau. Lợi danh ít thì giết nhau ít, nhiều thì giết nhau nhiều, không lợi danh thì lại giết nhau đánh nhau vì những việc khác.

Xã hội là một sân khấu, trong đó có cá nhân tranh với cá nhân. Gia đình tranh với gia đình, xóm làng với xóm làng, nước này với nước nọ. Tất cả đều vì danh lợi, vì bản thân.

Vì lợi danh là một thảm họa khốc hại không thảm họa nào sánh bằng nên Đức Phật đã dạy nên giảm bớt sự tranh dành quyền lợi, vì quyền lợi có một sức mạnh huyền bí thúc đẩy

loài người nhúng tay vào bất cứ một hành động tội ác nào miễn sao chiếm được chỗ ngồi tối cao của hai chữ lợi quyền là mãn nguyện ấy.

48. - CẠM BÃY CỦA TRẦN GIAN

Trong bộ chú giải Visuddhimagga có sách: trần cảnh như một thứ nhựa rất dẻo và rất dính. Mùa nắng nhựa ấy chảy ra dưới gốc cây, trông thấy như một miếng nhung đẹp.

Có một con khỉ lại gàn, thấy nhựa tưởng là tấm nhung bèn ngồi lên, bị dính cứng vào nhựa. Khi chống hai tay để đứng lên, tay lại dính luôn, liền dùng hai chân chõ lên để đứng dậy, hai chân cũng bị dính. Khi tìm đủ cách để thoát thân nhưng vô hiệu quả, sau rút khi dùng miệng để cắn móng vuốt nhựa thì cả mõm cũng bị dính luôn. Trước tình cảnh ấy ai là người thương xót cho con khỉ ấy.

Riêng người không mắc phải nhựa ấy. Nhưng lại mắc một thứ nhựa càng dẻo càng dai càng dính chắc hơn các thứ nhựa khác là trần dục. Khi còn nhỏ ở trong gia đình thư thả, sau có vợ là bắt đầu dính, như khi dính cái móng, sau có con như khi dính hai tay, có tiền của cũng như khi mắc thêm hai chân, đến lúc có quyền cao chức trọng càng dính như khi mắc luôn cả cái mõm chỉ còn ngồi đó chịu chết thôi.

Thật ra tâm con người thường bị dính vào tài sắc, lợi danh khó mà gỡ cho ra được, chỉ do nhờ thiên định là phương pháp chữa và sửa lần. Không cho tâm si mê trong trần cảnh nữa.

Thuở xưa xứ Ấn Độ trước khi làm lễ hỏa táng người nhà dùng chỉ buộc hai tay, chân và cổ. Không ai hiểu nghĩa ấy ra sao. Có người đến hỏi Đại Đức Kala, Ngài giải rằng:

- Con là cái vòng buộc cổ, vợ là cái vòng buộc chân, của cải là cái vòng buộc tay. Vì thương con, nên không tu hành gì được chỉ lo kinh doanh để sự nghiệp lại cho con, mà quên mình già và chết. Cũng vì thương vợ nên ráng lo bôn tẩu để tìm chút danh vọng cho vợ được hãnh diện với chúng bạn, không nhớ rằng: những tội lỗi mà ta đã làm không ai chịu thể được. Vì thương mến vợ con nên không thể đem tiền của ra giúp đỡ đồng bào, vì sợ hết tiền của cho vợ con dùng, vì vậy nên của như sợi giây cột tay.

Tục lệ này dùng để dạy người đời bằng cách gián tiếp rằng: con người khi đến chết vẫn còn phải bị cột chặt vào ba nơi là con, vợ, và của cải. Thật ra tâm người bao giờ cũng còn mến tiếc ba điều kể trên như sợi dây cột chặt lại không bao giờ giải thoát được.

Đức Thế Tôn dạy ta phải kính trọng thiên định nghĩa là phải cố chuyên trì hành theo không cho gián đoạn. Như kinh sách đã nói, thiên định là nấc thang thứ nhì (sau giới) để đi đến nơi giải thoát. Vậy một khi chúng ta biết đời là bể khổ nên cố gắng niệm Phật, đành rằng ta không thể giải thoát trong kiếp này, nhưng đó là duyên lành để trợ lực về sau vì là nhân mãi đưa một phần nào của phiền não hiện tại.

49.- HẠNH NGUYỆN SA MÔN

Đời không phải giàu sang quyền chức là hạnh phúc. Cũng như gương lành của ngài Đại Đức Anuruddha Ngài là giòng Thích Ca được kế vị ngôi vua của Đức Tịnh Phạn Vương. Sau Ngài xuất gia, Ngài hằng ở dưới cội cây hoặc nơi rừng vắng. Khi Ngài ở những nơi ấy thường cho là rất sung sướng và nói rằng:

- Hạnh phúc thay! Hạnh phúc thay!

Các vị Tỳ Khuru nghe vậy mới vào Bạch Đức Thế Tôn:

- Ngài Anuruddha có ý muốn khoe mình về đạo quả.

Đức Thế Tôn cho kêu Ngài vào hỏi:

- Có phải như lời các Tỳ Khuru nói vậy không?

Ngài đáp:

- Bạch Thế Tôn có.
- Tại sao người nói vậy?
- Bạch Đức Thế Tôn! Khi đệ tử còn trị vì, có thành trì kiên cố, có ngự lâm quân canh tuần nghiêm nhặt, nhưng đệ tử vẫn còn e ngại có kẻ thích khách. Ngoài ra còn sợ quân xâm lăng của các cường quốc, ngày nay đệ tử xuất gia, bỏ ngài vàng đến nơi ở rừng sâu hoang vắng dưới cội cây mà lòng đệ tử lại an vui tự tại.

Vì đệ tử trông thấy quả hạnh phúc của sự không có quyền tước của cải như vậy nên đệ tử hằng nói rằng:

Không có hạnh phúc nào bằng đời sống đạo hạnh. Ngài vàng bệ ngọc so ra có nghĩa gì?

Qua câu truyện trên ai cũng thấy rằng:

Của cải quyền chức không đem lại sự an vui trái lại làm cho ta kinh sợ lo lắng. Hạnh phúc thật sự là sự không lo sợ mất còn... có không. Vì vậy, muốn cho lòng mình được thơi thì chỉ có trì giới tham thiền mới nếm được hương vị của sự ấy.

Vì Đức Thế Tôn biết lòng chúng sinh còn rất nhiều phiền não nên Ngài dạy tham thiền để diệt lần phiền não và nên cố gắng đừng xao lãng.

Chuyên cần không xao lãng tức là kính trọng thiên định. Nói cho rõ hơn thiên định là một cách dạy tâm, kèm chế tâm không xao lãng phóng túng theo mọi quyền rũ trên đời, bắt buộc cho tâm phải yên trụ.

Nhất là các bậc xuất gia, thiên định lại là điều quan trọng hơn hết nhờ có thiên định là nấc thang thứ nhì của sự giải thoát đến Niết Bàn vậy.

50. – BÊN TIẾNG ĐÀN CUNG NỮ.

Vua A Dục ngày xưa có người em ruột tên là Thiện Dung. Một hôm vào núi săn bắn chơi Thiện Dung gặp mấy ông Phạm chí ở trần trường tu khổ hạnh trông thấy rất thương tâm, nhưng chẳng được quả vị gì.

Thiện Dung suy nghĩ:

- “Các Phạm chí này đầu đội trời chân đạp đất ăn sương uống gió. Khí lực mòn mỏi, thân thể tiêu tụy mà không diệt trừ ái dục được huống chi các ông Sa Môn họ Thích ăn sang, mặc đẹp, ấm lạnh theo mùa, ở nhà cao, nằm giường kỷ hương hoa thơm tho làm gì vô dục được.”

Vua A Dục nghe hoàng đế bàn luận như thế, ôm lòng lo lắng. Ngài thở ra: Ta chỉ có một đứa em mà chẳng may nó sanh lòng tà kiến e sẽ bị đọa đày nhiều kiếp, ta nên tìm cách trừ ác niệm cho nó mới xong.

Vua liền vào cung ra lệnh cho các kỹ nữ mỗi đứa tự trang điểm cho lộng lẫy cùng đến chỗ Thiện Dung mà đàn ca múa hát cho hay. Nhà vua lại cho mời một vị đại thần thân tín đến bàn riêng:

- Trẫm có lập một chút mưu. Nếu khi trẫm sắc chỉ cho người giết hoàng đế Thiện Dung thì người hãy lên tiếng xin can để quá bảy ngày rồi sẽ giết. Mọi việc khác để trẫm lo liệu.

Về phần các kỹ nữ, tuân lệnh vua đến chỗ Thiện Dung đàn hát vui chơi vô cùng náo nhiệt. Nhưng chưa được bao lâu thì nhà vua giả bất ngờ đi đến. Thấy cảnh hoan lạc sa đọa, nhà vua bưng bưng sát khí mắng quở Thiện Dung: “Sao người cả gan dám cùng kỹ nữ và thể thiếp của ta chơi bời như thế là nghĩa lý gì?”

Thiện Dung chưa kịp trả lời thì nhà vua ra lệnh lâm triều, triệu tập các đại thần gấp.

Trước mặt các quan và Thiện Dung, nhà vua giả bộ buồn rầu nói:

- Trẫm chưa già yếu gì, biên cương cũng yên lặng chẳng có giặc giã xâm lăng muôn dân đang sống trong cảnh thái bình, no ấm. Trẫm từng nghe lời ngạn ngữ các bậc cổ hiền nói rằng: Hễ người có phước bốn bề quy phục, mà phước đức mỏng manh thì kẻ vây cánh phản loạn dễ âm mưu, quân địch bốn bề dễ câu kết nhau xâm chiếm đất ta. Nhưng may mà ta tự xét ta chưa đến nỗi phải lâm vào cảnh bi đát khó khăn ấy. Ta rất mừng, vậy mà Thiện Dung ngược đãi ta dám dụ dỗ những kỹ nữ và vợ hầu ta như thế nghĩa là làm sao?

Ta ra lệnh cho các người đem Hoàng đệ ra giữa chợ mà chặt đầu đi cho thiên hạ biết.

Các quan đều ngơ ngác trước con thịnh nộ bất thường của Nhà vua, bỗng có một vị đại thần tâu:

- Cúi xin Đại Vương tha lỗi cho lời tâu của kẻ hạ thần này. Xin Đại Vương vì tình cốt nhục đối với ngự đệ hoãn cho sau bảy ngày rồi sẽ thi hành án tử hình cũng chẳng muộn.

Nhà vua giả vờ lặng lẽ, đợi cho một vài vị đại thần khác thấy ý hay, thêm lời can gián mới gật đầu ưng thuận.

Ngài lại còn ban ân bảo các đại thần đem long bào của Ngài mặc cho Thiện Dung và nói tiếp:

- Các ông đưa ngự đệ vào trong cung kín của Trẫm cho bọn kỹ nữ ca hát, đờn địch vui chơi cho chú nó thỏa mãn mấy hôm rồi sẽ hay.

Nhà vua lại dặn riêng vị đại thần kia:

- Người mặc áo giáp cho oai cầm chiếc gươm thiết bén và đến chỗ Hoàng đệ bảo rằng: “Tâu Vương Tử mãn hạn bảy ngày bắt đầu từ nay thì Vương Tử phải bị giết. Vì theo lệnh của Hoàng thượng đã phán quyết. Vậy nên Vương Tử nỗ lực mở tung năm căn mà hưởng năm món dục lạc cho thỏa chí, tận hưởng đến cùng kéo uổng. Nếu Vương tử chẳng tận hưởng để đến khi sắp chết e rằng có ăn năn có luyến tiếc cũng vô ích.”

Qua ngày đầu vui say vị đại thần đến bảo cho Thiện Dung biết chỉ còn sáu ngày nữa là hết hạn. Cứ tuần tự như vậy mỗi ngày ông ta lại đến nhắc, cho đến hôm còn một ngày nữa là mãn hạn. Hôm ấy vị đại thần đến nói với Thiện Dung:

- “Thưa Vương Tử, đã hết sáu ngày rồi, sáng mai đây Ngài phải ra pháp trường mà chịu chết, vậy hạ thần khuyên Ngài phải cố hết sức mà hưởng mọi khoái lạc kéo rồi xuống suối vàng lại tiếc.”

Thấm thoát bảy ngày đã qua, sáng ngày cuối cùng vua A Dục đích thân vào chỗ Thiện Dung bị giữ, giả bộ thân nhiên hỏi:

- Sao? Mấy hôm nay tâm ý của Ngự Đệ được tự do hưởng khoái lạc có sung sướng không?

Thiện Dung đáp:

- Tâu Vương huynh, thật Hoàng đệ chẳng thấy chẳng nghe gì cả thì có đâu mà sung sướng?
- Sao thế? Mình Ngự đệ mặc long bào vào ở trong cung điện của Vương huynh và cùng với bọn kỹ nữ của Vương huynh mà hưởng vui, lại cùng các món ngự thiện hảo

hạng, và biết bao nhiêu tiện nghi khác mà sao Ngự đệ nói chẳng nghe chẳng thấy chẳng vui sướng gì hết.

Ông đổi giọng nói tiếp:

- Sao Ngự đệ dám lộng ngôn với Trẫm như thế?
- Tâu Vương huynh, Thiện Dung đáp - người đáng chết như Hoàng đệ tuy là mạng căn chưa dứt nhưng so với người đã chết chẳng khác mấy, thì còn lòng dạ nào mà hưởng vui sướng gì nữa.

Nhà vua mỉm cười nói:

- Theo Vương huynh nghĩ, thì Ngự đệ chỉ lo cho cái thân một đời hãy còn khổ đến như thế. Khi nghe thân sắp chết, tuy hiện ở trong cảnh ngũ dục mà chẳng thấy vui thú. Có tai mắt cũng như không, hưởng chi các vị Sa Môn mà Ngự đệ thường gặp hàng ngày? Họ lo nghĩ nỗi khổ nào trong ba đời, cứ như thế họ trải qua hàng vạn ức kiếp nhiều thân chịu khổ, thật là cái khổ vô lượng không sao nói cho cùng.

Vì các Ngài nghĩ việc cay đắng này, nên mới xuất gia tu đạo để tìm phương pháp vô vị đạo thể. Nếu các Ngài chẳng tinh tiến tu trì thì sẽ chịu khổ trải qua nhiều kiếp, nhiều đời, Ngự đệ có hiểu như thế không?

Nghe xong, Thiện Dung vương tử mới sáng mắt ra, đến trước vua thưa:

- Hoàng đệ nghe những lời Vương huynh dạy mới được tỉnh ngộ: Sanh, Lão, Bệnh, Tử thật là đáng sợ, lo buồn khổ não sẽ trôi lăn mãi chẳng biết khi nào dừng. Cúi xin Vương huynh cho Hoàng đệ được xuất gia cầu đạo cẩn thận mà tu trì.

Vua A Dục vui mừng nói:

- Phải lắm! Nhắm lúc! Nhắm lúc!

Sau đó, Thiện Dung từ giã hoàng cung, xuất gia làm Sa Môn tinh tấn tu hành chứng quả A La Hán.

51.- NẶNG KIẾP TRẢ VAY.

Thuở xưa ở Ấn Độ, có một ông trưởng giả giàu nứt đổ, đổ vách nhưng hết sức keo kiệt. Tâm tính ông bất nhân thường cắt cổ lột da thiên hạ với cách cho vay nặng lời. Thật đúng với câu: “Vi phú bất nhân” ông không có chút từ tâm, lúc nào ông cũng bùng bùng sát khí, hung bạo, tàn ác.

Mỗi khi có kẻ mang công thiếu nợ không thể trả nổi theo lời hứa hẹn thì ông sai lũ gia nhân đánh đập hành hạ tàn nhẫn, thậm chí kẻ ăn người ở trong nhà, ông đối xử tệ bạc như loài thú vật không hơn không kém.

Trong nhà ông có bà lão bệu, làm công việc quần quật suốt ngày không có lúc nào hở tay. Rủi ro lỡ tay làm hư hỏng việc gì hoặc sơ sót thì ông chủ miệng chửi tay đánh, không mấy may thương xót.

Tấm thân gầy, rách rưới cơm áo không đủ no cái dạ dày lép xẹp. Phần thì tuổi già sức yếu mà phải chịu bao nỗi nhọc nhằn, vất vả vì sức chịu đựng của con người có hạn nên bà thường đau ốm luôn. Có lẽ vì đau khổ quá, cực nhọc quá, nên nhiều khi bỗng nhiên bà rơi nước mắt, rồi bà khóc thực sự, khóc cho thân thể bị dày vò, khóc cho tình đời đen bạc, trọng phú khinh bần.

MỘT KIẾP SỐNG NGỰA TRÂU

Có một hôm, nhân lúc mang bình ra mé sông múc nước được ít phút rảnh rang khỏi cặp mắt gằm gừ của ông chủ, bà yên tâm tạm ngồi nghỉ chân dưới cội cây bàng. Trong đầu óc bà lúc ấy lại thoáng hiện ra những sự hành hạ đánh đập chửi rủa tàn nhẫn vô lương tâm của ông chủ. Trong một phút suy nghĩ về giá trị đời sống bà bỗng rùng mình.

Tội nghiệp, bấy giờ bà chán sự sống lắm. Một ý nghĩ đen tối thoáng hiện ra trong óc bà, bà muốn quyên sinh. Bà nghĩ là phải chết đi, chết để giải quyết tất cả mọi nỗi đau khổ, loài người đen bạc đã cố ý dày vò bà. Bà nghĩ những nỗi nợ niềm kia, nghĩ đủ thứ nước mắt tự nhiên ràn rụa trào ra, lăn dài xuống hai má hóp. Bà để mặc cho hai dòng lệ tự do tuôn chảy, không buồn chậm lau. Bà vẫn cố muốn khóc thật nhiều, khóc cho hết nước mắt để rồi chết. Phải rũ cho hết nợ đời chứ sống mà thân xác cùng linh hồn bị dày vò dày vò quá sức thì chết đi còn hơn. Thế rồi bà khóc mùi mẫn cho đến nỗi Tôn Giả Ca Chiên Diên đi đến tận bên bà cũng không hay biết. Mãi đến lúc Tôn Giả cất tiếng hỏi, bà mới giật mình:

-Sao thế? Sao bà lại khóc lóc quá như thế? Ai ăn hiếp bà, ai hành hạ đánh đập bà?

Bà lão vẫn còn nghẹn ngào, không mở miệng trả lời được, bà chỉ dương đôi mắt mờ lệ nhìn Ngài trôn trời.

- Tội nghiệp quá! Xem bà nghèo khổ gian truân quá, nhưng tình cảnh nhà bà ra sao? Tại sao bà lại ngồi đây? Bà hãy nói cho tôi biết đi, nói hết nỗi khổ của bà cho tôi nghe đi, may ra tôi có phương chước gì để giúp ích phần nào cho bà.
- Bạch ngài, Ngài xem tôi chừng này tuổi mà phải làm tôi mọi cho người ta, công việc làm vất vả suốt ngày thâu đêm, lại còn bị chủ nhà ác nghiệt, bó buộc, đánh đập hành hạ khổ sở. Thân thể già yếu, nay đau mai mạnh, thế mà hàng ngày cơm chẳng đủ no, áo không đủ ấm thì làm sao mà sống cho nổi?
- Tội nghiệp vì nghèo chừng này tuổi mà bà còn phải làm thân tôi mọi cho người để bị hà hiếp muôn điều cực khổ đau đớn, sao bà không bán quách cái nghèo đi để đeo nó theo làm gì cho thêm khổ sở?
- Trời ơi! Sao Ngài bảo lạ thế? Ai thèm mua cái nghèo mà hòng bán?
- Bà ạ! Tôi nói thật đấy, nghèo có thể bán được như thường. Tôi thấy bà khổ sở nên khuyên bà bán ngay nó đi, tôi thương bà tôi bảo thật đấy. Tôi gạt bà có ích lợi gì cho tôi đâu?

Nghe giọng nói quả quyết, và trông gương mặt hiền từ thành thật của Tôn Giả, bà lão hết sức ngạc nhiên, nhìn Tôn Giả trân trân giây lâu mới thốt ra lời:

- Nếu Ngài có phương chi bán được cái nghèo, mong Ngài thương xót chỉ cho, tôi xin ngậm vành kết cỏ cảm đội ơn đức Ngài suốt đời, không lúc nào dám quên.
- Được, tôi xin hứa chắc với bà và nếu bà nhiệt tình muốn bán, thì tôi bảo như thế nào bà phải làm đúng như vậy, mới có kết quả tốt đẹp được.
- Bạch Ngài già đã cực khổ vất vả lắm rồi đã nhàm với roi vọt mắng chửi, đã lờn với gió sương mòng muỗi, bây giờ Ngài dạy thế nào già cũng xin vâng chịu tất cả, dù cực khổ thế mấy già cũng coi như thường miễn Ngài chỉ cho cách thức để bán cho được cái nghèo thì thôi.
- Bây giờ bà hãy xuống sông tắm cho sạch sẽ, Thân thể bản thủ quá sẽ có thể sinh ra nhiều bệnh tật, vả lại ai cũng chán chảng dám đến gần.

VÌ TRÓT MANG MẤY KIẾP THAM LAM KEO RÍT

Bà già vâng lời Tôn Giả xuống tắm rửa sạch sẽ xong xuôi rồi, bà liền đến bạch rằng:

- Bây giờ Ngài dạy cho tôi cách nào để bán?
- Bây giờ bà phải bố thí. Vì Phật đã dạy: pháp bố thí là để cho người vượt khỏi lòng tham lam mà cái tham lam là nhờn bản cùng của khổ sở. Tôi đã dùng huệ nhãn quan sát thấy bà nhiều kiếp về trước tính tình tham lam keo rít, nên kiếp này bà phải chịu quả báo cực khổ nghèo cùng. Vì vậy muốn hết nghèo cùng bà phải dứt lòng tham lam, còn phải thực hành phương pháp bố thí. Nhân nào thì quả nấy, chắc chắn không sai.
- Trời đất ơi! Ngài bảo tôi bố thí để dứt lòng tham, nhưng tôi có tham hồi nào đâu? Tại tôi nghèo cùng đến nỗi giờ xương lòi da như thế này tôi đào đâu ra của để mà bố thí thưa Ngài. Ngài bảo cách nào dù thiên lao vạn khổ, già này cũng có thể cố gắng làm được, chứ còn điều này thì xin chịu. Tôi không biết làm cách nào để vừa lòng Ngài.

Nhưng đây, hiện giờ này trên tay tôi chỉ có cái bình của chủ, tôi mang đi để múc nước về, nếu có thể bố thí ngay, bất quá thì về nhà chủ đánh chút thôi, không đến nỗi gì, quen rồi chả sợ. Miễn già đây làm y theo lời của Ngài là vui lắm rồi.

- Ấy chết! Của chủ, bà đem cho đi, về nhà mất bình, chủ đánh chửi chịu sao nổi?
- Không sao thưa ngài! Già đã chịu đựng quen rồi, không đến nỗi gì mà già cũng nghĩ đến liều mạng bất quá chết là cùng...
- Cũng được, miễn có lòng thành kính là được, không luận ít nhiều. Bà hãy mang bình tìm chỗ nước cho thật trong thật sạch múc đầy bình đem về đây cho tôi.

Tôn Giả Ca Chiên Diên tiếp nhận bình nước sạch do tay bà lão múc về dâng. Ngài chú nguyện cho bà lão.

Đoạn Ngài hỏi:

- Bà có chỗ nào để ở cho thật sạch không?

- Bạch không, nếu lúc tôi xay lúa thì nằm ở cối xay mà ngủ, khi làm việc gì đến lúc mệt thì tôi nằm ngay tại chỗ mà ngủ, không có chỗ nào nhất định.
- Tội nghiệp quá! Bà về nên cố gắng giữ lòng, lo tròn bổn phận không nên hiềm hận điều gì cả. Tối đến, đợi khi trong nhà ngủ hết, bà hãy lên mở cửa lên nhà trên ngồi xếp bằng ngay ngắn niệm Phật, tâm đừng nghĩ gì khác, chỉ nên nhất tâm niệm Phật mà thôi. Bà nên nhớ thế.

CỐI SẠCH NỢ TRẦN

Bọn đầy tớ nhà ông trưởng giả rạng ngày mở cửa nhà trên giật mình cả sợ, tri hô lên. Ông trưởng giả hốt hoảng ba chân bốn cẳng vừa chạy vừa quát:

- Mụ tở già này sao hôm nay lại trồn lên đây? Mà chết rồi à? Lại ngồi chết trước bàn thờ? Từ trước đến giờ không khi nào mụ được lên đây cả, thế sao hôm nay...Bây đâu, hãy đến gần xem mụ ta đã chết lâu chưa? Nếu thật chết bay cột chân kéo xác vào rừng cho quạ hay kên kên ăn quách đi là xong chuyện, cái của nợ ấy ghê tởm quá. Mau lên, không tao đập chết cả lũ bây nữa bây giờ. Mau lên!!!

Bọn đầy tớ lúi húi tìm dây cột chân theo lời ông chủ, nhưng ra khỏi ngõ chúng lấy tấm bố đắp điểm lên thân bà lão xong rồi chúng rập nhau khiên xác bà lão đem bỏ trong rừng lạnh không thềm dầy lên một vài lát đất.

ĐƯỢC CẢM QUẢ BÁO SANH LÀM CHÂN THIÊN TỬ

Có ai ngờ đâu, lúc bấy giờ xác thân bà lão tuy tở tàn, thế nhưng thần thức của bà đã được sinh lên cõi trời Đạo Lợi, nhờ chú nguyện của Tôn Giả Ca Chiên Diên và nhờ sự cố gắng niệm Phật của bà.

Bây giờ ở trên cõi trời Đạo Lợi có một vị thiên tử hết quả phước nên phải hoàn sanh nhân gian. Bà lão bực kia, nhờ sức trì giới, niệm Phật và công đức bố thí mà được thế vào địa vị thiên tử ấy. Nhưng vì ham vui chơi theo khoái lạc của thiên đình mà quên nguyên do gì mình được sanh lên đây. Tuy nhiên nhờ ở kiếp trước vị thiên tử này (tức bà lão bực) đã gây được phước lành kết duyên Phật pháp nên cảm đến lòng từ của Tôn Giả Xá Lợi Phất.

Ngài bèn đến lân la dò hỏi để kích thích đạo tâm sẵn có của vị thiên tử nợ:

- Phàm việc gì có ra điều có nguyên nhân cả, hẳn Ngài đã biết mình từ đâu đến và do nguyên nhân gì mà được cảm quả báo sanh làm thiên tử trị vì muôn dân như hôm nay chứ?

Đấng thiên tử cùng các quyến thuộc còn đang ngỡ ngác chưa hiểu ra sao cả, thì Ngài Xá Lợi Phất liền truyền đạo nhãn cho thiên tử xem thử. Như chiêm bao chợt tỉnh, vị thiên tử rớt rít tỏ lời cảm tạ ơn Ngài Xá Lợi Phất đã khai thông tuệ nhãn cho mình. Liền đó, ông ta hợp

cả năm trăm quyển thuộc bái lễ Ngài Xá Lợi Phất rồi cùng nhau mang hương hoa xuống ngay khu rừng, xông hương, rải hoa cúng dường tử thi bà lão bộc vô phước trước kia.

Khu rừng lạnh lẽo âm u, bỗng náo nhiệt khác lạ, ánh sáng của chư thiên tỏa khắp cả muôn cây cỏ, làm cho mọi người hết sức kinh ngạc rủ nhau đến xem. Nhà ông trưởng giả nghe nói cũng đưa cả gia đình tới để xem và ai cũng ngơ ngác trước quang cảnh lạ lùng ấy.

Một gia nhân ông trưởng giả đến gần hỏi:

- Đây là người tứ giả của nhà chủ tôi vừa chết, thân thể đã sinh chương hôi thối dơ bẩn. Khi bà ấy còn sống người ta còn ghê tởm ít dám đến gần thay, phương chi nay bà đã chết rồi, có gì quý lạ mà các Ngài đến đây rải hoa cúng dường.

Nghe hỏi, vị thiên tử bèn ứng đáp lời thuật rõ ngọn ngành, vì nhơn duyên gì mà mình được bỏ thân tứ sanh làm trời, hưởng phước báo vô lượng.

Đoạn vị thiên tử xoay mặt về phía tịnh xá tưởng đến Tôn Giả Ca Chiên Diên. Trước các vị chư thiên quyển thuộc của mình và một số người trần có mặt hôm đó, vị thiên tử giảng giải về phép màu đã lãnh thọ được cho mọi người nghe. Nào là luận về pháp bố thí, giữ giới, niệm Phật, liã dục v.v...

Nghe xong năm trăm vị trời ấy tâm được xa lìa trần cấu chứng nhãn thanh tịnh, đồng bay về thiên cung.

Hôm ấy bao nhiêu người trần có mặt tại đó thấy đều tỉnh ngộ. Ông trưởng giả bây giờ mới sáng mắt và mới nhận được cái giá trị của con người không phải ở vật chất mà chính ở tinh thần vậy.

52.-CON THỦY QUÁI BIỂN ĐÔNG

Ngày xưa ở biển Đông có một con thủy quái tên là Maraca, vô cùng ích kỷ, vô cùng tự phụ, và cũng vô cùng tàn bạo.

Tưởng chừng cả thế giới phải bị tiêu diệt thì lòng khát vọng của nó mới được thỏa mãn. Mỗi bữa ăn, nó ăn hết số cá mà một chiếc mảnh phải làm trong một ngày. Các loài thủy tộc từ lớn đến bé điều lạ lùng hoảng hốt, hãi hùng vì nó ăn tất cả, không chừa một con nào, nhưng dĩ nhiên là trừ nó ra.

Đứng trước cảnh tượng diệt vong, loài thủy tộc phải làm thế nào, biết tìm đâu một chỗ để trốn tránh đây? Ở dưới nước hay tận đáy bể cũng như trên đất bằng, không có lấy một chỗ dung thân. Có một đôi con mọc cánh vì sắp biến hóa thành chim hy vọng được cất cánh để trốn cảnh diệt vong. Nhưng vừa khỏi mặt nước, đầu lại vào đó, con vật lại sa vào bể cả, vì cánh chưa mạnh, và chưa quen bay. Con thủy quái, khoái lạc nhìn con mồi, và chế nhạo trước mưu mô ngu ngốc của đồng loại. Thế rồi cũng như loài cá, dù bơi lặn, dù lớn hay nhỏ,

những con vật có lông hay có cánh đều bị nghiền ngấu. Con thủy quái ra chiều đắc ý, nhưng lòng dục vọng không đáy của nó vẫn không bao giờ thoả mãn. Không bao giờ nó có ý nghĩ rằng rồi mình cũng có ngày bị ăn thịt. Phải! Vì còn ai mạnh khỏe, hung tợn kiêu ngạo bằng nó? Loài cá lại còn làm cho nó tin mình là đúng, nên nó thung dung ngang dọc sông một mình một cõi. Nhưng ở đời đâu có phải mọi việc đều nằm yên một chỗ? Loài cá, con thì bị ăn thịt, con thì chạy trốn nên trong bể thừa dằn. Vật thực càng hiếm hoi, càng khó kiếm, và khi buộc lòng phải nhai những con cá nhỏ xíu dưới hàm răng to tướng của mình, con Macara tức điên lên.

Hắn nghiền răng, cắn lưỡi, vùng vẫy bơi lội khắp nơi nhưng bốn bề vắng lặng. Giận dữ, nó quật mạnh cái đuôi to tướng bằng phẳng và cứng rắn như một tấm ván.

Nó quật lung tung nhưng không có tăm hơi một con cá nhỏ nào trong dòng nước nổi sóng. Nó ngạc nhiên, thất vọng bực tức, vật thực đã hết mà cơn đói lại càng hoành hành mãnh liệt.

Biết làm sao bây giờ? Nó lại bơi lội xục xạo, sóng gió nổi lên khắp nơi. Bỗng nhiên nó nghe bốc lên một mùi quen thuộc, mùi quyến rũ của loài cá, mùi ấy không bốc lên từ nó thì từ đâu nữa.

Tình trạng giống như con hươu bị chạy đuổi đến khi kiệt sức theo mùi xạ từ cổ nó phát ra.

Còn Macara lúc thì lặn xuống dưới đáy bể, lúc thì nổi lên trên mặt nước. Cái mùi thơm ngon từ mình nó lại theo nó mãi.

Trong khi ngạc nhiên và bị kích thích lại thêm cơn đói cào xé ruột gan, nó cắn nghiền lấy thịt mình. Một cảm giác vừa đau đớn, vừa hoan lạc nổi lên. Nó nhắm nhía lấy máu mình, và nó không thể dừng được nữa, cứ như thế mà nó ăn cho đỡ đói và nó lặn mình vào đau khổ để quên đau.

Đến lượt biển cả lại ăn thịt nó. Và cái gì còn sót lại, thì đó là vang bóng của lòng kiêu ngạo của nó và lòng ám ảnh hãi hùng của bầy cá đang sợ sệt diu dặt nhau trở về.

53.- CÂY ĐÈN THẦN CỦA BÀ HÀNH KHÁT

Có một lần sau khi tiễn đưa Đức Phật và các Thầy Tỳ Khuru trở về Tịnh Xá Kỳ Hoàn, A Xà Thế Vương cùng đình thần lui về yến phòng dự buổi yến tiệc thân mật và bàn vài việc cần làm thêm trong ngày đại lễ sắp đến. Vua A Xà Thế Vương niềm nở nói với các đại thần:

- Các khanh! Quả ngon rất bằng lòng và thoả mãn! Các khanh đã lo liệu quá ư tươm tất cho buổi lễ cúng dường Đức Phật và Giáo Hội.

Hướng đôi mắt về phía đại thần Kỳ Bà, vua nói tiếp:

- Kỳ Bà, khanh nghĩ hộ quả nhờn coi còn có việc gì đáng làm nữa để quả nhờn tận hiến tất dạ chí thành lên Đức Chí Tôn và Giáo Hội, những người đã tận tụy trong công việc giáo hóa chúng sinh nói chung, nhân dân của ta nói riêng trở về ánh sáng chân lý, đạo đức.

Đại thần Kỳ Bà đứng dậy, ngần ngừ trong giây lát rồi thông thả tâu:

- Tâu Đại Vương, ngoài sự cúng dường trai phạn và y phục mà Đại Dương đã dâng lên Đức Chí Tôn và Giáo Hội, theo thiên ý của thần thì không việc gì có ý nghĩa hơn việc cúng dường ánh sáng. Ánh sáng là tượng trưng cho trí tuệ, sự giác ngộ, ở đâu có ánh sáng, là bóng tối tan mất. Cũng vậy Đức Phật và Giáo Hội đến đâu là si ám và tội lỗi tiêu sạch.

Vua phán:

- Hay lắm! Hay lắm! Ý kiến của khanh rất chí lý. Tiện đây cũng nhờ khanh thay quả nhờn sắm sửa cho thật nhiều đèn để tối hôm nay dâng lên Đức Phật và Giáo Hội tại Tịnh xá Kỳ Hoàn.

Đại thần Kỳ Bà vâng lệnh. Buổi tiệc linh đình tiếp diễn trong tình thân mật giữa nhà vua và các vị cận thần.

Chiều hôm ấy trên đường trở về xóm nghèo, một bà lão hành khất gặp rất nhiều lính tráng xe cộ tấp nập chuyên chở những thùng dầu đèn vô số những chiếc lồng đèn ngũ sắc rực rỡ.

Hỏi ra thì biết những lễ vật nhà vua đem đi cúng dường Phật và Giáo Hội.

Hình ảnh nghiêm trang của Đức Phật và các Thầy Tỳ Khưu lại hiện ra trong óc bà.

Mặt bà vui hẳn lên, bà rất tán thành việc làm có ý nghĩa của Đức vua, nhưng lúc xét lại tự thân, bà thấy mình nghèo khổ thiếu thốn chưa làm một công đức nào đối với Đức Phật và Giáo Hội cả nên đâm ra buồn tủi. Mặc dù thế bà tự nghĩ không lẽ vì thiếu thốn mà quên chuyện mua sắm lễ cúng dường Đức Phật thì lòng bà không yên.

Bà cho tay vào bị và moi móc hết ra vốn vẹn chỉ được có hai đồng tiền. Một sự quyết định nhanh chóng trong tâm niệm khiến bà hoan hỷ cầm hai đồng tiền vào quán gần đó và nói:

- Thưa cậu! Cậu làm ơn bán cho tôi hai đồng tiền dầu thấp.
- Mua làm gì? Bà sao không đi mua đồ ăn lại đi mua dầu? Nhà cửa đâu mà dầu với đèn?
- Thưa cậu, tôi nghe các cụ tuổi tác trong xóm bảo: “Ngàn năm một thuở Đấng Giác Ngộ mới ra đời một lần, tôi may mắn được gặp nhưng chưa có lễ mọn nào để dâng hiến lên Ngài. Điều ấy làm tôi vô cùng ân hận. Vừa rồi được biết Đức Vua A Xà Đế Vương sửa soạn cây đèn để dâng lên Đức Thế Tôn và Giáo Hội. Tuy nghèo khổ tôi cũng xin nguyện đem hai đồng tiền mới xin được đây mua dầu dâng ánh sáng lên Ngài.

Nghe bà lão hành khất tỏ nỗi sự tình và tấm lòng chân thành với Đấng Giác Ngộ, người chủ quán nhìn bà một cách cảm mến và hạ giọng:

- Hai đồng tiền chỉ được hai muống, nhưng tôi xin tặng ba muống nữa là năm. Mong bà nhận cho.

Cảm ơn chủ quán, bà ra về với niềm hoan hỷ của người được kẻ khác biểu đồng tình và giúp mình trong việc phước thiện.

Trời chưa tối hẳn, những cây đèn xinh xắn lộng lẫy của Đức Vua lần lượt được những đội thị vệ thấp lên đủ màu xanh, đỏ sáng rực rỡ cả một góc trời.

Cảnh vật chung quanh Tịnh xá tung bừng vui nhộn lên. Những điệu nhạc du dương uyển chuyển từ trên những chòm núi vọng xuống. Và người ta vẫn còn nghe rõ những lời ca ngợi công đức của những cận thần thay nhà Vua tán tụng Đức Phật và Giáo Hội. Từng đoàn người lũ lượt đi lễ trông như trẩy hội.

Bà lão hành khất khi chiều cũng đã tiến mau về phía dòng người và dừng bước trước hàng ánh sáng, vội vàng rót dầu vào cây đèn mà bà đã lau sạch và thay tim ở nhà. Vừa mỗi ngọn đèn bà vừa nghĩ:

- “Dầu ít như vậy, có sáng lâu lắm cũng chỉ đến nửa đêm là cùng”

Nhưng một ý khác rộng rãi cao đẹp tiến đến. Đáng ra phải nói đây là những lời thệ nguyện:

- “Nếu quả thật sau này tôi được giác ngộ và giải thoát như lòng tôi mong muốn trong phút cúng dường Đức Phật hôm nay thì số dầu ít ỏi này cũng làm cho ánh sáng của cây đèn này sáng mãi không tắt.”

Phát nguyện xong, đặt cây đèn lên bờ thành, bà đi thẳng vào Tịnh xá, chỉ thành đánh lễ Đấng Giác Ngộ rồi lui ra về.

Suốt đêm hôm ấy, tuy có những đội lính thay nhau lo việc châm dầu, thấp lại, nhưng trong số đèn của nhà Vua ít có cây được hoàn toàn. Cây thì bị gió thổi tắt, cây thì hụt dầu, hết tim v.v...

Duy chỉ có cây đèn của bà lão hành khất là nổi bật sáng rực rỡ trong muôn vạn cây đèn khác, và mãi đến sáng rõ vẫn không tắt mà dầu cũng không hao.

Sáng hôm ấy Đức Phật gọi Tôn Giả Mục Kiền Liên bảo ra tắt những cây đèn còn đỏ.

Tôn Giả Mục Kiền Liên làm theo lời Phật. Đến lượt cây đèn của bà lão hành khất, thì ba lần Tôn Giả quạt mạnh nhưng ánh sáng cũng không mất. Lần thứ tư, Tôn Giả cầm ngay vạt áo chà quạt hất vào đèn, nhưng đèn lại sáng hơn trước. Tôn Giả Mục Kiền Liên và những người chung quanh mục kích cảnh tượng khác thường ấy tỏ vẻ ngạc nhiên và cho đó là một cây đèn thần kỳ lạ chưa từng thấy. Ngay lúc ấy, Đức Phật đến gần và điềm đạm bảo:

-Thôi! Đệ tử hãy thôi! Vì là ánh sáng công đức của đấng giác ngộ trong tương lai cho nên sức mạnh và oai thần của đệ tử không thể nào dập tắt được.

Câu chuyện này đến tai vua A Xà Thế Vương, Ngài cho vời đại thần Kỳ Bà đến để thuật lại câu chuyện và hỏi:

-Kỳ Bà! Khanh đã biết quả nhơn làm rất nhiều công đức nhưng không thấy Đức Thế Tôn dạy gì về quả báo của quả nhơn, mà bà già hành khất chỉ cúng một cây đèn lại được Ngài thọ ký là nghĩa làm sao?

Đại thần Kỳ Bà nghiêm nét mặt và đứng yên.

- Kỳ Bà! Người đừng ngại gì cả, quả nhơn muốn tìm hiểu những khuyết điểm chứ quả nhơn không bao giờ dám chê Đức Thế Tôn.

Đôi mắt Kỳ Bà sáng lên. Ông trả lời khiêm tốn:

-Tâu Đại Vương! Theo chỗ hiểu biết của hạ thần thì Đại Vương cúng dường rất nhiều song tâm ý không chuyên nhất và có lẽ Đại Vương không phát đại nguyện nên tuy có công đức cũng không bằng công đức của bà già hành khất chỉ cúng dường một cây đèn, nhưng đó là cả một tấm lòng chí thiết, một dạ kính thành của bà lão ấy đối với Đấng Giác Ngộ và nhất là lời thề nguyện của bà.

Nghe đại thần Kỳ Bà phân tích tỷ mỉ về động cơ của sự cúng dường, A Xà Thế Vương sau một hồi tự xét lại bản thân nhận thấy lời vị đại thần rất đúng với tâm địa của mình. Và từ đây trở đi, ông được giác ngộ, nêu gương tốt cho cả triều đình và rộng ra trong nước.

54.- CON KHỈ VÀ CON CÁ SÁU.

Có một con khỉ sống với đàn khỉ trên cây cao gần bờ sông, nhằm đoạn sông có rất nhiều cá sấu lớn. Bữa nọ có con cá sấu lớn nhìn bầy khỉ sống trên cây thèm quá liền gọi con lại:

- Này các con, đứa nào giỏi thì bắt cho mẹ một con khỉ đem về đây. Mẹ thèm ăn trái tim khỉ lắm.

Cá sấu con đáp:

- Làm sao bắt khỉ được? Con không thể bò lên cây và con khỉ lại không đi xuống nước.

Cá sấu mẹ nói:

-Trí khôn của con để đâu? Hãy chịu khó suy nghĩ đi và tìm một mưu chước sẽ bắt được không khó.

Thế là cá sấu con nghĩ ngợi.

Cuối cùng nó nghĩ ra được một kế và tự nói:

-À, cách này diệu lắm! Ta sẽ có thể bắt một con khi trên cây kia. Nó là loại thèm ăn và luôn muốn đi qua sông đến hòn đảo bên kia để ăn những quả cây chín mùi bên ấy.

Nghĩ thế, cá sấu ta bơi tới sát cây con khi đang ở. Hắn gọi con khi, nói:

-Chú khi ơi! Hãy đi cùng tôi qua bên hòn đảo kia! Bên ấy nhiều trái cây chín mùi ngon lắm, ăn một bữa cho sướng.

Khi đáp:

-Nhưng làm sao tôi đi được, anh sấu? Tôi không biết bơi lội kia mà?

Cá sấu nói:

-Ồ có khó gì! Tôi bơi chở anh ngồi trên lưng tôi, thế là hai chúng ta cùng nhau qua bên hòn đảo kia.

Con khi hám ăn và không nghi ngờ gì cả, bèn nhảy xuống ngồi trên lưng con cá sấu. Cá sấu cả mừng vì thấy mình đắc kế liền bơi ra giữa sông. Con khi ngồi trên lưng con cá sấu sung sướng nói:

-Ồ, anh sấu! Anh tốt bụng quá, anh cho tôi đi như vậy, thật thú vị quá.

-Thật vậy chẳng? Anh có thích như vậy không?

Dứt lời cá sấu lặn xuống. Khi la hoảng, bốn chân bám chặt vào lưng cá sấu:

-Ồ anh sấu sao lại vậy? Chết tôi còn gì? Đừng đừng giỡn chứ anh sấu.

Khi cá sấu nổi lên lại, con khi sặc cả nước và ngạt thở muốn chết, khi nói:

-Anh sấu sao lại dìm tôi xuống nước như vậy, anh sấu?

Cá sấu trả lời:

-Tôi muốn giết anh đó, vì mẹ tôi muốn ăn trái tim khi, và tôi sẽ mang trái tim anh về cho mẹ tôi.

Con khi giả bộ tự nhiên liền nói:

-Ồ, sao anh lại không nói cho tôi biết trước. Nếu biết thế thì tôi đã đem trái tim theo với tôi rồi. Giờ này ở giữa sông tim gan đâu mà có. Tôi để hết trên cây rồi.

Cá sấu ngu ngốc kia nói:

-Sao kỳ lạ vậy? Anh nói anh để trái tim anh lại trên cây kia phải không?

Khi đáp:

-Phải, anh sấu! Nếu anh muốn lấy trái tim tôi thì anh phải bơi về lại mới lấy được. Nhưng khoan đã! Chúng ta đến hòn đảo kia ăn trái cho no say cái đã rồi sẽ bơi về, không chậm đâu mà sợ.

Con cá sấu nghĩ thầm

-“Con khi tưởng hấn khôn hơn mình hấn? Chắc hấn đánh lừa ta, hấn bảo đưa hấn đi ăn một bữa cho no rồi mới về nhà lấy tim. Ta đợi gì cho nó ăn no...Ta phải lấy cho được quả tim sớm chừng nào hay chừng ấy cho mẹ ta.”

Nghĩ thế sấu con bơi quay trở lại đến gốc cây, nơi con khi ở lúc nãy.

Khi cá sấu vừa bơi đến gần bờ, khi ta nhảy phóc lên bờ rồi leo lên cây rất nhanh. Ngồi yên trên cao, khi nhìn xuống miệng cười oác oác nói với cá sấu:

- Này anh bạn sấu! Trái tim của tôi ở trên cây này đây, anh có muốn lấy về cho mẹ anh thì chịu khó trèo lên cây mà lấy. Sẵn đây rồi! Lên mà lấy đi anh...anh sấu ơi!...

Cá sấu con ở dưới nước tức giận, biết mình bị lừa. Hấn nhìn lên nhìn xuống, tìm đủ mọi cách đánh lừa khi lần nữa. Nhưng không sao tìm được mưu chước nào khác nữa. Vừa sợ bị mẹ khiển trách, vừa bị khi con cười chê, hấn lủi thủi bơi về.

55.- QUẢ BÁO NHÃN TIỀN

Thuở xưa trên giang san của xứ Thần Châu, Đức Hoàng Đế trị vì nước ấy tên Vạn An. Ngài có bảy người con trai đã trưởng thành và bảy hoàng tử ấy đều được nhậm chức rất trọng yếu của triều đình để trấn giữ trong bảy nước chư hầu.

Đức vua Vạn An đã lớn tuổi nên ngài muốn nhường ngôi thiên tử lại cho con. Nhưng vì điều kiện quan trọng cho vận mạng xứ Thần Châu sau này, nên hoàng đế đã bao ngày bàn luận với quần thần để ngăn ngừa hậu quả của chiến tranh giành giựt ngôi vua, song rốt cuộc cũng chẳng tìm được một biện pháp nào thích ứng cả.

Chiều nay cảnh vườn thượng uyển lại chìm dần trong bóng tối, mọi vật im lìm đáng sợ. Không một bóng vũ nữ, chẳng có một điệu đàn, những lồng đèn của cung điện và vườn thượng uyển đã được tắt sáng. Trong lúc ấy, nếu có ai nhìn kỹ thì kia: trên con đường ít sáng, Hoàng Đế Vạn An tay chấp ra sau, tới lui và thỉnh thoảng lại gật đầu như bằng lòng một sự gì lắm...Bóng Hoàng Đế lại đi dần về cung điện, rồi mất hút trong rèm hoa. Một lúc sau ta lại thấy bảy bóng ngự lâm quân chạy vụt ra ngoài và nhảy vọt lên lưng bảy con hồng

mã to lớn, ra roi sai đi như bay... với trách vụ sứ thần đem chiếu chỉ nhà vua vượt ra biên thùy để trao lại cho bảy hoàng tử hầu triệu gấp về triều.

Trong bao ngày chờ đợi, thì hôm nay bảy vị hoàng tử đã về đủ mặt. Tại ngân loan điện, bảy hoàng tử cúi đầu tung hô vạn tuế xong, họ đều hồi hợp chờ đợi lệnh.

Hoàng đế Vạn An đưa mắt nhìn về phía các con mà lòng đau như cắt: tình phụ tử! Ngài đã phải ghen ngào lâu lắm mới cất tiếng phán:

- “Hỡi các con! Ta vì tổ quốc thân dân, vì tương lai của xứ Thần Châu và cũng vì không muốn các con cốt nhục phải tương tàn, nội da xáo thịt, máu của quân binh chảy ra trên chiến địa vì lòng vị kỷ tham tàn nên ta phải dẹp tình thương riêng biệt đối với các con, và bắt buộc các con phải rời những tiêu quốc mà các con đang trấn giữ đến một nơi xa lạ nội trong ngày nay. Chiếu theo lệnh ta, các con không được mang theo cận tướng, quân sĩ và hộ vệ, các con chỉ được phép dẫn vợ các con thôi! Nếu các con không tuân lệnh, thì ta sẽ đem quân binh đi tróc nã chiếu theo luật khi quân phản quốc để trị tội. Vậy giờ đây các con hãy y lệnh về thu xếp và ra đi lập tức.”

Sau khi bái biệt phụ vương, mẫu hậu cùng triều thần văn võ, bảy vị hoàng tử ngậm ngùi dắt vợ lên đường với nhiều tâm sự đau buồn nhắm phương nam trực chỉ.

Ngày đi đêm nghỉ, thấm thoát mà đã vượt qua bao thành trì ngoại quốc. Đến một hôm kia, họ bị lạc vào bãi sa mạc mênh mông và mặc dù đã cố gắng rất nhiều, nhưng không làm sao ra khỏi được. Để giải quyết vấn đề đói khát cào xé trong các tế bào, họ đề nghị phải hy sinh từng người để xé thịt nhau ăn. Người bị phanh thây xé thịt đầu tiên là vợ của vị hoàng tử thứ bảy. Trong bảy vị hoàng tử đó, đức hoàng tử Minh Dững nhằm anh cả, Minh Dững rất yêu thương vợ là nàng Lệ Hồ, nên thừa đêm dắt vợ trốn ra đi. Đến một nơi kia, vì quá đói khát, nàng Lệ Hồ không thể đi được nữa. Minh Dững không ngần ngại trích lấy máu và lóc thịt mình cho vợ ăn uống. Đi thẳng thét đến đứng bóng, thì đến một nước kia.

Minh Dững và vợ bán đồ nữ trang và tạo một ngôi nhà gần bờ sông và sống với những chuỗi ngày ly hương buồn tẻ. Đến một hôm kia, được nghe tiếng rên la dưới sông, Minh Dững liền chạy ngay xuống bờ sông và bắt gặp một người cụt cả hai chân đang oằn oại khổ sở. Động lòng trắc ẩn, Minh Dững liền đem lên nhà thuốc thang nuôi dưỡng tử tế.

Trong thời gian chung chạ với nhau, nàng Lệ Hồ và tên cướp lén lút trao đổi ái ân. Cặp gian phu dâm phụ ấy sợ bề chuyện nên bàn tính giết Minh Dững.

Thế rồi một buổi sáng kia, nàng giả vờ đau nằm liệt giường liệt chiếu, rên la thảm thiết. Minh Dững an ủi: thôi em đừng rên la nữa, để anh tìm thầy chạy thuốc cho em! Nàng Lệ Hồ lắc đầu và nói rằng:

- Số là khi chúng ta mắc nạn giữa sa mạc, em có khẩn với thần núi phù hộ cho chúng ta thoát nạn. Mà mãi đến bây giờ chúng ta vẫn chưa thiết lễ tạ ơn, nên chắc thần núi quở bắt em. Vậy xin phu quân đi cùng em đến núi gần đây để tạ ơn thánh thần thì chắc bệnh tình của em sẽ được thuyên giảm.

Vì thương vợ, nên Minh Dũng nhận chịu chẳng nghi kỵ chi cả.

Hôm sau, trên đỉnh núi, nàng Lệ Hồ giả bộ van vái xong, lén ra sau, rồi xuất kỳ bất ý xô Minh Dũng xuống hố. Nhưng Minh Dũng không chết được vì được người cứu giúp và trở về làm vua xứ Thần Châu sau khi vua cha băng hà. Ngài cho kiến thiết nhiều viện dưỡng lão, tế bản, hằng ngày đích thân ngài ngự trên lưng voi, đi quan sát quần thần thừa hành phận sự.

Nói qua nàng Lệ Hồ, sau khi xô chồng xuống núi, bèn trở về tự do ăn ở với tên tướng cướp đốn hèn. Một thời gian sau, nghe tin vua bỏ thối, nàng lập thức công tên cướp lần hồi trở về kinh đô Thần Châu.

Suốt quãng đường thiên lý, nhờ nàng khéo đóng trò gạt gẫm dân chúng, nên được no cơm ấm áo. Một số người tưởng nàng là người vợ hiền thủy chung, thờ chồng trọn đạo, họ rất cảm tình với nàng. Ngoài sự giúp đỡ vật thực áo quần họ còn cho nàng một cái thúng rồi khuyên nàng nên để chồng ngồi trên cái thúng rồi đội đi cho tiện hơn.

Một buổi sáng, cặp gian phu dâm phụ đã trở về đến kinh đô và được quan binh sắp chỗ ngồi thứ tự, chờ lệnh thiên tử quan sát rồi mới thối.

Trên lưng voi, đức vua Minh Dũng bỗng nhiên thất sắc vì mắt Ngài bắt gặp nàng Lệ Hồ cũng có mặt trong đám du thực. Ngài bàng hoàng như người trong mộng, tự nghĩ:

- Ta có thể làm chẳng? Không! Không!... Trăm ngàn lần không thể làm được. Lấy lại bình tĩnh, đức vua lại gần và hỏi:

- Này nàng kia, người trong thúng là chi của nàng?

- Tâu đại vương, người trong thúng là chồng của kẻ hạ thần.

Đức vua cố nén cơn phẫn nộ, Ngài phán:

- Nàng Lệ Hồ nàng hãy can đảm nhìn mặt ta xem có phải ta là Minh Dũng chồng nàng chẳng? Nàng là một người đàn bà dâm bôn phản bội. Nàng tưởng ta đã chết ư? Nàng đã làm, người như ta lẽ nào chết một cách thê thảm và oan uổng như thế được. Mà trái lại kẻ đau khổ chính là nàng.

Tiếng đức vua tắt chìm trong u buồn thống thiết, và sau đó, người ta thấy quân binh bắt tướng cướp và nàng Lệ Hồ buộc dính vào nhau trên mỗi dây có đóng sắc lệnh cấm không ai được mở, và đuổi ra khỏi nước.

Vì quá đau khổ, nào đói khác, nào nằm ngồi khó khăn, lại thêm lương tâm cắn rứt, nên hai kẻ khốn cùng ấy đã kiệt sức và ngã gục trên nẻo đường vô định đầy sương gió phủ phàng.

56.- CỨU HÀNG VẠN SINH LINH TRONG MẤY KIẾP

Đêm nọ, đức vua Ba Tư Nặc nghe bốn tiếng “Du Sa No So” rất lớn nên ghê sợ. Ngài lấy làm kinh khủng. Sáng hôm sau lâm triều, vua cho mời các thầy Bà la môn đoán mộng đến hỏi về bốn tiếng ghê rợn ấy. Các thầy đồng đáp:

- “Đây là việc tai hại nếu lệnh Hoàng Thượng không tế thần lửa.”

Cách thức tế thần lửa của bọn Bà La Môn rất dã man. Lửa được đốt cháy trong một hầm to, khi ấy mỗi loài thú vật giống đực một trăm, giống cái một trăm, lại thêm giống người một trăm đồng nhi nam, một trăm đồng nhi nữ bị giết lấy máu tươi đổ vào lửa đang cháy trong hầm ấy, cho đến lúc mọi vật đều ra tro bụi. Đó là tế thần lửa.

Những đứa trẻ và các giống thú sắp bị giết kinh sợ la khóc om sòm thấu tai bà Hoàng Hậu Makila, bà là tín nữ Phật giáo rất thông minh, từ bị đức hạnh.

Lệnh bà nghe tiếng la ấy mới lấy làm lạ liền vào hầu hỏi đức vua. Sau khi hỏi thăm tưng sự và nghe qua việc ấy, lệnh bà mới tâu rằng:

- Lệnh hoàng thượng! Gần đây có bậc đại trí thức sao Lệnh Hoàng Thượng không đi hỏi để nghe lời chi bọn Bà La Môn?

Đức vua tỉnh ngộ mới vào hầu Đức Thế Tôn hỏi về việc ấy. Đức Thế Tôn dạy rằng việc ấy không có hại gì đến một nhân vật nào cả và Ngài mới giải rõ cho Đức vua biết nhân sinh bốn tiếng “Du Sa No So” ấy. Đó là bọn ma quỷ quyến thuộc của Ngài chịu đói khổ trong địa ngục đồng sôi từ mấy kiếp, cầu sinh Ngài hồi hướng phước báu đến chúng nó. Và chúng rất hối tiếc việc ác đã tạo. Đức vua trong sạch tin theo lời Phật dạy, về truyền thả tất cả người và giống thú bãi bỏ việc tế thần lửa. Tất cả điều tán dương ân đức hoàng hậu Malika. Nhân đây chúng ta thấy rằng: người trí thức đem đến sự lợi ích cho tất cả mọi người như Hoàng Hậu còn kẻ ác như bọn Bà La Môn, chỉ đem lại cái khổ cho người khác mà thôi.

Các Thầy Tỳ Khuru khi nghe câu chuyện này, mới vào hầu Đức Phật và đem câu chuyện ấy ra nói, và khen bà Hoàng Hậu Makila thật là một bậc trí thức, chỉ một lời nói mà cứu được biết bao sinh linh. Đức Thế Tôn mới dạy rằng:

- Chẳng phải trong kiếp hiện tại mà bà MaLiKa mới cứu sống bao nhiêu sanh linh đó thôi. Nàng đã dùng trí tuệ mà cứu nhiều nhân vật trong kiếp trước nữa.

Rồi Đức Thế Tôn mới nhắc tích xưa cho các Thầy Tỳ Khuru nghe rằng:

- Trong lúc quá khứ, có một vị thái tử con của một đức vua xứ Bārānasī.

Thái tử ngày nọ đến dưới một cội cây dùng to lớn van vái với một vị Thọ thần nơi cây ấy rằng: “Nếu sau khi phụ vương tôi băng hà, ngài hộ trì cho tôi tức vị và chiếm lấy thêm một

trăm lẻ một nước nữa tôi sẽ cúng dường máu của một trăm lẻ một nhà vua và một trăm lẻ một vị hoàng hậu của xứ ấy cho ngài.

Sau vị thái tử ấy quả được như ý nguyện. Ngài theo lời hứa với vị Thọ thần, bắt một trăm lẻ một nhà vua và một trăm lẻ một vị hoàng hậu đến cột ở cây cội dùng để giết lấy máu tế Thọ thần. Trừ một vị hoàng hậu tên là Dhammadinna vì bà đang có thai.

Khi ấy vị thọ thần hốt hoảng vì sợ tội lỗi ghê gớm sắp thi hành, cũng vì lời van vái xua của vị thái tử, mà chính ngài làm Thọ Thần. Nếu không có hộ trì vị ấy làm được vua và chiến thắng một trăm lẻ một nước thì làm sao có tội lỗi lớn này. Ông bèn nghĩ rằng: “Nếu để như vậy, cõi Diêm Phù đề này sẽ không còn vua và cội cây ta sẽ dơ uest.” Ông liền chạy đi hỏi kế chur thiên vương, chỉ có Đức Đế Thích bày kế cho Ngài, vị Thọ thần trở về cây cội.

Lúc đại lễ sắp cử hành, vị Thọ Thần mặc một áo bào đỏ, trong cội cây bước ra. Đức vua Bārānasī mới yêu cầu vị Thọ Thần ở lại thọ lễ, vị thọ thần bảo:

- Đại Vương có hứa với ta một trăm lẻ một vị nhà vua và một trăm lẻ một vị hoàng hậu, ngày nay thiếu một vị hoàng hậu vợ vua Uggena nên ta không thọ lễ này.

Đức vua nghe qua kinh sợ, mới bắt luôn bà Đàn Ma Dinh để giết. Khi đến nơi bà Hoàng Hậu Đàn Ma Dinh chỉ đánh lễ chồng bà thôi. Đức vua Bārānasī nổi giận hỏi:

- Ta đây là đấng chúa tể đã chinh phục một trăm lẻ một nước tại sao nhà ngươi không đánh lễ ta mà lại đánh lễ chồng của nhà ngươi là một nhà vua đã mất nước.

Hoàng hậu Đàn Ma Dinh trả lời:

- Tâu Đại Vương! Chồng tôi ban bố cho tôi thức ăn, thức mặc, tước vị Hoàng Hậu này cũng do chồng tôi ban bố cho tôi, nên tôi đánh lễ người, còn Đại Vương, Đại Vương cho tôi món gì đâu mà tôi phải đánh lễ Đại Vương.

Vị Thọ Thần liền vỗ tay khen bà:

- Lành thay! Lành thay!

Đức Vua Bārānasī lại tức giận thêm:

- Nhà ngươi không làm lễ ta đã đành. Nhưng vị Thọ Thần của ta là Đấng Chí Tôn, có oai lực độ trì ta tức vị Đế Vương và chiến thắng một trăm lẻ một nước, tại sao nhà ngươi không đánh lễ?

Bà Đàn Ma Dinh đáp:

- Tâu Đại Vương! Đại Vương được tước vị và chiến thắng một trăm lẻ một nước đây là nhờ hồng phước của Đại Vương đã tạo trong nhiều kiếp trước, chứ không phải nhờ ông thần ông thánh nào cả.

Vị Thọ Thần vỗ tay khen ngợi bà lần nữa. Lúc ấy Bà Đản Ma Dinh chợt thấy một nhánh mé trái của cây dùng bị cháy, mới chỉ và nói tiếp:

- Tâu Đại Vương! Đại Vương phán rằng: Tất cả một trăm lẻ một nhà vua phải khuất phục Đại Vương do nhờ oai lực của Thọ Thần, vậy chứ oai lực thần thông của vị Thọ Thần đâu mà Ngài để cho nhánh cây của Ngài bị cháy.

Vị Thọ thần lại hoan hô lần nữa:

- Lành thay! Chí lý thay!

“Không có thần thánh nào giúp đỡ ta, hoặc cho ta tội, hoặc ban phước cho ta cả. Những tội lỗi mà ta phải gánh chịu, hoặc được hưởng phước trong kiếp hiện tại này là do nghiệp duyên của ta đã tạo từ ngàn xưa lần lượt trả quả lại cho ta đấy thôi....”

Đức Thế Tôn lại nhắc tiếp tích ấy cho các vị Tỳ Khuru nghe:

- Bà Đản Ma Dinh nói đến đó, bỗng nhiên khóc òa rồi lại cười lên sặc sỡ. Đức vua Bārānasī lấy làm lạ hỏi:

- Này Đản Ma Dinh! Nàng điên rồi sao?

- Tâu Đại vương! Người như thần thiếp đâu có điên.

Đức vua hỏi:

- Nếu không sao nhà ngươi bỗng khóc rồi lại cười?

Bà đáp:

- Thần thiếp nhớ kiếp trước của thần thiếp. Trong lúc quá khứ có một lần thần thiếp làm thịt một con dê để đãi bạn bè của chồng, vì tội sát sinh ấy thần thiếp phải đọa địa ngục. Khi được sinh lên cảnh giới này lại phải bị người khác giết chẳng biết bao nhiêu kiếp đếm ra đủ bằng số lông của con dê bị thần thiếp giết trước kia. Đại Vương ngày nay mà giết một trăm lẻ một vị vua và một trăm lẻ một vị hoàng hậu này sẽ bị tội trả nặng đến dường nào! Đại Vương sẽ bị kẻ khác giết trong nhiều kiếp đếm ra bằng số tóc và lông của một trăm lẻ một nhà vua và một trăm lẻ một vị hoàng hậu này. Nghĩ vậy mà thần thiếp khóc.

- Còn cười?

- Thần thiếp mà cười đây, vì thần thiếp biết rằng lần này thần thiếp bị giết đây là lần chót tội của thần thiếp đã trả xong hết rồi!

Vị Thọ Thần lại hoan hô bà Đản Ma Dinh:

- Lành thay! Chí lý thay! Đản Ma Dinh!

Đức vua Bārānasi nghe đến đây lấy làm ghê sợ, và hổ thẹn tội lỗi, bèn ngõ lời xin lỗi một trăm lẻ một nhà vua và một trăm lẻ một vị hoàng hậu và tha họ trở về ngôi vị cũ.

Đức Thế Tôn nói:

- Đức vua Bārānasi là Đức vua Ba Tư Nặc hiện giờ đây. Nàng Đản Ma Dinh khi ấy là bà Malika hiện giờ đây. Còn vị Thọ thần khi ấy là Đức Như Lai vậy. Nay các vị Tỳ Khuru, Như lai đã nói:

- Chẳng phải trong kiếp hiện tại mà bà Malika đã dùng trí tuệ cứu sống bao nhiêu sanh linh. Bà đã dùng trí tuệ cứu sống một trăm lẻ một nhà vua và một trăm lẻ một vị hoàng hậu trong kiếp trước nữa.

57.- CÓ BÓNG BÊN VỊ TỖ KHURU

Kể từ khi vị Tỳ Khuru Kondahana xuất gia, mỗi lần Thầy đi đâu một bước cũng thấy sau lưng Thầy một bóng người phụ nữ đi theo.

Ai ai cũng thấy nhưng chỉ riêng Thầy chưa từng khi nào hay biết gì về hiện tượng kì lạ này.

Những thí chủ dâng cơm Ngài mỗi lần thường chia làm hai phần và nói rằng:

- Phần cơm này về phần Ngài và phần thứ nhì về phần cô bạn của Ngài.

Thầy Kondahana vẫn nhận của thí và lặng lẽ đi không chú ý lời nói kia vì Thầy tưởng chỉ là câu đùa bỡn của người đời như đã bao lần Thầy từng nghe.

Các vị Tỳ Khuru khác thấy như vậy đĩnh ninh rằng Thầy phạm sắc giới Bất cộng trụ mới đi nói với trưởng giả Cấp Đô Đốc và yêu cầu ông đuổi Thầy Tỳ Khuru Kondahana khỏi chốn thiền môn.

Ông trưởng giả vốn khâm phục Thầy từ lâu nên không tiện mở lời. Các Thầy Tỳ Khuru lại đem câu chuyện kể cho bà tín nữ Viasakha biết, bà này cũng không dám vì cũng như ông trưởng giả, bà rất có lòng kính nể vị Tỳ Khuru đó.

Các vị Tỳ Khuru kia càng tức giận mới xin vào chầu vua Ba Tư Nặc và thuật hết tự sự. Nhà vua rất ngạc nhiên nhưng cũng nhận lời. Chiều hôm ấy Ngài vào thăm chùa, Ngài cho quan quân bao chánh điện. Còn Ngài lên thẳng chánh điện. Thầy Kondahana nghe ồn ào, tiếng khí giới lác cắc, mới chạy ra xem thử có việc gì. Liền đó, nhà vua thấy sau lưng Thầy quả có bóng một phụ nữ theo sau. Khi thấy nhà vua ngự đến. Thầy Kondahana mới yên tâm bước vào trong.

Vua Ba Tư Nặc mới tin lời các Tỳ Khuru kia là đúng. Nhưng Ngài lấy làm lạ sao lúc thầy Kondahana bước vào trong thì không thấy bóng người đàn bà ở bên Thầy.

Sinh nghi nhà vua tìm mọi kẹt cửa, dưới gầm giường, và mọi chỗ có thể núp lén được, nhưng tuyệt nhiên không thấy người phụ nữ đâu cả.

Ngài bước vào hỏi vị Tỳ Khuru:

- Bạch Ngài! Trẫm vừa trông thấy một người phụ nữ ở tại đây, cô ấy đâu rồi?

Thầy Kondahana cung kính đáp:

- Tâu đại Vương, bản đạo cũng chẳng thấy.

- Chính trẫm thấy rõ ràng người phụ nữ ấy đứng sau lưng ngài kia mà!

Thầy Tỳ Khuru vẫn một mực quả quyết không biết và không thấy.

Đức vua mỗi lúc thấy thêm hoang mang, lòng nửa tin nửa ngờ, không biết làm sao cho dứt khoát.

Một lát sau Ngài nói:

- Vậy xin Ngài hãy đi ra ngoài.

Thầy Tỳ Khuru vâng lời bước ra, và lần nữa nhà Vua lại thấy có người phụ nữ đi theo sau lưng Ngài. Tin là thực sự có nên nhà vua cho mời Thầy Tỳ Khuru vào. Thầy lại trở vào và ngồi xuống.

Đức vua trông chừng theo hình cửa người phụ nữ ấy, nhưng bỗng dưng lại biến mất đi, ngài mới lấy làm lạ, vì trường hợp xảy ra không khác trước, nên mới hỏi:

- Bạch Ngài! Còn người phụ nữ ấy đâu rồi?

- Tâu Đại Vương! Đã lâu bản đạo thường nghe đại chúng nói rằng có một người đàn bà thường đi theo sau lưng bản đạo, nhưng thật tình chưa lần nào bản đạo thấy cả.

Đức vua mới nghĩ rằng đây là hình giả. Tuy nhiên Ngài vẫn nghi nên lại phán:

- Vậy mời Ngài đi khỏi chỗ này lần nữa.

Thầy Kondahana lại bước ra đứng ngoài thì hình người phụ nữ lại hiện ra đứng sau lưng.

Đức vua hỏi, thầy vẫn trả lời như trước. Đức vua và các thầy Tỳ Khuru đến hầu Phật và đồng bạch hỏi rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, Thầy Kondahana đã tạo nghiệp gì trong quá khứ?

HÓA GÁI ĐỀ CHIA RẼ ĐÔI BẠN

Sau khi các Thầy Tỳ Khuru đã đứng hầu đông đủ, Đức Thế Tôn mới dạy rằng:

- Trong thời kỳ Đức chánh đẳng chánh giác tên Kassapa có hai vị Tỳ Khuru yêu thương nhau chẳng khác nào anh em cùng một cha mẹ. Lại thêm cùng làm đệ tử của một Thầy, tu cùng một chùa nên mỗi thâm tình ấy lại càng thêm thắm thiết. Không khi nào họ nghi hay giận hờn nhau. Các Thầy Tỳ Khuru khác điều lấy đó làm gương.

Một năm nọ, gần đến ngày lễ Phát Lộc, hai Thầy rủ nhau đi dự đại lễ.

Hôm ấy tình cờ có một vị chư thiên ở cõi trời Đao Lợi nhân về dự lễ. Thấy hai vị Tỳ Khuru kia quá thương nhau mới nghĩ kế chia rẽ hai người.

Trong khi đang nói chuyện và vị chư thiên đang nghĩ kế nham hiểm thì một trong hai vị Tỳ Khuru phát đau bụng nói:

- Xin Ngài đợi tôi đi sông một chút, sẽ trở lại ngay.

Vị chư thiên mới đợi cho ngài Tỳ Khuru ấy đi sông xong và từ bụi cây bước ra, vị ấy liền hóa ra một người phụ nữ, cho một tay nắm lấy quần, và một tay vén mái tóc làm như vừa mới ân ái xong từ bụi cây nọ bước ra sau. Và khi biết chắc chắn là vị Tỳ Khuru bạn đã thấy rõ ràng tự sự, vị chư thiên biến mất.

Vị Tỳ Khuru kia giận bạn đợi cho bạn đến liền quát:

- Thầy là người phá giới! Sao dám làm điều ô nhục thế?

Người bạn ngạc nhiên:

- Bạch Ngài đâu có việc gì?

- Vừa rồi tôi thấy rõ ràng một người phụ nữ ở cùng bụi chui ra với Thầy

- Bạch Ngài, chuyện này thật tôi không có.

Hai vị Tỳ Khuru, đồng thời là hai người bạn thiết cốt cãi nhau đủ lời đủ lẽ. Kết cuộc hai thầy bỏ nhau, chia đường nhau mỗi người mỗi ngã không bao giờ gặp nhau nữa.

Vị chư thiên ấy lúc đầu thấy kế mình thành công cũng thích chí lắm, nhưng liền đó kịp nghĩ lại. Ông ăn năn tự nói:

- “Ta đã làm nên tội quá đáng lắm rồi! Lương tâm ta không thể yên được.”

Ông liền hiện xuống, gặp lại hai vị Tỳ Khuru van nài:

- Giới đức của vị Tỳ Khuru này vẫn trong sạch, đây là do tôi dùng phép muốn thử Ngài, tôi xin hai Ngài đừng giận nhau nữa, cùng làm lễ Phát Lộc chung.

Hai vị Tỳ Khuru nghe lời lại cùng chung nhau đi làm lễ. Vì tạo nghiệp đê tiện này, vị chư thiên ấy, sau khi chết bị đọa đày vào A Tỳ địa ngục một khoảng thời gian bằng thời gian của một vị Phật, đến nay mới sanh lại làm Kondahana vậy.

Ngó qua Đại Đức Kondahana Đức Phật dạy tiếp:

- Vì nghiệp đê tiện ấy, nên mới có chuyện phi thường như hôm nay. Người không nên nói tiếng gì với các Thầy Tỳ Khuru kia, hãy làm như người câm và cố công hành đạo. Có thể người sẽ đắc quả Niết Bàn.

58. – THOÁT ÁCH MA VƯƠNG

Khi Đại Đức Xá Lợi Phất xuất gia, Ngài còn một người em trai và một người em gái. Mẹ ngài là người tà kiến, không tin theo Phật giáo, nên Ngài có căn dặn chư tăng khi nào em trai Ngài có xin xuất gia thì cứ tự tiện cho, không cần sự ưng thuận của mẹ Ngài.

Bà mẹ thấy con trai của bà là Ngài Đại Đức Xá Lợi Phất xuất gia, bà sợ con trai út cũng xuất gia theo anh nên bà lo đi cưới vợ cho con.

Ngày làm lễ rước dâu, theo phong tục người thời ấy thì phải chọn một người rất già mà đủ vợ chồng đến xối nước trên tay cô dâu và chú rể.

Trong khi ấy cả họ chọn được bà ngoại của cô dâu là người có đủ điều kiện. Khi làm lễ, bà ngoại vợ lại nắm tay cặp tân nhân, rồi xối nước mà nói rằng:

- Bà cầu chúc cho hai con được như bà vậy.

(Ý bà nói rằng: Bà cầu xin hai cháu ăn ở với nhau cho đến răng long tóc bạc như bà vậy).

Em của Đại Đức Xá Lợi Phất nhìn vợ thật là đẹp, nhưng khi day qua thấy bà ngoại vợ già nua, miệng thì móm, da nhăn tóc bạc, tay chân run yếu. Ông mới chột nghĩ rằng:

- “Bà ngoại vợ ta trước kia cũng đẹp, mà hôm nay cái đẹp ấy không còn, thì sau này vợ ta cũng chịu cái cảnh già này. Vậy thì sắc đẹp đâu có tồn tại được.

Trên đời này không có chi trường tồn bền vững. Khi mà sắc đẹp của vợ ta phai lạt với thời gian, thì có thú vị gì nữa? Thảo nào mà anh cả ta đã tìm đường giải thoát.”

Chàng thanh niên suy xét đến đó, đồng thời nhớ lại trong đời mình đã chứng kiến biết bao nhiêu cảnh biển dâu buồn thảm. Nào cảnh những kẻ giàu có sang trọng trở lại hai bàn tay trắng, những gia đình đông đảo hòa hợp bỗng nhiên bị phân ly v.v.. công danh sự nghiệp

trên đời như phù du, mỗi chúng sanh đều nặng mang trong mình một nghiệp chướng, không bao giờ cởi mở được thì sắc đẹp còn nghĩa lý gì?

Bỗng chàng cảm thấy lòng lạnh lùng chán nản mọi quyền rũ vật chất, giàu sang phú quý vợ đẹp con khôn với chàng không còn chút gì đáng yêu, đáng thích nữa. Chàng nảy ra ý xuất gia theo gương của anh, quyết tâm rời bỏ gia đình vào nương cửa Phật.

Nhưng đám cưới đang diễn ra linh đình, hai họ đang vui say, cô dâu đang chờ giờ lành để về nhà chồng làm lễ, và chỉ mấy giờ sau là giờ hợp cẩn... Biết tính sao đây cho vẹn cả đôi bên? Vừa được lòng hai họ, nghĩa là đừng gây cảnh đổ vỡ trong buổi lễ long trọng này, vừa đừng để cho cô dâu tủi hổ, thiên hạ cười chê?

Thình lình óc chàng sáng lên, chàng nghĩ ra một kế, và nhất định thi hành. Khi rước dâu, chàng vẫn đi theo hai họ, nhưng dọc đường chàng làm bộ đau bụng cứ đòi đi sông mãi. Nhiều lần như vậy, mẹ chàng tưởng con bị đau bụng thật nên không để ý, để cho chàng tự do và cho xe rước dâu về trước để chàng đi sau. Dịp may đã đến, chàng bèn đi thẳng vào chùa ở gần, xin chư tăng cho phép xuất gia.

Chư tăng hỏi:

- Chàng có được sự ưng thuận của cha mẹ chưa?
- Bạch Chư Đại Đức chưa?

Chư Tăng không dám cho xuất gia vì theo luật Đức Thế Tôn cấm không cho người xuất gia trong khi cha mẹ chưa cho phép.

Khi hết sức yêu cầu Chư Tăng mà quý ngài không bằng lòng cho xuất gia, chàng mới la lên rằng:

- Bớ người ta! ăn cướp nó cướp của tôi đây này.

Chư Tăng mới lấy làm lạ hỏi rằng:

- Gã kia! Người đã điên rồi chẳng? Tại sao ở giữa tăng chúng mà người lại la lên như thế? Ai cướp của người?

Chàng đáp:

- “Bạch Chư Tăng! Trong vòng sinh tử luân hồi, đệ tử đã bị Ma Vương cướp lấy duyên lành của đệ tử rất nhiều lần rồi và hơn nữa tử thần cũng đã lấy sinh mạng của đệ tử rất nhiều lần, tử thần rồi sẽ đến cướp mất sinh mạng này đi, thì làm sao gặp được chân lý giải thoát của Chư Phật.”

Chư tăng nghe nói có lý mới hỏi:

- Người là con của ai?
- Bạch Chư Tăng! Đệ tử là em của Ngài Xá Lợi Phất.

Chư tăng sực nhớ đến lời căn dặn của Ngài Xá Lợi Phất nên cho em Ngài xuất gia.

Nhắc tích trên, để cho chúng ta thấy rằng: ngày lúc đám cưới mà Ngài đã trông thấy sự thay đổi của thân này, đem trí tuệ quan sát thấy vô thường khổ não, vô ngã mà bỏ sự nghiệp và vợ đẹp mà đi xuất gia. Nhờ vậy nên Ngài đắc A La Hán quả được dễ dàng.

Trí tuệ quan sát có quả báo cao thượng vô cùng như thế. Vậy ta nên áp dụng trí tuệ trong mỗi trường hợp, dù chuyện rất nhỏ. Nhờ vậy mà ta tránh khỏi những sự tai hại, tội lỗi và hơn nữa là đi đến con đường giải thoát của chúng ta.

59. - LỬA ĐỊA NGỤC

Khi Đại Đức Miloka chưa xuất gia, Ngài là một người thợ săn rất giỏi, mỗi ngày giết rất nhiều thú. Ngày nọ ăn cơm xong không có nước uống, Ngài mới đi tới một tư thất của một vị Đại Đức trong rừng tìm nước uống. Khi dở nắp hũ nước ra không thấy có nước, ông ta nổi giận nói: “Thầy Tỳ Khưu ăn cơm của tín đồ xong lo tìm chỗ thanh tịnh ngủ, chỉ có nước để uống mà cũng không có một giọt để làm thuốc, thật là tệ”.

Vị Đại Đức nghe vậy, lấy làm lạ, nghĩ rằng: “Ta đã múc đầy nước rồi, tại sao người này lại nói không có?” Ngài mới đến chỗ hũ nước xem coi, thấy nước vẫn còn đầy. Ngài mới múc cho ông thợ săn ấy một gáo. Ông uống cả thầy ba mươi hai gáo, khi uống xong ông ta mới nghĩ: “Kiếp sau của ta sẽ ra sao kia? Ta làm nhiều tội lỗi đến nỗi hũ nước đầy mà ta không trông thấy”.

Ông ghê sợ tội của mình đã làm, nên xin xuất gia. Sau khi xuất gia xong, ông cố hết sức hành đạo nhưng không bao giờ tâm ông trụ lại. Vì khi ông tham thiền thì ông trông thấy những con thú ông giết bằng cách này, bằng cách nọ, thật là ghê sợ. Ông cảm thấy ông không thể hành đạo được, mà ở ăn của tín đồ càng thêm tội, nên ông xin với Thầy Tế Độ cho ông hoàn tục.

Thầy Tế Độ bèn dạy: “Được, nhưng người phải đốn cây tươi chất cho thật nhiều lại cho ta, rồi người đốt cho cháy hết đi” Ông ráng làm nhưng không thể nào đốt cây tươi cháy được.

Thầy Tế Độ thấy vậy mới nói: “ngươi để đó cho ta”. Rồi Ngài dùng thần thông lấy một đóm lửa bằng con đóm đóm từ địa ngục lên để vào đống cây tươi thật to ấy, đống cây ấy cháy trong nháy mắt, chỉ còn tro thôi.

Khi ông ta biết đó là lửa địa ngục, rất lấy làm kinh sợ mới hỏi Thầy rằng: “Bạch Thầy, Phật đạo có thể đưa con người khỏi khổ được chăng? Nếu có thật đệ tử nguyện hết lòng tinh tấn tu hành để giải thoát”

Từ ngày ấy ông rán hết sức tu hành không hề xao lãng. Khi nào tham thiền mà bị buồn ngủ thì ông lấy khăn nhúng nước bọt đầu, còn chân thì ngâm trong nước.

Ngày nọ, ông đổ nước vào lu xong, còn cái nồi nước ông để trên vế, những giọt nước còn dư nhiều xuống. Ông thầy Tế Độ thấy vậy mới dạy rằng: “Quyền chức thường đến cho người siêng năng, có trí nhớ, việc làm trong sạch, suy nghĩ trước mới hành động sau, người hành theo Chánh Pháp và không để duôi”. Ông nghe câu ấy liền suy nghĩ rằng: “Đã gọi là siêng năng thì như ta đây là người có trí nhớ, việc làm chân chánh, suy nghĩ trước thực hành sau, đã thu thúc ở trong chánh pháp không để duôi”. Ông tu hành trong sạch, giới hạnh thanh cao, ông dùng trí tuệ quan sát thân này là vô thường, khổ não và vô ngã, đặc được quả A La Hán.

60. - SỞ NGUYỆN

Lúc quá khứ có một vị Trưởng Giả ở thành Ba Nại La tên là Akitta là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Sau khi cha mẹ quá vãng. Ông nhận thấy đời là vô thường, khổ não, vô ngã, và quan niệm được rằng sau khi dứt ba tác hơi thì mọi vật ở đời mình đều không đem theo được một vật nào, mà chính thân mình cũng không đem theo được. Vì vậy nên Ngài mới bỏ thí hết của cải của Ngài không biết bao nhiêu mà kể. Rồi Ngài xuất gia làm Đạo sĩ ở trong rừng Tuyết Lãnh.

Ngài hành theo hạnh Tri túc. Ngài chỉ ăn lá cây và trái cây rụng gần bên Ngài thôi. Pháp hành cao thượng của Ngài như thế làm cho nóng đến Đức Đế Thích. Khi ấy Thiên Vương Đế Thích mới hiện xuống và nói với Ngài rằng: “Bạch Ngài, tôi lấy làm trong sạch với hạnh tri túc của Ngài. Vì vậy tôi mới đến đây và xin hứa với Ngài rằng: “Ngài mong ước điều gì, tôi xin vui lòng giúp Ngài đoạt thành như ý”?

Vị Đạo sĩ ấy đáp rằng: Tôi Đại Vương, lời hứa của Ngài thật là quý giá, nhưng sự mong ước của bản đạo không có gì khó.

Thiên Vương nói: “Trẫm biết rồi, chính Đại Đức thọ thực lá và trái cây rụng gần bên Ngài thôi”.

Đạo sĩ nói: “Tôi Đại Vương, hiện giờ lá và trái cây ấy vẫn còn. Nếu Đại Vương có lòng từ bi ban bố hạnh phúc cho bản đạo, thì bản đạo có một điều rất mong muốn là...”

Đức Đế Thích nói: “Đại Đức cứ thật tình bảo cho tôi biết, tôi hết lòng giúp đỡ Ngài, thuốc men hay là y phục vân. vân... xin Ngài cứ bảo:

Đạo sĩ nói: “Tôi Đại Vương, không! Bản đạo không cần những thứ ấy.”

Đức Đế Thích nóng lòng hỏi: “Vậy vật chi, bạch Đại Đức”?

Vị Đạo sĩ nói: “Điều cần nhất là đừng cho tôi gặp kẻ ác, không bao giờ làm việc gì có kẻ ác nhúng tay vào.”

Đức Đế Thích hỏi: “Đại đức ghét kẻ ác đến thế à?”

Vị Đạo sĩ nói: “Chẳng những thế xin cho tâm hồn của bản đạo không ưa thích và xu hướng theo kẻ ác”.

Đức Đế Thích nói: “Vậy lời thỉnh cầu của Ngài là không bao giờ muốn gặp, mặc dù là tin tức của kẻ ác Ngài cũng xin đừng nghe đến.”

Vị Đạo sĩ đáp: “Phải, đúng như vậy!”

Đức Đế Thích hỏi: “Bạch Ngài, Ngài có thể cho tôi biết người ác đã từng làm gì đối với Ngài?”

Đạo Sĩ nói: “Tâu Đại Vương, xin Đại Vương đừng bắt buộc tôi nói chuyện đã qua của kẻ khác đã làm. Nhưng bản đạo xin nói sơ lược hành động của người ác là:

1/ Kẻ ác hằng rủ người làm điều sai lầm.

2/ Kẻ ác làm chuyện không phải phận sự của chúng.

3/ Kẻ ác thường nhận thức sai lầm, cho quấy là phải.

4/ Kẻ ác, mặc dù chúng ta nói sự chân thật, lời hay lẽ phải, họ cũng không nhận thức, mà còn hờn giận, trách oán gây thù.

5/ Kẻ ác không chịu hành theo lẽ phải, nghĩa là không theo luật lệ chánh phủ.

Người ác thường hay có những điều xấu xa như thế nên bản đạo nguyện lánh xa. Đó là sở nguyện của bản đạo.

61. – NÀNG ÁC PHỤ XÓM TRIỀU DƯƠNG

Xóm Triều Dương dưới chân núi Trà Lũng rất thanh tịnh nên thơ. Nhưng có một thời cây cỏ như ủ rũ, buồn rầu, cảnh xinh xinh kia đã đượm màu tang tóc. Một chàng thanh niên nọ phạm tội loạn luân với chị dâu mình, và mối tình thâm lén này đã khiến họ mỗi ngày càng yêu nhau tha thiết mặc dù đó là một mối tình tràn đầy tội lỗi.

Người chị dâu mê lụy hăng say hơn đã nhiều lần xúi dục em chồng giết chồng đi để cả hai được tự do hưởng hạnh phúc bên nhau. Nàng đã quên, quên tất cả để mãi mê theo nhục dục, toàn hưởng vui sướng xác thịt...Nàng đã lao mình vào bể tội lỗi như con thiêu thân đi tìm cái chết bên ánh đèn.

Lúc đầu người em không mù quáng nghe lời xúi dục thâm độc ấy. Chàng đã nhiều lần khuyên nhủ bạn lòng nhưng người chị dâu không nản chí, tìm đủ cách để khuyến nhủ người yêu. Thế rồi khi lời to tiếng nhỏ, khi nũng nịu, giận hờn, nàng đã biến chàng thanh niên

thành công cụ để thỏa mãn dục vọng của nàng... Một bữa nọ, người em đáng thương hại kia đã xuống tay hạ sát người anh vô tội.

Vì tình thương vợ còn mang nặng, nên sau khi thác người chồng đáng thương ấy đầu thai làm con tắc kè và tìm về ở dưới mái nhà xưa để sớm hôm được gần gũi người vợ yêu. Mỗi lần nàng ngồi hay làm gì trong nhà thì đã có tắc kè nằm trên xà nhìn xuống, có khi lại thả mình rơi vào lòng vợ.

Nhưng tội nghiệp thay, người đàn bà độc ác kia nào có biết tắc kè là chồng mình? Mà dù biết thì đối với nàng nào có nghĩa gì? Khi còn sanh tiền mà chưa được yêu nữa là khi hóa thành một con vật. Chỉ vài hôm sau, nhân bắt được tắc kè rơi trên mình, nàng đem ra quật chết tươi.

Sau khi chết con tắc kè vẫn chưa hết thương vợ nên lại được đầu thai làm con chó trong nhà. Lúc con chó khôn lớn, mỗi lần thiếu phụ kia đi đâu, nó chạy theo một bên như bóng với hình, quyen luyến vui mừng. Các thanh niên trong xóm thấy cảnh kỳ lạ đặt ra thành chuyện cười đùa chế riễu. Họ chọc ghẹo nàng và có khi gọi nàng là thợ săn. Lòng tự ái bị tổn thương thiếu phụ nhẫn tâm giết chết con chó để từ nay khỏi bị ai cười chê chế riễu.

Mỗi tình tội lỗi theo thời gian mà kéo dài. Cuộc sống như bản bên nhau nặng nề về thể xác, bất chấp can thường đạo lý đã làm cho hai người không còn thấy gì xa hơn cái hiện tại phũ phàng đen tối ấy.

Bên kia thế giới, con chó chết oan kia, nợ tình vẫn chưa dứt. Lòng thiết tha yêu vợ không phải vì vợ quá độc ác mà suy giảm phần nào. Chó lại được chuyển kiếp sinh làm con bò đực ở trong nhà người vợ. Bò lớn lên mập mạp xinh đẹp lông mượt như nhung. Và cũng như chó, bò lễ đờ theo vợ mỗi lần vợ đi đâu hay ra đồng cấy gặt.

Lần nữa đám thanh niên rần rấn trong xóm lại đem ra trêu ghẹo. Người ta xì xầm nhau chán, còn gọi thiếu phụ là ả chăn bò. Phương chi con bò kia lại là con bò đực, lời cợt riễu của đám thanh niên càng tác động mạnh hơn trong bộ óc hẹp hòi, cõi lòng độc ác của thiếu phụ. Chịu đựng không nổi với lời bỡn cợt có tính cách phi nhủ, lần thứ ba người đàn bà quý quái kia lại giết chồng đội lớp lông sừng.

Người chồng chết đi, dư luận không còn đổ xô vào ác phụ, nhưng dù chết đã ba phen, người chồng hóa kiếp kia vẫn không sao thôi thương vợ. Mỗi tình ấy càng thêm nặng và dù phải chết nữa hay bao lần nữa, anh chồng vẫn tìm đủ cách để trở về bên vợ.

Chuyến này chàng được đầu thai vào bào thai của vợ. Chàng từ vai người chồng đến vai súc vật và đến nay thì trở thành con vậ. Dù với vai trò nào chàng không chấp, chỉ mong sớm hôm được gần gũi vợ để thỏa lòng yêu.

Sau khi ra đời, đứa nhỏ nhớ kiếp trước của mình rành mạch. Hấn biết rằng chính tay người mẹ này đã nhẫn tâm giết mình trong bốn kiếp qua, từ khi mình còn là chồng nàng.

Lòng ác độc của người vợ in sâu vào tâm khảm người chồng bạc phước trải bao kiếp không nguôi. Đến nay hóa kiếp làm người dù trong vai đứa con, thù đã thay thế cho tình thương mà mấy kiếp trước không toại

Đứa nhỏ bắt đầu làm khó mẹ, nó nhất định không cho người mẹ động đến mình nó. Mỗi khi thiếu phụ ẵm bồng hay cho ăn cơm, tắm rửa, hấn la khóc dấy dựa âm ỹ như đau đớn sắp chết. Nàng cố dỗ dành hấn cũng không chịu nghe. Chán nản một hôm nàng trao con cho ông bà nội hấn. Hai ông bà cũng không dư đủ lại già cả không người giúp việc, nhưng cũng cố gắng nuôi cháu bữa no bữa đói. Mặc dù thế đứa bé vẫn vui tươi không khi nào khóc kêu gì cả và cứ như thế hấn lần hồi lớn lên trong tình yêu của ông bà nội. Khi đứa bé ăn nói đi đứng được, một hôm nhân dẫn nó đi chơi, ông già hỏi:

- Tại sao cháu khó tánh thế? Sao không cho mẹ cháu động tới mình?

Được dịp đứa trẻ liền thuật hết đầu đuôi và cuối cùng kết luận:

- Nó là người thù của con đây nội ạ.

Nghe qua câu chuyện tình đẫm máu mà xưa nay ông chưa từng hay biết, ông già mới thấy rõ lòng dạ nham hiểm của người dâu. Ông ôm cháu vào lòng và nói:

- Thôi cháu đừng buồn nữa. Ông cháu mình sẽ đem nhau đến cửa thiền...

Mũi lòng ông cháu lại ôm nhau khóc sụt mướt. Ông nội thì khóc cho mối tình ngang trái của cháu mà mới hôm nào là đứa con trai yêu mến của mình. Còn đứa cháu cũng khóc, nó khóc cho ông nội phải cực khổ vì mình, khóc cho lòng dạ người đàn bà nham hiểm, khóc cho số kiếp mình sao chóng thay đổi khác đời.

Và mấy ngày sau, trong một ngôi chùa, người ta thấy hai vị tăng, một già một trẻ sống an vui dưới bóng Phật thiền. Họ trầm ngâm trong vẻ mặt thảm buồn, và dường như cả hai đều cố gắng lắm để chiến đấu với bản thân trong buổi đầu.

Phải! Họ cố gắng để quên đi mối tình sa đọa của hai kẻ kia mà trong đó, chính họ là những nạn nhân đáng thương hại nhất.

Nhờ sự cố gắng và tinh tiến không ngừng ấy hai ông cháu đã thu được kết quả tốt đẹp... Họ đã chứng quả vị A La Hán.

Từ nay trên bước đường luân hồi, chúng sanh sẽ không còn gặp lại bóng dáng của hai người nhiều thương tâm kia nữa.

62.- ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ

MỘT GIÁC MỘNG KỶ DI

Thuở xưa có một vị Hoàng đế tên là Videharaja thống trị trong thủ đô Mithila. Đức vua có bốn vị giáo sư là Sekana, Kamina, Devinda và Paku.

Một đêm Đức Vua nằm mộng thấy bốn ngọn lửa cháy lên ngọn bằng nhau. Có một tia lửa nhỏ bằng con đom đóm ở giữa bốn đám lửa ấy, phụt cháy lên ánh sáng rực rỡ chiếu diệu bốn phương trời (chỉ cõi Phạm Thiên).

Dân chúng đều đem lễ vật đến cúng dường, họ đi và đập trên ngọn lửa đó, nhưng không bị phỏng. Khi vua tỉnh giấc cho đòi bốn vị giáo sư vào dạy đoán điềm mộng của mình.

Bốn vị giáo sư tâu:

- Tâu Hoàng Thượng! Bốn đám lửa to tức là bốn chúng tôi thường hầu hạ Hoàng Thượng mỗi ngày đây. Còn tia lửa nhỏ chiếu sáng bốn hướng, cao tột trời che án bốn chúng tôi là bậc có nhiều trí tuệ.
-

ĐỨC BÒ TÁT HẠ TRẦN

Cũng vào thời này, gặp Đức Bồ Tát (tiên thân Phật Thích Ca) từ cung trời Đạo Lợi giáng thế sinh vào lòng bà Sumana, vợ ông triệu phú Sirivada ở phía Đông thành vua. Lúc ấy cũng có một ngàn vị trời cùng giáng sinh với Đức Bồ Tát, làm con của một ngàn tiểu phú gia ở gần đó.

Đến kỳ khai hoa, Đức Đế Thích xuống để hoàn thuốc vào lòng bàn tay Đức Bồ Tát. Sinh ra khỏi lòng mẹ, Đức Bồ Tát có cầm hoàn thuốc. Mẹ Ngài thấy vậy hỏi?

- Con cầm vật gì trong tay?

Bồ Tát tuy mới sinh mà biết nói (vì nhờ pháp Ba La Mật) bèn đáp:

- Thừa mẹ, đây là vị thuốc, ai có bệnh chi uống cũng lành.

Lập tức mẹ Ngài cho mài thuốc, bảo đem cho chồng uống, vì ông triệu phú đang mang bệnh bảy năm mà chữa không lành. Khi uống thuốc vào thì ông triệu phú bình phục như xưa. Do đó đặt tên Bồ Tát là Mahosatha.

Từ đấy có tiếng đồn xa ai có bệnh chi đến cầu uống vào đều được lành cả.

Lên bảy tuổi, Đức Bồ Tát thường hiệp chơi với một ngàn trẻ nhỏ, con của tiểu phú gia. Một ngày nọ, đang cùng nhau chơi ngoài trời, bị trận bão to, các trẻ đều sợ chạy tìm chỗ đụt mưa gió. Đức Bồ Tát có sức mạnh hơn nên chạy đến trước, mấy đứa trẻ nhỏ kia chạy sau bị mưa gió to té khóc. Sau lúc đó, Đức Bồ Tát liền nói với các trẻ kia rằng:

- Chúng ta hãy nên đậu tiền, mỗi người một lượng để cất phước xá. Các trẻ đồng ý. Được tất cả 1000 lượng, Đức Bồ Tát mướn thợ cất năm phước xá:

*Phước xá dành cho các Thầy Sa Môn, Bà La Môn.

*Phước xá dành cho người thương mại.

*Phước xá dành cho người nghèo đói và phụ nữ mang thai.

*Phước xá dành để giảng đạo, phá nghi những điều khó hiểu.

*Phước xá dành cho các diễn kịch viên.

Cất xong Bồ Tát cho thợ vẽ nhiều bức tranh ảnh rất mỹ thuật. Lại có ao sen cây cối đủ thứ, vườn hoa, hồ tắm nước trong trẻo thật ngoạn mục như trên thiên cung.

Khách bốn phương đi ngang qua đều ghé vào nghỉ mát, ngắm cảnh như ý muốn, Đức Bồ Tát thường chăm nom, săn sóc và có trữ đủ các thức ăn, uống, tiện nghi ăn ở tắm rửa cho khách. Ai có điều nghi ngờ đều được Đức Bồ Tát giảng giải phá nghi theo ý nguyện.

Về đức vua Videharaja sau giấc chiêm bao kỳ lạ kia hằng tưởng nhớ đến lời dự đoán của bốn vị giáo sư, nên cho quan quân đi xem xét dò la bốn phương để tìm nghe tin tức bậc trí tuệ. Các thám tử dò xét đến hướng đông, gặp các phước xá của Đức Bồ Tát mười thợ cất thật là đẹp. Hỏi han thì chúng dân cho biết những phước xá này không phải tự nhiên mà thợ làm được mà nhờ Mahosatha mới lên bảy tuổi, có nhiều trí tuệ, dạy cho thợ cất và vẽ tranh ảnh đó. Vị thám tử nghe qua, rồi tính từ ngày đức Vua nằm mộng đến nay là bảy năm, nên định chắc rằng đây là bậc trí tuệ ứng theo điềm mộng của nhà vua. liền đó ông viết sớ tâu lên vua rõ.

Đức vua hỏi ý kiến bốn vị giáo sư các vị này sợ có bậc trí tuệ đến thì mình mất lời nên tâu rằng:

- Xin để cho quan quân xét lại cho kỹ rồi sẽ hay, chớ sự cất phước xá dù tốt đẹp đến đâu, ai cũng có thể tạo được.

Đức vua nghe theo nên truyền cho thám tử ở lại nơi đó chờ xem coi có chi lạ nữa không?

CHUYỆN ANH TRỘM BÒ NGÓ NGÃN

Một ngày kia, có người lái bò ở gần đấy thả bò cho ăn, còn anh chàng thì nằm nghỉ dưới bóng cây rồi ngủ quên. Kẻ trộm thấy vậy dẫn bò đi. Người chủ thức dậy không thấy bò, tìm xem thì biết mình bị kẻ trộm. Anh rượt theo kịp, đòi bò lại. Kẻ **trộm** cũng đành là bò của y. Hai người cãi nhau đến gần phước xá của Đức Bồ Tát. Ngài nghe sự việc biết rõ là bò của ai, nhưng muốn cho công chúng phân minh. Ngài bèn hỏi kẻ trộm:

- Bò này anh mua từ đâu?
- Thưa bò này của tôi sinh ra tại nhà.
- Anh cho nó ăn vật chi?
- Thưa cho nó ăn cháo hoặc đậu.

Ngài bèn hỏi đến chủ bò:

- Anh được bò này từ đâu?
- Tôi đã mua nó tại làng kia, có được nhiều người nghe thấy.
- Anh cho nó ăn vật gì?
- Thưa tôi nghèo chỉ cho nó ăn cỏ.

Đức Bò Tát dạy người đem cháo đậu và cỏ để coi bò ăn vật nào. Thấy cỏ, nó chỉ ăn cỏ theo lời khai của chủ bò, nên chủ bò được trả bò lại. Đám đông có mặt tại đây bèn đánh đập kẻ trộm rồi đuổi đi.

GIÁU ĐÀU LÒI ĐUÔI

Có một thiếu phụ nghèo đến hồ tắm của Đức Bò Tát thay y phục để trên bờ hồ rồi xuống tắm. Có cô nọ phát tâm tham lam đi ngay đến hỏi thăm đôi câu rồi lấy áo quần mặc thử xong mang đi luôn. Thiếu phụ đang tắm, bèn chạy lên đuổi theo nắm kéo lại và la:

- Cô này lấy đồ của tôi.

Cô trộm kia cãi lại chính là y phục của mình. Phần đông nghe đều hội lại xem. Đức Bò Tát đang chơi với một ngàn trẻ em, nghe cãi nhau như thế liền hỏi:

- Hai cô bằng lòng cho tôi xử đoán giùm chăng?
- Thưa chúng tôi vừa lòng lắm!

Bò Tát liền hỏi cô trộm:

- Vật này cô ướp bằng mùi gì?
- Thưa tôi ướp bằng mùi hoa thơm.

Bò Tát lại hỏi cô chủ:

- Cô tắm y phục bằng vật gì?
- Thưa tôi chỉ tắm bằng mùi hoa thường.

Bò Tát bèn nhờ người nữ khác biết mùi thử coi thì rõ thật chỉ có mùi hoa thường.

Bò Tát dạy trả y phục cho cô chủ và Ngài khuyên cô ăn cắp kia chăng nên làm nghiệp xấu xa như vậy nữa.

Từ đó tiếng đồn là bậc trí tuệ phi thường.

ĐÚA BÉ BỊ QUÝ DẠ XOA BẮT ĂN THỊT

Cô nọ ẵm con đi tắm. Cô để con nằm trên y phục rồi xuống tắm trong hồ sen. Trong lúc đó có một nữ dạ xoa thấy muốn bắt đứa bé để ăn thịt nên biến thành một cô gái đến hỏi đứa bé ngộ nghĩnh rồi ẵm nựng, chốc lát bỗng đứa bé đi luôn. Thấy vậy người mẹ đuổi theo kịp la:

- Tại sao bỗng con tôi đi đâu?
- Đây là con tôi nào phải là con của cô.

Khi cả hai phụ nữ cãi nhau thì vừa đến trước phước xá của Đức Bồ Tát. Bồ Tát mời vào. Nhận thấy cử chỉ của hai người, Ngài biết rõ tự sự của hai người. Ngài liền hỏi:

- Hai cô có muốn tôi phán đoán giùm cho chăng?

Cả hai cô đồng bằng lòng.

Bồ Tát dạy để đứa bé nằm xuống rồi bảo Dạ Xoa nắm tay đứa bé, mẹ thiệt nắm chân. Và rồi Ngài tuyên bố:

- Người nào dành được là mẹ của đứa bé này.

Thế rồi hai phụ nữ kéo qua níu lại, làm cho đứa bé đau điếng, khóc la. Người mẹ thấy con khóc, động lòng từ bi buông con ra, đứng dậy than van, không nỡ làm cho con đau khổ.

Khi ấy Đức Bồ Tát lên tiếng:

- Lệ thường phụ nữ không phải là mẹ thì không có lòng thương xót con trẻ. Phụ nữ bắt được đứa bé là kẻ trộm. Cô kia là mẹ thực, vì sợ tội nghiệp con, nên đành buông tay, thà mất con còn hơn để con chịu đau đớn.

Rồi Đức Bồ Tát hỏi nữ Dạ xoa:

- Vì sao cô lại trộm con người ta?
- Thưa tôi mong ăn thịt nó.
- Này ác phụ từ đây người không được tạo nghiệp dữ nữa, vì kiếp trước người là kẻ ác, nay mới luân hồi làm Dạ Xoa. Người làm như vậy có nên chăng?

Đức Bồ Tát khuyên bảo Dạ Xoa rồi dạy thọ trì ngũ giới. Người mẹ đứa trẻ hết lòng cảm tạ Đức Bồ Tát và từ biệt ấm con ra về.

ANH LÙN MẮT VỢ

Có một thanh niên lùn tên là Agotra, anh đi làm thuê bảy năm mới cưới được vợ. Anh trang điểm vợ rất đẹp rồi dẫn vợ về quê hương. Đến một con sông, cả hai vợ chồng đều sợ, không dám lội qua. Lúc đó có một anh nhà nghèo tên là Diga lưng dài, cũng vừa đi đến nơi ấy. Anh lùn bèn hỏi:

- Anh ơi sông này sâu hay cạn?

Biết là người sợ nước, anh kia nói dối:

- Sâu lắm, có cả cá dữ.
- Anh có thể qua sông này được chăng?

- Tôi thường qua lại, sấu và cá dữ đã quen nhau với tôi rồi, không làm gì tôi đâu.
- Vậy anh có thể đưa chúng tôi qua bên kia bờ được chăng?
- Được, không sao đâu, mà thầy và cô muốn tôi đưa ai qua trước?
- Đưa vợ tôi trước.
- Được.

Diga liền khom lưng cõng vợ anh lùn xuống sông. Lúc ra xa bờ, anh này giả bộ rùn xuống để cho anh lùn kia thấy là sông sâu, rồi khuyên vợ anh lùn nên lấy anh làm chồng, vì anh giàu sang, có tiền tớ đông đủ. Bị gạt lại mê theo lời ngon ngọt, vợ anh lùn hoan hỷ ưng thuận. Khi qua đến bờ rồi, cả hai dắt nhau đi luôn.

Thấy thế sợ mất vợ, anh lùn liền lội đại xuống sông nhưng rồi lại sợ, trở lên lội xuống đôi ba lần. Cuối cùng vì quá yêu vợ nên liều chết, anh lội qua sông, lúc ấy mới rõ là sông cạn, anh lùn liền rượt theo kịp, anh la bảo anh lưng dài phải trả vợ lại. Hai bên cãi cọ nhau đến phước xá của Đức Bồ Tát.

Bồ Tát kêu hai bên vào, rồi hỏi anh lưng dài:

- Anh tên họ gì, cha mẹ vợ tên gì, làm nghề gì, vợ anh tên chi?

Rồi Ngài hỏi anh lùn:

- Vợ anh tên gì? Cha mẹ vợ tên gì?

Kế Ngài hỏi đến người phụ nữ, biết rõ phía nào phải.

Đức Bồ Tát xin công chúng nghe và hiểu dùm coi ai phải, ai quấy. Ngài hỏi Diga:

- Có phải anh là người cướp vợ người chăng?
- Dạ phải!
- Anh chẳng nên làm việc xấu như vậy nữa.

Bồ Tát dạy giao vợ lại cho anh lùn Agotra.

Công chúng khen ngợi Đức Bồ Tát là bậc trí tuệ.

Vị thám tử vâng lệnh vua ở lại quan sát hành vi của Đức Bồ Tát có chứng kiến các việc trên nên dâng sớ về triều tâu lên vua rõ tất cả những phán đoán của Đức Bồ Tát:

Đức vua được sớ, bèn hỏi ý kiến bốn vị giáo sư. Họ đồng tâu:

- Xin Đức Vua nên chờ xem đã.

CỖ XE NGỰA BỊ MẮT CÁP

Có một người chủ xe, đem xe đến gần vườn rồi đi tắm. Đức Đế Thích xem thấy muốn làm sáng trí tuệ của Đức Bồ Tát cho rạng rỡ hơn trong đời, nên Ngài liền hiện xuống trộm chiếc xe đem đi nơi khác.

Người chủ xe sau khi tắm xong, không thấy xe đâu. Xem kỹ thấy người trộm xe đang đánh xe đi. Đuổi theo kịp, người chủ xe níu xe lại. Hai bên đều viện lẽ là xe của mình, cãi nhau đến phước xá của Đức Bồ Tát.

Đức Bồ Tát mời hai người vào, rồi Ngài hỏi qua rõ chắc ai là chủ xe, Ngài hỏi hai người:

- Có vui lòng cho tôi xử đoán không?
- Thưa, chúng tôi chịu.

Bồ Tát bảo ai chạy theo kịp chiếc xe là chủ của chiếc xe đó.

Chủ xe chạy theo kịp một lúc rồi mệt, theo nữa không nổi. Về phần Đức Đế Thích đuổi theo kịp xe, chẳng thấy mệt nhọc chi cả.

Đức Bồ Tát cho công chúng biết rằng:

- Người theo kịp xe mà không mệt nhọc chi cả, đó là Đức Đế Thích trên Đạo Lợi Thiên cung.

Ngài hỏi Đức Đế Thích:

- Có phải Ngài là Đức Đế Thích hiện xuống đây chăng?

Đức Đế Thích niềm nở đáp:

- Này cháu là bậc trí tuệ, thật vậy, ta là trời Đế Thích.
- Do nhân nào Ngài đến đây làm như thế?
- Vì ta muốn cho trí tuệ Bồ Tát thêm rõ rệt.

Nói xong Ngài bay lên hư không, tuyên bố khen ngợi trí tuệ Ba La mật của Bồ Tát, rồi Ngài trở về trời.

Vị đại thần chúng kiến thêm việc này nữa, trở về trào tâu với Đức Vua Videharaja rằng:

- Tâu Hoàng Thượng! Em Mahosatha xử đoán thật là phân minh, hợp với công lý cho đến Đức Đế Thích hiện xuống thử cũng cho là bậc trí tuệ phi thường.

Đức vua bèn phán hỏi bốn vị giáo sư.

- Nên mời em trí tuệ đến hay thế nào?

Bốn vị giáo sư lại lo sợ cho địa vị mình bị lu mờ, cùng tâu rằng:

- Tâu! để chờ xem thêm nữa đã.

Đức vua không cách nào khác đành bỏ qua cơ hội. Tuy nhiên Ngài luôn luôn suy nghĩ đến vị thần đồng, trí tuệ cao siêu kia.

Bữa nọ, Đức vua muốn thử thách Mahosatha liền dạy người chuốc cây bằng phẳng hai đầu, rồi gọi đến hỏi dân trong làng Bồ Tát ai biết đầu nào gốc ngọn. Người nào biết phân biệt rõ rệt nhà vua sẽ ban thưởng một ngàn lượng vàng.

Nhân dân trong làng không một ai phân biệt được, bèn đem đến cho triệu phú Sirivada thân phụ của Bồ Tát. Vị triệu phú gọi con đến rồi trình bày khúc cây đó. Bồ Tát đem khúc cây thả trong nước, đầu chìm trước đầu chìm sau và Ngài hỏi công chúng:

- Lệ thường cây cối đầu gốc nặng hay đầu ngọn nặng?
- Thừa phía gốc nặng hơn.
- Phải rồi, gốc nặng hơn ngọn.

Cha Đức Bồ Tát tâu lên Đức vua rõ. Đức vua thỏa thích vô cùng.

Lại một lần khác, Đức vua gọi hai cái đầu lâu, dạy dân chúng quan sát coi, đầu nào của phụ nữ và đầu nào của người nam.

Chúng dân tìm không ra bèn gọi đến Đức Bồ Tát.

Ngài giải rằng:

- Lệ thường phụ nữ có đầu tóc rẽ ngay. Các người trả lời thế đi.

Đức vua nghe rất khen và hỏi ý kiến bốn vị giáo sư nọ. Họ cũng tâu vua chờ xem đã.

Đức vua nghe lời, nhưng muốn thử thách lần nữa. Ngài dạy dân làng của Bồ Tát phải nộp bò có sừng nơi chân, có đuôi ở đầu, kêu mỗi ngày ba lần. Nếu kẻ nào không nộp sẽ bị phạt một ngàn lượng.

Đức Bồ Tát dạy:

- Có sừng nơi chân tức là cựa gà, có đuôi ở đầu tức là mồng gà, kêu mỗi ngày ba lần không gì tức là gà gáy.

Đức vua nghe được rất hoan hỷ.

Đã nhiều lần thấy Bồ Tát Mahosatha trả lời đúng đắn theo câu hỏi, Đức vua hết lòng hoan hỉ chỉ mong mau được gặp Bồ Tát, nên bàn với bốn vị giáo sư. Họ cũng ngăn cản nữa.

Phen nầy nhà vua không nghe. Ngài dạy dọn long xa cho Ngài ngự đi rước Bồ Tát.

Ra khỏi thành không bao xa, ngựa bị vấp chân té đi không tiện nên phải trở về. Bốn vị giáo sư vào chầu thăm vua và tâu:

- Tâu Hoàng thượng! Vì không nghe lời tâu của chúng hạ thần nên Hoàng thượng mang tai nạn như thế. Tâu Hoàng thượng! Không cần Hoàng thượng phải ngựa xe khỏi đền, Ngài chỉ gọi câu đó:

“Ngày trước trăm ngựa đi tìm cháu, ngựa bị vấp té, nên phải hồi trào. Cháu phải gọi ngựa tốt hoặc ngựa hay hơn cho Trẫm”

Thì tất nhiên Mahosatha sẽ vào châu bệ hạ, bằng không sẽ có ông triệu phú là cha của Mahosatha đến châu. Ngựa tốt tức là Mahosatha mà ngựa hay hơn tức là thân sinh của Mahosatha. Nếu là bậc trí tuệ thật, Mahosatha sẽ đến, bằng không cũng cho thân sinh vào châu.

Nghe bốn vị giáo sư tâu như thế, Đức vua bèn làm y theo.

NẾU CHA CAO QUÝ HƠN CON, THÌ LỪA NÀY PHẢI QUÝ HƠN NGỰA

Khi Bồ Tát được lệnh vua thì hiểu liền Đức vua muốn mời Ngài vào đền. Ngài đến thưa với thân sinh:

- Thưa cha! Cha nên cầm hộp trâm đựng đầy sữa và mật ong vào châu vua cùng với một ngàn tiểu phú gia. Khi vào châu, vua mời ngồi rồi lúc cha thấy con ngó cha, cha nên đứng dậy, tránh khỏi nơi ấy, rồi gọi con đến ngồi nơi ghé của cha đã ngồi trước đó, ấy là câu thai cao thượng.

Khi vào châu, Đức vua mời ngồi xong, hỏi thăm đến Bồ Tát. Vị Triệu phú tâu:

- Con hạ thân sẽ vào châu sau.

Đức Bồ Tát điễm trang rất đẹp, đi đến đâu dân chúng nhìn cũng không chán mắt. Vì nghe được tiếng Ngài còn bé mà trí tuệ nhất đời, có cả một ngàn thiếu nam tùy tùng. Đang đi ngoài thành, Ngài thấy một con lừa đang ăn cỏ gần thành nội. Ngài dạy người bắt, buộc miệng không cho nó la được, lấy chiếu đắp trên mình nó và dẫn theo sau Ngài.

Đến sân rộng, Bồ Tát liếc xem cha Ngài, như đã dặn trước, vị triệu phú liền đứng dậy nhường chỗ cho Đức Bồ Tát, Bồ Tát bèn lên ngồi chỗ cha Ngài. Những người thiếu trí tuệ nhất là bốn vị giáo sư bèn vỗ tay cười nhạo rằng:

- Đó là bậc trí tuệ nhất của Hoàng thượng!

Coi cha đứng dậy nhường chỗ cho con ngồi có đúng không thật là một đứa trẻ ngu ngốc, như thế phần đông có đáng khen là bậc trí tuệ chăng?

Đức vua nghe thấy nhiều người nhạo báng. Ngài rất hổ thẹn ngó xuống.

Đức Bồ Tát tâu hỏi Đức vua:

- Vì sao Hoàng Thượng hổ ngươi?

- Trước kia Trẫm hằng khen cháu là bậc trí tuệ trong đời nay thấy cháu làm những chuyện không hay như vậy nên trẫm buồn, vì cháu bảo cha cháu đứng dậy, rồi cháu lên ngôi chỗ cha cháu, bởi cha là cao quý hơn con đủ cả mọi phương diện.
- Tâu lệnh Hoàng Thượng có ra lệnh phải đem ngựa tốt hoặc ngựa hay nhất chăng?

Rồi Bồ Tát dạy người dẫn con lừa lúc này cho vào nằm gần chân Đức vua, và tâu:

- Lừa này đáng giá bao nhiêu?
- Này cháu trí tuệ, con lừa chỉ dùng kéo xe chở đồ mà thôi. Đáng giá tám đồng hoặc tám lượng.
- Tâu ngựa tốt sinh ra từ lừa cái đáng giá nào?
- Này cháu trí tuệ ngựa đó vô giá.
- Tâu Hoàng thượng! Trước Hoàng thượng phán: Cha cao quý hơn con đủ mọi phương diện, thật vậy, con lừa này quý hơn ngựa hay. Vì con lừa này là cha của con ngựa hay. Phải vậy chăng tâu Hoàng thượng? Nếu Hoàng thượng cho rằng cha cao quý hơn con, thì xin Hoàng Thượng dùng cha tôi đi. Nếu con quý hơn cha thì Hoàng thượng dùng tôi. Trước Hoàng thượng dạy tôi phải đem ngựa hay đến dâng. Nay Hoàng thượng thấy rõ cha quý hơn con, thì Hoàng thượng bắt con lừa này dùng đi. Vì lừa này là cha của ngựa hay nhất, quý hơn ngựa tốt.

Nếu Hoàng thượng cho rằng ngựa hay hơn lừa thì Hoàng thượng dùng tôi. Bốn vị Giáo sư của Hoàng thượng đây, Hoàng thượng chọn từ đâu? Câu thai dễ dàng như thế mà tìm không ra, lại còn nhạo cười nữa ư?

Đức vua nghe thấy lấy làm cảm phục và rất vui thích. Các quan đại thần đều nhìn nhận Bồ Tát là bậc trí tuệ thật, đồng vỗ tay vang rền, các vị lại đem vật quý đến cúng dường.

Bốn vị giáo sư tỏ vẻ buồn thiu, hổ ngroi, gục đầu.

Từ đó Đức vua thưởng cho ông triệu phú Sirivada và một ngàn tiểu phú gia được trọn quyền hưởng lộc trong huyện cư ngụ. Đức vua không quên đem ba vật báu đến cho mẹ Đức Bồ Tát, và xin Đức Bồ Tát làm hoàng tử, ngự tại đền với Ngài.

Đức vua phán hỏi Bồ Tát:

- Này con! con vừa lòng ngự trong đền nội hay ở ngoài thành.
- Tâu! Hạ thần có rất nhiều tùy tùng, hạ thần xin ở thành ngoài.

Đức vua bèn cho tạo dinh thự và ban thưởng đầy đủ vật dụng cho Bồ Tát được an vui luôn cả một ngàn thiếu nam theo hầu hạ Đức Bồ Tát.

NGỌC HIỆN TRÊN MẶT HỒ SEN

Một ngày nọ, dân chúng thấy ánh sáng ngọc Mani hiện trong ao sen, liền tâu lên Đức vua.

Đức vua bèn truyền đòi bốn vị giáo sư để tìm ngọc Mani. Họ dạy tát nước ao cho cạn để lấy ngọc, nhưng chẳng thấy ngọc.

Đức vua bèn hỏi Bồ Tát:

- Có thể tìm được chăng?
- Tâu muốn lấy ngọc Mani không khó, xin thỉnh phụ vương đến đó cùng tôi.

Đức Bồ Tát đến mé ao đứng quan sát thấy ngọc Mani trên đọt cây thốt nốt, tâu vua:

- Ngọc Mani không có trong ao nước.
- Có sao có ánh sáng trong nước mà con nói không có ngọc trong đó?

Đức Bồ Tát bèn dạy người đem một mâm nước đầy để tại nơi đó, rồi thỉnh Đức vua đến xem, Ngài thấy ngọc Mani như thấy trong ao, rồi Đức vua hỏi:

- Tại sao nói không có ngọc Mani trong ao?
- Tâu, ngọc Mani có tại trong một ổ quạ trên cây thốt nốt.

Rồi Đức Bồ Tát bảo người leo lên cây thốt nốt gần phía đông ao nước lấy ngọc Mani trong ổ quạ đem xuống dâng cho Đức vua.

Công chúng đồng hoan hô khen ngợi Đức Bồ Tát và trách bốn vị giáo sư kia bảo người tát ao rất nhọc nhằn, mất công vô ích, thật không có bậc trí tuệ nào sánh bằng Bồ Tát đâu.

Đức vua rất thỏa mãn, ban thưởng ngọc báu, đang đeo trong mình cho Bồ Tát, còn ngọc Mani vừa tìm được thì Đức vua tặng cho một ngàn thiếu nam tùy tùng của Bồ Tát.

Đức vua dạy Bồ Tát mỗi khi vào triều phải trang điểm bằng ngọc báu này, và phong Bồ Tát làm Đại tướng.

VÌ CỔ ĐEO TIỀN MÀ CÁC KÈ SINH TỰ ĐẮC

Một hôm, Đức vua cùng triều thần đi ngắm cảnh, Đức vua chợt thấy một con các kê to từ ngọn cây bò xuống, thấy Đức vua nó liền gật đầu.

Đức vua hỏi Bồ Tát:

- Con các kê làm gì đó?
- Tâu nó làm lễ Hoàng Thượng.

Đức vua rất hoan hỷ, bèn dạy mỗi ngày xuất tiền mua thịt cho nó ăn.

Đến ngày Bát quan trai mua không được thịt, người nuôi nó lấy tiền đáng giá mua thịt cho nó ăn buộc vào cổ nó.

Từ đó con tắc kê tự đắc vì có tiền.

Ngày sau Đức vua ngự đến, thấy con tắc kê bò xuống nó ngóc đầu lên coi bộ tự đắc. Đức vua hỏi Bồ Tát:

- Thế là sao?
- Tâu vì con các kè nương nhờ có tiền.

Ngày Bát quan trai, người nuôi nó không mua không được thịt nên đem quan tiền buộc vào cổ nó, rồi nó ỷ lại như thế.

Đức vua bất bình dạy người đánh đuổi nó đi. Con các kè cũng chỉ vì ỷ lại tự đắc mà phải chịu khổ.

CHUYỆN ANH CHÀNG THAM ĂN VỚI VỢ

Có một học sinh của vị giáo sư trú danh Disapa tên là Pingutta vừa lòng thầy nên thầy gả con gái cho. Cô thiếu nữ này rất đẹp. Nhưng Pingutta là người xấu số, nên khi về với vợ khiến anh không vừa ý vợ, không chịu đồng tịch đồng sàng với vợ, bởi anh là người ít phước.

Cách một tuần sau khi đã làm lễ thành hôn. Anh Pingutta xin phép cha mẹ vợ trở về xứ. Đi đường xa mệt nhọc anh đói khát gặp một cây sung có trái chín. Anh bèn leo lên bẻ trái ăn. Vợ ở dưới xin vài trái ăn, anh nói:

- Vậy có chân tay để làm gì?

Vợ biết chồng không cho, nàng phải trèo lên để kiếm ăn. Anh chồng thấy thế, lén lẩn xuống đến gốc lấy gai chắt chung quanh cây sung, rồi bỏ đi mất. Vợ anh xuống không được kêu la, khóc kể. Hạnh phúc cho nàng, ngày ấy có Đức vua ngự đi ngoạn cảnh nghe người than khóc, bèn dạy quan quân đi tìm xem và hỏi thăm, rồi đem nàng về phong làm Hoàng hậu.

Ngày khác, Đức vua ngự đi ra khỏi thành, hai bên dân gian lo quét dọn. Lúc ấy, Hoàng hậu thấy anh Pingutta chồng cũ đang cầm cùi quét đường, Hoàng hậu cười.

Đức vua thấy bèn hỏi:

- Có sao Hậu cười?
- Tâu vì thần thiếp thấy chồng cũ bỏ thần thiếp, rồi hôm nay phải bị làm công việc như vậy nên cười.

Đức vua nghe tâu không tin cho, nên Ngài thịnh nộ rút gươm cầm trong tay và Đức vua hỏi ý kiến bốn vị giáo sư.

Bốn vị giáo sư tâu rằng:

- Tâu, chẳng nên tin lời phụ nữ, chúng tôi chưa từng thấy người nào có vợ xinh đẹp như vậy mà từ bỏ cho đành.

Đức vua liền hỏi Bồ Tát, Bồ Tát nói:

- Tâu, lệ thường, kẻ có tội với người hữu phước xa nhau lắm, cũng như trời với đất, hoặc như bờ biển đây với bờ biển kia. Kẻ có tội hoặc ít phước không bao giờ ở chung cùng người đại phước được, lời của lệnh Hoàng hậu rất đúng.

Đức vua nghe hữu lý nên nói:

- Nhờ con trẫm là Mahosatha mà trẫm được Hậu, bằng ta nghe lời bốn vị giáo sư kia thì đã giết Hậu rồi. Nghĩ thế nên phát tâm hoan hỷ và ban thưởng cho Đức Bồ Tát rất nhiều báu vật.

Bà Hoàng Hậu nghĩ:

- Nhờ có Mahosatha nên mệnh ta mới còn, thật là bậc ân nhân của ta.

Lập tức Hoàng hậu quỳ tâu Đức vua cho phép từ đây bà xin Mahosatha làm em ruột. Bao giờ bà có vật chi quý báu hoặc cao lương mỹ vị, bà được phép biếu cho Mahosatha là em bất kỳ là giờ phút nào. Đức vua hoan hỷ phê chuẩn, và từ đây Hoàng hậu thường ban cấp cho Bồ Tát những vật quý giá và không bao giờ dám quên ơn cứu tử.

CHÓ ĂN CỎ - DÊ ĂN THỊT

Có một ngày Bát quan trai, Đức vua lên từng lầu cao đi kinh hành, thấy có một con chó và một con dê. Dê đi ăn cỏ dành chỗ cho voi, bị nài voi đánh đập, dê bỏ chạy trốn, bị nài voi liệng đá nhằm lưng quá đau, dê lét đến nằm dựa vách tường thành.

Chó cũng lên vào ăn thịt cá trong nhà bếp, bị đánh đập què giò. Chó chạy trốn đến vách tường thành, gặp dê cũng nằm tại đó.

Dê hỏi chó:

- Vì sao anh bị như thế?

Chó thuật lại cho dê nghe rồi hỏi:

- Còn anh do nhân nào mà nằm tại đây?

Dê cũng tỏ cho chó nghe tự sự. Rồi dê và chó cùng bàn nhau làm thế nào nuôi sống cho dễ dàng, bằng không sẽ bị chết đói.

Dê bày mưu:

- Bây giờ tôi phải vào nhà bếp trộm thịt cá về cho anh, còn anh thì đi ăn cắp cỏ về cho tôi, hai ta sẽ đổi thực phẩm cho nhau mà ăn thì lưỡng tiện lắm.

Tính xong dê và chó đồng ưng thuận làm theo kế đó nên được an vui. Vì mấy người nấu ăn đâu sợ dê ăn thịt, cá mà gìn giữ, nên dê dễ trộm được thịt cá. Về phần nài voi thấy chó

đến thì nào có để ý sợ chó trộm cỏ, vì thế mà chó trộm cỏ không khó. Từ đấy dê và chó kết bạn rất thân thiết.

Đức vua thấy chuyện thế sáng ra nhập trào. Ngài có ra câu đố cho bốn vị giáo sư phán xét:

- Trẫm hỏi bốn khanh trong đời có loài thú nào nghịch cùng nhau mà trở thành thân thiết với nhau không? Nếu khanh nào đoán không ra, trẫm sẽ đuổi ra khỏi thành.

Nghe Đức vua ra câu đố thật là mắc mớ, một trong bốn vị giáo sư là Senaka bèn tâu xin qua ngày sau sẽ trả lời.

Đức vua phê chuẩn.

Về đến dinh, bốn vị giáo sư bàn tính mãi mà vẫn chưa tìm ra, nên đồng quyết định kỳ này phải qua yêu cầu Đức Bò Tát chỉ dạy và không dám tự hào nữa.

Về phần Đức Bò Tát Ngài nghĩ rằng:

- Có lẽ vua thấy cái chi đây nên mới nghĩ ra câu đố này.

Ngài bèn vào thăm Hoàng hậu và tâu hỏi:

- Hôm qua lệnh bà có thấy vua ngự đến nơi nào không?

Hoàng hậu đáp:

- Hôm qua Hoàng thượng lên từng lầu cao đi kinh hành và ngự lãm phía dưới thành rất lâu.

Đức Bò Tát để bụng ngay. Khi ra khỏi cung nội, Ngài đi dò xét thấy dê và chó đang ăn cỏ về thân thiết lắm. Đức Bò Tát thấy như vậy hiểu rõ rằng:

- Dê và chó mật thiết nhau là do sự trao đổi thực phẩm cùng nhau. Nghĩ thế Ngài trở về dinh an nghỉ.

Về phần bốn vị giáo sư kia không ai tìm ra nổi câu đố của vua. Các ông cùng hội nhau tính cả ngày mà cũng chưa ra lẽ. Bất đắc dĩ, phải nhờ đến Đức Bò Tát chỉ dạy cho.

Đức Bò Tát nghĩ rằng:

- Nếu ta không thương xót họ thì họ sẽ bị Đức vua đuổi ra khỏi thành, vậy ta nên tế độ họ, rồi Ngài dạy mỗi vị học một câu kệ ngôn.

Qua ngày thứ hai cả bốn vị giáo sư vào chầu.

Đức vua phán hỏi bốn vị giáo sư kia:

- Này bậc trí tuệ, các khanh đã hiểu rõ câu đố chưa?

- Tâu, nếu chúng hạ thần không hiểu thì còn ai hiểu được?
- Vậy các khanh hãy trả lời cho trẫm nghe.
- Tâu xin hoàng thượng hãy lắng nghe. Tiếp đó mỗi vị đọc một câu kệ ngôn.

Đức vua không rõ ý nghĩa của câu kệ ngôn, nhưng vì là câu kệ nên cũng tin là phải. Đức vua bèn hỏi sang Đức Bồ Tát. Bồ Tát bèn tâu rằng:

- Tâu, dê chó là loài bốn chân, khi đi tha đồ ăn thì lên lút tha. Dê thì tha thịt cá về cho chó, chó thì lại tha cỏ về cho dê, rồi trao đổi nhau ăn. Lệnh Hoàng thượng ngự trên lầu cao đã thấy rõ hai con thú dê và chó làm bạn thân với nhau như thế.

Được nghe lời tâu của Đức Bồ Tát, Đức vua rất thỏa thích bèn ban thưởng tất cả năm vị trí tuệ rất nhiều báu vật đồng nhau.

Khi ấy Hoàng hậu Uduma mới hiểu rằng:

- Bốn vị giáo sư kia nhờ Bồ Tát mà trả lời được câu đố của Đức vua song Đức vua phải thưởng em trai ta nhiều hơn mới phải.

Thế rồi Hoàng hậu vào cung tâu cho Đức vua hay sự thật.

Đức vua nghe theo nên ban thưởng cho Bồ Tát nhiều hơn.

MỘT CUỘC THẢO LUẬN HÀO HỨNG

Ngày nọ, bốn vị giáo sư vào chầu, Đức vua phán hỏi:

- Trẫm muốn biết rõ trong đời này có hai hạng người: người giàu mà kém trí tuệ, và kẻ có trí tuệ nhưng lại nghèo, hai hạng này ai là hạng người cao quý hơn?

Giáo sư Senaka Acarya tâu:

- Theo hạ thần nghĩ thì người giàu quý hơn hết, trong đời này dù là người có trí tuệ bao nhiêu, làm quan đại thần hay con dòng sang cả mà nghèo thì cũng cần phải kính nể người giàu, làm tôi cho kẻ giàu sai khiến. Mặc người giàu có tật nguyên, điếc, câm v.v... cũng làm chủ kẻ khác được.

Nghe tâu, Đức vua liền hỏi Bồ Tát:

- Con hiểu thế nào?
- Tâu, kẻ ngu si vô trí tuệ khi có của nhiều thì say mê, dù là hạng người sang cả cũng thế, cho rằng ta là cao quý, rồi hằng gây những nghiệp dữ không hổ thẹn và không ghê sợ tội lỗi, ý nghĩa làm sao thì thi hành như vậy, cứ theo ý muốn của mình. Những kẻ tối tăm thường không thấy xa, chỉ biết trong kiếp hiện tại, không xét đến ngày vị lai nên tạo biết bao điều ác, sau khi tan rã ngũ uẩn sẽ sa trong ác đạo, rồi sinh lên cõi đời làm người nghèo hèn, khổ sở do các điều dữ đã tạo. Vì kẻ thiếu trí tuệ mới sa

đắm, trong tài sắc danh lợi. Tâu, tôi quan sát thấy như thế, mới hiểu rằng người có trí tuệ cao quý hơn.

Đức vua nghe xong, rồi hỏi lại Senaka Acarya:

- Khanh hiểu thế nào?
- Tâu, Mahosatha còn bé, miệng còn hôi sữa, biết gì, xin Hoàng thượng hãy nghe theo hạ thần. Không cần nói chi xa xôi như triệu phú Govinda, ông nghề chi cũng chẳng biết, con trai, con gái cũng chẳng không. Thân hình rất xấu xa, khi nói chuyện thì nước miếng tung chảy. Có hai nàng đẹp như ngọc nữ chực chờ dùng hoa sen xinh tươi chờ hứng nước miếng. Biết bao khách tới lui nườm nượp. Họ hết lòng tôn trọng, cho đến người sang cả cũng kính nể. Bấy nhiêu cũng tỏ rằng người có của là quý hơn bậc có trí tuệ.

Bồ Tát tâu:

- Senaka chẳng sáng suốt chỉ thấy gần, chỉ biết cái được mà không thấy cái mất, không quan sát chu đáo... Ví như chim quạ thấy cục cơm con người làm rớt, hoặc như chó thấy miếng thịt trong nồi quên đập nắp, không xem chừng mũi tên đã sẵn hay cây gậy họ sẽ bỏ lên đầu. Lệnh Hoàng thượng nên thẩm xét. Lệ thường kẻ có của mà vô trí tuệ, khi được vui thì hằng cầu thả vì không thấy được ba vạn vật là vô thường, khổ não và vô ngã. Chỉ biết say mê ngũ dục mãi mãi, không tưởng đến sự chết ngày mai. Kẻ tối tăm thiếu trí khi gặp khó, ai hại đến thì quên mình toan dấy dựa như cá bị liệng trên khô. Kẻ vô trí tuệ trong giờ hấp hối thì vật mình kêu khóc, thương tiếc vợ con, của cải, thân thuộc, quyền luyến trong vật dục. Nhớ đến các nghiệp ác đã tạo, rồi kinh sợ trong bốn ác đạo. Vì thế mà phải nóng nảy vật mình, bực tức khóc kể, sợ sa địa ngục, cũng vì thiếu trí tuệ.

Trái lại có trí tuệ hiểu rằng sinh ra trong nẻo luân hồi thì phải chịu luật tuần hoàn tử sinh, sinh tử là một công lệ không sao tránh khỏi được.

Tâu bệ hạ, hạ thần thấy rằng: người mà dính mắc trong của cải thì khó tránh được ác đạo không nơi nương tựa. Dù là vợ chồng con cái, thân thuộc, bạn bè, cũng không làm cho sự đau khổ được nhẹ nhàng, chỉ lấy mắt nhìn nhau mà chịu, không sao cứu vớt được...

Đức vua xoay qua hỏi Senaka:

- Mahosatha tâu như thế khanh nghĩ sao?
- Tâu, Mahosatha biết gì, hạ thần xin thí dụ:

Cây có trái hằng có loài điều thú thường lữ lượt bay đến kiếm ăn không dứt, thì người có của cũng hằng có người vãng lai đông đúc. Cho nên người đời chỉ có tiền của là hưởng hạnh phúc an vui. Còn kẻ dù có trí tuệ đến đâu mà nghèo thì không ai ngó đến. Do đó hạ thần tâu rằng người có của quý hơn kẻ có trí tuệ mà nghèo.

Đức vua liền xoay qua hỏi Mahosatha:

- Senaka tâu như vậy con nghĩ sao?
- Tâu hoàng thượng! Senaka giải như trẻ lên ba tuổi, thấy sao nói vậy. Kẻ vô trí tuệ ví như cây có trái độc, điều thú nào đến ăn quả sẽ khổ, khác chi người có của mà thiếu trí tuệ. Vì kẻ nào tới lui thân cận, họ sẽ chết tức là hư hao của cải, vì kẻ vô trí tuệ hay bày mưu kế để đoạt của người, chỉ tìm và làm việc bất chính là người ác mà không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. Sau khi thác sẽ xuống ác đạo, sẽ bị chịu khổ lâu đời, bị quỷ sứ hành hạ đánh đập, chém đâm bằng các vũ khí cháy đỏ vô cùng khổ sở. Đó cũng vì thiếu trí tuệ. Tâu Hoàng thượng người có trí tuệ là quý hơn.

Đức vua phán hỏi lại Senaka:

- Lời Mahosatha như thế khanh có đồng ý chăng?
- Tâu xin Hoàng thượng đừng tin lời Mahosatha. Hạ thần xin thí dụ: Nước của sông rạch, một khi đã chảy đến biển rồi, không còn tên cũ nữa. Người trí tuệ khi gặp kẻ giàu thì đành chịu lu mờ, không rõ rệt. Tồi xét như thế mới tâu rằng kẻ giàu quý hơn người trí tuệ là vậy.

Đức vua chưa vừa ý lại hỏi Mahosatha:

- Senaka giảng như thế con nghĩ sao?
- Tâu hoàng thượng chẳng nên nghe lời Senaka. Nước của các sông rạch lớn nhỏ chảy vào biển, biển giao tiếp nhau bằng lượng sóng nghe lẫn tăn, lách tách. Dù cho sóng có lực lượng đến đâu tạt vào bờ biển cũng dội lại, không vượt khỏi bờ biển được. Như kẻ ngu độn thiếu trí tuệ, tranh luận một điều gì với ai cũng chẳng lướt qua bậc trí tuệ. Những người thiếu học được biết tội phước, lợi hại, chính tà cũng nhờ nghe bậc trí tuệ là quý hơn.

Nghe rồi Đức vua xoay qua hỏi Senaka.

Senaka tâu rằng:

- Tâu lệnh Hoàng Thượng, chớ nên tin lời của Mahosatha. Kẻ giàu dù đi, đứng, ngồi trong nơi nào cũng có người kiêng nể, tiếp rước. Chuyện quây thành phải, chuyện phải ra quây, mặc dù là bất công.

Người có tiền sẽ được phần đông hưởng ứng, nói chi công chúng đều xu hướng theo. Thấy như vậy nên hạ thần tâu rằng người triệu phú cao quý hơn.

Đức vua bèn phán hỏi Mahosatha:

- Con nghĩ sao tâu cho trẫm rõ?
- Tâu, Senaka chỉ thấy trong kiếp hiện tại, là người thiếu trí thấy gần không ngó xa. Những người có của, vô trí tuệ đen nói trắng, trắng nói đen mà người đời cũng nghe theo, là vì phần đông là thiếu học. Họ nào có biết sẽ bị bậc hiền minh chỉ trích, đến khi thác còn phải chịu quỷ sứ hành hình nhiều kiếp trong địa ngục. Tiếng xấu còn lưu danh muôn thuở.

Đức vua lại hỏi Senaka:

- Còn khanh nghĩ sao?

Ông này tâu:

- Người trí tuệ có sự hiểu biết dày như địa cầu “dày hai ngàn bốn trăm do tuần (một do tuần bằng mười sáu cây số) mà nghèo thì nói lời hay cũng vô quả. Khi đến gần người có của thì ẩn bóng dầu hình, mắt mặt ví như đom đóm ánh sáng nhỏ không được rục rở khi mặt nhật mọc lên. Do đó nên hạ thần tâu rằng người có của cao quý nhất trên đời.

Đức vua nói với Mahosatha:

- Con nên giải cho trăm nghe thêm có được chăng?
- Tâu lệnh Hoàng thượng, Senaka là người không thấy xa hiểu rộng. Bậc trí tuệ thốt lời ngay thật mà không nói xuyên tạc theo ai. Bậc trí tuệ hằng được dân chúng ngợi khen và cúng dường bằng các vật báu giữa nơi đô hội. Người trí tuệ hằng quý lời nói ngay thật, sau khi mạng chung được tái sinh làm vua hoặc lên cõi trời. Vì thế nên tôi tâu rằng người có trí tuệ cao quý hơn.

Giáo sư Senaka tâu:

- Lời của Mahosatha vừa tâu, thánh thượng chẳng nên tin. Bò trâu, tôi trai, tở gái, các thanh nam nữ cho đến những ngọc mani xa cừ v.v... chỉ có trong dòng giới phú gia. Các loài thú cũng thường có đồng đúc để làm phương tiện vận tải.

Người có của hằng được thêm nhiều báu vật. Do đó, mà hạ thần mới gọi là kẻ giàu có quý hơn.

Đức vua quay qua hỏi Mahosatha.

Bồ Tát tâu rằng:

- Tâu, người không có trí tuệ, dù có nhiều của cũng khó gìn giữ được lâu dài, vì của cải phải bị tiêu mòn. Ví như loài rắn không thể giữ da được mà phải lột da bỏ lại. Những người chứa của được là phải có trí tuệ, nếu thiếu trí tuệ dù là triệu phú, của ấy cũng bị hao mòn. Vì thế hạ thần mới tâu rằng bậc trí tuệ hơn cả.

Đức vua bèn hỏi lại Senaka. Senaka thầm nghĩ:

- Lần này ta làm cho Mahosatha phải phục tùng ta mới được.

Nghĩ thế ông ta tâu:

- Tâu, tất cả chúng tôi đây hầu hạ chờ lệnh Hoàng thượng. Hoàng thượng là bậc cao quý lãnh đạo, chúng tôi là hàng có trí tuệ ví như Đức Đế Thích hay đàn áp chư tiên.

Nếu người có trí tuệ là quý, hà tất phải đến tôn sùng người có của như Hoàng thượng. Tâu, em Mahosatha chỉ đem kiếp vị lai để giải thuyết không thấy những lợi ích trong hiện tại. Thử hỏi, nếu người có trí tuệ là quý có sao lại vào hầu chực Thánh thượng như vậy?

Lời Senaka trình bày đây, nếu không phải là Bồ Tát thì khó mà suy tưởng sự lý, ngộ hầu giải đáp cho phân minh được. Mahosatha liền tâu:

- Giáo sư Senaka là người mù chỉ biết lợi danh trong đời mà quên đức tính thanh cao là trí tuệ. Kẻ vô trí tuệ khi gặp lo sợ, nan giải thì hằng nương nhờ vào bậc trí tuệ chỉ dẫn mới rõ đường tà nẻo chánh. Kẻ giàu thiếu trí tuệ hay mù quáng say mê ngũ dục rồi bị sa sút, bị người chê bai khinh rẻ. Lúc hữu sự thì tối tăm lo sợ, tìm nương vào bậc trí tuệ, cầu cho các ngài phá nghi và cứu vớt bằng tinh thần mới được an vui. Do đó mà bảo tồn tài sản được lâu dài. Như Hoàng thượng nhờ nương vào bậc trí tuệ nên không say mê trong của cải là nhân lỗi cuốn chúng sinh vào vòng sinh tử luân hồi. Do có trí tuệ mà sinh linh đắc đạo quả Niết bàn, thoát ly khổ hải.

Các bậc sáng suốt, nhất là Hoàng thượng hằng ngợi khen và tìm kiếm bậc trí tuệ. Các hàng thánh tử được khỏi luân hồi, hết phiền não cũng do trí tuệ. Như thế không gọi trí tuệ là cao quý hơn sao.

Đức vua nghe thế bèn hỏi lại Senaka:

- Còn lời chi trình bày nữa chăng?

Khi ấy giáo sư Senaka không còn biết chi để thi thố, nên gục mặt hổ thẹn làm thinh, Đức Bồ Tát Mahosatha bèn nói tiếp:

- Trí tuệ là một đức tính mà bậc cao nhân hằng ưa thích, tôn trọng. Kẻ vô trí tuệ hằng say mê của cải, quyền tước lợi danh. Bậc trí tuệ không quyến luyến vật chất, bởi đã quan sát thấy rõ ràng vật chất của cải hằng xúi dục con người gây nhiều tội lỗi, rồi phải bị trầm luân, là nhân sinh các thống khổ không sao tả xiết. Chỉ người trí tuệ, mới phán đoán, biết tìm phương pháp thoát khổ được. Không có chi đem so sánh với đức tính của trí tuệ được. Năng lực của cải không sao vượt khỏi trí tuệ. Nhận thấy thế nên hạ thân tâu rằng: trí tuệ cao quý nhất.

Đức vua nghe tâu lời hữu lý nên rất hoan hỷ, bèn ban thưởng nhiều báu vật hơn các lần trước.

TIÊN NỮ NGỘ THẦN ĐỒNG

Bà Hoàng hậu thấy em là Đức Bồ Tát nay đã lên mười sáu tuổi cần phải có người nội trợ để chăm non gia tài to tát, nên suy nghĩ tìm một tiểu thư xứng đáng để kết duyên lành cùng Bồ Tát. Bà bèn tâu lên Đức vua rõ. Đức vua khen phải và phán:

- Cần tỏ cho Mahosatha hay trước.

Khi Hoàng hậu cho Bồ Tát biết ý này, Bồ Tát liền tâu:

- Xin chờ ba ngày rồi sẽ tâu với Đức vua.

Đoạn Bồ Tát xin để tự mình đi tìm thanh nữ xứng đáng theo ý nguyện. Ngài ra cửa Bắc Môn rồi đi lần đến quận Uttaramaha.

Trong thuở đó, có một nhà trước kia là triệu phú, nay đã sa sút. Trong gia đình này có một thiếu nữ tên là Amara có đủ đức hạnh và hình dung xinh đẹp. Một hôm, sáng sớm cô thiếu nữ đem cháo dâng cho cha đang cấy ruộng. Bồ Tát đi đến thấy dung nhan của thiếu nữ xinh đẹp và tướng mạo đoan trang nên liền nghĩ thầm:

- Nếu nàng này chưa chồng thì đáng cho ta đem về làm nội trợ lắm.

Phân nàng thiếu nữ khi thấy Bồ Tát cũng thầm nghĩ:

- Nếu ta được người như vậy để nương bóng tùng quân thì đời ta sẽ được nhiều hạnh phúc, có nơi nương tựa vững vàng.

Thật là duyên nợ đưa đẩy cho hai người gặp nhau.

Bồ Tát nghĩ thầm không rõ ràng có nơi nào chưa?

Vậy ta nên thử thách nàng bằng cách ra cử chỉ để đó.

Ngài thừa cơ hội nàng liếc xem, Ngài ra dấu “nắm tay lại” đợi xem nàng có hiểu nổi ý mình không?

Nàng Amara thấy, biết Bồ Tát muốn hỏi mình có chồng chưa, nàng bèn xoa tay để đáp cử chỉ của Bồ Tát.

Bồ Tát hiểu rằng nàng chưa chồng. Bồ Tát bèn bước lại gần và hỏi:

- Xin lỗi nàng, quý danh nàng là chi?
- Thừa cái chi không có trong quá khứ vị lai hiện tại, cái ấy là tên của tôi.
- Này cô! Tình trạng bất diệt là cái không có trong quá khứ vị lai hiện tại, như vậy quý danh của cô là Amara phải không?
- Vâng tôi tên là Amara.
- Bây giờ đây cô đem cháo cho ai?
- Thừa đem cho bậc tiền thân Pubbadeva.
- Này cô tiền thân tức là cha mẹ. Vậy có phải cô đem dâng cháo cho thân phụ của cô không?
- Thừa phải.
- Thân phụ của cô làm nghề gì?
- Cha tôi làm ở nơi một thành hai.
- Ở nơi “một thành hai” đó ám chỉ là nghề cấy ruộng. Có phải thân phụ của cô là nông phu chăng? Và cấy ruộng nơi nào?
- Vâng thân phụ của tôi cấy ruộng nơi có “đi không trở lại”
- Nơi “đi không trở lại” đó là tha ma, mộ địa, có phải vậy chăng?

- Vâng đúng lắm.
- Hôm nay cô đi rồi trở lại chẳng?
- Thưa nếu một cái đã đến thì tôi không trở về, và một cái nếu chưa đến thì tôi trở về.
- Này cô! Thân phụ cô cày gần mé nước, nước lên nhiều thì cô không trở về, nếu nước nhỏ thì cô trở về phải không?
- Thưa phải.

Nói xong nàng mời Bồ Tát dùng cháo. Bồ Tát nghĩ nếu không dùng cháo thì thất lễ, vậy ta nên dùng cháo chút ít. Bồ Tát bèn nhận lời mời của nàng.

Nàng Amara để cháo trên đất.

Bồ Tát nghĩ: nếu nàng dâng cháo mà không dâng nước thì ta không dùng.

Nàng Amara hiểu ý dâng luôn nước. Nàng dành phần riêng cho cha nàng, còn phần của nàng thì để ra mâm dâng cho Bồ Tát dùng.

Khi dùng xong, Bồ Tát rửa tay và nói:

- Tôi mong được biết nhà cô, xin cô vui lòng chỉ đường cho tôi.

Nàng Amara liền chỉ đường bằng câu đố:

- Thưa, quán bán chè, quán bán nước cam và cây có lá hai tầng ở trong nơi nào, đó là con đường đi đến quận Uttara Majhagama.

Nàng dùng tay mặt cầm cháo mà chỉ. Xong nàng cáo từ đem dâng cháo cho cha nàng.

Bồ Tát nhận rõ đường đi đến nhà nàng Amara trước hết gặp quán bán chè, kế quán bán nước cam, rồi gặp cây có lá hai tầng, đứng xem thì thấy ngã hai, dùng theo nẻo bên trái mà nên đi bên phải. Bồ Tát bèn đi theo câu đố của Amara.

CUỘC TÌNH DUYÊN HOA GÁM

Thân mẫu của nàng, thấy Bồ Tát là người có tướng mạo đoan trang đến nhà nên mừng rỡ, bà dọn chỗ mời Bồ Tát ngồi và dâng cháo.

Bồ Tát nói:

- Nàng Amara đã có cho tôi dùng chút ít rồi.

Mẹ nàng Amara hiểu rằng chàng đến với mục đích được con gái của bà.

Đức Bồ Tát hiểu rõ hoàn cảnh sa sút của gia đình nàng Amara. Bồ Tát xin ở trọ nhà ấy và thưa rằng:

- Thưa mẹ, tôi là người thợ may, vá và mạng y phục. Vậy nhà mẹ có y phục rách thì đem ra cho tôi mạng vá cho.

- Này con mẹ có y phục rách nhiều cần phải vá mạng song mẹ không có chi trả công.
- Con chỉ mạng vá không lấy tiền. Xin mẹ đừng ngại chi.\

Mẹ nàng Amara liền mang rất nhiều y phục rách trong nhà đem ra đưa cho Bồ Tát vá, mạng được hoàn bị theo trí tuệ của Ngài. Khi vá mạng xong Bồ Tát yêu cầu:

- Xin mẹ cho hàng xóm hay những người nào có y phục cũ rách đem đến cho con lành vá mạng luôn cho.

Chúng dân nghe như thế mang rất nhiều y phục đến cho Bồ Tát vá mạng. Trọn ngày ấy, Bồ Tát mạng vá được tiền một trăm lượng.

Đến bữa cơm tối, thì cha nàng Amara và nàng trở về đến nhà. Dùng cơm xong, Bồ Tát bèn lay tạ song thân của nàng Amara và xin đính hôn cùng nàng Amara.

Cha mẹ nàng đồng ý và hoan hỷ nhận lời.

Sáng hôm sau, Bồ Tát dạy vợ lấy nửa cân gạo làm ba món ăn: cơm, cháo, và bánh.

Nàng vâng lời làm theo ý chồng, khi làm xong nàng đem dâng đến Bồ Tát. Đồ nấu thật ngon, nhưng Bồ Tát giả bộ chê trách: nàng dâng cháo, Bồ Tát ném một chút rồi đổ trên đất.

Nàng Amara thưa:

- Nếu anh dùng cháo không vừa miệng xin dùng cơm.

Bồ Tát ngửi hơi cơm rồi chê.

Nàng nói:

- Xin anh dùng bánh.

Bồ Tát thọ thử chút ít rồi quở trách liệng bỏ và nói:

- Thế là nàng không lành nghề nấu ăn.

Nàng Amara cũng không buồn.

Cư ngụ được ba ngày, Đức Bồ Tát bèn đem hai ngàn lượng bạc đến dâng cho nhạc gia và thưa:

- Tôi xin dâng chút ít này để nhạc gia chi dụng đỡ.

Rồi tôi sẽ tùy tiện phụng dưỡng song thân được an vui trọn đời. Nay tôi xin đem nàng Amara cùng tôi ra đi, xin nhạc gia hoan hỷ.

Hai ông bà đều vui lòng chấp nhận.

Khi Bồ Tát dẫn vợ về đến kinh đô Mithila, Ngài gởi vợ cho môn quan. Vào dinh, Ngài bèn dạy hai thiếu nam ăn mặc sang trọng, tỏ ra con nhà triệu phú đến trêu ghẹo thử ý vợ ngài.

Hai thanh nam tuân theo lời Bồ Tát. Tìm đủ cách để thử thách nàng Amara, nhưng vô hiệu quả nên trở về dinh cho Bồ Tát rõ. Ngài bèn cho người dẫn nàng Amara vào dinh của Ngài. Nàng vào thấy toàn nhà cao sang lộng lẫy nhưng không rõ là nhà của Bồ Tát. Nàng bèn cười rồi khóc.

Bồ Tát hỏi: - Vì sao nàng cười rồi lại khóc?

- Tôi cười bởi kiếp trước khéo tu nên nay người mới được cao sang như vậy, nghĩ đến cái phước của người nên tôi mới cười, còn tôi khóc vì người ý quyền cao sang tước trọng mà bóc lột lương dân, cưỡng bách vợ người làm điều ác, ắt sa đọa trong ác đạo chẳng sai.

Bồ Tát nghe qua khen nàng là người chân chính, rồi Ngài dạy đem nàng giao lại cho môn quan, và Ngài vào đền tâu cho Hoàng hậu rõ: ngài đã chọn được vợ hiền.

Hoàng hậu liền tâu cho vua hay, rồi sắm sang hôn lễ đầy đủ cao sang, đến rước nàng Amara vào dinh Bồ Tát.

Từ Đức vua, Hoàng hậu cho đến dân gian thấy đều vui mừng phi dạ, chúc tặng quà sính lễ nhiều không kể xiết.

Nàng Amara chia số tặng vật kia làm hai phần: dâng lên vua một phần, còn một phần để riêng cho vợ chồng mình.

Bồ Tát nhờ vài vị quan trong triều về tận Uttara dâng lễ vật cho song thân nàng Amara và xin rước về kinh phụng dưỡng như cha mẹ ruột.

Môi tình giữa đôi tân hôn ngày thêm đẹp. Trên triều đình nhờ có sự giúp đỡ của Bồ Tát mà việc triều chính ngày thêm vững chắc, muôn dân sống trong an cư lạc nghiệp.

Bốn vị giáo sư kia là những kẻ bất tài lại bất chính càng ngày càng bộc lộ chân tướng nên chỉ trong thời gian sau bị đào thải. Để chứng minh rằng: chơn chánh chẳng bao giờ dời đổi, hung ác tà gian phải suy tàn! Đây mới là Phật Pháp thâm thâm nhiệm mầu vô cùng tận. Vậy người Phật tử cần nên đặt trọn niềm tin tưởng vào lý nhân quả mà Đức Phật thường dạy. Dùng Ánh Sáng Trí Tuệ mà phá tan màn vô minh tiến thẳng đến nơi vô sinh bất diệt là ĐẠI NIẾT BÀN.

Vi tính: Mỹ Giang & Quảng Hương
Sửa lỗi bản vi tính: Thanh Phi
Website: www.quangduc.com

Cập nhật: 01-04-2010